

NGUYỄN ĐỒNG DI

THỜI LINH BÌNH HỌC

NHÀ SÁCH KHAI TRÍ

62 LÊ LỢI - SÀI GÒN

Đông - Y - Sĩ **NGUYỄN ĐỒNG DI**

Giáo - Sư Đông - Y

Viện - Đại - Học **MINH-ĐỨC**

ĐÔNG - Y
THỜI LĨNH BÌNH HỌC

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

ĐÔI LỜI TRẦN TRỌNG GIỚI THIỂU

Cho đến nay, người ta thường vẫn cho rằng PHƯƠNG ĐÔNG chỉ có Đạo Học, Triết Học, Văn Học mà không có Khoa Học. Sự thực không phải như vậy. Phương Đông có một khoa học rất phong phú. Nhưng khoa học đó đã theo thời gian mà thất truyền dần cho đến hầu như không còn gì nữa. Chỉ bởi nguyên một lẽ giản dị, là: người Phương Đông tôn trọng Đạo Lý ở trên hết, và nên bác tôn sư mà không tìm được trong đám con cháu hay hậu sinh những người có tinh thần Đạo Đức xứng đáng, thì tuy nhiên không bao giờ truyền lại cho những bi quyết. Không phải cổ nhân ta chủ trương ngu dân, nhưng là chủ trương « Khoa học phải có lương tri ».

Thế kỷ 20 hiện đang chứng minh rằng quan niệm của người xưa bên Phương Đông là đúng. Chúng ta và nhân loại đang là nạn nhân của khoa học phương Tây, một thứ khoa học được phổ biến thiếu thận trọng đến tầm sử dụng của những kẻ thiếu lương tri khiến cho tất cả đều phải điêu linh trong thực trạng Việt Nam và trong viễn tượng thế giới của một cuộc tương tàn khốc khiếp giữa loài người với loài người.

Không kể đến Ấn Độ đã có một nền khoa học rất vững vàng, còn được gìn giữ trong kinh thư, bảo tri trong

các đền đài cồ kính heo húi, và đã từ chối không truyền lại cho người Anh cách đây non một trăm năm (đang là vào năm 1882), qua lá thư trung gian của nhà đạo sĩ nổi danh Koot Humi gửi cho ông Sinnett, đại diện cho giới trí thức người Anh (xin tìm đọc « Occult Word » của Sinnett, trang 85 đến 95, do nhà Trubner and Co, London, xuất bản năm 1883), TRUNG HOA cũng đã có một nền khoa học thực sự. Nền khoa học đó thất truyền cho đến nay đang được cả thế giới sưu tầm, khảo cứu rất công phu trong một tinh thần thần phục.

Trong phạm vi đóng góp phần của Phương Đông vào kho tàng văn hóa chung của nhân loại, những người chủ trương ĐÔNG TÂY KIM CỒ ĐỒNG NHẤT (unanimesme) trong Viện Đại Học MINH ĐỨC, nhất là trong Phân Khoa Y Học, tự cho mình có bổn phận sưu tầm, khảo cứu cồ thư của tiền nhân Phương Đông, phiên dịch và luận bình cùng đem đối chiếu với những kiến thức khoa học cận đại mà nguồn gốc phát huy từ Phương Tây. Chúng tôi không chủ trương một cuộc Tán Phục Hưng Phương Đông : chúng tôi chủ trương đem ánh sáng của Phương Đông đến cho những địa hạt còn mờ tối mà văn hóa Phương Tây không chiếu sáng được trọn vẹn. Con đường mà chúng tôi nghĩ rằng nhân loại sẽ có ngày tiến tới là những giá trị đồng nhất (valeurs unanimes), với định nghĩa rằng : những gì có ích lợi chung cho nhân loại, làm giàu, làm đẹp cho nhân loại, những gì giúp cho nhân loại hướng lên cao theo sự mạng lịch sự mà Thượng Đế đã an bài vạch sẵn, đều được đặt ngang hàng đầu với nhau và thuộc hẳn về kho tàng tinh thần chung của nhân loại không phân biệt xuất xứ.

Trên lập trường đó, chúng tôi rất vinh hạnh được

*trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc cuốn ĐÔNG Y THỜI LINH
BINH HỌC của Thời Đại Nhơn tiên sinh do cụ lang
NGUYỄN ĐỒNG DI, Giáo sư Đông Y thuộc Trường Y
Khoa Minh Đức phiên dịch, với ước mong quý bạn sẽ
đón nhận cuốn sách giá trị này như một viên gạch đầu
tiên của một cơ sở trường cửu là một nền Y KHOA ĐỒNG
NHẤT (Une Médecine Unanime) của nhân loại trong đó
VIỆT NAM và PHƯƠNG ĐÔNG vốn có một tiềm năng
thật vững vàng phong phú chỉ còn đợi thời cơ thuận
tiện để phát triển.*


Cần chi,
HOÀNG VĂN ĐỨC
Y khoa Bác sĩ,

Nguyên Chi Huy Trưởng Trường Quân Y SÀI-GÒN
Quyền Khoa Trưởng Y Khoa Đại Học MINH ĐỨC.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Lời nói đầu

ĐÔNG Y

THỜI LỊNH BỊNH HỌC

THỜI LỊNH BỊNH, là tên chung của các loại bệnh chứng bốn mùa cảm mạo, do sự thay đổi của sáu khí: PHONG, HÀN, THỦ, THẤP, TÁO, HỎA gây ra, mà sáu khí thì ký vượng theo bốn mùa, cho nên gọi là: BỊNH THỜI LỊNH.

Khi hậu mùa XUÂN hòa ấm, con người thường bệnh XUÂN ÔN, PHONG ÔN.

Khi hậu mùa HẠ nóng bức, con người thường bệnh NHIỆT, bệnh THỦ, bệnh PHỤC THỦ, bệnh THẤP ÔN.

Khi hậu mùa THU khô ráo, con người thường bệnh THU TÁO.

Khi hậu mùa ĐÔNG lạnh lẽo, con người thường bệnh PHONG ÔN và bệnh THƯƠNG HÀN.

Nhân vì khi hậu của bốn mùa có ẤM, NÓNG, MÁT (táo), LẠNH, bất đồng, nên tính chất của mỗi bệnh chứng tương đối sai biệt.

Đại khái chứng thương hàn cảm mạo theo bốn mùa, chẳng có bệnh chứng nào là không phát nóng. Cho nên

sách **Tổ Văn** luận về chứng phát nóng, nói : con người cảm nhiễm khí lạnh, thì sớm muộn gì cũng phát nóng. (Nhơn thương ư hàn giả, tắc vi phát nhiệt) — Các Y gia Đới Tấn, Đới Đường nói : Bệnh thương hàn cảm mạo, tức là bệnh **THỜI HẠNH**, bệnh **THIÊN HẠNH**, vì bệnh độc lưu hành tùy theo mùa, hoặc tùy theo địa phương mà phát tác. Thế thì thấy rõ : trong loại bệnh **THƯƠNG HẠN CẢM MẠO**, phần lớn kiêm có những bệnh thuộc về truyền nhiễm. Bởi khí hậu bốn mùa thay đổi, là cơ hội thuận lợi cho sự phát dục của vi khuẩn.

Thuyết Tam Phân Đánh Lập của nhà y học Âu Châu là Ông **BÁI ĐĂNG KHẢO PHỦ** (dịch âm) nói :

- 1) Tế khuẩn lên vào cơ thể con người.
- 2) Khí hậu không thích hợp với người, mà lại thích hợp với sự phát dục của tế khuẩn.
- 3) Cơ thể con người bạc nhược, không đủ sức phòng ngự tại bệnh.

Thiếu một trong ba điều trên đây, thì không thể gây được tật bệnh cho con người.

Ngày xưa, một y gia nước Mỹ là Ông **NHỈ LẬP PHÁP TY** (dịch âm), muốn thí nghiệm học thuyết của Ông **Bai Đăng Khảo Phủ** : thừa lúc trong người khỏe mạnh, Ông uống một chung nhỏ vi khuẩn của bệnh Hoắc Loan (choléra) mà vẫn bình yên như thường.

Trên đây là một bằng chứng cho thấy rõ ràng : khi hậu thiên nhiên, và sức đề kháng bệnh độc trong thân thể con người, đều có liên hệ với sự kiện kháng rất lớn. Nếu nói tật bệnh không liên hệ gì với khí hậu, thì chẳng

những không phù hợp với Đông Y, mà còn phản bội với Tây Y là khác.

Vả lại con người không thể tách rời khí hậu mà cảm thọ lấy bệnh truyền nhiễm, thì ý nghĩa BỆNH THỜI LINH do chịu ảnh hưởng khí hậu bốn mùa thay đổi mà phát tác lại càng thấy rõ.

Sách THỜI LINH BỆNH HỌC xác nhận vạn vật trong vũ trụ đều chịu ảnh hưởng khí hậu của bốn mùa thay đổi mà thay đổi theo, con người cũng là một vật trong vũ trụ, thì có lý nào không liên hệ gì với khí hậu, mà tự sống biệt lập được. Bởi vậy, bên ngoài thời tiết thay đổi, thì bên trong thân thể con người cũng phát sinh biến hóa tương đương. Cho nên đối với bệnh THƯƠNG HẠI CẢM MẠO, mặc dầu biết rõ kiểm soát bệnh tình truyền nhiễm lưu hành, nhưng không bao giờ luận trị theo thực chất tế khuẩn, mà chỉ căn cứ lấy một chữ PHONG : PHONG ÔN (nhiệt) PHONG THỦ, PHONG THẤP, PHONG TÁO, và PHONG HẠI làm tiêu biểu cho sự thay đổi của khí hậu bốn mùa, và nguyên tắc trị liệu. — Sau khi chẩn đoán, thăm dò bệnh nguyên, nghiên cứu bệnh lý, nhận thức chứng hậu, và tường sát bệnh tình, xác nhận trong bốn mùa bệnh ở mùa nào, trong sáu khi cảm nhiễm khi nào? chọn thuốc đối chứng gia giảm chữa trị, bệnh chứng lui, tự nhiên tế khuẩn lui theo. Bởi lẽ, cơ năng điều tiết bình hoành, sức khỏe phục hồi, thì tế khuẩn không còn đất dụng võ, (chánh khí vượng tắc tà khí tự trừ).

Sách này cố tránh những luận thuyết mơ hồ không thiết thực, chỉ áp dụng phương pháp khoa học chứng minh cho lời giải thích, kẻ đọc nhận thức dễ dàng, biến

*con đường chống gai trở nên bằng phẳng, giúp mọi người
đều có thể đến nhà vào buồng Ông Trương Trọng Cảnh.
Có họ hồi công phu, kinh nghiệm độc đáo, chữa khỏi được
bệnh trầm trọng, cứu sống được chúng hiềm nghèo rồi mới
biết yêu nghề, quý trọng sở học, đồng thời nhận thấy nhiệm
vụ phát huy Đông Y, chấn hưng Đông Y là bổn phận vậy.*

Đông Y Sĩ
NGUYỄN ĐỒNG DI
Giáo Sư Đông-Y
Viện Đại Học MINH-ĐỨC



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

ĐÔNG Y THỜI LỊNH BÌNH HỌC

Tăng đính những câu chuyện lật vạt, khi sách này được xuất bản lần thứ chín.

Sách này chú trọng trên điểm: chỉnh lý cổ hũn, dung quán tân tri. (Chỉnh lý chỗ sở học sẵn có của người xưa, dung hóa sự hiểu biết theo lối mới). Đó là hai đại nguyên tắc mà kẻ biên đính sách Thời Linh Bình Học cho là: áp dụng lấy phương pháp Khoa học, vào việc cải tiến ngành Y Học Cổ Truyền vậy.

Sách này xuất bản từ năm 1930 đến nay, trải qua đã chín lần tái bản. Mỗi lần tái bản, đều có biên đính thêm những ý kiến mới. Mặc dầu bỏ tức nhiều lần, song nhận thấy nội dung vẫn còn nhiều chỗ khuyết điểm. Chờ đến lần xuất bản thứ mười tới đây, soạn giả nhất định sẽ chỉnh lý lại toàn diện, đồng thời kiểm thảo lại những ý kiến mà đa số độc giả hôm qua, có kẻ khen người chê như sau:

Kẻ khen thì:

1.— Cho là Bình Thương Hàn và Bình Ôn, là hai tiêu điểm tranh chấp mà dung hội lại với nhau được, là một điều phát minh rất lớn lao đối với ngành Đông Y Dược Học vậy.

2. — Thành kiến sáu kinh (lục kinh) trong sách *Thương Hàn Luận*, là một cạm bẫy (bẫy) của ngành Đông Y Dược Học, ai lọt vào trong cạm bẫy ấy, thì suốt cả đời không mong gì trời đầu lên được. Sách này hóa con đường cạm bẫy, trở nên con đường bằng phẳng, giúp cho mọi người đều vào lọt trong tòa nhà của ông Trương Trọng Cảnh cách rất dễ dàng, không còn quan niệm sách *Thương Hàn Luận* là thần bí nữa.

3. — Sau khi dùng phương pháp khoa học chính lý lại, khiến cho thuyết *Ấn Dương, Ngũ Hành* của ngành *Y Học Cổ Truyền*, mấy ngàn năm bị chôn vùi trong chồng giấy cũ, không còn mấy may biểu hiện cái bộ mặt bẽ lẽn, với sự kính nghiêm đọc đáo của nó. Nghiễm nhiên cùng *Tây Y Học* tính da tề khu vậy.

Kẻ chê thì: cho là luận điệu của sách này quá ư cũ rích, mất hết thời đại tính, sẽ có ý kiến đối với chỗ cũ rích ấy như sau :

Cũ rích ở chỗ nào ? Nhon vì sách này đối với các bệnh chứng *phát nóng ôn lạnh*, chỉ nói do sự diễm tiết và phóng tán của thể ôn phát sanh chứng ngại mà gây ra. Không hề đề cập đến nguyên nhơn, sau khi bị tế khuẩn xâm nhập vào thân thể, tế khuẩn phân bí độc tố, cùng lâm ba dịch và bạch huyết cầu ở trong thân thể tranh đấu lẫn nhau, mà phát sanh nóng lạnh. Vì chỗ kiến giải không phù hợp, là một điều quá ư cũ rích vậy.

Thầy thuốc hiện thời, đều nhìn nhận sách *Thương Hàn Luận* là bao quát tất cả các bệnh chứng *cấp tính truyền nhiễm*, tự nhận cho là lời nói này không thể

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

sai lầm. Mà chỗ chủ trương của sách này lại không phù hợp, là hai điều quá ư cũ rích vậy.

Bệnh Xuân Ôn, bệnh Phong Ôn, bệnh Thu Táo, ba chứng bệnh này, xét lại trong sách Tây Y thì không phù hợp nhau, nên cho là quá ư cũ rích. Là ba điều quá ư cũ rích vậy.

Lấy ba lý do trên đây, để trách bị sách này quá ư cũ rích, bạn đọc có thể nhận thấy rõ ràng sau khi đọc qua nội dung của nó, bất tất phải biện luận nhiều lời. Ở đây, trước hết tôi chép lại một đoạn văn trong lời Tựa, mà chính tay tôi biên ở đầu sách *Nội-khoa học*, khi bạn đọc duyệt qua, sẽ nghiệm thấy sách này cũ mới thế nào. (Sau đây là đoạn văn trong lời tựa của sách *Nội-Khoa Học*.)

« Sách *Thương Hàn Luận* bao quát cả bệnh chứng Bốn Mùa Cảm Mạo, chứng *Thương Hàn*, Ôn bệnh là nghĩa hẹp của Bệnh chánh *Thương Hàn*. Hồi gần đây, lại xác nhận sách *Thương Hàn Luận* bao quát tất cả Bệnh Truyền Nhiễm.— Riêng tôi thì nhận định: Bốn mùa cảm mạo, *Thương Hàn*, Ôn Bệnh, đều đồng một tinh chất tất bệnh, trải qua sự truyền biến đại khái cũng giống nhau. Cho nên có thể nhập chung lại mà luận trị.— Còn như bệnh Cấp Tính truyền nhiễm, thì mỗi một bệnh hình, và sự truyền biến trải qua, đều không giống nhau, nên phương pháp trị liệu có nghi có kỵ. Nếu lấy phương pháp sách *Thương Hàn Luận* ấn định vào nhãn mục của người đời sau, cho là: Chuyên trị Bệnh Cấp Tính Truyền Nhiễm, thì e không phải đường lối chánh đáng của nhà nghiên cứu y học.

Người san xác nhận sách Thương Hàn Luận bao quát nhưt thiết các Bệnh Truyền Nhiễm Cấp Tính, là vì họ căn cứ theo lời Tựa của sách Thương Hàn Luận nói: «余家族素多, 向餘數百, 建安以來, 尤未十餘, 死亡三分之二, 傷寒十居其七, 咸位昔之淪亡. 傷橫天之莫救: dư tôn tộc tổ đa, hưởng dư sồ bách, Kiến An dĩ lai, do vị thập nằm, tử vong tam phần chi nhị, Thương Hàn thập cư kỳ thất, cảm vãng tích chi lôn vong, thương hoành yểu chi mạp cứu » (dòng họ tôi vốn đông đảo, về trước hơn hai ba trăm người, từ niên hiện Kiến An đến nay, chưa đầy mười năm, chết mất hết hai phần ba, hết bảy phần mười chết vì Bệnh Thương Hàn. Cảm cảnh chết chóc đã qua, chết ngang chết yểu mà không thuốc cứu chữa!).

Đối với hiện tượng trên, có thể quyết định được, trong sự bệnh hoạn chết chóc của dòng họ ông Trương Trọng Cảnh, hàm có tính chất của bệnh truyền nhiễm; nên mới xem sách Thương Hàn Luận là chuyên thư luận trị về Bệnh Truyền Nhiễm.

Theo chỗ siển kiến tôi, thì nhận thấy: căn cứ theo lời tựa trên đây, có thể đoán ngay trong các bệnh chứng này tất phải kèm có Tính Chất của Bệnh Truyền Nhiễm. Nhưng không thể xem sách này (Thương Hàn Luận) là chuyên thư chữa trị Bệnh Truyền nhiễm. Bởi vì phương pháp chữa trị Bệnh Truyền nhiễm, tất phải y cứ theo chỗ trải qua của bệnh thể, tùy cơ ứng biến, còn e chưa được chu đáo. Hướng chỉ trong sách Thương Hàn Luận, nêu ra phép trị thì chỉ có: Phép Hãn, Phép Thanh, Phép Thở, Phép Hạ, Phép Ôn, năm phép mà thôi. Nếu lấy năm phép này

làm chuẩn thẳng cho phương pháp trị liệu Bình Truyền Nhiễm, thì e không phù hợp.

Như Chứng Ban Chẩn, tức phải dùng thuốc thanh thẩu, (thuốc mát làm cho Ban mau mọc ra); Chứng Trại Giống (Đậu Mưa) rất kỵ dùng thuốc thối nhiệt; Chứng Trường Nhiệt thì không nên dùng thuốc công phạt mạnh; Chứng Nào Mạc Viêm tất phải dùng thuốc giải độc. Phương pháp chữa trị các chứng bệnh này, mà tìm ở Thương Hàn Luận, thì hoàn toàn không thể có được. Thuốc ở một đường, mà bệnh ở một nẻo, thì không tài nào tránh khỏi sự lầm lẫn.

Người sau này nhận sách Thương Hàn Luận là chuyên thơ chữa trị Bệnh Truyền Nhiễm, là vì thấy trong lời tựa văn của sách này nói: Dòng họ của ông Trương Trọng Cảnh chết mất quá nhiều, nên in trị là chết vì Bệnh Cấp Tính Truyền Nhiễm, đó là thuốc về dạy tâm. — Riêng tôi nhận thấy: Phương pháp chữa trị của sách Thương Hàn Luận đem áp dụng vào việc chữa trị Bệnh Cấp Tính Truyền Nhiễm, thì tuyệt đối chưa đủ, là bằng cứ trên sự thực vậy.

Ông Trương Cảnh tự biên lời tựa nói: Từ niên hiên Kiến An về sau, không đầy mười năm, mà số người chết vì Bệnh Thương Hàn rất đông. Do duyên cớ ấy, mà ông mới: cố gắng nghiên khảo những lời cổ huấn, gom góp các phương dược (ăn cầu cổ huấn, bác tập phương): 勤求古訓, 博採衆方) xem đoạn văn này, có thể chứng minh, đương lúc dòng họ của ông Trương Trọng Cảnh bị bệnh hoạn chết chóc, vì bệnh Thương hàn truyền

nhhiễm, thì ông chưa học thuốc, chỉ khoanh tay ngồi ngó, mà không biết cách gì cứu chữa, hoặc chữa trị sai lầm? Về sau ông mới gia công đọc sách (cần cầu cổ huấn, bác thể chúng phương).

Đủ thấy, dòng họ ông bị chết mất với Bệnh Thương Hàn là việc từ trước; mà ông phát phần gia công nghiên khảo các lời cổ huấn, gom góp các phương dược, tìm hiểu Y Học là việc về sau. Trong lời tựa ông tự thuật: từ khi Bệnh Thương Hàn xảy ra, dĩ chi san khi « gom góp các phương dược » có phải chẳng phù hợp nhau? Nheo vì trong dòng họ ông mắc Bệnh Thương Hàn, chết mất đã lâu rồi, mà lúc đó ông không có cách gì cứu chữa, để chứng minh cho đoạn văn này.

Do đấy, tôi có thể đoán biết được: Trong lời Tựa của ông Trọng Cảnh tự thuật về Bệnh Thương Hàn, có thể hàm có tinh chất của Bệnh Truyền Nhiễm ở trong. Hiện tại, như áp dụng những phương dược trong sách Thương Hàn Luận, để chữa trị tất cả các Chứng Cấp Tính Truyền Nhiễm, thì tuyệt đối không đầy đủ. Cần phải tham khảo thêm: Sách Cấp Tính Truyền Nhiễm Bệnh Học, và sách Thời Lệnh Bệnh Học, hai sách mà tôi vừa soạn xong, để bổ túc, thì có phần đầy đủ hơn.

Các Thầy thuốc ở thị thành không nghiên cứu kỹ, nhận Sách Thương Hàn Luận là: Chuyên thơ chủ trị về Bệnh Truyền Nhiễm Cấp Tính, thật là lầm to.

Hiện nay, như các phương dược trong sách Thương Hàn Luận, áp dụng vào việc chữa trị các Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh, Thời Lệnh Bệnh, cũng cảm thấy không đầy

đủ rồi. Đông Y và Tây Y đối với Chứng Thương Hàn, tuy có chỗ hỗn đồng, ở sách này cũng đã chỉ rành.—
 Bệnh Thương Hàn của Đông Y, thì phát tác vào Mùa Đông :
 Bệnh Thương Hàn của Tây Y, thì lưu hành trong thời
 tháng 8, tháng 9; sự truyền biến của bệnh bình, đối
 với Chứng Phục Thử của Đông Y, đại khái giống nhau.
 Thầy thuốc ở chợ, cũng như Thầy thuốc ở vườn, đều
 cho Chứng Trường Nhiệt là : Bệnh Thương Hàn của Đông
 Y ; mà trên phương diện Y Học gần đây, cũng nói
 Chứng Trường Nhiệt là : Bệnh Thương Hàn. Văn Hiến xưa
 nay, luận về Bệnh Thương Hàn, có chỗ sai biệt nhau, là
 vì trong lúc « lâm sàng chẩn đoán » không lưu ý nghiên
 cứu căn thận vậy.

Nguyên lý phát sanh ra Bệnh Thương Hàn đối với
 Đông Y, người xưa cho là : Gốc (bản) của Kinh Thái
 Dương là lạnh, cái gốc lạnh của Kinh Thái Dương bị
 Thương Hại, cho nên phát Chứng Ôn Lạnh. Ngọn của
 Kinh Thái Dương vốn nóng, phần ngọn của Kinh Thái
 Dương bị thương hại, cho nên biến chứng Phát Nóng.

Theo chỗ thấy biết riêng tôi thì, các bệnh chứng-thuộc
 về Ba Kinh Dương là, do cơ năng Điều tiết và Phóng
 tán của thể ôn bị chứng ngại mà gây ra. Nhơn vì
 hình chứng biểu ra bên ngoài cho thấy có :

Ôn lạnh phát nóng (Thái Dương Kinh)

Lạnh nóng qua lại (Thiếu Dương Kinh)

Không ôn lạnh, chỉ phát nóng (Dương Minh Kinh).

Hình chứng mỗi kinh mỗi khác, không giống nhau.

Cho nên, khiên cương tấu hợp, mạng danh là : Nguyên nhân của các Bệnh Chứng ở Ba Kinh Dương.

Y Gia hiện tại thì xác nhận là : Do vi khuẩn xâm nhập vào máu, tế bào của lâm-ba-dịch và Bạch-Huyết-cầu ở trong máu, phát khởi tác dụng phản kháng, mà biến chứng *Nóng lạnh*. Căn cứ trên thuyết, tế khuẩn gây ra các bệnh, nên xác nhận Bệnh Thương Hàn của Đông Y, tức là Bệnh Truyền Nhiễm của Tây Y. Đa số các Y gia hiện đại, đều kiến giải như vậy. Riêng tôi đối với các loại bệnh này, sẽ giải thích như sau :

1.— Nhưn vì sau khi bị truyền nhiễm tế khuẩn, mới phát sanh các Bệnh Chứng Truyền Nhiễm, làm cứ lệ thứ nhất.

2.— Chưa bao giờ bị tế khuẩn xâm nhập, chỉ vì cơ năng điều tiết và phóng tán của thể ôn phát sanh chứng ngại, mà biến chứng *Nóng Lạnh*, làm cứ lệ thứ hai.

(Bệnh Thời Lạnh : Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh các chứng) Nhứt định không thể chỉ võ đoán, là đều do tế khuẩn xâm nhập; mà phủ nhận trong ấy có một số bệnh, nguyên nhân do cơ năng điều tiết và phóng tán của thể ôn phát sanh chứng ngại. Giả sử chỉ mê chấp, duy có tế khuẩn mà thôi, thì tôi sẽ giải thích thêm một lần nữa như sau :

1.— Nếu nói: nguyên nhân gây ra tất bệnh là do tế khuẩn, thì tất phải chờ kiểm tra ra tế khuẩn, mới có thể lựa thuốc đối chứng đặc hiệu để chữa trị. Bằng

kiểm tra không ra tế khuẩn, thì không biết đường nào sắp đặt thuốc men cho việc chữa trị.

2. — Sự kiểm tra tế khuẩn, làm mất ngày giờ cách oan nặng. Cơ hội bệnh chứng còn nhẹ, có thể dùng thuốc chữa trị lành mạnh dễ dàng đã qua mất. Biết đâu, trong lúc Tây Y lo lui cui làm việc kiểm tra tế khuẩn.. nếu dùng thuốc Đông cứu chữa kịp thời, thì bệnh nhơn còn có thể cứu sống được !

3. — Khi kiểm tra đã biết được tế khuẩn rõ ràng; nhưng không có sẵn thuốc đặc hiệu để tiêu diệt bệnh khuẩn, khoanh tay ngồi nhìn bệnh độc tiến hành, vô phương chữa trị, thật là khổ tâm vô cùng !

Năm 1939, tôi ngụ ở Tỉnh Vân Nam, Chợ Côn Minh, có một viên chức nọ giúp việc ở Bưu Cục, mắc Chứng Tinh Hồng Nhiệt (1), vào năm bệnh, trong Y Viện Cam Mỹ của người Pháp. Các Chứng Ban Đỏ và vết hầu sưng đau vừa tạm bớt. Cách vài hôm sau, bất tỉnh linh, tiếng còi báo động rú lên, các bệnh nhơn đều chạy hoảng ra ngoài, tìm nơi trốn núp. Chứng Tinh Hồng Nhiệt bị tái phát, nhưng hình chứng có nhiều thay đổi : Lạnh tít, nhiệt độ lên cao, dùng qua thuốc phát hãn, mà nóng vẫn không lụi, lồng ngực bứt rứt, ho hen không thông có nhiều đàm, miệng khô, chót lưỡi đỏ, trong họng hơi đau, ưa nhơn không buồn ăn, đêm ngủ không yên, đại tiện không thông, nước tiểu

(1) Tinh Hồng Nhiệt, là một loại bệnh do tiếp xúc mà bị truyền nhiễm, bệnh nhơn ở đầu cuồng họng sưng đau, nhiệt độ rất cao; bộ cổ, bộ ngực mọc lên nổi mưng mọt lấm tẩm màu đỏ, rồi lần hồi mọc lan khắp cả người.

vàng đỏ. Trải qua ba ông Tây Y Bác Sĩ làm việc kiểm tra luôn mấy hôm, kết cuộc không tìm ra tế khuẩn. Bởi Bệnh Nguyên Khuẩn chưa kiểm tra xác thực, thì không quyết định được là bệnh chứng gì, để dùng thuốc chữa trị.

Sau lại, do một người trong thân, là ông Lầu Tồ Di giới thiệu, đến nhờ tôi chẩn trị. Trông qua hình chứng là đoán biết ngay là : Bệnh Phong Ôn. Dùng phương pháp trị liệu Bệnh Phong Ôn theo sách *Thời Linh Bệnh Học*, cho uống năm ba thang thuốc thì bệnh khỏi hẳn. Nếu cố chấp theo thông lệ *Kiểm tra tế khuẩn*, thì e cho chứng bệnh của ông này, hết phương cứu chữa !

Chính tôi mục kích chỗ khuyết điểm của Tây Y như trên, nên phải nỗ lực vào việc chỉnh lý Đồng Y. Việc làm trước nhất là : biên soạn bộ sách *Thời Linh Bệnh Học*. Đem những chỗ rắc rối từ xưa của Đồng Y ra, như : *Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh*, *sán kinh* (lục kinh), *ba phủ Tiêu* (tam tiêu), *phần Dinh*, *phần Vệ*, *phần Khí*, *phần Huyết*... giải quyết lại toàn bộ. Đồng thời đối với *Chứng Thương hàn ôn bệnh*, *chứng cảm mạo*, ở thời kỳ sơ phát, trung phát và sau cùng, đề ra biện sẵn những phương thuốc chữa trị rất thích đáng. Cung ứng đầy đủ phương tiện cho kẻ sơ học, khi thấy bệnh, thì hiểu ngay ra phương thuốc chữa trị, khiến cho sự đọc sách và nhận chứng dính lại thành một khối, nhìn bên trái, đoán bên phải, dần thấy rõ đâu là bệnh lý, đâu là y lý. Khỏi phải cái nạn ngăn cách mơ hồ.

Tiếp theo *Đồng Y Thời Linh Bệnh Học*, là sách *Đồng Y Cấp Tình Truyền Nhiễm Bệnh Học* : Sách này thoát

ly giới hạn sáu Kinh (tam Âm, tam dương), nội dung
kiếm có hai mươi ngoài Bình Chứng Cấp Tỉnh Truyền
Nhiễm, đều mang lấy một tính chất hoàn toàn độc lập.
Tùy theo sự diễn biến của mỗi bệnh tình, mà sắp đặt
phương pháp chữa trị cách thích ứng. Hoàn toàn lấy
phương được Đông Y làm chủ thể, để mở lấy một con
đường mới cho ngành Đông Y Dược Học.

Việc làm thứ ba là : Biên soạn sách Nội Khoa Học,
và sách Xử Phương Học, để hoàn thành công tác tất
yếu về loại sách Nội-Khoa Học vậy.

Đông Y cũng như Tây Y, đối với Bệnh Thương Hàn,
trải qua đều có một luận điệu lằng nhằng không rõ
ràng. Sách Thương Hàn Luận của Đông Y, có phải chăng
là: bao quát tất cả các Bệnh Truyền Nhiễm, và các
Bệnh Chứng Nội Khoa? Mỗi người nói mỗi khác, không
đáng làm tiêu chuẩn. Soạn giả cảm thấy có bốn phần
không thể từ chối, nên phải biện minh như sau: Kê
học do nẻo này mà đi, đường này mà tiến, thì không đến
đôi lăm đường lạc lối vậy.

Bệnh Xuân Ôn, Bệnh Phong Ôn, Bệnh Phục Thử, Bệnh
Thu Táo, các bệnh chứng, là những bệnh sở trường, và
đã trải qua sự kinh nghiệm độc đáo của Đông Y Học.
Nếu đem phối hợp với Tây Y, so sánh chỗ kiến giải
giữa nhau có phần cận tự.

1.— Bệnh khinh siễn, thì gọi là : Lưu Hành Tĩnh Cảm
Mạo.

2.— Bệnh trải qua triển miên lân ngày, từ bốn tuần nhứt
sắp lên, thì gọi là : Chứng Trường Nhiệt (Tây Y gọi là :

Trường Thương Hàn; xưa gọi là: Tiền Trường Hoại Nhiệt Chứng).

3.— Bệnh phát Ban Chẩn, gọi là: *Ban chẩn thương hàn*. Giả Sứ, chỉ lấy ba loại bệnh danh trên đây, chỉ cần tự thuật cách xử phương và trị pháp đối với ba loại bệnh trên đây, thì không khác nào đem toàn bộ chỗ kinh nghiệm truyền nhau hàng đời của Đông Y cắt ra từng mảnh. Lâm thế, thì chẳng những không lĩnh hội được tinh túy của Đông Y, mà không thể nào lĩnh hội được chân đế Cường Thương Hàn Ôn Bệnh của Đông Y. Lại còn đa số bệnh chứng tương tự khác, không liên hệ với ba loại bệnh: Thương Hàn Tinh Cẩm Mạo, Trường Thương Hàn, và Ban Chẩn Thương Hàn của Tây Y, mà Đông Y chữa trị rất hiệu nghiệm. Cho nên các y gia hiện đại, nói Đông Y sở trường về Bệnh Thương Hàn, Tây Y sở trường về Bệnh Ngoại Khoa. Thế nên giới Đông Y cũng tự hào với chỗ sở đắc của mình, đối với phương pháp chữa trị Cường Thương Hàn Ôn Bệnh, mà đa số quần chúng vẫn tin tưởng ở chỗ nghiên cứu rất có giá trị, và kinh nghiệm rất độc đáo của Đông Y. Sách này, đối với chỗ kinh nghiệm tinh đáo của Đông Y, nghiên khảo cẩn thận, giải thích rõ ràng, rất tiện ích cho kẻ sơ học.

Hiện tại, quan điểm của các Y Gia đối với Sách Thương Hàn Luận:

Nội dung của Sách Thương Hàn Luận vốn chẳng hoàn toàn, mà có người quả quyết rằng: *phi thường hoàn toàn*.

Vốn chẳng song thực, mà có người quả quyết rằng: *phi thường song thực*.

Vốn chẳng thần bí, mà có người quả quyết rằng: *phi-thường thần bí*.

Kinh phương vốn chẳng phải là vạn năng, mà có người quả quyết rằng: *kinh phương xác thị vạn năng*, (chẳng những chữa khỏi các bệnh Bốn Mùa Cảm Mạo, lại còn chữa khỏi tất cả Bệnh Truyền nhiễm, đồng thời chữa khỏi tất cả các Bệnh Nội Khoa, Phụ Khoa, Ấu Khoa, và Ngoại Khoa... các bệnh.)

Không tìm hiểu trên sự thực, xem có phù hợp hay chẳng? tùy ý niết tạo những chuyện không đầu, làm cho rối loạn tất cả; khiến cho bộ Sách Thương Hàn Luận trở thành một khu rừng *Thần Bí*, vô phương nghiên khảo. Những kẻ dùng món ăn tinh thần của người xưa không tiêu hóa nổi, cần phải xét lại vậy. — Xét kỹ duyên cớ gây ra ngộ nhận, là tại lấy *nhân* làm quá. Vì họ không hiểu Sách Thương Hàn Luận, là loại sách phát nguyên của Đông Y Dược Học, mà lại ngộ nhận là loại sách có mục đích nghiên cứu của Đông Y-Dược Học vậy.

Bộ Sách *thời lĩnh bệnh học* này, lấy phương pháp Khoa-Học để làm bằng cứ ẩn chứng, hóa cơn đường chông gai trở nên bằng phẳng, hóa câu chuyện *thần bí* của Đông Y Học, trở nên *thực tế rõ ràng*; thì tòa nhà của Ông Trương Trọng Cảnh mọi người đều có thể đến được, buồng kín của Ông Trương Trọng Cảnh mọi người đều có thể vào được. Khiến cho mỗi vị theo học Đông Y Dược, đều có thể đặt mình địa vị « kẻ vãng khai lai » của học thống Hiền, Kỳ tự đảm nhiệm lấy một phần trách vụ, đối với việc phát huy ngành *y học cổ truyền*. Thì lo gì sự nghiệp Đông Y Dược Học ở Nước Nhà không phát dương quang đại.

LỆ NGÔN

1. Nội dung sách này, chỉ đề cập những bệnh chứng có tính chất cảm mạo thời lệnh bốn mùa, không phải bệnh có tính cảm mạo hay truyền nhiễm thì không biên vào. Chỉ như: Bệnh Ngược, Bệnh Ly, Bệnh Ho và Bệnh ỉa chảy... các bệnh, thuộc về phạm vi của bệnh Truyền Nhiễm hay Bệnh Nội Khoa, thì nên tham khảo qua sách Đông Y Truyền Nhiễm Bệnh Học, và sách Đông Y Nội Khoa Bệnh Học, hai loại sách này sẽ dịch thuật và tiếp tục xuất bản trong ngày gần đây.

2. Các y gia đời xưa dùng danh từ Thương Hàn với một ý nghĩa rộng (quảng nghĩa Thương Hàn), trong ấy bao quát cả chứng cảm mạo bốn mùa. Nên sách này đổi danh từ Thương Hàn lại là Thời Linh Bệnh.

3. Sách này bao quát Chứng Thương Hàn và Ôn Bệnh, trên phương diện xác nhận bệnh tình, thì lấy sáu kinh hình chứng làm căn bản; trên phương diện trị liệu, thì lấy phương xưa ứng dụng cho bệnh này làm lập luận. Về phương châm biên định thì:

A) Chấm dứt sự tranh chấp giữa bệnh Thương Hàn và Ôn Bệnh.

B) Dung hòa giữa thành kiến Kinh Phương và Thời Phương.

4. Bệnh Thương Hàn với nghĩa hẹp (thương hàn hiệp nghĩa) của Đông Y, thì bệnh phát ở mùa Đông. Tây Y luận về Bệnh Thương Hàn, thì lưu hành trong mùa tháng bảy và tháng tám. Chẳng những chỗ trải qua của bệnh chứng không giống nhau, mà thời kỳ phát bệnh, đối với Đông Y cũng sai biệt nhau khá xa. Các thị y, ngộ nhận cho là: Chứng Thương Hàn giữa Đông Y và Tây Y giống nhau như một, thật đáng buồn cười. Sách này chỉ biên về Bệnh Thương Hàn của Đông Y, còn Bệnh Thương Hàn của Tây Y thì biên ở Sách Đông Y Truyền Nhiễm Bệnh Học, bạn đọc nên tham khảo.

5. Bệnh Thương Hàn của Đông Y luận về sáu kinh, chẳng khác nào một bài toán đồ ngàn đời không giải đáp. Các nhà chú thích, thì mỗi ông nói mỗi khác, không nhất trí. Hơn nữa các Ông luận về Bệnh Ôn Nhiệt, phần Dinh, phần Vệ, phủ Tam-Tiểu ức thuyết mơ hồ, khiến kẻ hậu học như lọt trong đám sương mù dày đặc. Thiên này, nương theo phương pháp khoa học, triệt để chỉnh lý, tìm ra một lối quang đăng, giúp cho kẻ hậu học nhận xét dễ dàng.

6. Danh nghĩa sáu kinh, thống chế ngành Đông Y Dược Học, trải qua trót hai ngàn năm. Thiên này, đặc biệt chú trọng trên chỗ thể nào gọi là : Ba Kinh Dương, thể nào gọi là : Ba Kinh Âm (tam dương, tam âm), phân tách rành rọt, lập luận rõ ràng.

(Chú thích 1) Bệnh ở Ba Kinh Dương, thì nhắm vào chứng phát nóng làm chủ đích, nhưng cần phải phân biệt mỗi kinh phát nóng với một hình thái :

Phát nóng ôn lạnh.

Lạnh nóng qua lại.

Không ôn lạnh, chỉ phát nóng ; loại tợ nhau, mà sự thực không giống nhau, uốn ép nhập chung lại, gọi là bệnh chứng ở Tam Dương. — Chứng phát nóng, là do cơ năng điều tiết và phóng tán của thể ôn bị chương ngại gây ra

(chủ thích II và III). Bệnh chứng ở ba Kinh Âm, là do cơ năng của tạng phủ bị biến hóa :

Kinh Thái Âm là chỉ cho bệnh ở bộ tiêu hoá.

Kinh Thiếu Âm là chỉ cho bệnh ở Tâm và Thận.

Kinh Khuyết Âm là chỉ cho bệnh ở vách ruột viêm, và hoành cách mạc viêm.

(chủ thích IV) Quan niệm xem sáu kinh là thần bí, may ra nhờ lời giải thích trên đây mà được giải trừ.

A) Sách Nội Kinh chuyên luận về châm cứu, bất cứ bệnh gì, cũng nhập chứng vô mười hay kinh lạc. Nghiên cứu sáu kinh của Sách Thương Hàn Luận, tất phải dẹp bỏ mười hai kinh lạc của sách Nội Kinh, đồng thời cũng dẹp bỏ luôn quan niệm : bệnh độc mỗi ngày truyền qua một kinh, thì mới phù hợp với bệnh tình.

B) Sách Thương Hàn Luận, nói về bệnh ở Kinh Thái Dương, là không phải chỉ cho Kinh Thái Dương thọ bệnh, mà chỉ cho các chứng hậu : Ôn lạnh, phát nóng, nhức đầu... gọi là : Bệnh Thái Dương. Đối với Kinh Thiếu Dương, Kinh

Dương Minh cũng vậy : *Lạnh nóng qua lại*, gọi là : *Bệnh Thiếu Dương*. *Không ớn lạnh chỉ phát nóng*, gọi là : *Bệnh Dương Minh*.

C) *Ớn lạnh phát nóng*, là nói về toàn bộ, cả ngày vẫn phát nóng, nhưng trong cơn *phát nóng*, tự cảm giác *ớn lạnh*, đây chính là hiện tượng bệnh của *Thái Dương*. — Không *ớn lạnh*, chỉ *phát nóng*; chỉ biết có *phát nóng* mà thôi, không bao giờ cảm thấy *ớn lạnh*, tức là bệnh của *Dương Minh*. — *Lạnh nóng qua lại*: trong lúc *ớn lạnh*, tự mình không bao giờ cảm thấy *phát nóng*; trái lại, trong lúc *phát nóng*, cũng không hề cảm thấy *ớn lạnh*; *Lạnh qua rồi nóng* mới đến, *nóng qua rồi lạnh* mới lại, *lạnh với nóng*, luân phiên nhau tới lui qua lại, có phân biệt rành rẽ, là bệnh của *Thiếu Dương*. — Căn cứ trên hiện tượng *lạnh, nóng* để phân biệt chứng ở *Tam dương*, và sử dụng phương pháp chữa trị, ấy là chỗ thực nghiệm của *Đông Y*, giúp ích cho sự nghiên cứu rất lớn lao.

D) Bệnh ở *Thái Âm* thì : bụng đầy hơi, ới mửa, vật thực không tiêu, ỉa chảy, bệnh ở *tiêu hóa* khí vậy.

Bệnh ở *Thiếu Âm*, thuộc về hàn tính thì : ớn lạnh, nắm co rút, tay chân mát lạnh, ra mồ hôi da thịt mát lạnh, mạch đi *Vi Tế*, dờ dãn ưa nắm, (ngủ). — *Nhiệt Tĩnh* thì : trêu ngực bứt rứt, họng khô, ít ngủ, đó là bệnh của *Tạng Tâm* và *Tạng Thận*.

Bệnh ở *Khuyết Âm*, thì *Hạ lý*, ngay chón thủy (tâm oa) nóng xát, là bệnh vách ruột viêm, và hoành cách mạc viêm.

7. Bệnh Xuân Ôn, Bệnh Phong Ôn, Bệnh Ôn, Bệnh Thử Ôn, Bệnh Thấp Ôn, bệnh Phục Tả, Bệnh Thu Táo, Bệnh Đông Ôn, Bệnh Thương Hàn các bệnh, là những tên bệnh có sẵn từ lâu của Đông Y, như tìm chỗ sở kiến phù hợp với Tây Y, thì chỉ chia làm ba loại như sau :

- (1) Cảm mạo sơ sài, gọi là : lưu hành tính Cảm Mạo.
- (2) Bệnh triển miên từ bốn tuần nhựt sắp lên, gọi là : Trường Nhiệt Chứng (Tây Y gọi : Trường Thương Hàn, Tên cũ gọi : Tiễn Trường Hoại Nhiệt Chứng)
- (3) Mọc Ban Chẩn, gọi là : Ban Chẩn Thương Hàn.

Giả sử chỉ dùng ba bệnh danh trên, chỉ cần tự thuật chứng hậu, cách chữa trị và xử phương của ba bệnh trên, thì không khác nào đem chỗ kinh nghiệm toàn bộ truyền nban hằng đời của Đông Y Học, cắt ra từ mảnh. Như thế, chẳng những không rõ được tinh túy của Đông Y, mà lại cũng không rõ được chân đế của Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh.

Lại còn đa số những bệnh chứng khác, không liên hệ trong phạm vi của Tây Y : Lưu Hành Tính Cảm Mạo, Trường Thương Hàn, và Ban Chẩn Thương Hàn, mà thuốc Đông chữa trị rất hiệu nghiệm, chẳng kém gì chữa Bệnh Thương Hàn. Chính khoa Y Học hiện thời cũng nhìn nhận : Đông Y sở trường về Bệnh Thương Hàn, Tây Y sở trường về Bệnh Ngoại Khoa : mà Đông Y cũng tự hào với chỗ sở trường của họ là : Phương pháp chữa trị Chứng Thương Hàn Ôn bệnh nghiên cứu rất có giá trị, nên được đa số quần chúng tin ngưỡng. Sách này, đem những chỗ

ngiên cứu độc đáo của Đông Y, khảo sát cẩn thận, tự thuật tình huống, rất có lợi ích cho kẻ hậu học.

8. Những được vị và dụng lượng của các phương thang ở trong sách này, thẳng như có chỗ bất đồng với Sách Xử phương học, nên nhất luật căn cứ theo Sách Xử phương học làm tiêu chuẩn.

9. Thể lệ sách này, chú trọng trên điểm, lời lẽ gọn gàng, ý nghĩa sáng suốt, và thích ứng với thực dụng. Ngoài việc giúp phương tiện cho kẻ sơ học, học tập nghiên cứu, cũng thể giúp thêm tài liệu tham khảo trong lúc lâm sàng.

10. Tài liệu nghiên cứu các bệnh chứng trong thiên thứ hai của sách này, phần nhiều căn cứ theo học thuyết của Ông Du-Câu Sơ, Diệp Hương Nham, Thạch Bái Nham, Hà Tử Sơ, Hà Ấn Nham các hàng tiên triết. Trong thiên, có chỗ nêu rành nơi xuất xứ, mà có chỗ không nêu rành nơi xuất xứ, là vì trong lúc biên đính, ngon tay biên tới, không hề có việc cố ý lược mỹ (ăn cắp cải hay của người làm của mình).

11. Sách này đã biên soạn từ trước, hơn vì lúc tái bản gấp rút, không kịp cải đính những chỗ đã lỗi thời, chỉ có thể cung ứng cho kẻ học tham khảo.

CHÚ THÍCH ĐẦY ĐỦ :
BỆNH-DANH, BỔN-CHỨNG, BIẾN-CHỨNG, ĐẶC-TRUNG.

**Tiêu biểu phân loại, so sánh các
bệnh chứng thuộc về : Thời Lệnh**

Một Loại Trạng Chứng của Bệnh Cảm Mạo :

— Sợ gió, ớn lạnh, phát nóng, nhức đầu, có mồ hôi,
hoặc không mồ hôi.

— Mạch không đi Khẩn, cũng không đi Sát, thân thể
không đần như thế, miệng không khát nước, từ cách mac
trở lên ngực không phiền muộn (bứt rứt), chót lưỡi không
đỏ.

— Mạch đi Khẩn, thân thể đần như thế là : Bệnh Thương
Hàn. Mạch đi Sát, lồng ngực bức bối, miệng khát nước,
chót lưỡi đỏ là : Bệnh-Ôn.

Bệnh Thương Hàn

— Lạnh nóng qua lại, hoặc thân thể nóng, tự ra mồ
hôi, khát nước.

— Lúc sơ khởi, thì ớn lạnh nhiều, phát nóng ít, mạch
đi khẩn, thân thể đần như thế, tưa lưỡi trắng.

Biến chứng của Bệnh Thương Hàn, nên tham khảo ở nguyên văn Sách Thương Hàn Luận. Sách này chỉ luận thuật trên đề cương của bệnh ở Dương Minh và Thiếu Dương.

Bệnh Ôn

Không ôn lạnh, chỉ phát nóng, khát nước, lưỡi ráo, họng đau, môi khô, tinh thần hôn loạn, nói xầm. Bệnh Ôn mà kiêm Hàn, thì lúc sơ khởi sợ lạnh, không mồ hôi. — Bệnh Ôn mà kiêm Thử, thì lúc sơ khởi, phát nóng, thân thê nề oải, nhức đầu xây xầm.

Ôn lạnh sơ sai, nhưng phát nóng trầm trọng, hoặc chỉ phát nóng, mà không ôn lạnh. Trên ngực phiền buồn, khát nước, nóng nước liền liền, chột lưỡi đỏ, mạch đi Sắt mà có sức.

Bệnh Thương Hàn, phần nhiều lệ thuộc với Thiếu Dương; Bệnh Ôn, phần nhiều lệ thuộc với Dương Minh.

Bệnh Xuân Ôn

Lạnh nóng qua lại, hoặc không lạnh, chỉ nóng mà khát nước, có khi tinh thần hôn loạn, nói xầm, thất huyết (1). — Bệnh Xuân Ôn phát tác vào mùa Xuân, lúc sơ khởi phần nhiều không mồ hôi.

Bệnh Phong Ôn

Mạch đi Phù, khát nước, mình mảy nặng nề, lừ đừ buồn ngủ, lăm dùng thuốc phát hãn, thì nói không ra

(1) Thất huyết là: ra máu ở miệng, hoặc ở mũi, hoặc ở tiểu tiện, hay đại tiện.

tiếng, tiểu tiện không thông ; lằm dừn thuốc hạ (xỏ), thì mắt trợn ngược, đái són ; lằm dừn bả công (dùng kim nường đỏ châm trị), thì phát vàng, thái quá thì động kinh, tay chân bại xui.

Phát ở mùa Xuân, lúc bệnh sơ khởi, phần nhiều ra mồ hôi, hoặc ra máu cam (tỷ nưt)

Bệnh Đông Ôn

Răng nhức họng đau, kiem Chứng Phục Thử, thì mình nóng ra mồ hôi, nhưng nóng không hạ ; đầu xây xăm, lồng ngực bứt rứt. — kiem Chứng Phục Táo, thì ho khan hơi thở gấp, hoặc thất huyết. (giải thấy ở bệnh Xuân Ôn)

Phát ở mùa Đông, thì bệnh ở hô hấp khi nặng hơn các bộ phận khác. Thái thậm thì cổ họng sưng đau.

Các biến chứng khác, thì giống như Chứng Thương Hàn, và Ôn Bệnh.

Chứng Thử Ôn

Mình nóng, ra mồ hôi, nhưng nóng không hạ, bộ ngực bứt rứt, đầu xây xăm, mặt đỏ, miệng khô khát nước, mạch đi Hư.

Chứng Thử Ôn kiem Hàn, thì ôn lạnh, thân thể uể oải không mồ hôi. — Kiem Thấp, thì mình mảy nặng nề, phần cơ nhục đau nhức, bộ ngực dẫn xuống Dạ-Dày không thư thối. Nặng lằm thì dạ dày đan, bụng sinh trướng, đi đại tiện nặng trón. Nóng lằm thì hơi nóng rùng rục, mặt mũi béo xạo, tinh thần hôn loạn, nói xàm.

Mạch đi Hư, lồng ngực bứt rứt, đầu xây xẩm, miệng ráo, khát nước.

Chứng Phục Thử

Nhức đầu xây xẩm, mình nóng mà ớn lạnh, không mồ hôi, hoặc rịn mồ hôi chút ít, xế chiều nóng nhiều, thân thê và tứ chi nhức mỏi uể oải. Dạ Dày cồn cào nôn mửa, bứt rứt khát nước, nằm ngủ không yên, không thể uống nhiều nước, không thêm ăn, đại tiện lúc táo lúc chảy.

Chứng Phục Thử nặng nề, thì mắt đỏ môi hồng, da mặt xám xịt như dính bụi, răng khô, lồng ngực phiền buồn, nóng hầm hập, nóng mà tay chân lạnh, trong ngực trong bụng nóng như hơi, miệng khô họng ráo, uống nước thì ứa bọt, nặng lắm thì tinh thần hôn loạn, nói xam.

Mạch đi Hư, bộ ngực bứt rứt, đầu nặng xây xẩm, miệng ráo khát nước, giống như bệnh Thử Ôn. Chỗ không giống là: Bệnh Thử Ôn phát tác trong tiết Tiểu Thử, và Đại Thử; còn chứng Phục Thử, thì đa số phát tác ở cuối mùa Thu. Lại nữa Bệnh Phục Thử thì luôn luôn hiệp với chứng Thấp mà phát tác.

Chứng Trường Nhiệt, lúc sơ khởi thì phát nóng với một hình thái cố định, lại còn kèm có chứng đau lưng, đan cạnh sườn (tỷ hự), lấy tay ấn lên bộ vị hồi trường và mạnh trường nhói đau, đồng thời ruột sôi. Các dấu hiệu này, là đặc trưng của chứng Trường Nhiệt.

Chứng Thấp Ôn

Ớn lạnh, không mồ hôi, đầu nhức, mình mảy ngứa nề, tay chân uể oải, buồn ngủ, nóng nảy uất ngột không

lui, xế chiều thì bệnh nặng; dạ dày cồn cào, bụng đầy hơi, nước miếng đặc, khát mà không uống được nhiều nước, lợm giọng ủa mưa.

1.— Gân xương nhức mỗi nặng nề, đầy hơi, nặng đầu, hai mắt trông thấy như mây án sừng mờ.

2.— Sắc mặt biết vàng, ửng đỏ như thoa mỡ, đầy hơi, bứt rứt, ủa nhọn, tiêu chảy, tiểu tiện ngắn rít, nước tiểu đỏ, hoặc biến chứng hoàng đản, hoặc mọc ban Bạch.

Bệnh này, thì thần kinh phát hiện trạng thái thủy hỏa. Bệnh Phục Thử ở vào thời kỳ sơ phát, thì trạng thái thần kinh hưng phấn; bệnh sơ sai ở vào thời kỳ trung phát, thì thần kinh cũng phát hiện trạng thái thủy hỏa; bị trúng đi trúng lại nhiều lần, trở thành trọng bệnh, thì thần kinh có trạng thái ma tử.

Mình mảy mẩn ngứa, nhức mỗi đau bụng đầy hơi, nóng uất không lui, bệnh thuộc về phần khí. Bệnh Phục Thử cũng có khi vào phần huyết.

Bệnh Thu Táo

Đầu nhức, mình nóng, không mồ hôi, miệng mũi khô khan, ho khạc đàm ra không thông, có khi hơi thở gấp, ngực nặng sườn đau.

Ho khan, hơi thở khô khè, cổ họng đau, mũi ráo môi khô, lồng ngực bứt rứt, bụng đầy, sườn đau khá nhiều.

Ho hen không thông, miệng mũi khô ráo, lồng ngực bứt rứt, khát nước, ít ra mồ hôi, đại tiện bí kết, bộ ngực và hai cạnh sườn đau.

THỨ LỚP TRUYỀN BIẾN CỦA BỆNH THỜI LẠNH

Bệnh Trạng thể ôn bị biến hóa :

1. — Sơ gió lạnh, phát nóng, nhức đầu, có mồ hôi, hoặc không mồ hôi.
2. — Lạnh nóng qua lại (hàn nhiệt vãng lai — 寒熱往來)
3. — Không ôn lạnh, chỉ phát nóng, lồng ngực bứt rứt, miệng khát nước, có mồ hôi, hoặc không mồ hôi.

Bệnh trạng lâm ba dịch bị đình trệ

Lồng ngực bĩ mẫn, cạnh sườn đau nhói, miệng đắng.

Bệnh trạng bộ tuần hoàn bị chương ngại

Bệnh thất huyết : trong đàm có vờng máu, hoặc tiểu tiện ra máu, đại tiện ra máu, ho ra máu, ói ra máu, khạc ra máu, mũi ra máu, hoặc máu ứ đọng, bệnh như như điên cuồng, miệng khô khát nước, bụng dưới (dưới rốn) sưng vù, đờ đần thốn ; tiểu tiện thông thả, đại tiện phân đen thui, ban ngày chổi hời, ban đêm nóng nẩy phiền táo, nói xàm.

Bệnh trạng bộ hô hấp bị chương ngại

Ho hen có nhiều đàm, hoặc ho khạc đàm ra không thông, hơi thở ngắn, hen suyễn (khí suyễn), thở ra hít vào không thuận lợi, lồng ngực bứt rứt không thư thời.

Bệnh trạng bộ tiêu hóa bị chương ngại

Không buồn ăn, lạnh cổ, nôn mửa, ợ chua, ợ hơi, ăn uống vào thì muốn ỉ. Dạ dày đầy hơi, tiêu hóa chậm chạp, lồng ngực bứt rứt, tura lưỡi đóng dày.

Bệnh trạng cơ năng bài tiết chương ngại

Này bung trương đầy, đại tiện không thông, tiểu tiện vàng đỏ nóng xốt, đi đại tiện cảm thấy nặng tròn không thông thả, giang môn sưng đau.

Trạng thái cơ năng thần kinh biến thường**A.— Về phương diện tri giác:**

- 1.— Tinh thần mỗi mệt, buồn ngủ, thích yên tĩnh, ghét ồn ào.
- 2.— Bứt rứt nằm không yên, nói xàm nói mả.
- 3.— Thần thức lơ mơ, vật vờ như buồn ngủ, mắt trực thị, đài sồn, hoặc ngã xỉu, tay chân lạnh, á khẩu.

GIẢI THÍCH

- 1) Thuộc về thần kinh suy nhược tính.
- 2) Thuộc về thần kinh hưng phấn tính.
- 3) Thuộc về thần kinh ma tỷ tính.

B.— Về phương diện vận động:

- 1) Tay chân rút giật.
- 2) Tay chân cứng đờ, co rút, hoặc uốn lưng ưỡn ngược.
- 3) Tăn mẩn quần áo, nò mắch chiếu giường.

GIẢI THÍCH

- 1) *Bệnh nhẹ, thần kinh khờ trương với tính giản khiết.*
- 2) *Bệnh nặng, thần kinh khờ trương tính cương trực.*
- 3) *Thần kinh ma tử rất khó chữa.*

Bệnh trạng nội phân bí biến hóa

Dương Hư : Mặt đỏ, đầu ra mồ hôi, đầu cổ run lắc, ra mồ hôi lạnh, bộ lưng lớn lạnh, nhiều, tay chân lạnh run, tưa lưỡi trắng như vôi, khát nước mà không uống được nhiều, mạch đi Trầm Vi muốn tuyệt.

Âm Hư : Máu lưỡi đỏ nhạt, hình lưỡi to lớn, mạch đi Tế Sát, đàn ông bệnh Di tinh, đàn bà bệnh Xích bạch đới hạ, đầu xây xẩm, tim hồi hộp.

Nói rõ thêm: Bệnh Thời Linh lúc sơ phát thì cơ năng điều tiết và phóng tán của thể Ôn phát sinh chứng ngại, kể đó thì bệnh độc tuần tự xâm nhập qua cơ năng hô hấp, cơ năng tiêu hóa, cơ năng bài tiết, và các cơ năng khác: có khi bộ tuần hoàn phát sinh chứng ngại nghiêm trọng; bệnh thể kéo dài thì, phương diện thần kinh tất phát hiện, hiện tượng biến thường. Đại đa số, lúc đầu thì bệnh độc xâm nhập vào tri giác thần-kinh, kế tiếp thì xâm nhập vào vận động thần kinh, hoặc gây cho tác dụng nội phân bí của phó thận bị biến hóa, hoặc phát hiện các chứng hậu *Dương Hư*, hay *Âm Hư*. Cho nên nói: trăm bệnh đến khi cùng cực thì dẫn về thận (bá bệnh chi cùng tất cập thận — 百病之穷必及肾) là rất đúng. Người xưa vì câu chấp sáu kinh (lục kinh) nên phần nhiều nhận định sai lầm, nay phân biệt ra từ chi tiết, đồng thời giải thích rõ-ràng.

NGHIÊN CỨU MẤY CÁI TÍN-ĐIỀU THUỘC VỀ BỆNH : THỜI LẠNH

I. — Đạo ngôn

Ông Từ Hồi Khê nói: Sự học vấn của Thầy thuốc, hoàn-toàn chủ trọng trên chỗ tìm hiểu nghĩa lý của Sách Thương Hàn, rõ được nghĩa lý của Sách Thương Hàn, thì thông hiểu được tất cả các bệnh chứng — Từ Hồi Khê văn: Y giả học vấn, toàn tại minh Thương Hàn chỉ lý, Thương Hàn lý minh, tắc vạn bệnh giai thông 一 徐回溪云: 醫者學向, 全在明傷寒之理, 傷寒理明, 則萬病皆通).

Nói thế, là vì từ ngày Sách Thương Hàn Luận của Ông Trương Trọng Cảnh ra đời về sau, thì sự dùng thuốc chữa bệnh mới có quy củ đáng học hỏi. Mặc dầu sau này, các Y gia ra đời khá đông, chỗ lập luận có sai biệt nhau, nhưng không ngoài phạm vi sách Thương Hàn Luận. Bởi vậy các Y gia mới đem hết tinh lực cả một đời mình ra, dồn vào giải mã, nghiên cứu Sách Thương Hàn Luận, đó là sự thực, không nên giấu giếm. — Nhưng còn nhiều bệnh chứng, kể cả chứng hậu, cách trị và xử phương... mà trong Sách Thương Hàn Luận, biện thuyết chưa rõ ràng, cần phải có sự bổ túc của người sau, như: Bệnh ÔN NHIỆT Bội, THỦ THẤP, Bệnh THU TÁO .. các bệnh. Đó là nguyên nhân gây rắc rối cho chứng Thương Hàn Ôn Bệnh và cũng là nguyên nhân gây chia rẽ đường lối

giữa Kinh phương (phương xưa) và thời phương (phương nay) vậy.

Cứu cánh trên thực tế, Thầy Thuốc thì lấy sự cứu chữa bệnh nhân làm thiên chức của mình, mà sự phát sinh các bệnh chứng rất nhiều và phức tạp :

Mùa Xuân, thì có bệnh Xuân Ôn và Bệnh Phong Ôn.

Mùa Hạ, thì có bệnh Thử Ôn và bệnh Thấp Ôn.

Mùa Thu, thì có Bệnh Phục Thử và Bệnh Thương Táo.

Mùa Đông, thì có Bệnh Đông Ôn và Bệnh Thương Hàn... các bệnh. Đó là những bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính, phát sinh theo bốn mùa ; cách xử phương và chữa trị, đều không giống nhau. Cần phải sắp đặt chỉnh lý lại, là việc tất yếu.

Dân Quốc năm thứ 18, tôi (soạn giả) thảo nghị về thể lệ Thời Lĩnh Bình Học, dùng phương pháp diễn dịch, để nghiên cứu chủ trương của các phái ; dùng phương pháp qui nạp, để chiết trung kinh nghiệm của chư gia, kê ra có hơn bảy muôn dư ngôn (1) thuật rõ nguyên lý phát sinh các bệnh chứng, chứng hậu, cách trị và xử phương. — Có người nói: những bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính, là loại bệnh khinh siển tầm thường, hà tất phải trưng dẫn dài dòng.

Nói thế, là không rõ câu chuyện các Thầy Thuốc xưa, tranh luận nhau về Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh, ý kiến, chối ngược nhau, tự tung không ngừng ; khiến cho kẻ hậu học

(1) Ngôn là : một câu nói, một lời nói, hay một chữ.

đối với chứng bệnh này, không biết phải theo đảng nào, rất khó. Nếu không biện luận rõ ràng, thì tình trạng rắc rối trên đây, sẽ kéo dài mãi mãi, không biết đến chừng nào mới giải quyết xong.

Nếu đem các bệnh chứng Cảm Mạo, lộng vào Thiên Truyền Nhiễm Bệnh Học, rồi chia ra làm ba loại : Gia Đáp Nhi tính bệnh (1), Trường Vị Tính Bệnh, và Thần Kinh Tính Bệnh, đồng thời lập ra ba phương pháp, để chủ trị cho ba bệnh này mà thôi, thì không khác nào, đem chỗ kinh nghiệm toàn diện của mấy Ông Thầy thuốc xưa đối với Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh, cắt ra từ đoạn. Hơn nữa, làm như vậy, thì không phải đường lối chánh đáng của nhà nghiên cứu Đông Y Dược Học.

Trong sách này, lấy sự chủ trương của tôi (soạn giả) làm căn bản, đối với học thuyết chư gia, đều có nghiên khảo bình luận phớt qua ; chỗ thì ý kiến âm hợp nhau, chỗ thì ý kiến chống nghịch nhau, đó là vì trên phương diện nghiên cứu học thuyết, phát huy sở kiến có địa, có đồng mà thôi, mong được độc giả lượng xét.

2.— Bệnh thời lịnh, bao quát

bệnh cảm mạo, và bệnh thương hàn ôn bệnh

Bệnh Cảm Mạo, và bệnh Thương Hàn Ôn Bệnh, đều do khí hậu của thời lịnh thay đổi, khiến cho cơ năng

(1) Gia Đáp Nhi : niêm mô của tạng phủ phát sanh viêm thũng, bệnh chứng có nhiều chủng loại.

điều tiết của thể Ôn, không duy trì đúng theo thường thái tự nhiên, mà sanh bệnh. Duy người xưa, có phân chia ranh giới của Bệnh Thương Hàn và Bệnh Ôn ; nhưng sự thực, đồng một tính chất với bệnh chứng Cảm Mạo. Người thiên về Bệnh Thương Hàn, nhìn qua thì nhận cho là : Bệnh Thương Hàn; người thiên về Bệnh Ôn Nhiệt, thì nhận cho là : Bệnh Ôn Nhiệt. Chẳng cần cứu xét trên thực tế của bệnh tình, mà chỉ in trí theo thành kiến. Như thế, không phải là đạo nghiên cứu Đông Y Học của người cô học thức vậy.

Sách Nạn Kinh nói : Chứng Thương Hàn có năm (1) (Thương Hàn hữu ngũ — 傷寒有五) danh nghĩa của câu : *Thương Hàn Quảng-Nghĩa*, xuất phát từ đây. Bởi vì, chứng Phong, chứng Thấp, chứng Ôn, chứng Nhiệt, các chứng lúc sơ khởi, bệnh nhưn đều tự cảm giác ớn lạnh, người sau gọi là : Bệnh Từ Thời Cảm Mạo, mà Bệnh Ôn chiếm lấy số nhiều, Bệnh Thương Hàn ít hơn.

Cho nên sách này, lựa lấy ba chữ : *Thời Linh Bệnh* để đặt tên cho các bệnh chứng *Thương Hàn Cảm Mạo* của bốn mùa. Với danh xưng này, có nên thành lập hay chăng ? còn chờ đa số học giả quyết định. Song theo chỗ chủ trương của tôi (soạn giả) thì không thể thay đổi.

3.— Bệnh thương hàn ôn bệnh với bệnh cảm mạo vốn đồng một tính chất

Chứng Cảm Mạo lúc sơ khởi ; ớn lạnh, phát nóng.

(1) có năm là : 1. là Chứng Trúng Phong, 2. là chứng Thương Hàn, 3. là chứng Thấp Ôn, 4. là Nhiệt Bệnh, 5. là Ôn Bệnh.

nhức đầu, hoặc không nhức đầu; ra mồ hôi, hoặc không ra mồ hôi; Mạch không đi *Khẩn*, mà cũng không đi *Sát*.

Bệnh Thương Hàn lúc sơ khởi: ớn lạnh, phát nóng, nhức đầu, đau mình; Mạch đi *Khẩn*, không mồ hôi.

Bệnh Ôn, lúc sơ khởi: ớn lạnh, phát nóng, nhức đầu, có bệnh ra mồ hôi, có bệnh không mồ hôi; Mạch đi *Sát*, chột lưỡi đỏ, lồng ngực bứt rứt, miệng ráo, khát nước.

Điểm bất đồng của ba bệnh chứng trên đây, ngoài bệnh Cảm mạo ra, thì hình chứng của Bệnh Thương hàn, chú trọng trên điểm: *Mạch đi khẩn, thân thể đau nhức*.— Hình chứng của Bệnh Ôn, thì chú trọng trên điểm: *Mạch đi sát, chột lưỡi đỏ, lồng ngực bứt rứt, miệng ráo, khát nước*. Các Y gia đời trước, hao phí không biết bao nhiêu trí lực, để phân biệt: thế nào là Bệnh Thương Hàn, thế nào là Ôn Bệnh.

Theo tôi (soạn giả) nhận thấy, Bệnh Thương Hàn với Bệnh Ôn, vốn đồng một tính chất tật bệnh, lúc sơ phát có sai biệt, về sau không mấy sai biệt. Nguyên nhân thọ bệnh, và trải qua sự phát triển của bệnh tình, vẫn không khu biệt. Chỗ bất đồng của hai bệnh này là: duy có phục nhiệt, và không phục nhiệt. Cho nên, chứng hậu ớn lạnh, phát nóng, có khinh, có trọng, không giống nhau, và khát nước, cũng không khát nước, là điểm sai biệt nhau mà thôi.

Bệnh chứng chỉ trong chừng ấy, mà dám nói quả quyết rằng: Bệnh Ôn Nhiệt thì thuộc về Phủ Tam Tiêu, với Bệnh thương Hàn tà truyền sáu kinh, không giống nhau. Thực là chỗ kiến giải cao thâm mạc trắc.

THỜI LỊNH BỊNH HỌC

4.— Bệnh thời lịnh và bệnh truyền nhiễm

Theo chỗ chủ trương của tôi (soạn giả) thì, những bệnh do khí hậu của thời tiết thay đổi, khiến cho ôn độ trong thân thể con người phát sanh chương ngại, đều thuộc về *Bệnh thời lịnh*. — Đồng một thời gian, đồng một địa phương, những bệnh chứng lưu hành đại đa số giống nhau, mới có thể chứng minh đó là : tính chất của *Bệnh truyền nhiễm*.

Các Y gia hiện tại, đều nhận định tất cả những bệnh chứng Ngoại Cảm phát nóng là do độc tố bệnh khuẩn xâm nhập gây nên, tức thời sử dụng phương pháp kiểm tra bệnh khuẩn. Nếu không xác nhận được bệnh tính, thì đổ lỗi cho máy móc kiểm tra không được hoàn toàn, nhất định không rời bỏ thuyết: Kiểm Tra Lịnh Khuẩn. kéo dài thời kỳ trị liệu cách oan uổng.

Theo sự chủ trương như thế kia, thì chính tôi (soạn giả) không thể nhắm mắt tin theo. Vì như khí trời bất ngờ biến lạnh, mặc áo mỏng ; hoặc khí trời nóng nực bất thường, ở trần tròng trực., cảm thọ không khí lạnh lẽo, kích thích ở phần cơ biểu, khiến cho lỗ chân lông co rút, thể ôn phòng tán bị chương ngại, phát nóng ôn lạnh ; cho uống một tẻ thuốc phát tán, bệnh khỏi tức thì, Công việc rất gọn gàng, mà lại hóa ra bề bộn, không phải kiểm tra *Bệnh khuẩn* là không được. Ngồi chờ bồi dưỡng nhiễm sắc, thành lập phiêu bản xong, mới tìm ra phương thuốc đặc hiệu đối chứng ; kéo dài ngày giờ, bệnh cơ diễn biến ngày một nặng thêm, là một sự sai lầm.

Thẳng như thuốc đặc hiệu chưa kịp phát minh, thì khoan tay ngồi ngó, mặc tình bệnh thể tiến hành, vô phương cứu chữa, là bai sự sai lầm.

Hoặc trải qua nhiều lần kiểm tra mà không cách gì tìm ra bệnh khuẩn, thể bệnh càng ngày càng gia trọng, sức khỏe càng ngày càng kiệt quệ, kết cuộc đành phải bỏ tay, là ba sự sai lầm. — Kinh thường phương pháp chữa trị rất hiệu nghiệm của Đông Y, chỉ biết có đường lối kiểm tra bệnh khuẩn là duy nhất, thì đâu phải là thượng sách vậy.

Căn cứ trên hình chứng của bệnh tình, đã chứng minh xác thực đó là : Bệnh Truyền Nhiễm. Phương pháp trị liệu thì cần tham khảo Thiển Cấp Tính Truyền nhiễm Bệnh, do tôi (soạn giả) trước tác. — Còn phương pháp biện biệt thì, sự truyền biến của Bệnh Thời Bệnh, lấy chứng hậu của ba Kinh Dương làm chủ. Còn Bệnh Truyền nhiễm thì đều có những trạng chứng rất đặc thù, hỏi kỹ chỗ trải qua của bệnh, có thể biết được đại khái. Hoặc nghi có tính nguy hiểm của bệnh Truyền nhiễm, xưa gọi là : Ôn Dịch (溫疫) không có tính nguy hiểm của bệnh truyền nhiễm, xưa gọi là Ôn Bệnh (瘟病). Phân loại bệnh như thế này, cũng không phải là lý luận xác đáng.

5.— Nguyên nhân thọ bệnh của bệnh thời lịnh

Ớn lạnh, phát nóng là chứng hậu tất nhiên của Bệnh Thời Lịnh. Nhân vì khí Phong Hàn kích thích, lỗ chân lông teo rút, thì tự nhiên phải ớn lạnh. Khí phong hàn

ngẫu chận bên ngoài, sức phóng tán của thể ôn bị chướng ngại, thì tất nhiên phải phát nóng. Chỗ bất đồng nhau, giữa bệnh Phong Hàn và Bệnh Thử Nhiệt là : có, hay không có nội nhiệt tiềm phục ở trong người, và thể ôn tăng tiến hay suy giảm vậy.

Câu cứ trên trạng chứng mà nói : Chứng Phong Hàn thì nặng về bên *ôn lạnh*. Chứng Thử Nhiệt thì nặng về bên *phát nóng*. Ôn lạnh nhiều, thì gọi là Bệnh Phong Hàn; Phát nóng nhiều thì gọi là Bệnh Ôn Nhiệt. — Có người nghĩ : cảm thọ khí hàn, thì phát Bệnh Thương Hàn; cảm thọ khí ôn, thì phát bệnh Ôn Nhiệt.

Nói như thế, là không rõ : Thời tiết lạnh lẽo, có thể gây trở ngại cho tác dụng phóng tán của thể ôn, là nguyên nhân gây ra Bệnh Thương Hàn và Ôn Bệnh. Còn nhân cảm thọ khí Ôn nhiệt mà sanh bệnh, ngoài Bệnh Trùng Thử, Trùng Nhiệt ra, thì không thấy có bệnh nào khác hơn.

6.— Con đường xâm nhập của bệnh thời lạnh

Có người nói : Bệnh độc gây ra Chứng Thương Hàn, thì theo lỗ chân lông mà vào ; bệnh độc gây ra Chứng Ôn Nhiệt, thì theo miệng mũi mà vào ; lấy lý do này, để phân biệt chỗ bất đồng giữa Chứng Thương Hàn, và Chứng Ôn Nhiệt. Chỗ này của tôi (soạn giả) thì không phải thế, hàn tà cố nhiên có thể kích thích ôn độ ở phần bì phu, nên mới nói : (chứng Thương hàn theo lỗ

chân lông vào). Nhưng khi hậu lạnh lẽo của mùa Đông, gây bệnh cho bộ hỏ hấp rất nhiều, đó là bằng chứng: khí phong hàn cũng có theo miệng mũi mà vào.

Còn Bệnh Ôn Nhiệt, nếu nhận chữ (Ôn) là: Ôn Dịch, có tính chất truyền nhiễm, thì bệnh khuẩn truyền nhiễm có thể từ miệng mũi mà xâm nhập, có thể do bị phụ bị thương tổn mà xâm nhập, có thể do theo niêm mô mà xâm nhập, đầu phải chỉ có một con đường miệng mũi mà thôi.

Nếu nhận chữ (Ôn) là khí hậu viêm nhiệt của thời tiết, thì nên xét kỹ xem, chứng phát nóng khắp cả toàn thể, hay chỉ phát nóng ở bộ phận miệng mũi mà thôi. Căn cứ trên sự thực, có thể chứng minh, và cũng có thể quyết đoán được, bệnh độc Ôn-nhiệt, không phải từ miệng mũi xâm nhập. [Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://downloaddsachmienphi.com)

Lời mậu luận này, do Ông Diệp Thiên Sĩ đề xướng, sẽ giải thích ở chương III của Sách *Thời Linh Bệnh Học*.

7.— Thứ tự truyền biến của bệnh thời linh

Thứ lớp truyền biến của bệnh thời linh:

- 1) Thở Ôn uất kết, hãn tuyến ngăn nghẹt.
- 2) Lam ba dịch bị đình trệ.
- 3) Bộ máy tiêu hóa bị chướng ngại.
- 4) Bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại.
- 5) Huyết dịch bị tắc nghẽn.

6) Cơ năng thần kinh phản thường.

7) Tán dịch nội phân-bí biến tính.

Đại ý bệnh chứng truyền biến ở ba Kinh Dương, và ba Kinh Âm của ngành Y Học Cổ Truyền, không ngoài phạm vi này. — Sách Thương Hàn Luận, phân biệt chứng hậu của sáu kinh, nhưng không nói rõ kinh thủ, hay kinh túc.

Các y gia đời sau thì nói: Bệnh Thương Hàn, truyền ở Kinh túc, mà chẳng truyền ở Kinh thủ. Tham khảo qua các lời chú thích của chư gia, phần nhiều ngộ hội ở điểm này.

Theo ý tôi (soạn giả) thì, danh nghĩa của sáu kinh là: ba Kinh Âm, và ba Kinh Dương. Bệnh chứng ở ba Kinh Dương, thì lấy sự biến hóa của thể ôn làm chủ; Bệnh chứng ở ba Kinh Âm, thì lấy tác dụng tự khởi biến hóa của tạng phủ làm chủ. (giải rõ ở Sách Bình Lý Học).

Ngoài sự bối rối của người xưa, đối với các bệnh chứng truyền biến ở Kinh thủ và Kinh túc, sáu kinh ra, lại còn thêm một việc rắc rối nữa là:

Ông thì nói: Bệnh Thương Hàn thì, bệnh độc nằm ở sáu kinh; Bệnh Ôn Nhiệt thì, bệnh độc phục trong phần Dinh, phần Vệ, và khí huyết. — Ông thì nói: Bệnh Thương Hàn mỗi ngày truyền một kinh; Bệnh Ôn Nhiệt, nằm ở một kinh, không dời đổi. — Ông thì nói: Bệnh Ôn Nhiệt, chỉ truyền biến trong phạm vi của Phủ Tam-Tiền mà thôi. — Ông thì nói: Bệnh độc Ôn Nhiệt, tiềm phục ở Mạc Nguyên. Mỗi ông mỗi thuyết, không ai giống ai.

Theo chỗ tôi (soạn giả) thấy thì, câu : thứ lớp truyền biến ở phần Dinh, phần Vệ và khí huyết, chỉ có thể giải thích cho bệnh chứng ở Kinh Thái Dương. — Còn nơi Bệnh Ôn chỉ ở một kinh không dời đổi, là không nhận thức được căn bản của Bệnh Ôn. — Thuyết Tam Tiên, chỉ có thể xác nhận trên thứ lớp truyền biến trong thời gian Bệnh Ôn trải qua mà thôi, (giải rõ ở Sách *Bệnh lý học*). — Còn thuyết Mạc Nguyên : Người xưa nói Mạc Nguyên là : màn bụng, là chỗ trải qua của Bệnh Ôn. Có phải chăng, Bệnh Ôn chỉ trải qua ở màn bụng ? Người có cặp mắt thông minh, có thể phân biệt được.

Ông Ngô Hựu Khả, gom các chứng Trường Nhiệt (Thương Hàn trường xuất huyết), Chứng Hồi Qui Nhiệt (bệnh nóng tái đi tái lại), Chứng Ngược Tật, Chứng Ban Cần Thương Hàn, những bệnh chứng có tính chất truyền nhiễm lại, đặt tên là Bệnh Ôn Dịch. Chẩn đoán thấy : tưa lưỡi đỏng dày tươi sáng, lồng ngực bứt rứt, phía trên Dạ dày bị đầy,.... thì dùng thuốc thanh nhiệt táo thấp, thông lợi hai đường đại tiểu tiện... để chữa trị, đều được hiệu nghiệm. Đại khái, xác nhận những bệnh chứng này là : bệnh tả tiềm phục ở Mạc Nguyên ; rồi đem bệnh Ôn Dịch có tính chất truyền nhiễm, nhập chung với Bệnh Thương Hàn Ôn Bệnh mà luận trị, đó là trong muôn ngàn việc phải, có một việc sai, của kẻ trí vậy.

8.— Chỗ ngộ hội đối với bệnh thời lịnh của người xưa

Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng của người xưa, đối với hiện đại có chỗ bất đồng, cần phải củ chánh-

1) Người xưa xác nhận bệnh độc phong hàn gây ra tật bệnh cho con người, tất có phương hướng nhất định, nên mới có danh xưng : *Hư tà, Thực tà, Chánh tà...* — Hiện đại đối với các bệnh chứng có tính chất cảm mạo, thì không cần biết cảm thọ khí phong hàn ở phương hướng nào.

2) Người xưa nói : Mùa Đông cảm thương khi hàn, thì mùa Xuân tất phát bệnh Ôn. Sau Tiết Lập Đông, đều là Bệnh Thương Hàn ; sau Tiết Lập Xuân, đều là Bệnh Ôn Nhiệt. Trước ngày Hạ Chí là Bệnh Ôn, sau ngày Hạ Chí là Bệnh Thử. Không lấy chứng hậu của tật bệnh làm phiên chuẩn, mà lại lấy khí hậu thời lịnh làm phiên chuẩn. — Các Y gia hiện đại, phân biệt Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh, thì lấy chứng hậu làm chủ ; quyết định không lấy Tiết Lập Xuân, ngày Hạ Chí làm chủ.

Sách Nội Kinh nói: Bệnh chưa đầy ba ngày, thì nên làm Hãn mà thôi ; bệnh đã được ba ngày, thì nên làm Hạ mà thôi. « Vị măn tam nhật giả khả hãn nhi dĩ, dĩ măn tam nhật giả khả hạ nhi dĩ — 未滿三日者,可汗而已,已滿三日者,可下而已。 » Chỉ như, nên dùng thuốc phát tán làm cho ra mồ hôi, hay nên dùng Đại Hoàng, Phát Tiêu, để thông lợi đại tiện, mà cũng lấy ngày giờ thọ bệnh sớm muộn làm chủ, chứ không nơi đến chứng hậu, thì đâu phải là xác luận.

Thuyết Lục Kinh Truyền Biến, thì Sách Nội Kinh chép : Ngày thứ nhất Kinh Cự Dương (Thái Dương) thọ tà, ngày thứ hai Kinh Dương Minh thọ tà v. v... « nhứt nhật Cự Dương thọ chi, nhị nhật Dương Minh thọ chi : 一日巨陽受之,二日陽明受之 » mỗi ngày bệnh truyền một

kinh; thoát vậy mà bệnh ở phần biểu, thoát vậy mà bệnh vào phần lý, thoát vậy mà ớn lạnh, thoát vậy mà phát nóng, « hốt nhi tại biểu, hốt nhi tại lý, hốt nhi hàn, hốt nhi nhiệt — 忽而在表, 忽而在裏, 忽而寒, 忽而熱 ». Bệnh tình mặc dầu có biến chuyển, nhưng nhứt định không bao giờ có sự biến hoá lạ lùng như vậy.

Thầy thuốc đời xưa, sơ hốt trên chỗ giám biệt chứng hàn, lầm tin theo thuyết bệnh tà mỗi ngày truyền qua một kinh, chính tự tay họ đào lấy huyệt hốt trên con đường bằng phẳng. Trong Sách Thương Hàn Luận sở dĩ nói : Bệnh ở Kinh Dương Minh, Bệnh ở Kinh Thiếu Âm v.v... có khi chỉ cho bệnh trạng mà nói, cũng có khi chỉ cho ngày giờ thọ bệnh lâu mau mà nói. Cần phải phân biệt xem xét kỹ càng mới tránh khỏi lầm lẫn.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

9. — ~~Chỗ ngộ hội của người đời~~ sau đối với bệnh thời lịnh

Các Y gia hiện tại, xác nhận Sách Thương Hàn Luận có thể thống trị tất cả các Bệnh Cấp Tính Truyền Nhiễm. Sở dĩ gây ra lý do ngộ hội, là vì lời tựa trong Sách Thương Hàn Luận của ông Trọng Cảnh nói : Dòng họ tôi vốn đông đảo, trước đây có hơn hai trăm người, từ niên hiệu Kiến An đến nay, chưa đầy mười năm, chết mất hết hai phần ba, bảy phần mười chết về Bệnh Thương Hàn (dư tôn tộc tổ đa, hướng dư nhị bách, Kiến An dĩ lai, do vị thập năm, tử vong tam phần chi nhị, Thương Hàn thập cư kỳ thất — 余宗族素多, 向餘二百, 建安以來, 尤未十稔, 死亡三分之二, 傷寒十居其七.) Nhơn

sự thực trên đây, rất đáng nghi là dòng họ của ông Trọng Cảnh mắc phải bệnh truyền nhiễm mà chết.

Sách Thương Hàn Luận lấy sáu kinh để phân biệt chứng hãn, ba Kinh Dương, thì tự thuật những bệnh chứng do thể ôn biến hoá; ba Kinh Âm, thì tự thuật công dụng của các tạng phủ bị biến-hoá, Bệnh Cảm Mạo, thì có kiêm lạnh, hoặc kiêm nóng, sự truyền biến của bệnh tình, đại khái không ngoài phạm vi này. Nếu kéo tất cả các bệnh truyền nhiễm vào trong, thì từ bệnh chứng dĩ chi phương pháp trị liệu, đều không phù hợp. Còn câu chấp bất cứ bệnh nào cũng nằm trong phạm vi sáu kinh, thì e không ăn khớp.

Tôi (soạn giả) cho là: phương pháp chữa trị những bệnh chứng ở sáu kinh của Sách Thương Hàn Luận, chỉ có thể áp dụng chữa trị Bệnh Thời Lĩnh, còn những phương pháp chữa trị các bệnh chứng có tính chất truyền nhiễm, thì không thể áp dụng được, vì không đối chứng. Cho nên biên soạn ra Sách Đông Y Truyền Nhiễm Bệnh Học, bổ sung vào chỗ khuyết điểm này, đồng thời giúp cho kẻ hậu học rộng đường thấy biết.

10.— Bệnh Tân Cảm và bệnh Phục Tà

Luận điệu Thầy thuốc đời xưa, phần nhiều giống nhau: Khi Phong hàn từ ngoài xâm nhập vào thân thể là: Bệnh Tân Cảm; Chứng Ôn nhiệt từ trong xuất hiện ra phần cơ biến là: Phục Tà.

Song cũng có người công kích, cho thuyết Phục Tà

là vọng ngữ, không đủ bằng chứng để kê cứu. — Người thì nói: Bệnh Ôn nhiệt có Phục tà, Bệnh Phong hàn không Phục tà. — Người thì nói: Bệnh Thử thấp có Phục tà. Bệnh Ôn nhiệt không Phục tà... nghị luận lằng xằng, không biết phải nghe theo Ông nào.

Chỗ chủ trương của tôi (soạn giả) xác nhận: Bệnh Thời-Lệnh lúc sơ khởi, có triệu chứng *tiền khu* là Phục Tà, không triệu chứng *tiền khu* là Tân Cảm. (giải ở thiên đầu, chương hai về Bệnh Lý)

Bởi vì, bệnh Phục Tà là do cảm nhiễm khí hậu phức tạp gây ra, *bệnh phong, bệnh hàn, bệnh ôn, bệnh nhiệt, bệnh thử, bệnh thấp* các bệnh, đều có Phục Tà. bất tất hạn định trong hai loại bệnh Ôn Nhiệt hay Thử Thấp. Những bệnh chứng thuộc Cảm-Mao tính của bốn mùa, đều có khu biệt: *tân cảm* hay *phục tà*, (1) cũng bất tất hạn định theo cổ thuyết: Mùa Đông cảm thương khí hàn, mùa Xuân tất phát Bệnh Ôn. (Đông thương ư hàn, xuân tất ôn bệnh — 冬傷於寒，春必溫病).

Về ngày giờ tiềm phục của bệnh tà thì; phục tà tiềm phục đại ước trong năm bảy ngày dĩ chí mười, mười lăm ngày, thì phát bệnh. Không bao giờ thấy bệnh tà tiềm phục lâu đến cả ba tháng mới phát bệnh. (2)

(1) Nguyên lý Phục tà, và phân biệt Phục tà ở phần khí hay phần huyết, giải thấy ở Thiên đầu, chương hai, về Bệnh Lý.

(2) Theo siển kiến của dịch giả, thì câu: không bao giờ thấy Phục tà tiềm phục lâu đến cả ba tháng mới phát bệnh, cần phải khảo cứu cần thận lại.

11.— Kết luận

Tôi chủ trương nghiên cứu Bệnh Thời Linh, đồng thời xác nhận Bệnh Thời Linh, với Bệnh Thương Hàn Ôn Bệnh, là loại bệnh chứng đồng một tính chất, chỉ có đơn thuần *thương hàn cảm mạo*, hay kiêm có chứng *phục nhiệt* là sai biệt nhau mà thôi. Thế thì không còn ngõ ngách nào để tranh chấp nhau giữa hai bệnh Thương Hàn và Ôn Bệnh nữa. Ấy là điểm thứ nhất.

Bệnh tình truyền biến ở thời kỳ sơ khởi, và thời kỳ giữa, thì hình chứng không ngoài phạm vi của ba *kinh dương*; thời kỳ sau chót, thì xen có chứng hậu của ba *kinh âm*. Bệnh Thương Hàn và Ôn Bệnh, thì không có bệnh nào là chẳng như thế, ấy là điểm thứ hai.

Bệnh Ôn, cũng là loại bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính, nhưng kiêm có chứng *phục nhiệt* ở trong mà thôi, như: phát hiện bệnh trạng của phế hệ, thì nhận cho là Phế Hệ Ôn Bệnh; phát hiện bệnh trạng của Vị Hệ, thì nhận cho là Vị Hệ Ôn Bệnh. Căn cứ trên sự trải qua của chứng hậu mà suy luận, thì thời kỳ sơ phát, phần nhiều phát hiện bệnh trạng của Phế Hệ; thời kỳ sơ phát, mà thất trị hoặc ngộ trị, mới phát hiện bệnh trạng của Vị Hệ. Đây cũng là lý do gây ra tranh chấp: kẻ nói Ôn Bệnh thuộc Phế, người nói Ôn Bệnh thuộc Vị. Nhưng căn cứ trên sự diễn tiến của bệnh, cơ, thì bất quá phân biệt cho thấy sự phát hiện có trước, có sau của bệnh chứng mà thôi, ấy là điểm thứ ba.

Thầy thuốc xưa nhận cho Bệnh Thương Hàn là *tân cảm*, Bệnh Ôn Nhiệt có *phục tà*. Có người lại nghĩ: Bệnh Ôn có *phục tà*, mà cũng kiêm có *tân cảm*. Theo chỗ nhận xét của tôi, thì *tân cảm* hay *phục tà*, cũng đều cảm thọ sáu khí của bốn mùa, hà tất phải giới hạn trong hai loại bệnh: Thương Hàn và Ôn Bệnh, ấy là điểm thứ tư.

Đứng trên cương vị y học, chỗ chủ trương của tôi như trên, đâu dám tự phụ là hoàn mỹ. Bởi lẽ sự học vẫn không bờ-bến, tùy theo thời đại và tuổi tác mà suy tiến, và sự phải, chẳng của học thuyết, cũng tùy theo hoàn cảnh của học giả mà thay đổi. Cho là phải thì phải, cho là quấy thì quấy, cứu cánh còn chờ sự phê phán của người đời, biết công tôi, bắt tội tôi, là việc không đáng kể (1).

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

(1) Chữ tôi trong bài này, là chỉ cho soạn giả.

LƯỢC XEM ĐẠI Ý CHƯ GIA ĐỐI VỚI BỆNH THỜI LẠNH

Sách Nội Kinh, Thiên Nhiệt Luận chép : các Bệnh Nhiệt đều thuộc loại Thương Hàn (nhiệt bệnh giai Thương Hàn chỉ loại — 熱病皆傷寒之類). Luận về bệnh tính, mỗi đầu có phân tách Bệnh Thương Hàn với Bệnh Nhiệt ; nhưng nguồn gốc thọ bệnh, và lý do phát bệnh, đều là một loại bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính, không mấy sai biệt, lời nói của Thầy Thuốc xưa, người sau nên học hỏi theo.

Sách Nạn Kinh nói : Bệnh Thương Hàn có năm : Chứng Trúng phong, Chứng Thấp Ôn, Bệnh Ôn, Bệnh Nhiệt các bệnh, đều bao quát trong môn Thương Hàn. Đời sau có tên Quảng Nghĩa. Thương Hàn, là bắt nguồn từ Sách Nạn Kinh.

Sách Sử Ký biên Ông Trương Công (Thuần Du Ý) dùng Thang Hóa Tề trị Bệnh Nhiệt. — Ông Châu Đạm Nhiên soạn Sách Ôn Chứng Chỉ Qai giải rằng : Thang Hóa Tề là biệt danh của Thang Tam Hoàng. Thế thì phương pháp chữa trị Bệnh Ôn nên dùng thuốc mát, không nên dùng thuốc nóng ; chủ trị ở phần lý, không chủ trị ở phần biểu, trước đời Ông Trương Trọng Cảnh đã có thành pháp rồi.

Qua đời Ông Trương Trọng Cảnh, trước tác Sách Thương Hàn Luận, thì được khu biệt rõ ràng hơn : Phát nóng mà khát nước, không ớn lạnh, rằng : Bệnh Ôn. Dùng thuốc

phát hàn xong, mình nóng hơn rằng: Chứng Phong Ôn (phát nhiệt nhi khát, bất ố hàn giả viết Ôn Bệnh; phát hàn dĩ (1), thân chước nhiệt giả viết Phong Ôn. — 發熱而渴, 不惡寒者曰溫病, 發汗已, 身尚熱者曰風溫). Chẳng những không đề cho Bệnh Thương Hàn với Bệnh Ôn lẫn lộn nhau, mà Bệnh Ôn và Chứng Phong Ôn cũng cần phải phân biệt.

Ông Ca Vạn Bá giải thích: Lạnh lui, mà nóng lui theo, là: triệu chứng Bệnh Thương Hàn sắp khỏi; lạnh lui, mà nóng rừng rực, là triệu chứng Bệnh Ôn xuất hiện. Như cho uống Thang Quế Chi, sau khi mồ hôi ra nhiều, bứt rứt khát nước dữ dội, bệnh không khỏi, mạch đi Hồng Đại, tức là Bệnh Ôn Nhiệt tràn ngập. Nên cho uống loại Thang Bạch Hồ gia Nhân Sâm (Ca Vạn Bá trích văn: Hàn khứ nhi nhiệt bãi, tức Thương Hàn dục giải chứng; hàn khứ nhi nhiệt xi, tức Ôn Bệnh phát hiện chứng. Như phục Quế Chi Thang, đại hàn xuất hậu, đại phiền khát bất giải, mạch Hồng Đại giả, tức thị Ôn Nhiệt xướng khuết, nghi dụng Bạch Hồ gia Nhân Sâm Thang chi loại — 寒去而熱罷, 即傷寒欲解證, 寒去而熱熾, 即溫病發熱症。如服桂枝湯, 大汗出後, 大煩渴不解, 脈洪大者, 即是溫熱猖獗, 宜用白虎加入參湯之類). Đây là mở đầu cho phương pháp chữa trị Bệnh Ôn Nhiệt vậy.

Phương pháp chữa trị Bệnh Ôn của Sách Thiên Kim, phần nhiều hòa hợp với Bệnh Âm Dương Độc mà lập luận.

Sách Ngoại Đài luận về Bệnh Ôn, phần nhiều kiêm luận Bệnh Ôn Độc. Phương pháp chữa trị chứng ôn độc

(1) Chữ PHÁT HẠN DĨ, nghi là chữ TỰ HẠN XUẤT, mà viết lầm.

phát ban, thì cho là : Bệnh Ban Đỏ, năm bệnh chết, chỉ có một bệnh sống ; Bệnh Ban Đen, mười bệnh chết, chỉ có một bệnh sống (tích ban giả, ngũ tử nhứt sanh ; Hắc, ban giả, thập tử nhứt sanh — 赤癰者五死一生, 黑癰者十死一生.) thực là lời nói có kinh nghiệm rất độc đáo.

Ông Châu Hoăng trước tác Sách loại chứng hoạt nhưn thơ nói : Ý nghĩa của hai chữ ôn nhiệt, khác nhau ở chỗ nóng nhiều hay nóng ít. (ôn nhiệt nhị nghĩa, vi nhiệt chi đa thiểu nhi dị — 溫熱二義, 為熱之多少而異). Thế thì thấy rõ, Bệnh Ôn Nhiệt với Bệnh Thương Hàn không giống nhau. Cho nên nói : dùng hai phương (Ma Hoàng Thang, Quế Chi Thang) ở trong mùa Xuân, mùa Hạ, tất phải gia giảm. Chứng Thấp Ôn dùng Thang Thương Truật Bạch Hổ là phép Thanh Nhiệt Táo Thấp, lúc nào cũng trọng dụng. Duy dược phẩm bên trong không nên câu chấp.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Ông Lưu Hà Gian luận về Chứng Biền Nhiệt, và Lý Nhiệt, thì chọn dùng Thang Lương Cách, Tân Thiên Thủy, Thang Song Giải, Tân Phòng Phong Thông Thánh, các phương, cho là hiệu nghiệm độc đáo. Các danh gia đời sau, chuyên trị về Bệnh Ôn phần nhiều bảo thủ theo lời di giáo của Ông. Ông nêu hai chữ Thương Hàn lên bìa sách, là tuân theo lời cổ chí vậy. Nhưng rất tiếc, các phép Sơ Tả Hóa Nhiệt, không có gần đúng theo chỗ biến hóa của bệnh tình.

Ông Trương Tử Hòa là người theo Đạo Nho, thờ cha mẹ chí hiếu, biên về phương pháp chữa trị Bệnh Ôn : Bệnh nhưn ra mát, thì cho thuốc mát, dùng thuốc tân lương hòa giải ; bệnh nhưn ra ấm, thì cho thuốc ấm, dùng

THỜI LINH BỊNH HỌC

biểu chi pháp. Diệc hữu lý nhiệt thanh, nhi biểu tự giải giả — 王安道 於 潮 涸 集 中, 謂 濕 病 不 得 混 稱 傷 寒, 因 伏 熱 在 內, 雖 見 表 證, 惟 以 裏 證 爲 多, 當 治 裏 熱 爲 主, 佐 以 清 表 之 法, 亦 有 裏 熱 清 而 表 自 解 者。

Bài này Luận về bệnh tình Phục Ôn, rất xác đáng và rõ ràng.

* *

Nhà Minh Ông Lý Đĩnh (1) trước tác Sách Y Học Nhập Môn nói: Bệnh Ôn Nhiệt không ôn lạnh, thì dân phải bệnh từ ngoài đến, kết nước là trạng chứng nóng từ phần lý thông ra phần biểu, vì cơ nóng uất ở tấn lý, tất dịch không được bài tiết ra ngoài. Cứu cánh là bệnh ở phần lý nhiều, phần biểu ít, cần trị bệnh nóng ở trong làm chủ yếu, mà thuốc giải cơ là thứ yếu. (Minh Lý Đĩnh Y Học Nhập Môn Vĩ: Ôn nhiệt bất ố hàn, tắc bệnh phi ngoại lai, khát tắc tự lý đạt biểu, nhiệt uất tấn lý, bất đắc ngoại tiết chi cơ, chung thị lý đa biểu thiểu, đương trị lý nhiệt vi chủ, nhi giải cơ thứ chi — 明李挺醫學入門謂: 溫熱不惡寒, 則病非外來, 渴則自裏達表, 熱熱脹理, 不得外泄之故, 終是裏多表少, 當治裏熱爲主, 而解肌次之。

Bài này tựa hồ chuyên chỉ về bệnh phục nhiệt ở trong mà Bệnh Tân Cảm thì không hề đề cập tới.

(1) nguyên văn viết Lý Đĩnh (李挺) Trung Quốc Y Học Đại Từ Điển thì viết Lý Xiên 李樞 nên cũng biên ra đây cho tiện việc khảo cứu.

Ông Trương Cảnh Nhạc nói : nguyên nhân sanh ra Bệnh Ôn và Bệnh Thử, là do chất độc lạnh lẽo (hàn độc) của mùa Đông trốn núp trong người. Cho nên đến mùa Xuân thì phát sanh Bệnh Ôn, mùa Hạ thì phát sanh Bệnh Thử. Lại nói : hai bệnh này, tuy không giống như Chứng Thương Hàn, song cũng nhơn theo thời mà đặt tên (Xuân Ôn Hạ Thử), không phải mỗi bệnh lúc sơ khởi đều phát nóng vậy. (Trương Cảnh Nhạc vị : Ôn Bệnh, Thử Bệnh chi tác, bôn do Đông thời hàn độc nội tàng. Cổ chí Xuân phát vi Ôn Bệnh, chi Hạ phát vi Thử Bệnh. Hựu vân : Tuy dữ hàn chứng bất đồng, nhiên diệc nhân thời nhi danh, phi vị khởi bệnh tất giai nhiệt giả. (張景岳謂 : 溫病暑病之作, 本由冬時寒毒內藏, 故至春發為溫病, 至夏發為暑病。故云, 雖與寒證不同, 然亦因時而名, 非謂起病必皆溫也)

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cứ theo Bài Lệ Thương Hàn của Ông Vương Thúc Hòa nói : Mùa Xuân cảm thọ khí hàn, đến Mùa Xuân biến sanh Bệnh Ôn, đến Mùa Hạ biến sanh Bệnh Thử, biết chắc rằng, hai bệnh này không giống với chứng Thương Hàn. (Y cứ Vương Thúc Hòa Thương Hàn Lệ, vị : Đông thời thọ hàn, chi Xuân biến vi Ôn Bệnh, chi Hạ biến vi Thử Bệnh, ký tri dữ hàn chứng bất đồng — (伊據王叔和傷寒例, 謂冬時受寒, 至春發為溫病, 至夏變為暑病, 既知與寒證不同。) Ông lại nói : Lúc bệnh sơ khởi, vị tất bệnh nào cũng phát nóng. (Hựu vân : Khởi bệnh vị tất giai nhiệt — 又云 : 起病未必皆熱。)

Những người ngờ ngẩn trước ngã rẽ, có thể nhận thấy rõ ràng : Chỗ nhận thức của các Y gia đời trước,

đối với Chứng *Thương Hàn Ôn Bệnh* vẫn tương đương nhau. Ông Cảnh Nhạc như trên chỗ sao lục mà suy trắc, rồi vọng ngôn theo, cũng là một nhà nghiên cứu Y Học, mà chẳng cần đếm xỉa trên sự thực:

..

Sách *Thương Hàn Điều Biện* của phái *Phương Trung Hành*, luận về *Bệnh Ôn Nhiệt*, thì phân biệt Âm, Dương: phương pháp chữa trị, thì kiêm cả lạnh nóng, là bắt chước theo Ông *Dụ Gia-Ngon*, Cho nên ở sau *Thiên Thượng Luận*, trong bài *Ôn Bệnh Hội-Giảng* lấy câu: Mùa Đông cảm thương khí hàn, mùa Xuân tất phát *Bệnh Ôn* (Đông thương ư hàn, xuân tất ôn bệnh — 冬傷於寒, 春必溫病.) làm một lệ. Lấy câu: Mùa Đông chẳng bế tàng tinh khí, mùa Xuân tất phát *Bệnh Ôn* (Đông bất tàng tinh khí, xuân tất ôn bệnh — 冬不藏精, 春必溫病.) làm một lệ. Và lấy câu: Mùa Đông cảm thương khí hàn, lại chẳng bế tàng tinh khí, đến mùa Xuân tất phát *Bệnh Ôn* (Đông thương ư hàn, hựu bất tàng tinh khí, chí Xuân phát ôn bệnh — 冬傷於寒, 又不藏精, 至春發為溫病。) lại làm một lệ. Lối hành văn mang nặng tính chất tập quán, trên phương pháp trị liệu, và bệnh tình diễn biến, nói qua rất sơ lược. Dạy chủ trọng ở điểm: Mùa Đông chẳng bế tàng tinh khí, khí chân âm bị vì nhiệt tà sắc nấu khô cạn. Ôm theo gốc *Tứ Âm Liễu Pháp* của Ông *Diệp Thiên Sĩ* vậy.

Ông *Trương Lộ Ngọc* nói: *Bệnh Thương Hàn* từ phần khí truyền vào phần huyết, *bệnh Ôn Nhiệt* từ phần huyết phát ra phần khí. (*Trương Lộ Ngọc* thị, vi: *Thương Hàn* tự khí

phần truyền nhập huyết phần, Ôn nhiệt tự huyết phần phát xuất khí phần — 張路玉氏, 謂: 傷寒自氣分傳入血分, 濕熱自血分發出氣分). Đồng thời Ông nói rõ thêm: Chứng Phục Tà tử trong thông ra ngoài, rất kỵ dùng thuốc mùi cay, tính ấm và phát tán. (Phục tà tử nội đạt ngoại, tối kỵ tân ôn phát tán — 伏邪自內達外, 最忌辛溫最發散). Thực là lời luận chữa trị chứng Phục Ôn rất chí lý.

* *

Ông Châu Dương Toán, nêu rõ Thang Hoàng Cầm, cho là phương thuốc chủ trị về Bệnh Ôn sơ phát, thời kỳ trung phát cũng có thể dùng được. Cho nên nói: Khi lạnh ẩn núp ở trong, uất ngột lâu, ngày sanh nóng. (Châu Dương Toán thị, biểu chương Hoàng Cầm Thang, vị vi trị ôn sơ phát chủ phương, trung kỳ diệc hữu khả dụng giải. Sở Văn: Hàn phục ư nội, uất cửu hóa nhiệt — 周揚俊氏表彰黃芩湯, 謂為治溫初發主方中期亦有可用者, 所云: 寒伏於內, 鬱久化熱). Ông luận Tề bịnh tình chứng Phục Ôn, cũng chưa phải là tuyệt đối.

Ông Liễu Bửu Di trong bài Ôn Nhiệt Phùng Nguyên nói: Hình chứng sáu kinh, thì Bệnh Thương Hàn không sai biệt với Bệnh Ôn. (Liễu Bửu Di thị, ư Ôn Nhiệt Phùng Nguyên trung, vị: Lục Kinh hình chứng, Thương hàn dữ Ôn bịnh bất thù — 柳寶詒氏, 於濕熱逢源中, 謂: 六經形證, 傷寒與濕病不殊). lời nói này, đúng với chỗ thấy Đạo. — Ông lại nói: Có loại Bệnh Ôn cảm mạo theo thời tiết, có loại Bệnh Ôn ẩn núp trong phần khí phát việ ra ngoài. (Hữu tùy thời cảm mạo chi Ôn tà, hữu

phục khí ngoại phát chi Ôn tà — 有隨時感受之溫邪，有伏氣外發之溫邪). Phân biệt Chứng Táo Cầm và bệnh Phục Tà, có nhiều chỗ rất tinh đáo.— Bình phẩm về Bài Ôn Dịch Luận thì nói: Theo ông Ngô Hựu Khả sắp đặt phương pháp trị liệu: Trị bệnh ở phần biểu, thì phần nhiều dùng thuốc nóng ráo, khô khan ám huyết với Bệnh Ôn Nhiệt phục ở phần khí, là bệnh từ trước đã làm thương tổn âm huyết, mà dùng thuốc ôn táo như thế, thì không thích hợp lắm. Còn luận về phép trị lý chứng, thì đều phù hợp với Bệnh Phục Ôn, phần nhiều nên học hỏi theo (Hựu Khả Sở liệt trị pháp, biện chứng đa dùng ôn táo cướp âm chi tể, dĩ phục khí ôn nhiệt, tiên thương âm phần chi bệnh, bất tằm tương nghị. Sở luận lý chứng trị pháp, do dĩ phục ôn — tương hợp, khả dĩ thủ pháp bất thiên vạn — 又可所列治法, 表症多用溫燥劫陰之劑, 與伏氣溫熱先傷陰分之病, 不甚相宜。所論裏症治法, 都與伏溫相合可以取法不少云云).

Nhưng lời luận của ông Ngô Hựu Khả, phần nhiều căn cứ trên chỗ kinh nghiệm mà lập ngôn, những bệnh chứng thanh bành ở thời ấy, có một loại bệnh mà chứng hậu giống hệt như Chứng Phục Ôn. Ông Liễn chuyên chuyên luận về Bệnh Phục Ôn, cho nên xem nhứt thiết lời luận về Bệnh Ôn Dịch của Ông Ngô, đều là Phục Ôn. Đó là vì duyên cớ chủ quan bất đồng vậy.

Ông Lục Cửu Chi nói: Ở Kinh Thái Dương là Bệnh Thương Hàn, ở Kinh Dương Minh là Bệnh Ôn Nhiệt, tự xưng chỗ biết của Ông như thế là độc đặc chân truyền. Như vì bệnh ở Kinh Dương Minh với Bệnh Ôn, cũng đều là thân thể nóng rực, tự ra mồ hôi, không ớn lạnh,

lòng bứt rứt, khát nước, hình chứng giống hệt nhau. Song đề cương của Bệnh ở Kinh Dương Minh, thì chú trọng trên ba chữ : nhà Phủ Vị Thực (vị gia thực — 胃家實), nên dùng thuốc thông lợi đại tiện chủ trị.

Còn phương pháp chữa trị Bệnh Ôn, thì chú trọng dùng thuốc : tân lương giải biểu, và thanh thấu chứng Phục Nhiệt ở trong ; Chỉ ư phương pháp thông lợi đại tiện, thì không thể dùng bừa bãi. Thế thì lấy danh nghĩa của Bệnh Ôn, khá dĩ khái quát bệnh chứng ở Kinh Dương Minh ; cân chấp chứng hậu của bệnh ở Kinh Dương Minh, không thể cai quát được Bệnh Ôn.

Ông Trọng Cảnh nói : Bệnh ở Kinh Thái Dương, phát nóng mà khát nước, chẳng ôn lạnh, là Bệnh Ôn. (Trọng Cảnh vân : Thái Dương Bệnh phát nhiệt nhi khát, bất ố hàn giả, vi ôn bệnh. 仲景云太陽病發熱而渴不惡寒者, 為溫病.) Thế thì Thiên Thái Dương cũng có Bệnh Ôn, không thể nói Bệnh Ôn chỉ thuộc Kinh Dương Minh mà thôi vậy. Và lại, phục tà từ trong bỏ tán ra ngoài, thì sáu kinh, bất cứ kinh nào, cũng có thể phát sanh Bệnh Ôn được, sao lại hạn định có một Kinh Dương Minh.

PHỤ THÊM LỜI PHÊ BÌNH : MÔN PHÁI ÔNG DIỆP THIÊN SĨ ĐÀM LUẬN BÌNH ÔN

Đời gần đây, luận về Bình Ôn Nhiệt, phần đông y Gia nhìn nhận phương pháp *Khinh Thanh Tuyên Đạt* do ông Diệp Thiên Sĩ xướng luận, là có công phát minh rất lớn. Đối với lập phương, mặc dầu có nhiều phương đáng được chọn dùng ; nhưng đối với lập luận sai lầm, thì lẽ nào lại hủy ký mà không dám nói thẳng, Bài này nói lên đại ý lập luận về Bình Lý Ôn Nhiệt của bốn y gia :

Ông Diệp Thiên Sĩ

Ông Ngô Cúc Thông

Ông Vương Mạnh Anh

Ông Lôi Thiếu Vật, và phân biệt bài nào của ông nào, đồng thời kèm theo những lời bình án, mong giúp kẻ hậu học phần nào đối với vấn đề nghiên cứu Bình Ôn Nhiệt.

Chủ trương của Ông Diệp Thiên Sĩ, luận về Bình Ôn Nhiệt, thấy ở Thiên Ôn Nhiệt Luận và Sách Lâm Sang Chỉ Nam Y Án, cho là : Bình Ôn với Bình Thương Hàn riêng đường khác ngõ. Người tin theo thì tôn Ông là nhà phát minh quật khởi ở Đới Thanh; người hủy báng thì cho Ông là ly kinh phản đạo.

Ông Diệp nói Bình Ôn ở Phủ Tam Tiên, với Bình Thương

Hàn ở sáu kinh, không giống nhau. (Ôn Bệnh tại tam tiên, dữ Thương Hàn chi tại lục kinh bất đồng — 溫病在三焦, 與傷寒之在六經不同). Tôi đã chứng minh sự sai lầm này (thấy ở Thiên Thời Linh Bệnh, thiên đầu, chương hai).

Chỗ rất dễ bị miệng người công kích hơn hết là câu : Bệnh độc Ôn Nhiệt cảm thọ ở phần thượng tiêu, trước nhất xâm phạm vào phổi. (Ôn tà thượng thọ, thủ tiên phạm phế — 溫邪上受, 首先在肺). Đoạn này, tôi đã giải thích gọn lại trong các Thang Ma Hoàng, Ma Hoàng Nhị Việt Tỳ Nhứt, và Thang Ma Hạnh Cam Thạch. (thấy ở Thiên Thời Linh Bệnh, thiên đầu, chương hai.)

Chỉ tr vấn đề : Nghịch truyền Tâm bào, thực là phức tạp. Nếu bệnh chứng tâm thương, trong đôi ba ngày thì khỏi, thì tuyệt nhiên không bao giờ có việc *Bệnh Độc Truyền Vào Tâm Bào Lạc* (nghịch truyền tâm bào — 逆傳心胞) biến chứng nghiêm trọng. Giả như có biến chứng nghiêm trọng thế ấy, không phải tại nậu chứng chẳng rõ ràng, thì cũng do dùng thuốc sai lầm gây ra. Nay đem chứng hậu biến hóa như thế nào gọi là : Bệnh độc Truyền vào Tâm Bào giải thích như sau :

Cứ theo nhà Sinh Lý Học nói : Tâm bào là màng mỡ hộ tâm, bao bọc bên ngoài tạng tâm, sở dĩ dễ bảo vệ Tạng Tâm khỏi bị ma sát. Trong lúc Chứng phát nóng quá cao, thì trong lòng phát sanh nóng nẩy bứt rứt. Đó chính là màng mỡ hộ tâm, bị nhiệt tà nung nấu, mà có thể biến chứng phát viêm (Tức là loại bệnh chứng mà Sách Thương Hàn Luận dùng Thang Chi Tử Sỉ) thì mới phù hợp với bệnh danh gọi là : *Tà nhập tâm bào*.

Chỉ ư chứng hậu, tinh thần hôn loạn, nói xàm; tra cứu trên thực tế, thì do nhiệt tà xông đốt lên bộ óc, khiến cho thần kinh tri giác bị chướng ngại (nếu dùng Hoàn Ngưu Hoàng, Đơn Tử Tuyết).

— Cũng có do trường vị bị ngăn nghẹt, nhiệt độc phản xạ lên óc, biến chứng mê sảng nói xàm. (Ông Lục Cửu Chi dùng Thang Tiên Thừa Khí chủ trị).

— Cũng có trường hợp bị trảng độc, độc tố kích thích lên bộ óc, mà biến chứng mê man nói xàm (nên dùng phương pháp xung hòa độc tố).

— Cũng có do nhiệt tà nhen nhúm ở bên trong, khiến cho huyết dịch ngừng kết, mà biến chứng cuồng loạn nói xàm (xưa gọi là chứng *Nhiệt nhập huyết thất*, nên dùng phép lương huyết, hoạt huyết).

Mỗi chứng hậu, có mỗi phép trị sai biệt nhau. Thế mà Ông Diệp chỉ dùng có Hoàn Ngưu Hoàng, và Đơn Tử Tuyết chữa trị cho tất cả; đặt lên cho bệnh đã chẳng xác đáng, mà nhân chứng cũng khá hàm hồ, là một sự sai.

Dùng thuốc phát hàn quá ư nhút nhát, dấu gặp phải chứng rất cần dùng thuốc phát hàn, phần nhiều lại dùng thuốc nhẹ nhàng tắc trách, khiến cho bệnh thể ngày càng vào sâu, sức khỏe ngày càng suy nhược, là hai sự sai.

Dùng thuốc thông hạ không đủ sức, gặp chứng đáng dùng thuốc hạ, tất phải thông hạ. Dấu bệnh nhân thể chất hư nhược, cũng có thể dùng Nhân Sâm chung với thuốc hạ, xen thuốc cường tâm ích khí vào trong, thì sau khi

uống thuốc hạ, mà sức ảm áp của tạng Tâm, và hơi tạng Phổi không bị suy nhược, mới là thiện pháp. Ông Diệp không biết đến kế này, cứ cánh chỉ dùng Huyền Sâm, Sanh Địa, Hải Sâm... tạt loạn vào trong thuốc thông hạ, gọi là tư dưỡng chân âm, mà sự thực làm cho chứng ngại bộ tiêu hóa, là ba sự sai.

Dùng thuốc tư âm quá sớm. Bệnh Ôn, là loại bệnh có phục nhiệt ở trong, chất tân dịch cố nhiên bị hao hụt. Thế mà trước tiên không nghĩ đến Thanh nhiệt, lại vội dùng phương pháp Tư âm, thực là hết sức vô ích, là bốn sự sai. Những nhà chữa trị Bệnh Ôn sau sau này, khảo chứng qua lời biện thuyết của tôi, không đến đổi lại phải sa lầy theo dấu xe của tiền nhân.

Phụ án: Đời gần đây, người thì nói: lời lập luận của ông Diệp Thiên Sĩ, xác nhận Tạng phổi liên hệ với bệnh ôn (Phế hệ ôn bệnh — 肺系温病) là phải. Kể lại cho lời lập luận của ông Lục Cửu Chi nói: Phế vị liên với bệnh ôn (Vị hệ ôn bệnh — 胃系温病) là đúng. Nhưng thiết nghĩ, không phải như thế.

Ông Diệp thì ăn cắp phép trị Bệnh Ôn ở Thiên Thái Dương, dõng dạc nói là: phổi liên hệ với Bệnh Ôn; muốn được người đời xem lời luận về bệnh Ôn Nhiệt của ông, ngang chời với lời luận về bệnh Thương Hàn của ông Trọng Cảnh.

Ông Lục thì cố chấp phép trị bệnh Ôn ở Kinh Dương Minh, rồi muốn đả đảo tất cả, để dựng lên thuyết của mình. Sự thực hai ông đều bị bản ngã che lấp. Cho nên những người trúng độc của ông Diệp, thì ngộ nhận bệnh

Ôn ở Tam Tiên, với bệnh Thương Hàn truyền biến sáu kinh không giống nhau. Trúng độc của ông Lục, thì ngộ nhận, chỉ có Kinh Dương Minh mới có Bệnh Ôn, các kinh khác đều không Bệnh Ôn. Thuyết của ông Diệp vốn sai, mà thuyết của ông Lục vị tất là phải.

Sách Ôn Bệnh Điều Biện của ông Ngô Cúc Thông, trộm theo ý Sách Lâm Chứng Chỉ Nam Y Ẩn của ông Diệp, rân gượng phân tách giữa Tam Tiên và sáu kinh, là một sự sai. (thấy Thiên Thời Linh Bệnh, thiên đầu, chương hai).

Nói bệnh Cảm Mạo lúc sơ khởi, bất cứ bệnh nào khởi thủy đều do Phủ Thương Tiểu Kinh Thủ Thái Âm, là sự sai. (thấy Thiên Thời Linh Bệnh, thiên đầu, chương hai).

Mở một chương đầu nói: Bệnh Ôn bao quát chín loại bệnh không giống nhau, căn định đều ở Thương Tiên; rồi lập một phép để thống trị tất cả, không khỏi thảo suất, là ba sự lầm.

Sách Thương Hàn Luận của ông Trọng Cảnh có nói: Uống Thang Quế Chi, sau khi ra mồ hôi, bệnh như cũ bứt rứt mà lại khát nước, nhưng bệnh không khởi, mạch đi Hồng Đại, thì cho uống Thang Bạch Hổ gia Nho Sâm chủ trị. (Trọng Cảnh Thương Hàn Luận hữu văn: Phục Quế Chi Thang, đại hạn xuất hậu, đại phiền khát bất giải, mạch Hồng Đại giả, Bạch Hổ gia Nho Sâm thang chủ chi. — 仲景傷寒論有云:服桂枝湯,大汗出後,大煩渴不解,脈洪大者,白虎加人參湯主之).

— Ở vào Đời Hán, phương pháp trị bệnh chưa được đầy đủ, ngộ nhận bệnh Ôn ra bệnh Thương Hàn, sau khi

cho uống Thang Quế Chi, chẳng những bệnh không thuyên giảm, mà lại khát nước phát nóng, tiếp theo cho uống Thang Bạch Hồ để chữa nóng. Ông Ngô là người Đời Thanh, phương pháp chữa trị bệnh ôn đại khái đã hoàn bị. Nhưng ông lại giảm lên con đường ngoa mạn của mấy ngàn năm về trước, mà cho là khuôn vàng thước ngọc, là bốn sự lầm.

Ông Ngô Các Thông tự đắc, cho là đã nhảy thoát ra ngoài vòng lần quần của Sách Thương Hàn Luận, mà vừa mở một phương pháp đần, thì lại chui vào vòng lần quần của Sách Thương Hàn Luận, thật là hết sức quái dị. Ông dùng Thang Tang Diệp Ngân Kiêu chữa trị Bệnh Ôn lúc sơ khởi, thì sức thuốc quá nhẹ, tiếp theo dùng Thang Bạch Hồ, thì sức thuốc quá nặng, bất cập với thời quá đều không thích nghi. Ông Ngô thức thu vô sách trước Bệnh Ôn, không dùng thuốc qua loa tắc trách, thì lại đâm ra bừa bãi. Trong Sách Thương Hàn Luận, có nhiều phương trị Bệnh Ôn-Nhiệt rất hay như: Thang *Ma hạnh thạch cam*, Thang *cát căn hoàng cầm*... mà ông Ngô không biết chọn dùng, là năm sự sai.

Chuyên trị Bệnh Tân Cầm, chỉ biết Bệnh Thử Thấp có Phục Tà, mà cho Bệnh Ôn Nhiệt không có Phục tà, thực cũng là việc hết sức lạ. Với các bệnh khác như: Bệnh Hàn Thấp, Tạp Bệnh, và Bệnh Truyền Nhiễm... Ông nhập chung với Bệnh Ôn Nhiệt mà luận trị, đó là do cái tệ nhận xét bệnh tình không được rõ ràng mà ra.

Ông Vương Mạnh Anh trước tác Sách *Ôn nhiệt kinh* vỹ. Ông là người thiên tư tài chất rất cao, nhưng lúc biên soạn sách này, quá ư thủ xảo, mà cũng chẳng dám

đảm đương lấy trách nhiệm; so sánh với Ông Ngô Cúc Thông, chuyên thay thế cho người khác gánh vác trách nhiệm, khác nhau một trời một vực. Trong sách ông toàn là làm thu học thức của chư gia, chẳng có mấy may nào do ông sáng kiến, không phải ngần ngại trước ngã rẽ, thì trong lòng cũng không chủ tể. Luận về Phục tà, ông lại nói là Phục ôn, song cũng không phải chỗ lập luận tuyệt đối. Nếu ôn tà có thể tiềm phục, thì phong tà, hàn tà, thử tà, thấp tà cũng có thể tiềm phục được. Kẻ đọc nên quan sát trên thực tế, sẽ nhận thấy rõ ràng.

Ông Lôi Thiệu Đạt trước tác Sách Thời Bình Luận, lấy tám câu của Thiên Âm Dương Ứng Trượng Đại Luận làm Cương, tập hợp sáu khí của bốn mùa làm Mục. Sách này có ba ưu điểm:

1. Không cố chấp thành kiến của Sáu kinh và Tam tiêu.
2. Phương pháp tuy khinh siển mà phần nhiều thích dụng.
3. Phụ biên các thành phương và y án kinh nghiệm, cũng có những phương đáng thử, rất tiện cho kẻ sơ học. So sánh với Sách Ôn Bình Điều Biện, và sách Ôn Nhiệt Kinh Vỹ, khá hơn rất nhiều. Nhưng có bốn khuyết điểm như sau:

Những bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính, cần phải khu biệt thể nào là Tân Cảm, thể nào là Phục Tà. Ông Lôi thì nói cách lộn xộn, không phân biệt rành rẽ; chẩn đoán chứng hậu, cũng rất giản lược, là một sự sai.

Phương dược thì, mặt dầu dùng cả cỏ phương, và thời-phương; nhưng chỉ riêng lập *Pháp danh*, mà không biên *Phương danh*, khiến trên ký ức người đọc, không khỏi phát sanh bối rối, là ba sự sai.

Bệnh Thời Lệnh, Bệnh Truyền Nhiễm, và Bệnh Nội Thương Tập Bệnh, cần phải phân biệt rành rẽ, mà Ông Lôi thì lấy tám câu trong sách Nội Kinh làm đề cương, khiến cho thể lệ trở nên hỗn loạn, không tránh khỏi cái tệ cố chấp kinh chỉ, là ba sự sai.

Vì quá tin theo xưa, đại phạm những Bệnh Ôn ở trong ngày Mùa Xuân, thì xác nhận là do khí hàn của Mùa Đông tiềm-phục gây ra. Bệnh Tiết Tả, và Lợi Tật, thì cho là do khí phong hình thành. Bệnh Ho Hen thì nói do Thấp tả tiềm phục mà phát tác. Những phương pháp chữa trị chứng Cảm Mao do thời tiết lạnh lẽo của Mùa Đông gây ra rất ít, lại còn khuyên người thân chủ theo cổ phương của Sách Thương Hàn Luận, là bốn sự sai. Lấy cặp mắt nghiên cứu y học của hiện đại mà quan sát, thì thấy lý luận với phương pháp, vẫn bổ sung cho nhau rất thiết-yết.

Trên đây, đại khái những lời lập luận về Bệnh *Thương Hàn Ôn Bệnh* của chư gia. Sách này nương theo sự chỉ dẫn của người trước, nhưng không cùn nệ theo người trước, những gì đáng cải tiến, cần phải cải tiến. Tham bác sự học vấn, tập trung chỗ kinh nghiệm, trước nhất biên soạn Sách *Thời Lệnh Bệnh Học*, chính lý sự bối rối của các y gia từ đời này sang đời khác, đối với Bệnh *Thương Hàn Ôn Bệnh*.

Tiếp theo biên soạn Sách *Tinh Truyền Nhiễm Bệnh Học*, đề chữa trị các loại bệnh chứng thuộc về *Cấp Tinh Truyền Nhiễm*. Nhưng chân lý của học thuyết, càng nghiên cứu càng tinh tường, chỗ thấy trong một ống, không sao phải chỉ hài lòng, chỉ biết hết lòng mình, hết sức mình mà thôi. Mong được quý chuyên gia, về *Thương Hàn Ôn Bệnh*, sẵn lòng chỉ giáo, thì vinh hạnh xiết bao.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

ĐÔNG Y THỜI LĨNH BỊNH HỌC
THỜI THỊ Y THU TÙNG SAN



ĐỊNH LUẬN BỊNH CHỨNG BỐN MÙA
XÁC NHẬN PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

THỜI DẠT NHÂN

biên trước

Đông Y Sĩ NGUYỄN ĐỒNG DŨ

phiên dịch

THIÊN ĐẦU

Tổng luận Bệnh Thời Linh

CHƯƠNG THỨ NHẤT

NGUYÊN NHÂN BỆNH THỜI LINH

Bệnh Thời Linh, là tên chung của bệnh chứng Bốn Mùa *Cảm Mạo*, chứng loại bệnh chứng thì phân tách : *Bệnh Xuân Ôn*, *Bệnh Phong Ôn*, *Bệnh Nhiệt*, *Bệnh Thử*, *Bệnh Phục Thử*, *Bệnh Thấp Ôn*, *Bệnh Thu Táo*, *Bệnh Đông Ôn*, *Bệnh Thương Hàn*, tất cả chín loại, mà nguyên nhân thọ bệnh rất là phức tạp. Nay đem chỗ oghiên cứu tìm hiểu, đại khái giải thích như sau :

1) **PHONG**.— Phong, tức là gió, bản thể của tính gió, là do hai khí nóng với lạnh cở đẳng nhau mà hình thành, tùy theo thời tiết mà thay đổi :

 Gió Mùa Xuân thì ôn hòa.

 Gió Mùa Hạ thì nóng nực,

 Gió Mùa Thu thì Túc Sát (hình dung mùa Thu cỏ cây khô rụng, khí tượng tiêu điều)

Gió Mùa Đông thì lạnh gắt. Bốn thứ gió kích thích ở phần bì phu, cảm thương mà sanh bệnh.— Nhân vì khí hậu lạnh nóng của thời lịnh bất đồng, cho nên tính chất của mỗi bệnh chứng đều sai biệt nhau, trên sự cử động của bản thể.

Các đầu mối thần kinh bị kích thích, khiến cho huyết quản lợi giãn, lỗ chân lông trống hở, ra mồ hôi, mạch đi Hoãn, sợ gió. Bất luận chứng Phong Ôn, Phong Thử, Phong Hàn, Phong Táo các chứng, hễ thấy có hiện chứng như thế, đều có thể biết được là Chứng Thương Phong. Đó là chứng phong do ngoại nhân, còn chứng phong do nội nhân là :

Biến thái của bệnh chứng thần kinh, thần kinh quá ư hưng phấn, thì biến chứng Kinh Loan (痙攣) như loại Kinh Phong, Phong Điện; Thần Kinh quá ư trầm trệ, thì biến chứng Mễ Tỳ hoặc bại xui, như loại Trùng Phong, Phong Thấp các chứng.

2) HÀN.— Hàn là : do tác dụng không khí quá sức lạnh lẽo áp bức gây ra. Mặc dầu bốn mùa đều có khí lạnh phi thời, nhưng duy có Mùa Đông thì lạnh lẽo quá sức, mà sanh ra bệnh vậy. Khí lạnh khiến cho hào mao trong thân thể con người dựng ngược, phần cơ phu khản trương, lỗ chân lông đóng kín, ớn lạnh, phát nóng mà không ra mồ hôi. Đây là chứng Hàn ngoại nhân, còn chứng Hàn nội nhân là :

Hiện tượng của chứng Bần Huyết. Vì thần kinh bị trầm trệ, máu ở trong ống mạch trôi thông chậm

chập, các huyết quản nhỏ nhất khắp trong thân thể, bị thiếu máu, mà biến chứng ôn lạnh, tức gọi là **Bình Han Chiến**.— Chứng **Bần Huyết** ở cuộc bộ cũng gọi là **Hàn**, như: **Bình Tỳ Han**, **Vị Han**...

3) Thử.— Thử là tác dụng phản xạ của bóng mặt trời, trong tiết tháng sáu, tháng bảy, đường quỹ đạo của qua địa cầu vận hành, ly các Nhựt cầu gần hơn các tháng khác, ánh nắng rơi trên mặt đất với một ôn độ rất cao, khí hậu nóng nực, cho nên **Bình Thử** ôn thường phát sinh.

Chứng hậu của **Bình Thử**: Mách đi Hư, mình nóng, lòng phiền táo, mặt đỏ, khát nước, tự ra mồ hôi, đó là do ánh nắng của mặt trời phản xạ trực tiếp vào thân thể, mà phát sinh chứng **Cấp Tinh Nảo Xuất Huyết**: đầu xây xẩm, mặt đỏ, mình nóng, tay chân lạnh (tổ tâm mặt mày té nhào, bất tỉnh nhân sự. (Thầy thuốc Đông gọi là: **Bình Trúng Thử**, Thầy thuốc Tây gọi là: **Bình Nhựt Xạ**).

Nhân vì cảm thọ khí hậu viêm nhiệt, ôn độc trong thân thể con người đã cao, mà khí nóng ngoài trời cũng cao, bình thể nhiệt cực, tạng tâm phát khởi cường trực tinh co gập, mình mảy nóng bức, sờ muốn phồng tay, hơi thở gấp rút, con người (đồng tử 瞳子) teo nhỏ, lòng phiền táo, khát nước. (Tây Y gọi là **Chứng Trúng Nhiệt**, ngày mùa Hạ hành quân rất dễ mắc bệnh này.) Đây là nguyên nhân những bệnh thuộc về nhiệt khí lưu hành trong mùa Hạ rất thịnh hành.

4) Thấp.— Thấp là tác dụng của nước chưng hơi. Do ánh nắng mặt trời chưng hấp, mà khí ẩn bốc trên mặt đất bốc lên, xưa gọi là: **chất độc âm trực** (âm trực

chỉ là 陰濁之邪). Lúc mùa hạ nắng gắt, chính là lúc Thấp tà thịnh hành, mùa mưa trời âm u, cũng có nhiều khí Thấp, trong không khí nước chưng hơi quá nhiều. Nhà cửa ở nhảm chỗ ẩm ướt không sạch sẽ (oi trứng thấp thối, mé biển triều sông), chịu ảnh hưởng của nước chưng ở bên ngoài quá nặng, khiến cho tác dụng bài tiết nước chưng hơi ở trong thân thể con người bị chướng ngại, sanh Bịnh Thấp.

Cường nội thấp phát sanh, thì lấy Bộ Máy Tiêu Hóa làm chủ thể, xưa nói tạng Tỳ thuộc thấp thổ (cổ xưng tỳ vị thấp thổ — 脾為濕土) Tạng Tỳ Bịnh, không tiêu hóa thì chất nước với vật thực bị đình trệ; không hấp thụ, thì tinh hoa với cặn bã không phân biệt, xưa gọi là ty giám (cổ xưng ty giám (1) — 古稱脾監). Không bài tiết, thì cặn bã chất chứa, xưa gọi là đôn phụ (cổ xưng đôn phụ (2) — 古稱敦阜). Không phân phối, thì nước tân dịch ngưng trệ, (như bịnh Cam của trẻ em).

Nguyên nhân cảm thọ Thấp tà, rất phiền toái và tạp nhạp, còn chứng hậu phát hiện ra ngoài thì: bộ đầu mờ mịt như bị che phủ, thân thể nặng nề, gân xương nhức mỏi, tưa lưỡi trắng lóng, mạch động chậm chạp, sinh bụng nặng ngực, đại tiện tiện không thông thả, hoặc ợa mửa, ỉa chảy các chứng.

(1) Ty Giám là: tên Thổ tuế bất cập, nói Thổ vận trong năm nên nhịn nhục giữ mình, không thể châu biến bốn phương vậy. Sách Tố Vấn Thiên Ngũ Thường Đại Luận nói: Thổ viết ty giám (ngó xuống).

(2) Đôn Phụ là: đôn hậu mà bồi cao. Sách Tố Vấn Thiên Ngũ Thường Chánh Đại Luận nói: Hành Thổ rằng Đôn phụ (bồi cao).

5) Táo. — Táo là khí khô ráo teo rút, trái với khí Thấp. Người xưa nói: khí Táo thuộc và bức thứ của khí Hàn (táo thuộc thứ hàn. — 燥属次寒) điếm bất đồng với khí Hàn, là vì khô ráo quá lẽ. Kinh Dịch câu: theo hỏa hóa (Dịch, tông hỏa hóa 易从火化) sở dĩ nói: Hỏa thì đến với Táo (hỏa tự táo — 火就燥) cũng nhân theo chỗ tương loại của bịnh cơ mà nghiêm cách suy luận. Táo chẳng những bất đồng với Hàn, mà với Nhiệt cũng sai biệt nhau.

Chứng hậu của bịnh Táo: họng nghẹt mà ho, khạc đàm không thông, da thịt khô khào, lưỡi ráo, mạch di Sắc. Bịnh Táo phát sanh từ trong, có hai nguyên nhân.

Một lẽ, do phần âm huyết ngưng trệ, biến chứng can táo.

Một lẽ, do phần âm huyết khô cạn, biến chứng can táo, hoặc vì chứng nội nhiệt tràn ngập, phần nước trong người hao hụt, mà biến chứng can táo, đó là chủ thể của bịnh Táo.

Song đàm trước ngưng đọng, ngực bị bung đầy, trạ lưỡi trắng láng, hình mạch Huyền Trệ, cũng có miệng lưỡi khô ráo, hình giống Chứng Táo. Đó là Chứng Can Táo thuộc về chất tân dịch bị ngưng kết. (xét vì sáu khí gây ra bịnh chứng đều có nội nhân và ngoại nhân, duy có Bịnh Trùng Thử là hoàn toàn thuộc ngoại nhân mà thôi. Bịnh Táo và bịnh Thấp thì lấy nội nhân làm chủ, không thể không biện biệt. Hoặc nghi nguyên nhân cảm thọ Bịnh Thấp, là do khí hậu và chỗ ở. Bởi vì áp lực của khí thấp ở bên ngoài quá nặng, gây trở ngại cho

tác dụng phóng tán của chất nước xông hơi trong thân thể, mới sanh chứng cảm thọ khí Thấp.)

6) Hỏa.— Hỏa tức là Nhiệt vậy. Mặc dầu người xưa dạy : ở trời là *Nhiệt*, ở đất là *Hỏa* (tại thiên vi nhiệt, tại địa vi hỏa — 在天為熱, 在地為火) mà cửu cánh trên thực tế, thì giữa *Hỏa* với *Nhiệt* không phải là hai chứng hân. Hoặc nghi, bệnh ở phần khí là *Nhiệt*, bệnh ở phần huyết là *Hỏa*. Nhưng các bệnh chứng phát sanh, lúc đầu đều ở phần khí, kế tiếp thì vào phần huyết. Duy có Chứng Thử với Chứng Nhiệt, là nhất định phải có phân biệt : Bệnh Thử là do tác dụng phản xạ của mặt trời (Tây Y gọi là Bệnh Nhựt Xạ.) Bệnh Nhiệt là do ôn độ tăng cao.

Chứng hân của Bệnh Nhiệt, thì mình nóng phiền táo, khát mà uống nhiều nước, mạch đi Hồng, ra mồ hôi, các chứng. Nếu nóng ở bên trong thân thể, thì phát sanh hiện tượng sung huyết, thần kinh hưng phấn, máu ở trong các động mạch đi nhanh, gọi là chứng nội Nhiệt. Những huyết quản li ti khắp trong thân thể, phát khởi sung huyết, tên chứng Biểu Nhiệt, lại tên là chứng Phát Nhiệt. — Ở cuộc bộ bị sung huyết, thì tên là *Hỏa*, như : *Can Hỏa*, *Vị Hỏa* các chứng.

CHƯƠNG THỨ HAI

BỆNH LÝ CỦA BỆNH THỜI LẠNH

Thời Lạnh Bệnh Học, là bao quát Bệnh Tân Cảm và Bệnh Phục Tả, tất cả các bệnh chứng Bốn Mùa Cảm Mạo vào trong mà luận trị. Học thuyết bài này, giới hạn trên bệnh lý Thời lạnh, ước lược giải thích theo chỗ sắp đặt như sau :

Sự quan hệ giữa Bệnh Thời Lạnh với thể ôn

Trên bệnh chứng *Tân Cảm* do khí hậu của thời lạnh : *Phong, Hàn, Thử, Thấp, Táo, Hỏa*, gây ra. Ngoài chứng Trùng Thử của Bệnh Nhựt Xạ, Chứng Trùng Nhiệt do ôn độ lên cao ra, kỳ dư các bệnh chứng khác, chẳng ngoài ; khí trời vội lạnh, mặc áo quá mỏng, khí trời vội nóng, trằn trui ngày đêm ; không khí lạnh lẽo kích thích ở phần bì phu, gây trở ngại cho công tác phong tán của thể ôn, phát khởi phản ứng, mà biến chứng *ôn lạnh*, *phát nóng*, *không ra mồ hôi*. Nhân vì thể ôn phản ứng, mà bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại ; nhân vì bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, mà phát sanh tác dụng các loại bệnh lý.

Thể thì nguyên nhân cảm thọ Bệnh Thời Lạnh, tất lấy thể ôn làm khởi điểm. Sách Tây Y luận về thành nhân của chứng Cảm Mạo cũng nói : « thông thường là do mặc

áo mỏng dính : toàn thể sanh nóng, tìm ở nơi lạnh lẽo, hạn tuyến ngăn bịt, huyền dịch không thể nhân theo tác dụng của hạn tuyến, bài trừ vật bản Song thể ôn muốn được tự toại mục đích bài tiết, cho nên bồn tập ra phần cơ biểu, mà phát sanh lạnh nóng, gọi là Cẩm Mao. Dùng thuốc phát biểu, là việc cần kíp trị ngọn vảy. Tây Y cũng nhận thức bệnh *thời lĩnh tán cảm* quan hệ với thể ôn, nhưng vì quá mê tín theo thuyết bệnh khuẩn, cho nên chữa trị không hợp pháp.

Sự trọng yếu của thể ôn

Người sống khác hơn người chết, là nhờ ở sinh hoạt lực. Nhờ ở sinh hoạt lực nương tựa với vật chất, mà được sống còn trên thế giới, sinh hoạt lực dính chỉ thì chết mất. Thân xác con người là tập hợp thể của tế bào, tế bào vốn có dòng dào sinh hoạt lực, để giúp sức vận dụng cho cơ năng dinh dưỡng, phân-thực và động tác. Song tất phải nhờ ở thể ôn thích đáng, thì công dụng mới rõ ràng.

Nhà Vật Lý học nói : sức ấm nóng hóa thành hiệu năng (nhiệt lực hóa năng — 热力化能). Cho là nhưt thiết sự động tác của cơ khí, đều do sức nóng thôi động. Do lẽ này, có thể biết được các bộ phận động tác trong thân thể con người như : Bộ máy tuần hoàn của Tạng Tâm.— Bộ máy hô hấp của Tạng Phổi.— Bộ máy hấp thụ và bài tiết của trường, vị, và sự tán trần đại tả (thay cũ đổi mới) của các quan năng, đều có quan hệ trực tiếp với thể ôn. Nếu thể ôn bị biến hóa, thì toàn thể đều chịu ảnh hưởng, thì đủ thấy tính cách trọng yếu của thể ôn là đường nào.

Nguyên lai của thể ôn

1.— do đường khí trong không khí. 2.— do vật thực thường dùng hằng ngày. Đường khí thì từ mũi vào Phổi, lại chịu hồng huyết cầu hấp thụ vào máu, dung hòa với chất sắt, du tống qua các tổ chức, phát sinh tác dụng nhiên thiên.

Vật thực thì từ miệng trải qua trường vị, sau khi tiêu hóa, thì do ống hấp dịch thông vào huyết quản; chất thân thủy tiêu hóa vật thực dần mỡ, là tài liệu cung cấp chất nhiên thiên cho đường khí, chính là nguồn cấp dưỡng ở hậu phương của thể ôn. Các cơ năng động tác trong thân thể con người đều trông cậy vào sự chủ trì của thể ôn.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://bookkyhoa.com)

Công năng điều tiết của thể ôn

Muốn biết công năng điều tiết của thể ôn, trước nhất phải biết số lượng thích đáng của thể ôn. Trong mỗi ngày 24 giờ, thể ôn có thể sanh sản từ hai triệu ba trăm ngàn (2.300.000) dĩ chí ba triệu bốn trăm ngàn (3.400.000) gia la lý (calories), (một độ nhiệt, theo hàn thử biểu của Ông Nhiếp (Ông Nhiếp Nhĩ Tu, người Thụy Điển) thì sức nóng đúng một gia la lý). — Tính bề đồng, thì vừa đúng chín mươi tám (98) theo hàn thử biểu của Ông Hoa. (phù hợp với ba mươi bảy độ theo hàn thử biểu của Ông Nhiếp). Trong lúc đói no động tịnh, tuy có tăng giảm, nhưng hơn kém nhau, nhất định không ngoài một độ. — Nhà Sinh học nói: nếu thể ôn của toàn thân tu vào một ngón tay, thì ngón tay ấy chảy rui tức

thời (tu toàn thân thể ôn ư nhưt chỉ, lập tức thiếu hỷ — 聚全身採溫於指, 立即燒氣). Trong thân thể chúng ta tu tập đa lượng thể ôn mà không thấy nóng, là nhờ ở công dụng điều tiết, phân phối cho khắp thân thể vậy.

Các y học gia đời gần đây, nghiên cứu về công dụng điều tiết của thể ôn, thì chú trọng vào khí hậu của thời linh Mùa Đông, Mùa Hạ, số lượng ăn uống tăng gia hay giảm thiểu, và sự bài tiết của hạn dịch nhiều ít, ba sự hạng. Tôi thì nói: đó là chú trọng giải thích sinh lý, không liên quan gì với bệnh lý, nên chỉ nhằm vào bệnh lý, nghiên cứu sự điều tiết của thể ôn mà thôi.

- 1) Thời gian: một ngày một đêm hai mươi bốn (24) giờ.
- 2) Không gian: toàn thể thân xác và tạng phủ, không cảm giác thái quá, bất cập, ấy là thể ôn sở dĩ nhờ ở sự điều tiết, mới có thể phù hợp với sinh lý. Bằng trái lại, hoặc vì ngày mát mà đêm nóng, hoặc vì sớm mát mà chiều nóng, đó là ở trên thời gian, thể ôn không hay phân phối đồng đều.— Hoặc tay chân mát mà trong người nóng, hoặc lưng mát và bụng nóng, đó là ở trong thân thể, thể ôn không phân phối đồng đều. Khởi điểm của các bệnh chứng phát sanh, không ngoài hiện tượng này, mà Bình Thời Linh thì lấy hiện tượng này làm căn cứ.

Sự Phóng Tán của thể ôn

Công tác phóng tán của thể ôn, cứ theo Sách Tây Y khảo sát về Sinh Lý Học, thì phần bì phù chiếm hết

BỆNH LÝ

79

tám chục phần trăm (80%), miệng mũi chiếm mười lăm phần trăm (15%), còn lại năm phần trăm (5%) thì bài tiết theo đại tiểu tiện.

Số tối đa của thể ôa phóng tán, chính là ở phần bì phu; ở dưới da có vô số hạn tuyến, trải qua công tác chung phát của thể ôn, đem những vật thoát lão phế, bài tiết ra ngoài thân thể, theo định luật tán trên đại tã. Trong thành phần bài tiết, nước chiếm hết chín mươi bảy phần trăm (97%), vật cố hình chỉ có ba phần trăm (3%) mà thôi. Phần theo bì phu chui ra, chúng phát tán ti, mắt không trông thấy được gọi rằng: *Tiền Phát Hạn*. Nếu do vận động mệt nhọc, hay khi trời nóng nực, ra mồ hôi quá gấp, thì phần nhiều mồ hôi kết thành giọt, ngưng đọng trên phần bì phu, gọi rằng: *Hiển Phát Hạn*.

Phân lượng mồ hôi ra mỗi ngày, ngoài số *Hiển Phát Hạn* ra, ước chừng hai bằng (二) : theo đơn vị cân lượng của Anh, Mỹ). Số phân lượng của *Hiển Phát Hạn*, thì nhấm vào thời gian vận động, và sức ẩm nóng tăng giảm mà như định. Hạn quân là ông tiết nước trong thân thể con người, nếu bị tắc nghẹt, mồ hôi không ra được, thì tinh thần cảm thấy khổ sở, phát sinh bệnh hoạn. Như toàn thân mồ hôi không ra được, thể ôn không loe phóng tán, một thời gian khá lâu, có thể đưa con người đến chỗ chết mất.

Nguyên lai của Bệnh Thời Linh

Khi hậu thời linh thay đổi, gây nên bệnh hoạn cho con người. Cứ theo chỗ khảo sát về Bệnh Lý Học của

Sách Tây Y, cho là: do sự kích thích của ôn độ, cảm ứng với không khí, và khí hậu của quang tuyến, các sự hạg, đồng thời nói rõ về tác dụng của ôn độ, tác dụng của khí áp, tác dụng phản xạ của quang tuyến, và tác dụng của phong thổ. Với phương diện Đông Y, dùng những danh nghĩa: *Hàn, Nhiệt, Táo, Thấp*, nêu rõ tác dụng cao ôn, tác dụng đề ôn, tác dụng cao khí áp, tác dụng đề khí áp, đại khái lập ý giống nhau.

Chỗ bất đồng, Tây Y thì nhận định bình khuẩn, là nguyên nhân duy nhất. Đông Y thì lấy một chữ *Phong* làm tiêu biểu cho sự thay đổi của khí hậu, như: *Phong Ôn, Phong Thử, Phong Táo, Phong Hàn* các thứ; đối với bệnh khâu truyền nhiễm, thuộc về truyền nhiễm tính bệnh, tuyệt đối không nên lẫn lộn.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tây Y thì không chia rạch, bệnh truyền nhiễm với bệnh thời lịnh. Trái lại, cho Đông Y là chẳng biết trị bệnh truyền nhiễm, là vì chẳng biết được Đông Y trải qua mấy ngàn năm kinh nghiệm, có nhiều lương phương rất công hiệu. đối với Bệnh Thời Lịnh, cũng như Bệnh Truyền Nhiễm. (Phương pháp chữa trị Bệnh Truyền Nhiễm, đặc biệt biên rõ ở Sách *Đông Y Truyền Nhiễm Bình Học*, sắp xuất bản kế tiếp)

Sự ngộ nhận khí hậu Thời Lịnh của Tây Y

Bệnh Thời Lịnh, thì căn cu trên sự thay đổi của thời lịnh, bất tất phải lới cuốn bốn chữ: *Thắng, Giáng, Phù, Trầm* vào trong, đề rồi giải thích cách rân gượng. Duy lấy ôn độ quân bình của hai mùa: Mùa Xuân và Mùa Thu, có cây xính

tốt với vàng ủa, sai biệt nhau khá xa mà suy trắc, cũng thấy được con người sống trong bầu trời trái đất, tất phải chịu ảnh hưởng của khí hậu ngoài giới tự nhiên chỉ thôi. Khí hậu thay đổi, thì trong thân thể con người, tất cũng khởi sự biến hoá tương đương, có thể biết được chắc chắn như thế.

Tây Y thấy bệnh chứng phát khởi, thì chuyên tìm kiếm thực chất của bệnh chứng, bằng cách kiểm tra đờm nhớt, nước tiểu, phân, để thăm dò chỗ ở của bệnh thể; bồi dưỡng phiêu bồng, để xác nhận bệnh nguyên thể. Câu trọng tối đa trên phương diện hình thức, đối với sự thay đổi của khí hậu ngoài giới tự nhiên, tuyệt nhiên không nghĩ tới. Vì vậy mà Tây Y đối với Thời Lệnh, không có chuyên khoa kinh nghiệm.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Sự quan hệ giữa sáu khí với tật bệnh

Nhà Y Học Âu châu, Ông Bái Đăng Khảo Phủ, luận về thuyết Tam Nhân Đỉnh Lập. Tam Nhân là gì?

1.— Tế khuẩn lén vào thân thể con người (tế khuẩn tiềm nhập nhơn thể — 細菌潛入人體).

2.— Khí hậu không thích hợp với người, thì thích hợp với sự phát dục của bệnh khuẩn (khí hậu bất thích ư nhơn, tức thích ư bệnh khuẩn phát dục — 氣候不適於人, 即適於病菌發育).

3.— Sức đề kháng trong thân thể con người bạc nhược, không đủ sức chế ngự tật bệnh (nhân thể tự thân chỉ đề kháng lực bạc nhược, bất năng đề ngự tật bệnh — 人體

自身之抵抗力薄弱, 不能抵禦疾病). Thiếu một trong ba điều kiện trên đây, thì không thể sanh được bệnh.

Ngày xưa, Y Sư nước Mỹ, Ông Nhi Lập Pháp Ty muốn thí nghiệm học thuyết của Ông Bái Đăng Khảo Phủ lựa dịp thân thể kiện khang, Ông tự uống lấy một chung nhỏ vi trùng Hoắc Loạn (choléra) mà vẫn an nhiên, không hề nhiễm bệnh. Đủ thấy rõ, khi hậu thiên nhiên, với sức đề kháng bình độc ở trong thân thể con người, liên hệ nhau rất trong đại.

Nếu đương bệnh, cho là tất bệnh không quan hệ với khí hậu, thì chẳng những không phù hợp với học thuyết của Đông Y, mà trái lại còn phản bội với học thuyết của Tây Y. Và lại, cảm thọ Bệnh Truyền Nhiễm, còn không thể rời khí hậu mà độc lập được, thì ý nghĩa Bệnh Thời Lệnh, căn cứ theo sự thay đổi của khí hậu, càng thêm rõ ràng.

Sáu khí là nguồn gốc của bệnh thời lệnh và bệnh truyền nhiễm

Thuyết Bệnh Khuẩn truyền nhiễm, từ kiểm dĩ chí bởi dưỡng, gia dĩ nhiễm sắc; phiên bản trần liệt, thí nghiệm minh xác, người theo học Tây Y, không còn lý do đáng nghi ngờ. Cho nên kẻ sùng bái theo Thuyết Tế Khuẩn Thực Chất, muốn vịn vào đây để đánh đổ Thuyết Sáu Khí. — Những người theo học Đông Y, thì cho là: những bệnh chứng do Sáu Khí gây ra, với những bệnh do Tế Khuẩn gây ra, tuyệt đối không nên lẫn lộn. Do đây, Bệnh Thời Lệnh, và Bệnh Truyền Nhiễm, bắt đầu phân chia ranh giới, là điểm thứ nhất.

Bệnh khuẩn sinh sôi nảy nở, tất phải nhờ có khí hậu đặc thù, thích hợp với sự sinh tồn của bệnh khuẩn, là điểm thứ hai.

Sự truyền bá của bệnh khuẩn, lẫn lộn theo vật ăn thức uống, bay lửng trong không khí, nương bám theo quần áo và đồ dùng, không chỗ nào là không có bệnh khuẩn; bất cứ ở đâu, và lúc nào, bệnh khuẩn cũng có thể truyền nhiễm cho người. Song con người có bị truyền nhiễm hay không, là do sức đề kháng ở trong thân thể mạnh hay yếu vậy. — Có người hôm qua không bệnh, mà hôm nay lại bệnh, lúc khởi đầu thọ bệnh tất có lý do: đồ y phục, sự ẩm thực khởi cư, và khí hậu lạnh nóng các việc, không thích hợp với sự kiện khang của cơ thể, gây cho phương diện thể ôn phát sinh biến hóa, bệnh khuẩn mới thừa cơ hội mà bộc phát. Cho nên nói: khí hậu không thích hợp với người, bệnh khuẩn mới có thể gia hại, là điểm thứ ba.

Gần đây, có người nhận thấy, cũng nói: *Sáu Khí* là nguồn gốc của *Bệnh Khuẩn*. Chính *Sáu Khí* là gốc, *Bệnh Khuẩn* là ngọn, *Bệnh Khuẩn* không thoát ly nổi Liên Hiệp Quốc (*Sáu Khí*) mà độc lập được. Đủ chứng minh *Bệnh Thời* *Lệnh* căn cứ theo sự biến đổi của *Sáu Khí*.

Vị Giáo Thọ Tây Y trong trường dạy thuốc ở Tỉnh Sơn Tây nói: Tây Y không tin sáu khí, chính là chỗ khuyết điểm của Tây Y. Thực là lời bình luận rất chí tình.

Phương pháp chữa trị sáu khí

Muốn biết phương pháp chữa trị sáu khí, trước nhất

phải hiểu rõ đây là thực tế *Cảm Thọ Sáu Khí*. Thầy thuốc xưa nghi chứng hậu của tật bệnh, là do tác dụng của sáu khí kiều ngu trong thân thể con người gây ra dùng thuốc trị bệnh thì nói: chữa trị khí nào thiên thịnh trong sáu khí (trị thử lục khí chi thiên thịnh — 治此六氣之偏盛).

Theo tôi nhận định, cảm thọ sáu khí kích thích, gây ra các bệnh chứng, là do công dụng trong thân thể bị biến hóa, mà Chứng Táo, Chứng Thấp, Chứng Hàn, Chứng Nhiệt các chứng, đều do trong thân thể con người tự khỏi biến hóa, mà gây ra chênh lệch. Dùng thuốc chữa trị, là điều hòa vật thiên thịnh (chênh-lệch) trở lại xung hòa, giúp cho các cơ năng khôi phục trở lại trạng thái bình thường, như: Chứng phong từ ngoài xâm nhập, thì Ông Trọng Cảnh dùng Thang Quế Chi mà trị.

Trong Thang này, vị Quế Chi: giúp cho chứng Thần Kinh thủy hoãn trở lại hưng phấn, điều tiết huyết dịch lưu hành trở lại bình thường. Vị Bạch Thược: thu hãm Chứng Ra Mồ Hôi, thì các chứng Mạch đi Hoãn, Ra Mồ Hôi, Ôn Gió, Phát Nóng sẽ tự khỏi. Nghiên cứu hiệu năng của vị Quế-Chi, vị Bạch-Thược, hay ở khôi phục công năng trên sinh lý, công năng khôi phục, tự nhiên bệnh trạng giải trừ.

Chi ư Thang Ma Hoàng, phát tán Chứng Thương Hàn (thông lỗ chân lông bị ngăn ngệt); Thang Bạch Hồ, giải trừ Chứng Trúng Thử (giáng áp huyết ở bộ óc); Thang Ngũ Linh, thẩm lợi Chứng Thấp (thúc giục ống du niên thông lợi); Thang Phục Mạch, tư nhuận Chứng Táo (tăng

gia phần nước trong huyết dịch); Thang Tam Hoàng, thanh tả Chứng Hỏa (giảm thiểu Chứng Sung huyết trong động mạch); đều là thuốc trị những bệnh chứng do công dụng sinh lý bị biến hóa.

Hoặc nghi ngờ, đã chứng minh trên sinh lý tự khởi biến hóa, không quan hệ gì với sáu khí, hà tất phải thắc mắc với người xưa; lấy sự biến hóa trên đây, nghiên cứu cẩn thận, sẽ thấy rõ ràng: *Sinh lý tự khởi biến hóa, là do sáu khí kích thích.*

Có một Ông Y Sĩ Nhật Bản nọ, cực lực công kích thuyết lục khí. Vì Ông không biết khí hậu thay đổi gây nên tật bệnh, mà chỉ mê tín theo thuyết Bệnh Khuẩn Truyền Nhiễm. Chẳng rõ sự biến hóa trên công dụng sinh lý, gây ra các chứng hậu cho tật bệnh, mà chỉ mê tín do bệnh khuẩn xâm nhập. Ông nói như thế, chẳng những không đúng với y lý, mà cũng không phải là thái độ nên duy trì của học giả.

Phân biệt bệnh tân cảm và bệnh phục tà

Cảm thọ khí hậu của thời令 thay đổi, khiến cho thương thất thể ôn bị sai thất, đều là lý do gây ra bệnh chứng *tân cảm*. Cái như cảm thọ Bệnh Phục Tà thì:

1. Cảm thọ bệnh tà nhẹ nhàng, trải qua một thời gian sau, bệnh mới phát tác.
2. Bệnh đã phát tác, mà chữa trị không đúng phép, bệnh tà tiềm phục vào trong.

3. Đã từng chữa trị qua, mà gốc rễ bệnh độc chưa trừ (trừ căn), sau lại phục phát. Ba sự hạng này, là nguyên nhân gây ra Bệnh Phục Tà.

Trong thời kỳ bệnh tà tiềm phục, thân thể tự cảm thấy không thư thái, song không trọng yếu lắm, nên phần nhiều bệnh nhân xem thường, mà không lo chữa trị, khi bị Tân Cầm, thì Phục Tà mới bộc phát. Cho nên rất một chứng *tán cảm* thì dễ trị, kiêm có *phục tà* từ trong phát ra, thì khó trị hơn.

Cách biện biệt: Chứng Cầm Mạo sơ phát, không có chứng *tiền khu* là *tán cảm*; có chứng *tiền khu* là *phục tà*, (Chứng *tiền khu* là, trước khi chớm phát bệnh đôi ba ngày, có ớn lạnh, xây xâm, ăn uống mất ngon, đại tiện không thông, lòng phiền táo, khát nước, tiền tiện vàng đỏ, lồng ngực bứt rứt.)

Mạch động bực Phù, tura lưỡi trắng là Bệnh Tân Cầm; Mạch động Nhược, hoặc Tế Trầm không sức, hoặc động Huyền Tế mà Táo (cấp), tura lưỡi hoặc lợt, hoặc dày, hoặc đỏ tươi không tura, đều là Phục Tà.

Giải thích Bệnh Tà Tiềm Phục

Xưa nói: Mùa Đông cảm thương khí hàn, Mùa Xuân tất phát Bệnh Ôn. Bệnh Phục Tà này mang danh: Hảo Thủy (1) — Cổ văn: Đông thương ư hàn, Xuân, tất Bệnh Ôn. Thử Phục Tà mang danh Hảo thủy — 古云: 冬傷於寒, 春必病溫, 此伏邪命名嚆矢). Nhiên cứu trên thực tế của bệnh lý, thì thấy sáu khí đều có khả năng

(1) Hảo Thủy là: tiếng vèo hướng đến trước của mũi tên, ví dụ mở đầu làm một công việc.

tiềm phục. Sách Nội Kinh chỉ nêu lên Chứng Phục Hàn, Chứng Phục Phong, Chứng Phục Thử, Chứng Phục Thấp làm tiền lệ, thì Chứng Phục Hỏa, Chứng Phục Táo, có thể suy tưởng mà biết được. Duy Thiên này giới hạn trong phạm vi bệnh chứng thuộc về Cảm Mạo Tinh, phát sinh theo thời lệnh của bốn mùa. Những Bệnh Tồn Tiết (1), Bệnh Giai Ngược (2), Bệnh Khái Thấu (3), mặc dầu người xưa đều có đề cập đến, song biên vào loại: Tiên Hóa Khi Bệnh, Hô Hấp Khi Bệnh, và Truyền Nhiễm Bệnh các tạp, mà không biên lẫn vào đây.

Các Y Gia từ đời Đường, đời Tống về sau, thì đặc biệt chú trọng vào danh từ Phục Hàn, kỳ dư các loại Bệnh Tiềm Phục khác, thì cho là người xưa đều đề cập đến. Khi chưa phát sanh tác dụng bệnh tật, dấu nhận cho là bệnh chứng Phục Tả, thì cũng hạn chế trong các bệnh: Tồn Tiết (癰池), Bệnh Giai Ngược (絞痧) và Bệnh Khái Thấu (咳喘).

Y Gia đời Thanh, Ông Hương Nham nói: Trị Chứng Phục Thử không giống Chứng Giai Ngược. (Thanh y gia Diệp Hương Nham thị: Vị Phục Thử Chứng trị, bất đồng Giai Ngược — 清醫家葉香岩, 謂伏暑症治不同核痧). Thực là lời nói có đầy đủ huệ nhĩa. Ông Lưu Kiết Nhơn, đem các bệnh chứng do sáu khí tiềm phục, liệt ở sau loại Bệnh Cảm Mạo, sắp đặt chung với loại tạp bệnh, cũng là một việc bất thông.

(1) Tồn Tiết là: Bệnh tiêu chảy, vật thực không tiêu hóa.

(2) Giai Ngược là: nói chung cho các Chứng Cữ Rét.

(3) Khái Thấu là: nói về các Chứng Ho.

Sách này trưng bày những bệnh chứng cảm thọ sáu khi trong bốn mùa, đồng thời phân biệt : thể nào là Bệnh Tân Cẩm, thể nào là Bệnh Phục Tà, ra làm hai loại như sau :

Cảm mà phát bệnh liền, là Bệnh *Tân Cẩm*.

Cảm mà không phát bệnh liền tiềm phục vào trong, gây cho công tác thể ôn, tuần hoàn, và tân trần đại tã, đều phải sanh biến hóa tương đương, chờ khi nào lại bị *Tân Cẩm*, thì bệnh mới phát tác, là Bệnh *Phục Tà*. Cảm thọ Bệnh *Phục Tà*, thì lấy khí Phong khí Hàn làm một loại : do không khí hàn lạnh kích thích ở phần bì phu, là kết quả làm trở ngại sự phóng tán của thể ôn, như : khi trời lạnh lẽo bất thường, mà mặc áo mỏng dính, hoặc khi trời nóng nực bất thường, mà ở trần tròng trực, là nguyên nhân gây ra bệnh. Và lấy Bệnh *Thử Nhiệt* làm một loại : Sau khi một nhọc, mình nóng ra mồ hôi, lại tắm nước lạnh ; mình nóng khát nước, ăn uống đồ hàn lương để trấn áp cho đỡ khát đỡ nóng, hoặc ở trần hứng gió, khiến cho khí nóng trong người đương bốc phát, tìm đường phát tiết ra ngoài, lại bị ngột ngạt ở trong. Sự phân biệt giữa bệnh *thử* và bệnh *nhiệt* : Lấy bệnh *Nhựt Xạ* làm bệnh *thử* ; bệnh thuộc về nhiệt tính, là bệnh *Nhiệt*.

Phân biệt bệnh phục tà ở phần khí hay vào phần huyết

Hiện nay các Thầy Thuốc ở thị thành không biết có *phục tà*, thấy bệnh chứng thuộc về Cẩm Mạo tính, đây

đưa nhiều ngày, biến chứng lằng xằng, thì cho là: đối với Y Học rất khó nghiên cứu. Khi nhìn thấy danh nghĩa *phục tà*, lại mờ mờ như người đi trong đêm tối, thực rất đáng phiền. Nguyên nhân bệnh Phục Tà tiềm phục, đã giải thích ở bài trước, bài này chỉ khu biệt bệnh tà còn ở phần khí, hay đã vào phần huyết mà thôi.

(Sách Y Ấn của Ông Mạnh Anb, luận về bệnh Phục Tà ở phần huyết khá rõ ràng, nhưng chưa giải rành nguyên lý). Thấy Thuốc xưa, đối với bệnh Ngoại Cảm, sơ dĩ nói về phần khí, là phần nhiều chỉ cho sự biến hóa của thể ôn, như: Phần khí bảo vệ bên ngoài, khí của Kinh Thái Dương, khí của Kinh Thiếu Dương các loại (vệ ngoại chi khí, Thái Dương Kinh khí, Thiếu Dương Kinh khí đẳng 一衛外之氣, 太陽經氣, 少陽經氣等.) Căn cứ theo đây, có thể thấy rõ: Bệnh ở Phần khí, là chỉ cho phương diện thể ôn, công dụng điều tiết (1) phóng tán bị mất chức.

Bệnh tà tiềm phục vào phần huyết, là chỉ cho: thành phần lão phế trong huyết dịch đáng được bài tiết, mà không thể bài tiết ra ngoài, theo định luật tán trần đại tả của sinh lý, mà lại uất nghệt ở trong, nên gây ra tác dụng tật bệnh.

Phục Tà của bệnh Phong Hàn, phần nhiều do thể ôn bị uất nghệt, làm hại lây đến sự vận hành của huyết dịch, khiến cho bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, độc tố phát sanh tật bệnh tuần tự nảy mầm trong huyết dịch, đó chính là bệnh tà từ phần khí truyền vào phần huyết.

(1) Điều tiết: nói về công dụng chi phối thể ôn đêm ngày đồng đều như nhau.

Phục Tà của *Bệnh Thử, Bệnh Nhiệt, Bệnh Táo, Bệnh Thấp*, phần nhiều do độc tố gieo mầm từ trong thân thể, khiến cho bộ máy tuần hoàn phát sanh chương ngại, hại lấy đến sự chi phối của thể ôn (1). Đó là bệnh tà từ phần huyết truyền ra phần khí. Nguyên lý bệnh Phục Tà ở phần khí hay ở phần huyết là như thế.

Nguyên lý của trọng chứng phát nóng, ôn lạnh

Bệnh Phong Hàn, thì lấy chứng hậu ôn lạnh làm chủ thể. Không khí lạnh lẽo kích thích, lỗ chân lông ở bì phu khàn trương, công tác đề kháng của thể ôn, dồn hết ra phần cơ biểu, cho nên thân thể phát nóng.

Bệnh Thử Nhiệt, thì lấy chứng hậu phát nóng làm chủ thể. Nhân vì khi hậu viêm nhiệt, khí nóng bên ngoài áp bách rất nặng, mà thể ôn trong người lại rất kết, không phóng tán được; tất nhiên sức nóng lên cao cực độ, phát sanh các hiện tượng: mặt đỏ, phiền táo, khát nước các hiện tượng.

Hiện tượng phát nóng ở phần bên ngoài tuy giống nhau, mà nguyên lý phát nóng giữa chứng Phong Hàn với chứng Thử Nhiệt không giống nhau, là như thế. Cho nên chữa chứng Phong Hàn, thì lấy thuốc phát tán làm đầu độc; trị chứng Thử Nhiệt, thì lấy thuốc thanh thấu làm trọng yếu. Chứng Phát Nóng của bệnh Tân Cầm, bệnh độc từ ngoài mà vào, nên dùng thuốc tuyên đạt làm chủ;

(1) Lý này giống như sức phản ứng chích huyết thanh.

Chứng Phát Nóng của bệnh Phục Tả. bệnh độc từ trong mọc ra, thì dùng thuốc thanh thần làm chủ. — Hoặc cho là : Phát Nóng là do tác dụng của sức đề kháng, còn đây chuyên chỉ nói riêng về bộ phận do cảm mạo Phong Hàn mà phát nóng.

Kia như : Chứng Phát Nóng thuộc về thần kinh tinh, là do cơ năng ôn chánh thần kinh bị biến loạn ; nhất kết nóng này, là do sức phóng tán của ôn độ bị giảm thiểu. (thấy ở bài Phát Nhiệt Chi Nguyên Lý, do ông Đình dịch). Hai loại Phát nóng này, có quan hệ với chứng Phát nóng của bệnh Phục Tả.

downloadsachmienphi.com

Phân biệt : biểu, lý, hàn, nhiệt.

(Trong Ngoài Lạnh Nóng)

Chứng *tân cảm* từ ngoài vào, cho nên nhiều chứng hậu ở phần biểu ; Chứng Phục Tả từ trong ra, cho nên nhiều chứng hậu ở phần lý. Nóng ở bên trong trán ngập, động mạch sung huyết, cho nên nhiều Chứng Nóng ; Tạng Tâm suy nhược, động mạch thiếu máu, cho nên nhiều Chứng Lạnh.

Vả lại, sở dĩ nói : Biểu Chứng, là chỉ cho phần cơ biểu bên ngoài bị khi Phong Hàn kích thích, lỗ chân lông đóng kín lại, thể ôn bị uất nghẹt ; sở dĩ nói : Lý Chứng, là chỉ cho công dụng bài tiết bị mất chức, căn bản vật thực đình tích ; sở dĩ nói : Nhiệt Chứng, là chỉ cho thể ôn sung thịnh, công dụng phóng tán bị mất chức, trong huyết dịch gây nên ôn độ rất cao, cho nên động mạch khắp châu thân, và Tâm tạng đều khẩn trương dị

thường, mới hiện ra trạng chứng Sung Huyết; sở dĩ nói: Hàn Chứng, là chỉ cho thể ôn xuống thấp, Tâm tạng suy nhược, máu đi chậm chạp, động mạch khắp châu thân chịu ảnh hưởng bản-huyết. Thậm chí biến chứng ỉa chảy không ngừng, mồ hôi ra không cầm được, bao nhiêu thể ôn sẵn có trong người hao tán hầu hết, đó là một loại hàn chứng rất nguy hiểm vậy.

Biện biệt

phần dinh, phần vệ, phần khí, phần huyết.

Hậu phương của vệ là khí, hậu phương của dinh là huyết. Bình ở phần Vệ dùng thuốc phát hàn thì rất thích đáng vậy. Bình đến phần Khí, thì nên dùng thuốc thanh khí; bình vào phần Dinh thì còn có thể dùng thuốc thanh nhiệt, bình độc trở ra phần Khí thì khỏi. Chỉ như bình độc vào phần Huyết, thì e hao máu, động máu, tức tốc phải dùng thuốc lương huyết, tán huyết v.v... (Vệ chỉ hậu phương ngôn khí. Dinh chỉ hậu phương ngôn huyết, tại Vệ hạn chỉ khả già. Đáo khí tại nghi thanh khí, nhập Dinh do khả thanh nhiệt, nhưng chuyển khí phần nhi giải. Chỉ nhập ư huyết, tắc khủng hao huyết động huyết, trực tu lương huyết tán huyết vân vân. 一衛之後方言氣, 營之後方言血, 在衛汗之可也到氣親宜清氣, 八營尤可透熱. 仍轉氣分而解. 至入於血, 則恐耗血動血, 直須涼血散血云云.

Bài này ở trong lời luận về bệnh Ôn Nhiệt của Ông Cổ Văn Cảnh, nương theo danh nghĩa của Ông Diệp Hương Nham mà lập thuyết vậy. Người đời sau cho lời biện biệt về dinh, vệ, khí, huyết, của Ông Diệp, ngang

hàng đồng bực với danh nghĩa sáu kinh của Sách Thương Hàn Luận. Song cũng có người xem lời luận của Ông là vọng ngôn không giá trị, mà tổ ý hoài nghi.

Thiết nghĩ, học thuyết được lưu truyền, trước hết phải nghiên cứu chỗ cừu cánh; danh từ đã thành lập, cần được trắc lượng ở giá trị, mới khỏi mang tiếng nhầm mắt tin mù. Sở dĩ nói Chứng Thương Hàn truyền sáu kinh, là Thầy thuốc xưa lấy hai chữ Thương Hàn bao quát cho tất cả những bệnh chứng bốn mùa cảm mạo mà nói.

Sáu kinh thì lấy Kinh Thái Dương làm đầu đọc. Định nghĩa cho Kinh Thái Dương, thì ngày xưa các nhà chú thích nói: Kinh Thái Dương lên trán, giao lên đỉnh đầu, xuống cần cổ (phía sau), hiệp với sống lưng, thẳng xuống eo lưng, và thẳng xuống đến bên ngoài đầu ngón chân út, là đường đi của kinh lạc Bàng Quang là sai. Hoặc nói: gốc lạnh, ngọn nóng, trung kiến Kinh Thiếu Âm, là kinh khí của Túc Thái Dương cũng sai.

Bởi Kinh Thái Dương là đại danh từ của thể ôn, thể ôn tức là tác dụng của Vệ Khí. Thầy thuốc xưa xưng là: nhẹ nhàng, mau mắn, trơn tru, nhanh-nhẹn, sung túc phần bì phu, ấm áp phần cơ nhục. (phiên bản hoạt lý, sung cơ nhiệt nhục—操悍滑利, 充肌热肉) là rất đúng, vì huyết dịch tuần hoàn khắp trong thân thể, có quan hệ với thể ôn rất lớn lao. Thầy thuốc xưa lại nói: Kinh Thái Dương thống lạc sự vận hành của phần Dinh phần Vệ (Thái Dương thống hạc Dinh Vệ chi vận hành—太陽統轄營衛之運行。) chính là ý này. Cho nên tôi cho là: Phần Dinh, Phần Vệ vận hành tự nhiên theo thường thái,

chính là thực tế của kinh Thái Dương, chứ không phải ở ngoài phần Dinh phần Vệ, riêng có một vật đặc thù nào khác, mang tên là : *kinh thái dương*.

Cái mà gọi là phần Vệ thọ tà, là chỉ cho thể ôn phóng tán bị chứng ngại; bệnh tà truyền vào phần Dinh, tức là thể ôn bị biến hóa, do sự biến hóa của thể ôn, mà bộ máy tuần hoàn lại bị chứng ngại. -- Hậu phương của phần Vệ là Khí, tức là chỉ cho thể ôn bị nút kết, hạn tuyến bị đình trệ, ảnh hưởng đến sự vận hành của lâm ba dịch. Hậu phương của phần Dinh là huyết, là chỉ cho bộ máy tuần hoàn bị chứng ngại, huyết dịch bị ứ đọng có thể gây nên huyết quần tắc nghẽn các chứng,

Sở dĩ Sách Thương Hàn Luận trong Thiên Thái Dương, ngoài phương pháp chữa trị bệnh chứng *Thương Dinh*, *Thương Vệ*, và *Dinh Vệ* cả hai phần đều thọ thương ra, thì đề cập tiếp theo các chứng : *khí trệ*, *đình ảm*, *súc thủy*, *kiết hung*, *bĩ mãn*, và các chứng : *huyết ngưng*, *sút huyết*, *phát hoảng*, *ứ huyết*, *thất huyết*, *phát cuồng*. *Dinh*, *Vệ* là nói về công dụng vận hành, *khí huyết* là nói về thực chất cụ thể, *Dinh*, *vệ*, *khí*, *huyết* là để phân biệt giới hạn của bệnh chứng ở cạn, hay đã vào sâu...

Trên Bình Thời Linh, các chứng hậu *tán cảm* hay *phục tà*, đều rất thích dụng cho phiên chuẩn chẩn đoán. Người sau không rõ lý này, nghĩ ngoài phần *dinh*, *vệ*, *khí*, *huyết* còn có *Kinh Thái Dương*. Kìa là bệnh *thương hàn*, bệnh của *Kinh Thái Dương*; đây là bệnh *Ôn Nhiệt*, bệnh ở *dinh*, *vệ*, *khí*, *huyết*. Vì lẽ ấy mà dựng riêng một màn, tách rời ra ngoài phạm vi của *Kinh Thái Dương* là sai, chỉ

tin có phương pháp chẩn trị của bệnh Ôn Nhiệt, mà bỏ sót bệnh Thương Hàn thì lại càng sai.

Sáu kinh là đề cương của bệnh thời lịnh

Hai chữ Thái Dương là đại danh từ của thể Ôn, thể Ôn là tác dụng của vệ khí, huyết dịch tuần hoàn khắp trong thân thể, có quan hệ với thể Ôn rất trọng đại. Cho nên thầy thuốc xưa thành lập danh từ Thái Dương, để thống hạc thường độ vận hành của Phấn Đình, Phấn Vệ. Bệnh Thời Lịnh (bao quát bệnh Thương Hàn, bệnh Ôn và bệnh Thử), khởi điểm đầu tiên của bệnh này là: phần bị phu cơ biểu bị uất át, làm trở ngại sự phòng tán của thể Ôn, *ôn lạnh, phát nóng, nhức đầu, không ra mồ hôi*, ấy là bệnh của Kinh Thái Dương. Lấy bệnh ở Kinh Thái Dương làm chủ thể, kỳ dư năm kinh, không kinh nào chẳng bị truyền, sau khi bệnh thể kè lưu năm sáu ngày, hoặc tám chín ngày. Nhân vì hạn tuyến nổi trệ nhiều ngày, hại lây đến sự vận hành của lâm ba dịch mà biến chứng; lồng ngực bị đầy, cạnh sườn đau nhói, lạnh nóng qua lại (hung mẫn hiệp thống, vãng lai hàn nhiệt — 胸滿脇痛, 往來寒熱). Đó chính là bệnh tà đã truyền sang Kinh Thiếu Dương. — Nếu thể Ôn thanh hành, bên trong sức nóng thái thâm, biến thành chứng cao nhiệt, tự ra mồ hôi, lòng bứt rứt, miệng khô khát nước (cao nhiệt tự hạ, tâm phiền khẩu khát — 高熱自汗, 心煩口渴). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Dương-Minh. Dầu người thể khí khỏe mạnh, không luận bệnh tà truyền biến đến trình độ nào, cũng không ngoài phạm vi của ba kinh dương, có thể đoán biết được.

Còn bệnh chứng ở *Tam Âm*, tuy có phân biệt lạnh nóng, song chủ thể của bệnh, không phải do ngoại tà xâm nhập, mà do công dụng của tạng phủ bị mất chức, bệnh nhân thể khí suy nhược, tình cờ bị cảm mạo, tất nhiên phát hiện chứng trạng của kinh âm. Kiềm có bệnh của trường vị, ưa mưa hạ lý (trường vị bệnh chỉ ần thổ hạ lý 一腸胃病之嘔吐下利). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Thái Âm. — Kiềm có bệnh của Tạng Tâm mạch động Vi Tế, buồn ngủ (mạch vi tế đục thuy — 脉微欲睡). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Thiếu Âm. — Kiềm có bệnh ở Hoành Cách Mạc, nhiệt khí xông lên, Tạng Tâm nóng xốt (khí thượng xung, tâm động nhiệt — 氣上衝心熱). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Khuyết Âm. Danh từ *Tam Dương*, *Tam Âm*, là phù hiệu cho thấy giới hạn của bệnh chứng, còn ở cạn hay đã vào sâu, bắt tất lấy đấy, để chỉ định thực chất trong tạng phủ bị bệnh hoạn. Người xưa sở dĩ nói về *tam âm*, *tam dương*, và truyền kinh, bốn ý của sự mạng danh bất quá là như thế.

Người Nhựt Bồn, ông Hỷ Đa Thôn nói: Trong Sách Thương-Hàn Luận, đã tá danh từ *tam âm*, *tam dương*, là để phân chia giới hạn: *Biểu lý*, *hàn nhiệt*, *hư thực*. Dương thì cương, Âm thì nhu, Dương thì động, Âm thì tĩnh, Dương thì Nhiệt, Âm thì Hàn, Dương thì Thực, Âm thì Hư.

Phạm Bệnh thuộc *dương* là thuộc *nhiệt*, thuộc *thực*, gọi là *tam dương*. Bệnh thuộc *âm*, là thuộc *Hàn*, thuộc *Hư*, gọi là *tam âm*. Lấy ba Kinh Dương mà luận: Bệnh ở Kinh Thái Dương, thì thuộc *biểu*, thuộc *hàn*; bệnh ở

Kinh Dương Minh, thì thuộc *lý thuộc nhiệt*; bệnh ở Kinh Thiếu Dương, thì thuộc *nửa biểu, nửa lý, có hàn có nhiệt*.

Lấy ba Kinh Âm mà luận: Bệnh ở Kinh Thiếu Âm, là bệnh của bộ máy tiêu hóa; bệnh ở Kinh Thiếu Âm, là bệnh nội phân bí của Tạng Tâm và Tạng Thận; bệnh ở Kinh Khuyết Âm, là bệnh Cách Mạc Viêm, và Vách ruột viêm. Danh nghĩa của sáu kinh có quan hệ với Đông y học là như thế.

Bệnh lý của ba kinh Dương

Thiên Thương Hàn Thái Dương Bệnh, phân biệt Chứng Thương Dinh, Chứng Thương Vệ, và Chứng Dinh Vệ lưỡng thương (Thương dinh thương vệ, lưỡng thương dinh vệ chỉ phân biệt 一傷營, 傷衛, 兩傷營衛之分別). Thuyết này do Ông Thành khởi xướng. Ông Phương phụ họa, đời gần đây đã trở nên một loại học thuyết, mà chính mấy ông tự mạng danh cho mình, là chuyên gia Thương Hàn. — Phân biệt Chứng có mồ hôi, không mồ hôi, phần biểu hư, phần biểu thực (hữu hàn, vô hàn, biểu hư, biểu thực chỉ phân biệt 一有汗, 無汗, 表虛, 表實, 之分別). Thuyết này do Ông Ca xướng suất. Ông Từ phụ họa, lại cũng trở thành một loại học thuyết, chính mấy ông tự mạng danh cho mình là chuyên gia Thương Hàn, ở đời gần đây. Cứu cánh không biết lấy chỗ nào làm chiết trung.

Tôi cho là: Chứng Ôn Lạnh, Phát Nóng của Bệnh Thương-Hàn, là do Hàn tà xâm nhập vào bì phu, làm trở ngại công tác phóng tán của thể ôn, mà huyết dịch tuần hoàn, đối với thể ôn có sự liên hệ trực tiếp lẫn

nhau. Nhân vì thể ôn nhất kết, làm chứng ngại cho bộ máy tuần hoàn, đó chính là bệnh lý của Thiên Thái Dương. So sánh với Thuyết *thương dinh*, *thương vệ* có phần xác thực hơn.

Còn lấy chứng hậu có mồ hôi, không mồ hôi, để phân biệt biểu, lý, hư, thực. Nhưng chứng ra mồ hôi, có do giao cảm thần-kinh bị thủy hoãn, đó là do Cường Trúng Phong mà ra mồ hôi. — Có do Chứng Nội Nhiệt thành hành, thể ôn viêm chứng, thân thể nóng rực mà tự ra mồ hôi, thì lấy phương pháp nào để phân biệt chỗ hư thực của phần biểu, phần lý?

Thiên Thiếu Dương Bệnh, nói về bệnh ở Kinh Thiếu Dương, là do lâm ba dịch nhất kết, hạn tuyến bị đình trệ, cho nên lạnh nóng qua lại, lồng ngực bị mãn, cạnh sườn đau nhói. Hiện tượng lạnh nóng qua lại, là: lúc lạnh thì chẳng nóng, lúc nóng thì chẳng lạnh; đối với bệnh ở Kinh Thái Dương, vừa phát nóng, vừa ôn lạnh trong một lúc, không giống nhau. Nên dùng thuốc thanh nhiệt tuyên thông, tá lấy thuốc tiên đạo.

Thiên Dương Minh Bệnh, nói về bệnh ở Kinh Dương Minh, là do thể ôn nhất át, công dụng phóng tán bị mất chức, khi nóng nhen nhúm trong thân thể với một độ tối cao, động mạch có hiện tượng sung huyết; cho nên thân thể nóng nẩy bứt rứt và khát nước. Xưa nay gọi là Kinh Dương Minh. — Dương Minh thực chứng, là thuộc về nhiệt tính bệnh. Vì ở trong ruột bị cấu bã ứng trệ, trở thành ở trong ruột thực đáng làm hạ của chứng thừa *khí thang*. Xưa gọi là: bệnh ở Phủ Dương Minh, chứng thuộc thực, có phân khô ráo dính tích.

Lại còn có danh nghĩa: *thái dương, dương minh; chánh dương, dương minh; thiếu dương, dương minh*. Đa số các nhà chú thích, nhận cho là: *thái dương, thiếu dương và dương minh* hợp bịnh. Thiên này, Điều Thương Hàn Dương Minh, theo lời lẽ của Sách Thông Tục *thương hàn luận*, ông Du Căn Sơ nên cho thấy: Bịnh chứng của sáu kinh, trong ruột đều có thể bị đình trệ, lại thêm Ba Kinh Âm hợp với thực chứng đình trệ ở trong ruột, ý kiến Ông có thể giúp cho quá trình nghiên cứu của kẻ sơ học được thêm dồi dào.

Nếu muốn tìm hiểu bản ý lập luận của ông Trọng Cảnh, thì ông Trương Sơn Lôi nói: Kinh Thái Dương, Kinh Dương Minh là nóng rất dữ dội; Kinh Thiếu Dương, Kinh Dương Minh là nóng mới sơ sanh (Thái Dương Dương Minh vì nhiệt chí dữ dội, thậm, Thiếu Dương Dương Minh, vì nhiệt chí sơ sanh—太陽陽明, 為熱之已甚, 少陽陽明, 為熱之初生). Và tuân theo Sách Thiên Kim Dục, đem chữ thiếu (少) của Thiếu Dương Kinh, đổi lại chữ vi (微), lời giải thích biên rõ ở Sách Y Giới Xuân Thu kỷ thứ ba mươi hai, ý nghĩa rất tinh đáng.

Giải thích bịnh chứng truyền biến sáu kinh

Sách *Nội Kinh* có câu: Ngày thứ nhứt Kinh Thái Dương thọ tà, ngày thứ hai Kinh Dương Minh thọ tà v. v... (nhứt nhựt Thái Dương thọ chí, nhị nhựt Dương Minh thọ chí đẳng ngữ—一日太陽受之, 二日陽明受之等語). Sách Trung Tạng Kinh có câu Ngày thứ nhứt bịnh ở bì, ngày thứ hai bịnh ở phu (nhứt nhựt tại bì, nhị nhựt tại phu—

一日在皮，二日在膚). Thấy thuốc đời sau, những người chết cứng dưới mảy cá này, nghi ngờ cho Bình Thương Hàn mỗi ngày truyền một kinh, từ Kinh Thái-Dương tuần tự truyền đến Kinh Khuyết Âm. Lại còn sáng lập thêm, bệnh tà có do theo khí mà truyền, có do theo kinh mà truyền, các thuyết (hữu khí truyền, hữu kinh truyền — 有氣傳有經傳) so sánh trên thực tế của bệnh chứng, trở thành lời nói trong mộng, suy cầu theo nguyên văn của ông Trọng Cảnh, thực không phù hợp chút nào.

Chữ *Truyền Kinh* (傳經) trong Sách Thương Hàn Luận của ông Trọng Cảnh, với chữ *Truyền Kinh* (傳經) trong Sách Nội Kinh không giống nhau. Vì vậy, những nhóm người tư tưởng có phần linh mẫn hơn, trên chỗ lập ý cho là: Bệnh ở đâu thì nhắm ngay vào đó, thấy chứng nào thì trị trạng này (duy bệnh thị trị, kiến chứng trị chứng — 惟病是視, 見證治證) đặt sáu kinh ra ngoài vòng « bất tức khinh trọng ». Thế mà từ trăm ngàn năm đến nay, dấu bực Y Hiên cũng không thoát khỏi cái vòng lần quần này.

Theo ý tôi, bệnh chứng ở ba Kinh Dương, đa số chỉ cho công dụng điều tiết phóng tán của thể ôn bị biến hoá, lúc sơ khởi bệnh chứng cảm thương, đều thuộc về công năng của thể ôn bị mất chức; sau khi thọ bệnh năm ba ngày, bệnh tà truyền sang Kinh Thiếu Dương, hoặc truyền sang Kinh Dương Minh, đã truyền một lần rồi, thì nhất định không bị tái truyền lần thứ hai. Cho nên trong nguyên văn Sách Thương Hàn Luận, đoạn nói về bệnh ở hai Kinh: *Thiếu Dương* và *Dương Minh* có mấy chữ « mười ba ngày, mười bốn ngày » có thể thấy rõ

bệnh ở Kinh Thiếu Dương với Kinh Dương Minh đều có chứng hậu và ngày giờ cố định. Còn như Chứng Nội Nhiệt tràn ngập, và trong ruột có cặn bã đình tích, phát sanh hiện trạng hợp bệnh, đó là trường hợp trong bệnh chứng này, kiêm có bệnh chứng khác, không thể nói là : *Truyền Kinh*.

Đoạn trên luận về nguyên lý truyền biến của ba *Kinh Dương*. Còn bệnh ở Kinh Thái Âm, thì là mửa đau bụng của Bệnh Trường Vị, nhân vì là mửa thái quá, hại lấy đến Tạng Tâm suy nhược, đó là bệnh tục phát của Bệnh là mửa gây ra, không thể cho là bệnh tà truyền vào Kinh Thái Âm. Nhân Tạng Tâm suy nhược, tục phát Chứng Cách Mạc Viêm, thì cũng là bệnh tục phát của bệnh chứng trước, không thể gọi là bệnh tà truyền vào Kinh Khuyết Âm.

Trên đây luận về nguyên lý truyền biến của ba *kinh âm*, đến đây đã nhận thấy rõ ràng, thì sự ngộ hời của Thuyết Truyền Kinh, không cần dả phá cũng tự tiêu tan.

Lại nữa, Thầy Thuốc xưa nói : Bệnh ở Ba Kinh Dương thì nhiều chứng nóng, bệnh ở ba Kinh Âm thì nhiều chứng lạnh (tam dương kinh đa nhiệt chứng, tam âm kinh đa hàn chứng — 三陽經多熱證, 三陰經多寒證) Ý tưởng, một khi bệnh tà truyền vào ba kinh âm, thì nhiệt chứng lập khắc hóa thành hàn chứng. Việc kỳ văn này, xưa nay trong nước cũng như ngoài nước chưa bao giờ nghe thấy, thực là cái ngu của người xưa không thể bì kịp. (cổ nhân chi ngu, thành bất khả cập). Cho nên sách này, xác nhận

bệnh chứng ở Ba Kinh Âm, là do công dụng của tạng phủ tự khởi biến hóa, mà trực tiếp phát sanh ra các loại bệnh chứng. Kỳ trung mặc dầu cũng có khi nhân vì khí phong hàn kích thích mà sanh bệnh, song nhất định không phải do *truyền kinh* mà gây ra vậy. Và cũng không có lý do trong sáu ngày, bệnh tả truyền đáp sáu kinh.

Theo chỗ tôi chủ trương, thì lấy bệnh chứng ở Ba Kinh Dương, làm bệnh chứng *tân cảm*, nên tùy theo trạng thái phát hiện của bệnh mà sắp vào Thiên Cảm Mạo. Còn bệnh chứng của Ba Kinh Âm, là do công dụng của tạng phủ tự khởi biến hóa, thuộc về phạm vi của tạp bệnh, nên sắp vào các môn bệnh của bộ máy tiêu hóa, bộ máy tuần hoàn, và bệnh ở lồng ngực, trong bụng. Lấy đây để phân chia ranh giới, thì ý nghĩa của sáu kinh mới thấy được rõ ràng.

Sự cách ngọị giữa các nhà y học xưa và nay đối với sáu kinh

Ông Quán nói: Sách Thương Hàn Luận, chỗ trọng yếu duy nhất, tức là *sáu kinh*, mà chỗ khó giải duy nhất cũng là *sáu kinh*. (Quán thị vân: Thương Hàn Luận đệ nhất trọng yếu chi xứ, tức vị lục kinh, đệ nhất nan giải chi xứ, diệc vị lục kinh (譚氏云:傷寒論第一重要之處,即為六經,第一難解之處,亦為六經)). Ông Dư biện biệt rằng: Trong Sách Thương Hàn Luận, chỗ tối vô lý, không đâu bằng *sáu kinh*. Chỗ tối vô vị cũng không đâu bằng *sáu kinh*. Có lẽ Sách Thương Hàn Luận vốn không *sáu kinh* đáng nói, mà ông Trọng

Cảnh cổ gẫu chia làm sáu kinh vậy v.v... 余氏 外云：傷寒論中，最無理者，莫如六經，最無謂者亦莫如六經。蓋傷寒本無六經可言，仲景強分為六經也云云。

Tôi thì cho là: muốn bảo tồn danh từ Y Học của đời Thượng Cổ, trước hết phải nghiên cứu căn bản trên nguyên lý, tham hợp với thực tế. Nếu không có tinh thần nghiên cứu, duy trì mãi thái độ sòng bái bích rôm, tức là nhắm mắt tin mù. Muốn xóa bỏ những trần án của người xưa, trước hết phải hiểu rõ xu thế của học giả đương thời, và nguyên lý của sự mạng danh. Bỏ không rõ thấu ý này, chấp trước theo ý riêng của bản ngã, tự tiện san tước cổ thư, tức là vô đoán, không phải là thái độ của học giả.

Hiện đại, phương pháp nghiên cứu Khoa Y Học Cổ Truyền không khác nào nhà khai khoáng (tìm mỏ) đeo đuôi theo việc khai quật, và sự nỗ lực tiến hành của nhà thám hiểm, công tác của tiền đồ còn nhiều, không nên vội vã hoài bão lạc quan, bện ngày xong việc. Danh nghĩa Sáu Kinh, đối với vấn đề Đông Y Học đã trở thành một bài toán đố, mà ngàn đời chưa tìm ra đáp số.

Tôi từng đứng trên cương vị thực tế, khảo sát giới hạn của các bệnh chứng, được rõ: Chứng hậu ở Ba Kinh Dương, là những chứng hậu tất phải có, theo sự thay đổi của thời令. — Chứng hậu ở Ba Kinh Âm, là do công dụng của tạng phủ tự khởi biến hóa. Các y gia đời trước, những kẻ trầm mê không biết trở lại, nhận Sáu Kinh là vật báu bí mật của thiên kinh, địa nghĩa; những kẻ

tự cho chủ trương của mình là phải, thì cực lực công kích thành qui của *Sáu Kinh*. Do đấy có thể biết được, mấy ông ấy đối với học thuyết *Sáu Kinh*, không có một ông nào nhận thức triệt để.

Bình Ôn với Tam Tiêu

Ông Lục Chi nói: Trong Sách *Lâm Chứng Chỉ Nam Y An* ông Dương án rằng: Sách *Thương Hàn Luận* của ông Trọng Cảnh, trước hết phân biệt *Sáu Kinh*. Lời luận về Bình Ôn Nhiệt của ông Hà Gian, cần phải nghiên cứu *Ba Tiêu* (tam tiêu). Trọng Cảnh *Thương Hàn* tiên phân lục kinh. Hà Gian ôn nhiệt, tu cứu tam tiêu — 仲景傷寒先分六經，河間溫熱須究三焦)

Vả lại, phương pháp trị liệu của ông Lưu Hà Gian cũng lấy *Sáu Kinh* làm định luận, hai chữ *Tam Tiêu* trước sau không hề thấy trong sáu loại sách (!) của ông thực không rõ mọi dân ra trong Sách *Chỉ Nam* có lời nói này. Chứ lâu sự nhớ, Sách *Chỉ Nam* với lời luận về Bình Ôn (論瘟) của người Tây Xương, lại nhận cho là lời luận về Bình Ôn (論溫) của ông Hà Gian. Ước lược nhớ ra sách của ông Hà Gian, người ta nói khác hơn sách của ông Trọng Cảnh, cho nên không ngại đạo danh của ông Hà Gian vậy. Xem mấy chữ *Tiên Phán*, *Tu Cứu* (先分，須究) cũng là hoàn toàn không thành cú pháp, lại còn mượn danh của bậc đại y mà thiên hạ đều biết tiếng, để khai cái tẻ « Học thuyết *Tam Tiêu* » của ông Ngô Các Thông, đặt Học Thuyết *Sáu Kinh* ra ngoài vòng, không cần hiểu biết đến.

Sao chẳng hiểu, đề cương *sáu kinh* trong Sách *thương*

hàn-luận, dân có phải riêng về Bệnh Thương Hàn mà đặt ra; bỏ sách *Thương Hàn Luận* thì sáu kinh thất truyền, bỏ sáu kinh thì sách *thương hàn luận* thất truyền. Thế thì ai dám cho lời nói của Sách Chỉ Nam là không quan hệ đến đại cuộc.

Ông Ngô Cúc Thông biên Sách *Ôn Bệnh điều biến* nói: Đại phạm Bệnh Ôn đầu tiên phát khởi ở Thương Tiều, tại Kinh Thủ Thái Âm, rồi do Trung Tiều lần hồi truyền xuống. (Vị phạm bệnh ôn giả, thủy ư thượng tiều, tại Thủ Thái Âm, do trung-tiều đệ truyền nhi hạ—*凡病溫者，始於上焦在手太陽，由中焦遞傳而下*.) Lại nói: Bệnh Ôn trải qua trước sau đều ở Phủ Tam Tiều (Huyện vị ôn bệnh chỉ kinh quá, thủy chung giai tại tam tiều—*又謂溫病之經過，始終皆在三焦*.) Lấy tiên đề này, tự cho là: Bệnh Ôn Nhiệt có khác hơn bệnh Thương Hàn truyền biến *sáu kinh*.

Ngoài việc mượn danh Ông Lưu Hà Gian ra, Ông Lục Cửu Chi còn lời Bộ Sách *Mậu tu luận trị* của Ông Thế Bồ Trai ra chỉ trích những chỗ sai quấy, Ông Lục cho là: công trị những chỗ tác nguy. Thế mà thuyết Bệnh Ôn truyền biến ở Tam Tiên của Ông, lại hóa ra không đất cặm dùi. Song gần đây các Thầy Thuốc ở Thị Tỉnh, phần nhiều còn sùng phụng căn bản thừa thừa của Thuyết Tam Tiên. Hoặc có người nói: Thuyết này do Ông Ngô Cúc Thông nguy tạo, kẻ thì nói: Ông Hà Gian chưa hề đề cập đến, khởi đầu tạo ra thuyết này, chính là Ông Ngô, nói sao cũng được.

Theo ý tôi thì cho là, Thuyết Ôn Bệnh ở Tam Tiên

nếu quả đúng vững, thì Bình Ôn ở Thượng Tiêu, tất phải cấm hẳn uống nước, uống thuốc ; nếu uống nước uống thuốc thì bệnh sẽ truyền vào Trung Tiêu. Bình Ôn ở Trung Tiêu, tất phải cấm dùng thuốc thông lợi đại tiểu tiện, bởi vì thông lợi đại tiểu tiện, bệnh sẽ truyền xuống Hạ Tiêu. Thuyết pháp như thế, thực đáng buồn cười.

Thế thì, thuyết Tam Tiêu như thế nào ? Các y gia ở đời gần đây có nói : *Thượng tiêu* như giọt sương, thuộc về bộ máy tuần hoàn. (*Thượng tiêu* như vụ, thuộc tuần hoàn khí—上焦如露, 属循環器). *Trung tiêu* như bọt nước, thuộc về bộ máy tiêu hóa. (*Trung Tiêu* như âu, thuộc tiêu hóa khí—中焦如沤, 属消化器). *Hạ tiêu* như sông ngòi, thuộc về bộ máy bài tiết. (*Hạ tiêu* như đợc, thuộc bài tiết khí—下焦如瀉, 属排泄器). Ông Chương Thái Viêm thì nói *tam tiêu* tức là ống lâm ba. (Chương Thái Viêm thì, tắc vị Tam Tiêu tức lâm ba quản—章太炎氏, 則謂三焦即淋巴管). Chính là người thấy trí, thấy naon, chỗ thấy của ông có lý do tương đối. Nhưng ông chỉ giải thích danh nghĩa *tam tiêu* trên sinh lý mà thôi.

Tôi thì hiểu : Danh nghĩa *tam tiêu*, khá dĩ để làm phù hiện cho giới hạn căn sâu, trên chỗ trái qua của bệnh chứng.

Thượng Tiêu : đại biểu thời kỳ bệnh chứng sơ phát.

Trung Tiêu : đại biểu thời kỳ bệnh chứng kế tục tiến hành.

Hạ Tiêu : đại biểu thời kỳ bệnh chứng giảm thối, thân thể suy nhược.

Đây là khúc giải theo ý kiến tôi, không phải bôn ý của Ông Các Thông vậy.

Lại nữa, xét về bệnh Thương Hàn Ôn Nhiệt, cũng đồng một loại với Bệnh Cảm Mạo, trạng chứng phát bệnh đại lược vẫn giống nhau, duy có lúc sơ khởi, ôn lạnh cùng chẳng ôn lạnh, khát nước cùng chẳng khát nước, sai biệt nhau thôi. Kinh Thái Dương là đại danh từ của thể ôn, thống hạc sự vận hành của phần Dinh, phần Vệ đúng theo chừng mực. Phàm những bệnh chứng tán cảm, không ngoài phạm vi của Kinh Thái Dương.

Ông Ngô Cúc Thông nói: Bệnh Ôn Nhiệt ở tam tiêu, lúc sơ khởi thì bệnh tà ở thương tiêu, rồi lần hồi truyền xuống trung tiêu và hạ tiêu. Song trong lúc lâm sàng chẩn đoán, thì không thấy có mạch, chứng gì dị biệt để làm bằng cớ. Không biết chỗ thấy của ông Cúc Thông ở đâu, mà biết được ở bệnh của Chứng thương hàn ôn nhiệt bất đồng như vậy. So sánh lại, ông Lục Cửu Chỉ, lấy Sách Chỉ Nam để viết tạo ra Bệnh Ôn Nhiệt ở tam tiêu, mượn danh ông Lưu Hà Gian để làm công cụ dối đời. Đột Hoài Âm ông Ngô Cúc Thông nghe lỏm theo, rón gượng phân chia ngũ ngách tam tiêu với sáu kinh mới thành ra có việc dĩ ngoa truyền ngoa vậy.

Luận về bệnh Ôn Dịch nguyên nhân do tạp khí gây ra

Khí hậu của thời lịnh thay đổi, cảm thương mà rầy cho thể ôn sai với thường thái, đều là chứng hậu sơ khởi của bệnh Thời Lịnh, ngày xưa bao quát chung với bệnh Thương Hàn của Kinh Thái Dương. Còn có bệnh cơ tiềm phục, ở trong bị uẩn át, thì gọi là phục tá. Khi Phong, Khi Hận, Khi Thử, Khi Thấp, không có khí nào

mà chẳng tiềm phục được. Phục tà phát khởi ra phần cơ biểu, thì trong Sáu Kinh, không có kinh nào mà chẳng phát sanh bệnh chứng được. Thế nên thầy thuốc xưa, cho là bệnh chứng bốn mùa, bệnh *tân cảm*, bệnh *phục tà*, đều bao quát trong sáu kinh. Duy có tà khí uế trước, từ miệng mũi hít vào, truyền vào phần Đỉnh, thì ông Ngô Hựu Khả và ông Dương Lật Sơn, nhận cho là tạp khí. Mặc dầu giống với các bệnh tà tiềm phục ngoại phát, nhưng nguyên nhân thọ bệnh, và trạng chứng phát hiện cần phải phân biệt.

Một mặt thì, căn cứ theo khí hậu lạnh nóng của thời lệnh thay đổi; một mặt thì, căn cứ trên sự truyền bá uế trước của mỗi địa phương, đem đến một loại bệnh khuẩn hữu tính, do vi sinh vật truyền nhiễm. Sở dĩ nói : Bệnh tà từ miệng mũi mà vào, thì nên nói là : *Bệnh Khuẩn Truyền Nhiễm* cho rõ ràng hơn.

Trước giả cho ông Ngô, ông Dương gộp chung hai bệnh Ôn Dịch và Ôn Nhiệt lại làm một, mà luận trị lẫn lộn nham, e không tránh khỏi cái tệ lộn xộn không rành. Lại còn xác nhận Bệnh Chứng Phục Ôn là bệnh Ôn Dịch và muốn đánh đổ những thành án cũ lịch đại y gia lý luận về bệnh Phục Ôn. Lập thuyết lỗ mãng e không tránh khỏi vì chỗ sơ suất mà hại người Cho nên cần được đặc biệt cử chánh.

Chỗ dị đồng của Tân Cảm, Phục Tà, Thương Hàn, Ôn Bệnh

Từ Đời Thanh về sau, nói về bệnh cơ của chứng

Ôn Nhiệt, phần nhiều giống nhau ở chỗ : Bệnh Thương hàn, thì bệnh tà từ ngoài vào, cho nên dùng thuốc phát hàn càng sớm càng tốt. Bệnh Ôn nhiệt, thì bệnh tà từ trong ra, cho nên dùng thuốc thông hạ càng sớm càng hay. Lấy đây để hoạch phân ranh giới Hồng Câu giữa bệnh Ôn Nhiệt và bệnh Thương Hàn, sự thực không phải thế.

Nên dùng thuốc phát hàn, hay thuốc thông hạ, tất phải nhằm vào bệnh chứng phát hiện làm tiêu chuẩn. Nếu không khảo sát bệnh chứng cách tinh thường, chỉ câu chấp lấy danh từ *Thương Hàn*, *Ôn Nhiệt*, theo thành kiến khẳng định, thì không tài nào tránh khỏi sai lầm. Muốn biết đến chỗ cứu cánh, trước hết phải khảo sát ý nghĩa của sự mạng danh.

Thầy Thuốc xưa, lấy hai chữ *Thương Hàn*, để tổng xưng cho tất cả bệnh chứng *Cảm Mạo*, bao quát: *Chứng Phong*, *Chứng Ôn*, *Chứng Thử*, *Chứng Thấp* các chứng. Câu « từ ngoài vào trong » là chỉ cho các bệnh *Tân Cảm*. Hai chữ « *Ôn Nhiệt* » là biệt danh của bệnh *Phục Tà* ở bốn mùa. Phần bệnh tà tiềm phục, không chờ bị cảm mạo, mà bệnh tự phát, đều là bệnh *Phục Tà*, và bệnh tình truyền biến, hết lớp này mọc ra lớp khác không cùng (giải rõ trong bài *Chứng Hậu Các Bệnh* của sách này). Thầy thuốc xưa, chỉ lấy câu : « dùng thuốc thông hạ càng sớm càng tốt » làm bao quát, thì đủ thấy chỗ gián lộ của Thầy Thuốc xưa là dường nào.

Bệnh Ôn Tà cảm thọ từ trên miệng mũi vào.

Thầy thuốc đời nay, đều nhận cho là : Bệnh độc Thương

Hàn từ bì mao chui vào ; bình độc của Bình Ôn Dịch từ miệng mũi chui vào. Họ nói cách đường thấy rõ ràng như vậy.

Ông Cổ Cảnh Văn nói : Bình độc Ôn Dịch cảm thọ ở thượng bộ. (Ôn tà thượng thọ — 溫邪上受).

Ông Hoa Trục Văn nói : Bình độc Ôn Dịch cảm xúc, chỉ lấy miệng mũi làm giới hạn — (Ôn tà chỉ cảm xúc, chỉ dĩ khẩu tỷ vi hạn — 溫邪之感觸, 只以口鼻為限). Trước giả thì nhìn thẳng vào sự diễn biến của bình cơ mà quan sát lấy. — Ông Ngô Hựu Khả nói : Bình độc Ôn Dịch là do bình khuẩn truyền nhiễm, đường lối xâm nhập vào thân thể con người, không thể lấy miệng mũi làm giới hạn. (Ôn dịch chỉ tà, vì bình khuẩn chỉ truyền nhiễm, kỳ đồ kinh, tả bất năng dĩ khẩu tỷ vi hạn — 瘟疫之邪, 為病菌之傳染, 其途徑且不能以口鼻為限). Nếu khi hậu bốn mùa thay đổi, thân thể cảm giác lạnh nóng bất thường, thì đầu phải riêng có miệng mũi gánh lấy trách nhiệm.

Hàn tà kích thích ôn độ ở phần bì phu, vì lẽ ấy mà người xưa xác nhận là « bình độc Thương Hàn theo phần bì phu mà vào. » Còn như gặp lúc khi hàn nóng nực hoặc sức nắng như thiêu như đốt, cảm thọ thành bệnh, sự vận hành của phần Dinh, phần Vệ phát sanh chứng ngại ; lúc đầu khởi bệnh, thể ôn tất nhiên bị biến hóa tương đương, là thấy rõ không phải do miệng mũi thọ tà vậy.

Họt: cho danh từ « ôn tà thượng thọ » của ông Cổ, là nói về khi hậu ôn nhiệt dồn ép, ôn độ lên cao, huyết

quần ngấn ngbet ở trong. Trông lúc công dung phóng tán của thể Ôn mất chức, thì sự điều tiết trong thân thể, tất phải nhờ ở sự ho hen thở gấp của Phổi, để rán tìm lấy sự khôi phục cho sinh lý. Song sức phóng tán thể Ôn ở trong thân thể con người, công tác của lỗ chân lông, chiếm lấy tám chục phần trăm (80 %) trong toàn thể.

Chứng *thương hàn* của *Thang ma hoàng*, là vì quá sử: ôn lạnh, da thịt co rút, lỗ chân lông đóng chặt, thể Ôn không thể theo lỗ chân lông phóng tán ra bên ngoài, mới bôn tập lên Phổi gây ra Chứng Khí Suyễn. *Thang ma hoàng*, *thang ma hoàng nhĩ việt tỳ nhứt*, *thang ma hạnh thạch cam*, đều do trạng chứng này mà lập pháp. Đem câu: « ôn tà thượng thọ » của Ông Cổ, để giải thích cho bệnh lý của chứng nậu này, thực rất phù hợp.

Người ta không rõ được lý này, muốn mượn danh nghĩa của Bình Ôn Nhiệt, dựng lên một màu cờ riêng biệt. Còn Ông Cúc-Thông thì trộm lấy bọ dãi của người trước, lại muốn cùng Sách *thương hàn luận* của Ông Trương Trọng Cảnh, chia cắt một nửa giang san. Thực là không hiểu được bệnh lý Thương Hàn Ôn Nhiệt chút nào.

CHƯƠNG THỨ BA

PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN BỆNH THỜI LẠNH

Phương pháp chẩn đoán Bệnh Thời Lạnh khá nhiều, ở đây chỉ chọn lấy năm phép giản yếu, phân biệt giải thích như sau :

1. Phân biệt bệnh Tân Cầm, bệnh Phục Tả. Bệnh chứng Thời Lạnh, điều cần phân biệt trước nhất là *tân cầm* và *phục tả*. Bệnh *tân cầm*, bệnh nhân sức khỏe đầy đủ, cảm thọ bình độc khinh siễn, thì chữa trị rất dễ công hiệu, có khi không cần chữa trị, bệnh cũng tự khỏi.

Bệnh *phục tả*, thì bệnh nhân sức khỏe yếu đuối, mà bệnh độc sâu nặng và truyền biến khôn lường, cần được chữa trị hợp pháp, ví như: lột chuỗi ươn tơ, hết lớp này đến lớp khác không cùng. Nếu không phải bậc y gia kinh nghiệm sung túc, ít khi tránh khỏi bệnh tình mê hoặc. — Chỉ rõ phương pháp phân biệt: Bệnh thể từ ít, lần hồi tăng nhiều, là do *tân cầm*. Một khi mắc bệnh, nước tân dịch tức thời tỏa thương, biến chứng luân phiên phát tác, thì biết ngay là *phục tả*.

2. Lạnh hay Nóng. Bệnh tả ở phần biểu, hay vào phần lý, tất phải phân biệt rành rẽ. Chỗ ưu điểm của Y Học Cổ Truyền, là ở nơi phân biệt *biểu, lý, hàn, nhiệt* của bệnh cơ. Khí hậu của thời lạnh thay đổi, sanh

ra các loại bệnh chứng, chính là chỗ trị liệu rất đặc trưng của Đông Y. Cho nên *biểu, lý, hàn, nhiệt*, chiếm lấy một địa vị rất trọng yếu trong sách *thời linh bệnh học*, phân biệt biện luận như sau:

1.— BIỂU HÀN CHỨNG (Chứng lạnh ở phần cơ biểu).

Phạm bệnh đầu nhức, mình nóng, sợ gió, ớn lạnh, cổ đơ, lưng đau, mạch đi khẩn, không mồ hôi, ấy là chứng lạnh ở phần biểu.

2.— LÝ HÀN (CHỨNG) (Chứng lạnh ở phần lý)

Tay chân lạnh đồng, mạch đi Vi; ỉa nước trong có mùi tanh như mùi Cải Bẹ Xanh, ấy là Chứng Lý Hàn.

3.— BIỂU LÝ GIẢI HÀN CHỨNG (Chứng Trong ngoài đều lạnh)

Đầu nhức, ớn lạnh, không mồ hôi, đau bụng, mưa ỉa, tay chân lạnh, mạch đi Trầm, ấy là Chứng Trong Ngoài đều Lạnh.

4.— BIỂU NHIỆT CHỨNG (Chứng ở phần cơ biểu)

Phạm Chứng Ôn Thủ chẳng ớn lạnh, chỉ phát nóng, tự ra mồ hôi, lòng hút rút, miệng khát nước, ấy là Chứng nóng ở cơ-biểu.

5.— LÝ NHIỆT CHỨNG (Chứng nóng ở phần trong)

Tay chân ra mồ hôi, phát tác triền nhiệt, không đi đại tiện, bụng trướng đầy, lòng rút rút, sợ nóng, hen

suyền, không nằm được, trong bụng chuyển hơi đánh rầm, nóng lắm thì phát cuồng, ấy là chứng Nhiệt ở trong.

6. — BIỂU LÝ GIAI NHIỆT CHỨNG (Chứng trong ngoài đều nóng)

Chứng Triều Nhiệt, tự ra mồ hôi, bụng trướng đầy, đại tiện không thông, lòng bứt rứt, nói xam, họng khô, lưỡi ráo các chứng.

7. — LÝ CHÂN NHIỆT, NHI BIỂU DẢ HÀN CHỨNG.

(Chứng trong chân nhiệt, mà ngoài dả hàn)

Phạm lưỡi nóng họng khô, tưa lưỡi mọc chông gai, cuồng hống sưng đau, chón thủy bì đầy, bụng trướng, lấy tay đè lên thì đau lắm, khát nước mà dỗi uống nước lạnh, đại rít, nước tiểu đỏ, đại tiện bị kiệt mà phân dẻo như sáp, hoặc ỉa nước trong, mà mũi hơi thúi gắt gao, ấy là Chứng ở trong Chân Nhiệt. Dày có phần da thịt khắp cả người sờ lạnh như nước đá, móng tay xanh đen, sán mạch động nhỏ rút như sợi tơ. Ông Ngô Hựu Khả nói : Thân thể lạnh, mạch động lạnh. (thể khuyết, mạch khuyết — 體厥脉厥) chính là bệnh này vậy.

8. — LÝ CHÂN HÀN, NHI BIỂU DẢ NHIỆT.

(Chứng trong chân hàn, mà ngoài dả nhiệt)

Triệu chứng có hai :

A) Chứng phần Trung Dương suy nhược, ỉa mửa đau bụng, tay chân mát lạnh, tự đổ mồ hôi lạnh, sống lưng ớn lạnh dữ dội, tiếng nói yếu ớt, ăn ít bụng đầy.

hai chân rất lạnh. nước tiểu trắng trong, tưa lưỡi nổi nà béo láng, hoặc tưa lưỡi trắng như vôi, hiện một quầng ngay giữa lưỡi; mạch động Trầm Vi muốn dứt, đó là bằng chứng ở trong thực lạnh. Duy ở phần cơ biểu nóng, phiền táo, khát nước, nhưng uống nước không được nhiều, đó là phần giả nhiệt hiện ở bên ngoài vậy.

B) Chứng Tạng Tâm suy nhược, hơi ngắn, thở nhịp một, đầu xây xẩm, lòng hồi hộp, hai chân lạnh, nước tiểu trong, ỉa nhão, hoặc ỉa chảy, hơi thở yếu, nơi chẳng nào ỉa, tưa lưỡi dày láng mà nêi, đó là chứng cử chân hàn ở trong. Duy miệng mũi có khi ra máu, miệng khô, nước răng sưng, sắc mặt ửng đỏ, mạch đi Phù Sắt, dễ mạch tay thì tan mất, ấy là chứng Giả Nhiệt hiện ở bên ngoài vậy.

3. Thăm tra thể chất mạnh yếu

Bệnh chứng phát hiện, lấy thể chất làm chủ, lệ như, người thể chất *sốt trúng* dễ bị *Chứng trúng phong*; người thể chất *phổi lao*, dễ bị *Chứng lao phổi*... không phải như thuyết của Tây Y, phân biệt về *thần kinh chất, đa huyết chất*. Bởi bài này căn cứ trên bệnh lý, không quan hệ với sinh lý, trên phương pháp chẩn đoán *Bệnh thời lệnh*, thăm tra thể chất của bệnh nhân là việc tất yếu; vì trong thể chất tự khởi biến hóa, là tổ nhân của các bệnh chứng. Nếu không tổ nhân, thì dù nhân không dễ gì cảm thọ.

Người huyết nhiệt ủng tắc bên trong, dễ bệnh Ôn Thử.

Người thể ôn suy giảm, thì dễ bệnh Thương Hàn.

Người chất tân dịch khô thiếu, thì dễ bệnh Thương Táo.
 Người đàm nhớt ngừng trệ, thì dễ bệnh Thấp độc.
 Thể-chất có quan hệ với bệnh chứng là như thế.

4. — Quan sát lưỡi, tủa lưỡi và mạch

A) *Môi*: Phàm sắc môi thâm đen đỏ sừng, đều thuộc Nhiệt Tả uất át ở trong, nên dùng phép thanh giải. Như sắc môi đỏ sậm, mà nứt rách, hoặc sưng phù đỏ nám, miệng thối dị thương, đều thuộc bệnh nóng uất ở trong; nên dùng thuốc thanh, thì có phép *thanh đạt, thanh thấu, và thanh tiết*, (các phép giải thấy ở các phương thang phía sau) không giống nhau.

B) *Lưỡi*: Chất lưỡi đỏ hay nhợt, là để phân biệt trong người độ nóng cao thấp; tủa lưỡi dày mỏng, là để phân biệt bệnh thể cạn sâu. Chứng Tân, Cảm, sắc lưỡi phần nhiều như thường; Chứng Phục Ôn, sắc lưỡi phần nhiều đỏ tươi, hoặc khô đỏ. Bệnh Thương Hàn, lúc sơ khởi sắc lưỡi phần nhiều trắng nhợt; Chứng Phục Thử sơ khởi, sắc lưỡi phần nhiều đỏ hồng.

C) *Tủa lưỡi*: Chứng tân cảm, màu của tủa lưỡi từ trắng đến dày, tiếp theo hoặc ửng vàng, hoặc như màu vôi. Chứng Phục Ôn lúc sơ khởi, phần nhiều lưỡi không có tủa, sắc lưỡi thâm hồng, hoặc khô đỏ, đến khi dùng phép *thanh thấu*, lưỡi mới bắt đầu trải lên một lớp tủa trắng.

D) *Mạch*: Chứng ôn, nhiệt thương hàn, Chứng tân cảm, lúc sơ khởi, phần nhiều mạch động tháo (táo) (người xưa

ngộ nhận là mạch *sát*, kỳ thực Mạch *tháo* với Mạch *sát* giống nhau) thì bệnh nhẹ mà dễ trị. Như Mạch động *phù đại* mà đời mạch *táo*, là bệnh tà đã lộ ra ngoài, cho uống một tề lương tán, tự nhiên khỏi bệnh. — Mạch động *trầm tế* mà đại Mạch *Táo*, là do chánh khí đã suy nhược, mau dùng thuốc *thanh thẩu*, còn có thể vãn cứu. — Như mình nóng, phiền táo, tinh thần hôn loạn, khát nước, chẳng đi đại tiện; tượng Mạch động Trầm Tế không sức, hoặc Trầm Tri dường như không mạch, là nhiệt tà xâm phạm vào trong, Tạng Tâm suy nhược thái thậm. Mặc dầu dùng phép *thanh thẩu*, nhưng thuộc về trọng chứng nguy hiểm, không dễ gì chữa trị.

5. Khảo nghiệm hai đường tiện và nhan sắc

Chứng *tán cầm* lúc sơ khởi, hai đường đại tiểu tiện không có chi thay đổi. Chờ cho nhiệt tà kế lưu lâu ngày, đường tiểu tiện từ mà vàng đổi ra màu đỏ, thậm chí đi tiểu nhiều từ giọt, mà trong ống tiểu nghe đau. Ruột già khô ráo không tự nhuệ, đại tiện bắt đầu táo kết cứng rắn. Cần có trường hợp hỏa độc sắc nếu ở bên trong, mà đại tiện toàn nước trong, thì nhứt định dùng thuốc công hạ.

CHƯƠNG THỨ TƯ

PHƯƠNG PHÁP CHỮA TRỊ BỆNH THỜI LẠNH

Bệnh chứng Thời Lạnh, thì lấy khí hậu thay đổi làm chủ thể. Nhân vì khí hậu thay đổi mà gây nên tật bệnh, như là : Khí trời lạnh lẽo bất thường, mặc áo mỏng dính, khí trời nóng nực bức : thường ở trần trụi trụi, không khí lạnh lẽo kích thích ở phần bì phủ. (Thầy thuốc xưa gọi chung là Thương Hàn).

Cách Trị : Lúc bệnh mới sơ khởi, nên khai biểu trực tả, bằng cách : tán ôn phát hàn hay tán lương phát hàn, châm chước liệu dùng. Nếu bệnh không có phục tả hoặc ngộ trị biến-chứng, thì có thể trị khỏi cấp kỳ. Như bệnh tả cả kê năm sáu ngày lâu lắc, trở thành Chứng : nửa ngoài nửa trong. lạnh nóng qua lại. (Hàn nhiệt vãng lai chi bán biểu bán lý chứng - 往來寒熱之半表半裏證) thì nên dùng tể hòa giải, để hòa giải chứng lạnh nóng hồ tương cấu kết.

Nếu Chứng Nội Nhiệt ở trong người trầm trọng, biến chứng nóng hỗn, lòng phiền táo, tự ra mồ hôi, khát nước, là Chứng của Kinh Dương Minh. (Tâm phiền can nhiệt, tự hàn khẩu khát chi Dương Minh Chứng - 心煩亢熱, 自汗口渴之陽明證) thì nên dùng đại tể thanh lương, làm cho Chứng nóng ở trong trở nên mát, và thông lợi hai đường đại tiện tiện. Ấy là phương pháp chữa trị bản chứng của Bệnh Thời Lạnh vậy.

Còn như kiêm có Tý Vị hư hàn, chứng của Thái Âm Kinh; Tạng Tâm suy nhược, chứng của Thiếu Âm Kinh; lạnh nóng hồ tương cầu kết, chứng của Khuyết Âm Kinh, thì nên tùy theo kiêm chứng mà chữa trị.— Ngoài ra như : Chứng Xuân Ôn, Chứng Phong Ôn, Chứng Thử Ôn, Chứng Thấp Ôn các chứng, thì lại có phương pháp riêng biệt của mỗi loại bệnh, chữa trị không giống nhau. Song đại yếu không vượt ngoài ba kinh dương. Rõ được lẽ này, thì sự phân tranh tu tung của các nhà y học cổ kim về phép trị bệnh *thương hàn ôn bệnh*, chẳng còn thấy khó với lối học « nhứt dĩ quán chi ».



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

THIÊN HAI

Các lời luận về Bệnh Thời Linh

Bệnh Thời Linh chính là : *Bệnh Xuân Ôn, Phong Ôn, Ôn Bệnh, Thử Ôn, Phục Thử, Thấp Ôn, Thu Táo, Đông Ôn, Thương Hàn*. Duy có chủng loại thọ bệnh giữa chứng *Tân Cảm* với *Phục Tả* thì sai biệt nhau. Bệnh *Phục Tả* phát tác, thì có phát ở phần khí, hoặc phát ở phần huyết bất nhất, bệnh chứng dị biệt nhau, chia ra từng chương mà luận trị.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CHƯƠNG THỬ NHỨT

BỆNH XUÂN ÔN

Trong Tiết Trọng Xuân, cảm xúc khí hàn tà của thời linh mà phát bệnh, là thuộc về Chứng *Phong Ôn* của bệnh *Tân Cảm*. Như chứng *Phục Ôn* từ trong phát ra, chứng *Tân Cảm* từ ngoài lại cảm vào, là thuộc về chứng *Xuân Ôn* của bệnh *Phục Tả*. Duy sự phát tác của bệnh *Phục Tả* cần phải phân biệt : bệnh phát ở phần khí, hay

phần huyết, chương này cũng chia ra từng tiết tự thuật rõ ràng.

1. CHỨNG XUÂN ÔN CỦA BỆNH TÂN CẢM

NGUYÊN NHÂN : Trong tiết Trọng Xuân, khí trời tuy ấm áp, nhưng hơi lạnh của mùa Đông hãy còn cấn lại, cảm xúc khí hàn tà của Mùa Xuân kích thích vào thân thể mà sanh bệnh.

BỆNH LÝ : Ôn độ ở trong thân thể con người, cần có một tiêu chuẩn như định, mới đủ sức duy trì cho thường thái sinh hoạt, đó là người bình thường không bệnh. Cứu cánh nguyên lý thể ôn sở dĩ lên cao, gây nên máu nóng ủng tắc ở trong, là không ngoài : ăn uống đồ cay nóng, giận giữ bất thường, trướng hỏa vọng động, lao lực quá độ ! các lý do này có thể gây cho trong thân thể tăng lên một nhiệt độ tối cao. Vì thể ôn lên cao bất thường, cho nên dễ bị cảm xúc hàn tà. Chứng Xuân Ôn của bệnh Tân Cảm, nếu không có huyết nóng ủng tắc ở trong gây ra tổ nhân, thì bất quá cũng cảm mạo sơ sài mà thôi vậy.

Bởi lẽ huyết nóng ủng tắc ở trong, hàn tà ần phục ở ngoài cự bế lẫn nhau, cho nên ngày giờ trải qua rất đầy dứa, đến thời kỳ chót của bệnh chứng, là chờ cho khi mào lỗ mũi chảy máu (tỷ nục), hoặc ban chân mọc ra ~~đỏ~~, thì bệnh mới chịu khỏi.

CHỨNG HẬU : Lúc bệnh sơ khởi, thì nhưc đầu, ớn lạnh, mình nóng, không ra mồ hôi, hoặc mình mảy đau nhưc không thư thối, hoặc ho hen, khát nước, hoặc lòng phiền táo, họng đau các chứng. Tiếp theo, dạ dày no buồn, cạnh sườn đau lói, lồng ngực không thư thối, lạnh nóng qua lại giống cũ rét, đại tiện bế kiết, tiểu tiện vàng rít. Nóng lắm thì lòng bứt rứt, rối loạn, khô họng khát nước, thêm uống nước, hoặc ra máu mũi (tỷ nục), hoặc mọc ban châu.

CHẨN ĐOÁN : Hình mạch ở bực phù thì động *Huyền Khẩn*, là hiện tượng bị hàn tà kích bác; bực trầm mạch động *Hoạt Sát*, là hiện tượng của chứng *Nội Nhiệt*. Lúc bệnh sơ khởi, tra lưỡi phần nhiều trắng, mỏng; hoặc nổi mụt lấm tẩm trên chót và chung quanh mụt ủng đỏ; hoặc trong cây lưỡi đỏ, tra dày, là bằng cứ của bệnh *Đàm Nhiệt* ứng át. Kế tiếp màu lưỡi ứng hồng mọc chông, màu chông vàng nhạt béo lảng, là bệnh tà đã truyền vào *Phủ Vị*. Nên dùng thuốc thông tiết vị nhiệt.

TRỊ PHÁP : Bệnh sơ khởi, đầu nhưc, mình nóng, ớn lạnh không mồ hôi, ho hen, dùng *Thang Gia Giảm Kinh Phòng Đạt Biếu*.

Nếu ớn lạnh tầm thường, mà phát nóng kịch liệt, lòng phiền táo, khát nước, họng đau, dùng *Thang Gia Vị Song Xị Cát Cánh*. Chứng *Phong Nhiệt* gia trọng thì gia : *Phòng Phong, Hoàng Cầm*.

Nếu lòng phiền táo, khát nước, ho suyễn, ớn lạnh không mồ hôi, dùng *Thang Ma Hạnh Thạch Cam*, thì chứng

ôn lạnh ở phần biểu lập tức khởi, chứng nóng uất ở trong cũng thông thấu ra ngoài.

Lòng phiền táo, cạnh sườn đau nhói, lạnh nóng như cũ rét, dùng *Thang Sái Hồ Chỉ Cát*. Nóng nặng lắm, dùng *Thang Gia Giảm Cao Cầm Thanh Đâm*. Mũi ra máu, gia *Xích Thược*, *Đơn Bì*, *Sơn Chi Tử (sao)*; Ba chân mọc ra, gia: *Ngưu Bàng Tử*, *Liên Kiều*, *Xích Thược*, *Mẫu Đơn Bì*.

Nóng lắm, ra mồ hôi nhiều, phiền táo khát nước, uống nước chẳng thôi, dùng *Thang Tân Gia Bạch Hồ*. Ban châu đã lộ ra, nóng nẩy từ trong thông thấu ra ngoài, đáng lẽ mạch động hòa hoãn, mình nẩy mát mẻ mà mạnh. Nhưng bệnh chưa chịu mạnh, là trong trường vị tất bị đình trệ, phải gia thêm loại thuốc sơ lợi trường vị đình trệ.

XỬ PHƯƠNG:

1. — ~~Kinh phòng đạt biểu thang~~

(phép Tân ôn phát hàn)

Gia giảm phương kinh nghiệm của Ông Du

Kinh giới	荆芥	1 tiền rượu
Tô Diệp	蘇葉	1 tiền rượu
Quất hồng	橘紅	1 tiền rượu
Kiến khúc (sao)	建曲炒	3 tiền
Gừng sống	生薑	2 miếng
Phòng phong	防風	1 tiền rượu
Bạch chỉ	白芷	1 tiền rượu
Xích linh	赤苓	3 tiền
Hành củ	蔥頭	2 củ
Hạnh nhân	杏仁	2 tiền

2.— Gia vị song xỉ cát cánh thang

(phép Tân lương phát hạn)

Gia giảm Phương chữa hậu

Song bạch	葱白	1 tiền rưỡi
Cát cánh	桔梗	1 tiền rưỡi
Chi tử (sao)	枝子炒	1 tiền rưỡi
Trúc diệp	竹叶	3 tiền
Đậu sị	豆豉	3 tiền
Bạc hà	薄荷	1 tiền rưỡi
Liên kiều	連翹	3 tiền
Cam thảo	甘草	8 phân
Ngân hoa	銀花	3 tiền
Xích linh	赤苓	3 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền rưỡi

(Lồng ngực bứt rứt gia : chỉ xác ngọc kim ; ủa nhọn gia : bán hạ, đại giả thạch ; ho hen gia : ngưu bản tử, tiền hồ ; nóng lắm gia : tứ cầm, phòng phong)

3.— Ma hạnh thạch cam thang

Phương của Thương hàn luận

Ma hoàng	麻黃	1 tiền
Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
Cam thảo	甘草	8 phân
Sanh thạch cao	生石膏	4 tiền

4.— Sài hồ chỉ cát thang

Phương Kinh Nghiệm của Ông Du

Sài hồ	柴胡	1 tiền rưỡi
--------	----	-------------

Hoàng cầm	黄芩	1 tiền rưỡi
Chỉ xác	枳壳	1 tiền rưỡi
Cát cánh	桔梗	1 tiền rưỡi
Bán hạ	半夏	1 tiền rưỡi
Trần bì	陈皮	1 tiền rưỡi
Gừng sống	生薑	2 miếng
Hành sống	葱白	1 tiền rưỡi

5.— Cao cầm thanh đả thang

Phương kinh nghiệm của Ông Du

Thanh cao	青蒿	3 tiền
Chỉ xác	枳壳	1 tiền rưỡi
Chế bán hạ	製半夏	1 tiền rưỡi
Quảng bì	廣皮	1 tiền rưỡi
Hoàng cầm	黄芩	1 tiền rưỡi
Trúc nhự	竹茹	3 tiền
Bích ngọc tán	碧玉散	3 tiền gói riêng
Xích linh	赤苓	3 tiền

(Ban Chấn không lộ, thì gia : Tây hà liễu, Anh đào hạch).

6.— Tân gia bạch hổ thang

Gia vị phương của Thương hàn luận

Sanh thạch cao	生石膏	1 lượng
Sanh cam thảo	生甘草	1 tiền rưỡi
Tiên trúc diệp	鲜竹葉	3 chỉ
Tri mẫu	知母	4 tiền
Tiên hà diệp	鲜荷葉	5 tiền
Huyền sâm	玄參	5 tiền
Sơn chi	山枝	3 tiền
Đẳng tâm thảo	草心燈	5 phân

2. CHỨNG XUÂN ÔN CỦA BỆNH PHỤC TÀ

NGUYÊN NHÂN : Thầy thuốc xưa nói : Mùa Đông khi hàn tiềm phục, đến mùa Xuân hóa làm bệnh ôn. (Đông lĩnh hàn khí tiềm phục, chí xuân hóa vi ôn bệnh—冬令寒氣潛伏，至春化為溫病。) Con đường tiềm phục của bệnh tà, người thì nói tiềm phục ở phần cơ phủ, người thì nói tiềm phục ở phần huyết. Sự thực là hàn tà cảm xúc ở phần bì phủ, lỗ chân lông bị bế tắc, vật lờ phế không bài tiết ra ngoài sạch sẽ, lâu ngày chảy thàng, mới sanh ra bệnh vậy. (vì lẽ thế ôn phóng tán bị chương ngại).

BỆNH LÝ : Bệnh này nguyên nhân do bệnh tà tiềm phục, xúc động với khí Xuân hàn mà phát tác ra ngoài vậy. Ông Vương Thu: Hòa nói : Vì mùa Đông cảm thọ khí hàn tà, tiềm phục ở phần bì phủ cơ nhục, đến mùa Xuân biến làm Bệnh Ôn. (Đi đông lĩnh sở thọ hàn tà, phục ư bì phủ cơ nhục, chí xuân biến vi Ôn Bệnh—以冬令所受寒邪，伏於皮膚肌肉，至春變為溫病。) Ông Du Gia Ngôn nói : Mùa Đông cảm thương bệnh Phục Tà của khí hàn, bệnh tà trốn núp ở phần bì phủ ; Mùa đông Bệnh Phục Tà của chứng bất tăng tính, thì bệnh tà trốn núp ở tạng thận. (Đi Đông thương ư hàn chi phục tà, phục ư bì phủ ; Đông bất tăng tính chi phục tà, phục ư thận tạng—以冬傷於寒之伏邪，伏於皮膚，冬不藏精之伏邪，伏於腎臟) Ông Liễu Bảo Di nói : Bệnh Phục Tà cảm thương khí hàn của mùa Đông, là nói về tà khí thực ; bệnh Phục Tà của mùa đông chẳng tăng tính, là nói về chánh khí hư. (Đông thương ư hàn chi phục tà, ngôn kỳ tà thực ; Đông bất tăng tính chi phục tà, ngôn kỳ chánh hư—冬傷於寒之

伏邪，言其邪實，冬不藏精之伏邪，言其正虛。○) Ngũ khí dương chia hai nẻo, mà ý nghĩa qui về một suốt. Nếu mùa Đông chẳng tàng tinh, mà không hề cảm thọ hàn tà, thì thuộc về chứng hư thuần túy, không can hệ gì với Chứng Phục Tà của Bình Ôn. Nhân vì bệnh tà lúc sơ thọ, thì gặp khi tạng thận từ trước đã suy nhược. Cho nên bệnh tà mới gom lại, mà trốn vào Kinh Thiếu Âm.

Xét vì danh từ *phục tà*, bắt đầu có từ Sách Y lược của Ông Trương Văn Trại, suy diễn nghĩa lý Chứng Phục Hàn trong Sách Nội Kinh. Phát minh sáu khí đều có khả năng tiềm phục, bắt đầu từ Sách *phục tà tán* thơ của Ông Lưu Kiết Nhơn.

Tra cứu chứng loại bệnh Phục tà, không phải chỉ giới hạn có một loại Bệnh Hàn Phục mà thôi. Nguyên nhân cảm thọ, là vì một bộ phận trong thân thể cảm thọ bệnh tà, cảm giác ngưng trệ, phát sanh tác dụng của bệnh lý: Bộ máy tuần hoàn ngưng ngại, huyết dịch uất t-ệ, thành phần lão phế của sản vật, không bài tiết tân lượng đúng theo định luật *Tân Trần Đại Tả*, đình tích lâu ngày ở trong; lại thêm cảm xúc với tân tà ở ngoài. Cho nên bệnh thể phức tạp, truyền biến rất mau, so sánh với bệnh Cảm Mạo đơn thuần khinh siển, sai biệt nhau khá xa. Ấy là nguyên lý của Chứng Phục Tà mà sanh ra bệnh.

a) Bệnh phục tà ở phần khí.

Lúc sơ khởi, như đầu, đau mình, không ra mồ hôi, ớn lạnh. Kế đó thì lạnh nóng dương rét (tợ ngược), miệng đắng sừng đầy. Quá lắm, thì mắt đỏ tai điếc, ngực buồn muốn mửa.

Bệnh tà truyền ra phần cơ biểu mà thấu đạt ra ngoài, thì nóng như thiên, lòng phiền táo, khát nước nóng liên liên, không sợ lạnh, chỉ sợ nóng. Thái thậm, thì tinh thần hôn loạn nói xàm, bộ ngực phát hiện ban châu, ỉa bôn, đại đỏ.

b) *Bệnh phục tà ở phần huyết.*

Lúc sơ khởi hơi ôn gió lạnh, mình nóng không mồ hôi, hoặc họng đau miệng khô, mặt đỏ môi nám, Ké đó thì lạnh ít, nóng nhiều, hơi nóng sờ muốn phồng tay, hoặc ra mồ hôi, nhưng vẫn nóng, hoặc phát huyết, lòng phiền táo, hoặc ứ huyết, biến chứng như điên cuồng, tay chân vung vẩy, thần thức lơ mơ, táo động thì nói xàm, yên lặng thì làm thỉnh, hoặc hình trạng như Chứng Kinh-Giễn. tay chân rút giật, và lạnh đồng, mà bộ ngực và bụng sờ thấy nóng rực.

Riêng có chứng nóng vào buồng tĩnh. Lúc sơ khởi, chứng hậu vẫn giống nhau, duy miệng khô lưỡi ráo, phiền táo nói cuồng hoặc mửa máu, hoặc nhóm chân răng, lưng đau như gãy, bụng dưới nặng trĩu; con trai thì di tinh mộng tinh, con gái thì xích bạch đới hạ đầm dề. Quá lắm thì khi nghịch lên chói tim, có hồi muốn lạnh run, hết lạnh run thì gân thịt thu rút, mình mảy cứng dờ (Kính 痙), sau khi mình mảy cứng dờ lại lạnh run, luân phiên nhau, gân động thịt giật, hai mắt trợn ngược, hoặc ngổ xeo, lưỡi co lại, dải rút lên.

CHẨN ĐOÁN: Tra lưỡi lúc đầu thì trắng dày, chung quanh chót lưỡi đều đỏ, hoặc gốc lưỡi hồng mà tra lưỡi trắng mỏng. Tiếp theo thì đỏ tươi, mọc mụn lấm tấm như sao văng, ở khoảng giữa lưỡi vàng, hơi lóng.

Mạch tượng, thì ba bộ bên tay trái, ứng Mạch Phủ Huyền kiêm Mạch Khẩn; ba bộ mạch bên tay phải, ứng Mạch Huyền hoạt, Trầm Sát, là thuộc chứng lạnh ở bên ngoài, kích bát với chứng nóng ở bên trong. Nên dùng thuốc *thanh tuyền và tiết nhiệt*. (trị phục tà ở phần khí).

Lúc đầu thì dưới gốc tura lưỡi ửng hồng, phần trên dợn trắng, Tiếp theo, thì màu lưỡi đỏ tươi; thái thâm thì màu lưỡi đỏ tiết, ít nước miếng, hoặc đỏ thâm. Tay bên phải Mạch ứng Mạch Hồng thanh mà đái Mạch Táo: tay bên trái, mạch ứng Mạch Huyền Tế mà đái Mạch Trầm Sát, là thuộc Chứng Âm huyết hư có phục hỏa. Nên dùng thuốc *dưỡng âm kiêm thuốc thanh thấu*. (trị phục tà ở phần huyết)

CÁCH TRỊ: *Bình Phục Tà ở phần khí*, lúc sơ khởi, nhức đầu, đau mình, ớn lạnh không mồ hôi. Kiềm có hiện tượng phiền táo khát nước. thì dùng Thang *Song xỉ cát cánh*, gia: *hoàng cầm, phòng phong, đề thanh nhiệt và tuyền thông*. Phương này là tuân theo cách dùng Thanh Hoàng Cầm của ông Trọng Cảnh.

Tiếp theo thì lạnh nóng giống chứng Cữ Rét, người nóng rực, lòng phiền táo, khát nước uống nước liền liền, miệng đắng, sườn đầy, ỉa bón đái đỏ, thì dùng Thang *Sài hồ thanh cách*, đề côi mở nóng uất nấp ở hai phần biểu lý. (nếu trong phương này gia: *cát căn, hoàng liên*, tức là Tấn Lương Cách hợp với phương Thang *Cát căn cầm liên*).

Nếu thể nóng còn đương thanh hành, *ban chẩn sắp*

mọc ra, thì dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, gia *ngưu bàng tử*, *đại thanh diệp*, *mẫu đơn bì*, *tây hà liễu diệp*, để thanh *Chứng uẩn nhiệt* và *thần lộ ban châu*.

Ban châu ra rồi, nhưng bệnh nhân vẫn còn rên rĩ phiền táo, ưa nhợn mất ngủ, đó là hễ còn *đâm nhiệt* quá rồi ở bên trong, thì dùng *Thang Cao cầm thanh đấm*, thanh giải chứng *đâm nhiệt*. — Chỉ như *Thang Mạch Môn Đông* trong sách *Kim Quĩ*, dùng vào việc điều lý trong khi bệnh chứng sắp mạnh cũng rất hay.

Bệnh phục tà ở phần huyết, lúc sơ khởi, hơi ớn gió lạnh, mình nóng không mồ hôi, lưỡi đỏ. Mạch *đi Sát*, thì dùng *Thang Gia giảm uy duy (nhuy)*, trước hết thông *thần bệnh tà ở phần biểu*. — Kể đó thì bệnh nhơn phát nóng sờ muốn phỏng tay, lòng phiền táo nơi xâm, hoặc trong *đâm vương máu*, hoặc *huyết độc ở đờn*, bệnh nhơn như *điên cuồng*, *mửa tay quơ chân*, thì dùng *Âm tế giác thanh lạc*.

Như mình nóng hư phiền, họng khô miệng khát, tiểu tiện không thông, thì dùng *Thang Đạo xích thanh tâm*.

Như thần thức lơ mờ, nói xàm, hoặc nằm thiêm thiếp không nói, đường đại tiện bế kết, bụng đầy, thì dùng phép *Thông Tiện*.

Như không chứng hậu bụng đầy đại tiện bế kết, đơn độc thuộc về *nhiệt tà ung đốt Trung Khau Tri Giác Thần Kinh*, thì dùng *cao ngưu hoàng*.

Như trạng chứng giống *Chứng Kinh Giản*, có lúc tay chân rút giật, thì dùng *Thang Linh dương cầu đằng*.

Như sau khi bệnh, phần khí hư, nước tân dịch khô ráo, phiền táo khát nước. Bệnh nặng thì dùng *Thang Trúc Diệp Thạch Cao*, bệnh nhẹ thì dùng *Âm Bát Trấp* của ông Cổ.

Riêng có chứng nóng vào buồng tinh (nhiệt nhập tinh thất) 熱入血室 lúc sơ khởi, chứng hậu vẫn tương đồng, thì *Thang Gia Giảm Uy Duy* cũng có thể dùng trị. Như tay bên hữu Mạch ứng *Phủ Hoạt* mà *đái Mạch Tảo*, tay bên tả Mạch ứng *Huyền Tế Trầm Sát*, chứng uất nhiệt phát hiện ra bên ngoài, tinh huyết hao hụt ở bên trong, thì trong phương này có thể *hộ Vị Cát Cánh*, *Vị Bạc Hà*, gia : *Bạch Thược*, *Tri Mẫu*, *Sanh Địa*, *Hoạt Thạch*.

Như miệng ráo răng khô, phiền táo nói cuồng, con trai thì *Mộng Tinh*, *Di Tinh*, con gái thì *Xích Bạch Đái Hạ* dầm dề. Thấy thuốc xưa cho là : *Phản âm huyết hư thoát*, *Thận khí tan rã ở bên trong* ; nhưng sự thực, trấp dịch phân bí của bị chắt ở phó thận, mất hết công dụng, đối với công tác thu súc ở vách huyết quản, và thu súc ở tinh nang đều buông xuôi, Cho nên huyết dịch và tinh dịch mới tự động tiết lậu dầm dề như thế. Người xưa nói : ở dưới kiệt quệ, ở trên khuyết tận (hạ kiệt thượng khuyết — 下竭上殫) rất là khó trị. Nhưng không lẽ cầm sào chờ ngủ, thử miễn cưỡng đề nghị dùng *thang A Giao Kê Tử Hoàng*, gia : *Tri Mẫu*, *Hoàng Bá* đều ba tiền, để thanh Chứng Hỏa Nhiệt, nuôi phần âm huyết, an tĩnh chứng gân thịt rút giật. Bệnh thể nguy ngập đến đổi này, bất quá cũng phải rán hết sức người mà thôi vậy.

XỬ PHƯƠNG:**Song xị cát cánh thang**(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh *tân cảm*)**7.— Sài cầm thanh cách thang**

Phương của ông Đào, ông Du gia giảm

Sài hồ	柴胡	1 chỉ rưỡi
Sơn chi	山萸	1 tiền rưỡi
Cát cánh	桔梗	1 tiền rưỡi
Cam thảo	甘草	1 tiền rưỡi
Hoàng cầm	黄芩	1 tiền rưỡi
Liên kiều	連翹	3 tiền
Chỉ xác	枳殼	1 tiền rưỡi
Đại hoàng	大黃	1 tiền rưỡi
Bạc hà	薄荷	1 tiền rưỡi
Trúc diệp	竹葉	3 tiền

Tân gia bạch hủ thang(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh *tân cảm*)**Cao cầm thang đảm thang**(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh *tân cảm*)

(bỏ Thanh Cao, gia Táo Nhân, Đại Giả Thạch)

8.— Mạch môn đông thang

Mạch Đông	麦冬	5 tiền
Bán hạ	半夏	2 tiền
Sa sâm	沙参	3 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Ngạnh mễ	梗米	5 tiền
Đại táo	大枣	2 lạng

9.— Gia giảm uy duy (nhụy) thang
(phép tư âm phát hạp)

Uy duy	威梨	3 tiền
Bạch vi	白薇	1 tiền rưỡi
Cát cánh	楸桔	1 tiền
Song bạch	葱白	2 tiền
Cúc hoa	菊花	3 tiền
Huyền sâm	玄参	3 tiền
Ngưu bàng tử	牛旁子	1 tiền rưỡi
Bạch hà	薄荷	1 tiền rưỡi
Đậu xi	豆豉	3 tiền
Cam thảo	甘草	8 phân

10.— Tê Dắc thanh lọc ồm

Phương của ông Du Căn sơ

Tê dắc	犀角	1 tiền rưỡi
Đơn bì	丹皮	1 tiền rưỡi
Đào nhân	桃仁	1 tiền
Tiên mao căn	鲜茅根	1 lượng
Trúc lịch	竹沥	5 tiền
Tứn cầm	酒苓	2 tiền
Xích thược	赤芍	1 tiền rưỡi
Liên kiều xác	連翘壳	3 tiền
Tiên xương bồ	鲜葛蒲	3 tiền đâm nát
Cương trấp	薑汁	3 giọt
Đẳng tâm	灯心	1 tiền nấu lấy nước sắc thuốc

11.— Đạo xích thanh tâm thang

Do Tân Phương Đạo Xích gia giảm

Tiên Sinh Địa	鲜生地	6 tiền
Phục Thần	茯神	3 tiền
Mộc thông	木通	1 tiền
ích ngưon tán	益元散	3 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	2 tiền
Châu đăng tâm	珠灯心	8 phân
Liên tâm	莲心	1 tiền
Mạch đông	麦冬	5 tiền
Trúc diệp	竹叶	3 tiền
Quynh bạch đồng tiện	(茎白重便)	1 chung

Thuốc sắc tới hòa chung với nước thuốc uống.

Download Sách Hay! Đọc Sách Online

12.— Ngư hoàng cao

Phương của ông Lưu Hà Gian

Tây ngư hoàng	西牛黄	
Mẫu đơn bì	牡丹皮	
Chánh mai phiến	正梅片	
Quảng ngọc kim	广玉金	
Chanh châu thần	正珠辰	
Sanh cam thảo	生甘草	các vị chia đồng nhau.

Cách dùng : các món thuốc trên chia đều nhau, nghiền thật nhỏ, dùng 2 phân chia làm ba lần uống, hòa với nước sôi hoặc hòa chung với thuốc thang khác, cách mỗi tiếng đồng hồ uống một lần.

13.— Linh dương cầu đẳng thang

Phương kinh nghiệm của ông Du

Linh dương giác	羚羊角	1 tiền
Tang diệp	桑葉	3 tiền
Xuyên bối mẫu	川貝母	4 tiền
Đại sinh địa	大生地	5 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Cầu đẳng cầu	钩藤钩	3 tiền
Phục thần	茯神	3 tiền
Cúc hoa	菊花	3 tiền
Sanh bạch thược	生白芍	3 tiền
Tửu cầm	酒芩	2 tiền

Cách sắc : Dùng 5 chỉ Đạm Trúc Như nấu lấy nước để sắc thuốc ; đợi thuốc sôi 3, 10 đạo sẽ để Vị Cầu Đẳng vào sau.

15. Trúc diệp thạch cao thang

Phương của Thương Hàn Luận

Trúc diệp	竹葉	3 tiền
Sanh thạch cao	生石膏	5 tiền
Sao bán hạ	炒半夏	2 tiền
Sa sâm	沙參	5 tiền
Mạch đông	麦冬	5 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Ngạnh mễ	粳米	5 tiền

15. — Gia giảm cổ thị bát trấp ồm

Bỏ Hà Diệp Trấp, Tây Qua Trấp;
gia Mạch Đông Trấp, Đạm Trúc Lịch

Cam giá trấp	甘蔗汁
Ngẫu trấp	藕汁
Lê trấp	梨汁
Lô căn trấp	蔗根汁
Tiểu sanh địa	小生地
Mạch đông trấp	麦冬汁
Đạm trúc lịch	淡竹瀝
Tiên mao căn trấp	鲜茅根汁

Các món thuốc trên, mỗi món đảm vắt lấy nước 5
tiền, hòa chung với nhau nấu sôi đôi ba dạo, mỗi lần
nướng 1 lượng, cách mỗi tiếng đồng hồ uống một lần.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

16. — A giao kê tử hoàng thang

Gia giảm phương của ông Định Phong Châu

A giao	阿膠	3 tiền
Bạch thực	白芍	4 tiền
Sanh qui bản	生龜板	5 tiền
Câu đằng	钩藤	3 tiền
Sanh địa	生地	6 tiền
Chích thảo	炙草	1 tiền
Sanh mẫu lệ	生牡蠣	5 tiền
Phục thần	茯神	3 tiền
Kê tử hoàng	雞子黃	2 trứng

Vị Mậu Lệ, Vị Qui Bản nấu trước, kế đó để Vị A Giao vào nấu cho tan, đoạn chắt nước thuốc ra cho nguội tí, để hai cái trống đỏ trứng gà vào khuấy đều, hòa với thang thuốc trên chia hai lần uống.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CHƯƠNG THỨ HAI

BỆNH PHONG ÔN

Sự phân biệt giữa bệnh *Phong Ôn* với bệnh *Xuân Ôn*, khác nhau ở chỗ có mồ hôi, hay không mồ hôi. Có mồ hôi là bệnh *Phong Ôn*, không mồ hôi là bệnh *Xuân Ôn*. Như : trong sách *Thương Hàn Luận* phân biệt : Có mồ hôi là bệnh *Thương Phong*, không mồ hôi là bệnh *Thương Hàn*, đó cũng chẳng qua là phân chia giới hạn trên danh xưng mà thôi. — Chỉ như chỗ tranh nhau của bệnh : 1.— Bệnh *Phục Tả*, là do *Ôn Tả* tiềm phục sẵn ở trong thân thể, nhân cơ hội cảm gió mà bệnh đột phát khởi. 2.— Bệnh *Tân cảm*, là trong người đương mạnh khỏe, do cảm thọ khí *phong ôn* của thời lệnh mà sanh bệnh. Bệnh nhân bất đồng, chứng hậu cũng sai biệt.

Ông *Lôi Thiệu Đạt* nói : Chữa trị Bệnh *Ôn* trong ngày mùa *Xuân*, tất phải phân biệt, đầu là *Tân Cảm*, đầu là *Phục Tả*, là điểm rất thiết yếu. Xem bệnh thể từ nhẹ, lẫn hồi gia trọng, biết ngay là bệnh *Tân Cảm* ; một khi thọ bệnh, phần tân dịch lập tức bị thương tổn, biến chứng luân phiên nhau xuất hiện, biết ngay là bệnh *Phục tả*. (Phạm trị *xuân nhựt ôn* bệnh, tất tu biện kỳ thực vi tân cảm, thực vi phục tả, tở vi thiết yếu. Quan bệnh thể do tiềm nhi gia, kỳ nhân u tân cảm khả tri, nhứt bệnh tân dịch tức thương, biến chứng diệt xuất, kỳ nhân u

Phục tà hựu khả tri — 凡春日溫病，必須辨其孰為新感，孰為伏邪，最為切要，觀病勢由漸而加，其因於新感可知；一病津液即傷，變症迭出，其因於伏邪又可知。）

I. CHỨNG PHONG ÔN CỦA BỆNH TÂN CẢM

NGUYÊN NHÂN: Cảm thọ khí hậu của thời lịnh thay đổi, kích thích vào thân thể con người mà sanh bệnh.

BỆNH LÝ: Tra cứu các sách Đông Y xưa nói: Gió là đầu độc của trăm ngàn thứ bệnh. (phong vi bách bệnh chi trưởng — 風為百病之長) danh nghĩa của chữ Phong là đại danh từ của không khí. Phong, là chỉ cho các bệnh chứng, đều lấy sự thay đổi của khí hậu làm chủ thể, năng lực của bệnh truyền nhiễm, cũng trông cậy vào sự truyền bá của không khí. Chỉ như thành nhân của bệnh chứng thời lịnh, cũng do sự biến hoá đặc thù của khí hậu, cảm nhiễm lấy tức thì sanh bệnh, gọi là bệnh *tân cảm*.

Bệnh lý của chứng Tân Cảm rất đơn giản, bất quá nhân khí phong hàn thay đổi kích thích, khiến cho lỗ chân lông hở hang, hạn tuyến lợi lỏng, giao cảm thần kinh buồng xui. Cơ thể nên hiện tượng mạch đến hoãn, ra mồ hôi, sợ gió các chứng hậu. Thể ôn vì tác dụng cứu tế Chứng Sợ Gió, ra mồ hôi, bốn tập ra phần cơ hiển. Cho nên mồ hôi ra càng nhiều, thì phát nóng lại càng dữ dội. Nhân cơ phát nóng dữ dội, mồ hôi ra lại càng nhiều. Nếu không cảm được Chứng ra mồ hôi, thì Chứng Phát

nóng cũng không biết bao giờ chấm dứt. Sau đây là phương pháp chữa trị Chứng Trùng Phong, mình phát nóng, tự ra mồ hôi của Ông Trương Trọng Cảnh.

Thang Quế Chi sở dĩ trong dụng Vị Bạch Thược, là nhằm trị chứng thần kinh thủy hỏa, mạch động Hoãn, sợ gió. Tác dụng của Vị Quế Chi, chính là điều tiết sự vận hành của huyết dịch, đồng thời giúp cho Chứng Thần kinh thủy hỏa trở nên hưng phấn. Công hiệu của Vị gừng Sừng, là kích thích chặt niêm mô ở bộ phận Da Dày; chứng thích ứng nhứt nhứt với nó là cơ chế chứng ưa mưa. Chỉ như Vị Cam Thảo, Vị Đại Táo trong thang này, và sau khi nóng thuốc xong thì húp cháo lỏng, đều là tăng gia thành phần dinh dưỡng cho phủ Vị. Nguyên lý dùng Thang Quế Chi để chữa Chứng Phong Hàn, bất quá là như thế.

Còn như, Chứng Phong Ôn, Phong Nhiệt trong tháng mùa Xuân; Chứng Phong Thử, Phong Thấp trong tháng mùa Hạ, và Chứng Phong Táo trong tháng mùa Thu. Mỗi bệnh chứng tuy có đặc điểm sai biệt nhau, mà nhân vì *phong* mà phát bệnh thì có một, ý-nghĩa tương thông nhau vậy.

Song nguyên lý thọ bệnh, mặc dầu có chỗ tương đồng, mà phương pháp trị liệu, thì may mắn không được tạm bợ, ở trên chứng hậu cần được phân biệt rạch ròi, không nên tổng quát thi trị. Đem bệnh bốn mùa cảm mạo cho lẫn lộn vào trong Môn Thương Hàn, đó là chỗ sai lầm của các Y Gia từ Đời Đường, Đời Tống về sau vậy. Chỗ phân biệt của hai loại bệnh này, đều được giải-thích rõ ràng trong sách này.

CHỨNG HẬU: Bệnh sơ khởi, đầu nhức, mình nóng, hơi sợ gió lạnh. Tiếp theo vẫn sợ gió, phát nóng, tự ra mồ hôi mà bệnh nóng không khỏi, lòng phiền táo, khát nước, ho hen có đàm lỏng, hoặc lỏng ngực bứt rứt, cạnh sườn đau nhói, hoặc họng đau, hoặc mũi ra máu. Thậm chí ho ra máu, đường tiểu tiện đỏ rít, đường đại tiện không thư thối.

CHẨN ĐOÁN: Tựa lưỡi lúc đầu thì màu trắng, mỏng, chung quanh chót lưỡi thì đỏ; tiếp theo lưỡi đỏ, tựa lưỡi vàng. Mạch tượng lúc đầu phần nhiều ứng Mạch Phù Hoãn, hoặc Mạch Phù Sát, hoặc Mạch Huyền Sát, Mạch Hoạt Sát, đó là tượng trưng bệnh tá Phong Ôn của thời lịnh, kích thích với Chứng Nội Nhiệt vậy.

Cách trị: Lúc bệnh sơ khởi, cơn gió phát nóng, tự ra mồ hôi, ho hen, thì dùng *Thang Song Xị Cát Cánh*, gia: *Bạch Thược, Hoàng Cầm, Tiên Hồ*. Như Chứng cơn gió đã khỏi, duy còn chứng mình nóng, tự ra mồ hôi, thì dùng *Thang Tân Gia Bạch Hồ*. Như dư nhiệt ở trong chưa sạch, lồng ngực nóng uất khó chịu, thì dùng *Thang Liên Kiều Chi Xị*, gia: *Hoàng Cầm Trúc Diệp*.

BỆNH PHONG ÔN

152

XỬ PHƯƠNG :

Thang Song xỉ cát cánh

(giải thấy ở Chứng Xuân Ôn của Bệnh Tân Cẩm)

Tân gia bạch hồ thang

(giải thấy ở Chứng Xuân Ôn của Bệnh Tân Cẩm)

17. — Liên kiều chi xỉ thang :

Thanh liên kiều	青連翹	3 tiền
Hương đậu xỉ	香豆豉	3 tiền
Sao chỉ xác	炒枳殼	1 tiền rưỡi
Tán di nhân	半炙仁	5 phân
Quảng ngọc kim	廣玉金	1 tiền rưỡi
Phúc Quít lạc	福橘絡	1 tiền rưỡi
Thu kiết cánh	秋桔梗	1 tiền rưỡi
Sao sơn chi	炒山梔	2 tiền
Bạch khấu nhân	白叩仁	5 phân

∴

2. CHỨNG PHONG ÔN CỦA BỆNH PHỤC TÀ

NGUYÊN NHÂN : Cảm thọ khí ẩm nóng kích thích, gây cho công dụng tuần hoàn của thể ôn phát sanh chứng ngại, lại đậm thêm bệnh Tân Cẩm, mới phát hiện các trạng chứng ngoại cảm.

BỆNH LÝ : Điểm bất đồng giữa bệnh Phục Tà với bệnh

Tân Cẩm ở chỗ : Bệnh *Tân Cẩm*, thì bệnh độc từ ngoài xâm nhập vào trong; Bệnh *Phục Tả*, thì bệnh độc từ trong xuất hiện ra ngoài. Vì từ trong xuất hiện ra ngoài, cho nên lúc sơ khởi, thì *đầu nhức, mình nóng*. Tiếp theo thì *mình nóng rực, tự ra mồ hôi, mà bệnh vẫn chẳng khỏi*.

Khát nước, là vì khí nóng nung nấu ở trong, nước tân dịch bị tiêu hao.

Mình nóng rực, là do *Phục Tả* của bệnh *Phong Ôn*, gây cho thể ôn lên cao, công dụng tán ôn bị mất chức.

Tự ra mồ hôi, là vì nhiệt độ xung xích ở phần cơ tảo, hạn tuyến bị sức nóng ứ đốt. Vì lẽ ấy, mà số lượng của hạn dịch phân bị quá nhiều, nước tân dịch bị hao hụt. Tại thêm mình nóng rực, tự ra mồ hôi, thì chất tân dịch trong thân thể lại càng hao hụt, thần kinh thiếu thốn nhu nhuận, sự tri giác vận động cảm thấy chậm chạp, cho nên mình *mây nặng nề, và buồn ngủ gật gờ*. Đó là bệnh cơ thúc đẩy lẫn đến tinh thần hôn mê. Thần kinh Phổi bị nóng nảy ứ đốt, thì trong mũi thở như ngáy. Đó là tiền khu của chứng thở nhịp một vạy.

Hình thái của bệnh *Mình nóng rực, tự ra mồ hôi*, dùng *Thang Tân Gia Bạch Hồ* rất là đúng nhịp. Nếu không biết lý này, lầm dùng thuốc phát hạn, thì thần kinh ở họng lưỡi sưng ngạnh, mà biến Chứng Ma Tỷ. (đại phạm thuốc phát hạn đều kích thích tuyến thể, khiến cho sưng lớn lên. Thấy thuốc xưa nói: Chứng Bạch Hầu kỵ dùng thuốc phát hạn. Biết được lý này, thì rõ được tại sao chứng Ma Chấn dùng thuốc *thấu phát* quá nặng, tất sanh chứng yết hầu sưng ngạnh.) Vì đó mà bệnh nhân nói không

ra tiếng, đồng thời bao nhiêu phần nước ở trong thân thể đều bài tiết hết ra ngoài, cho nên bệnh nhân tiểu tiện không thông.

Còn lằm dưng thuốc: lằm Hạ (xỏ), thì hại lấy cho Trung Khu Thần Kinh của trường vị, gây ra chứng Mắt Trục Thị của bệnh óc, và thần kinh của Bàng Quang bị tê dại không ước thúc được, mà biến chứng đái són. — Chứng Phát Hoảng (vàng cả người) là do nước mắt lộn vào máu gây ra. Bệnh Kinh Giản là do hiện tượng của chứng Não Mô Viêm. Đó là hoại chứng của Bệnh Phong Ôn, nhân vì lằm dưng hỏa công gây ra vậy.

CHỨNG HẬU: Lúc bệnh sơ khởi, đầu nhức, mình nóng, hơi sợ gió lạnh. Tiếp theo vẫn sợ gió, phát nóng như thiêu, tự ra mồ hôi mà bệnh vẫn không khỏi. Khát nước Mạch động Phù, mình nặng, buồn ngủ, hơi mũi thở o-o (ngáy). Như dùng thuốc phát-hạt thì nói không ra tiếng, tiểu tiện không thông. Nếu dùng thuốc lằm hạ (xỏ), thì mắt trục thị, đái són. Còn bị hỏa công thì mẩn da ứng vàng, quá lằm thì phát Chứng Kinh Giản, tay chân rút giật.

CHẨN ĐOÁN: Mạch bên tay phải ứng Phù Hoãn, tay trái Mạch ứng Huyền Tiêu mà đái Sắt. Tựa lưỡi lúc sơ phát sắc trắng mà mỏng. Tiếp theo thì tựa lưỡi trắng trơn, chót lưỡi phần nhiều đỏ tươi mà khô ráo, là thuộc về Phục Tà của Bệnh Phong Ôn vậy.

CÁCH TRỊ: Bệnh lúc sơ khởi hơi sợ gió lạnh, mình nóng ra mồ hôi, dùng Thang Song xị cát cánh gia:

hoàng cầm, bạch thược. Tiếp theo thì mình nóng như thiêu, tự ra mồ hôi, dùng *Thang Tân gia bạch hồ gia*: Bạc Hà (1), *bạch thược*. Nếu mình mảy nắng nề buồn ngủ, ngủ li bì, hơi mũi thở o-o, thì dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, tống hạ *Đơn tử tuyết*. Như bệnh nhân đàm trọc nặng nề, tưa lưỡi béc lảng, thì dùng *Đơn chỉ bửu*. Nếu làm dùng thuốc phát hạ, bệnh như hộng sưng nói không ra tiếng, tiểu tiện không thông, thì dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, gia: *xạ can, tiên xanh địa, hoạt thạch, trúc điệp*, chứng nóng quá thâm trọng, thì gia: *tế dắc, linh dương dắc*. Phát Vàng, thì dùng *Thang Cao cầm thanh đàm*. Kinh Gián Rút Giật, thì dùng *Thang Linh dương dắc câu đẳng*. Mất Trục Tụy, *Đài Sôu*, thì dùng *Đơn chỉ bửu*.

PHỤ LỤC: Ông Hà Tà Sơn nói: Chứng Phong Ôn, bệnh phục tà ở phần khí, lúc sơ phát dùng thuốc giải biểu, biểu tà tuy giải; nhưng Phục Tà từ trong lại lộ ra, hiện lên chứng hậu nóng lạnh như sốt rét, lồng ngực bị đầy, trong lòng buồn bực, ưa mưa không thêm ăn, nên dùng *Âm sai hồ đạt nguyên* cồi mổ Phục Tà, giúp cho uất nhiệt từ trong được thông thấu ra ngoài. Tiếp theo, nếu xét thấy bệnh chứng táo nhiệt thì dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, lấy mùi cay ngọt, tính mát lạnh để thanh nhiệt. — Nếu xét thấy bệnh chứng thấp nhiệt, thì dùng *Thang Táng giảm hoàng liên tả-tâm* lấy mùi cay đắng ngọt lại để thanh nhiệt thẩm thấp. — Như có trạng chứng đáng dùng thuốc hạ, xét coi bệnh tình nặng, nhẹ, hoãn, gấp, châm chước lựa dùng một trong các *Thang thừa khí*.

Như Bệnh Phục Tà ở Phần Dinh, so sánh với Bệnh

Phục Tả ở Phần Khí, có phần nặng hơn. Lúc sơ phát, thì dùng *Thang Xong xỉ cát cánh*, sau khi dùng thuốc tán lương phát tán, bệnh tả ở phần biểu tuy giải, tạm thời nóng lui người mát. Nhưng còn chứng nóng tiềm phục bên trong chưa trừ, cho nên tiếp theo lại phát nóng rục, tự ra mồ hôi, phiền táo mất ngủ, thần thức lúc tỉnh lúc mê, về đêm hay nói xàm, mạch động *Mạch Sát*, lưỡi đỏ; thái thậm thì tay chân lạnh, Mạch hiện *Hãm Phục* cấp tốc dùng phép thanh thần chứng nóng ở Phần Dinh, khiến cho phục tả trở ra phần Khí. Phần Khí được tuyên thông, Phần Vệ được bài tiết, hoặc bệnh độc treo *bán chẩn* mọc ra mà giải trừ, hoặc theo mồ hôi mà giải trừ. Bệnh nhẹ thì dùng *Thang Bô hoàng kim ngọc*, bệnh nặng thì dùng *Âm Tế đặc thanh lạc*, bệnh nguy kịch thì dùng *Đơn Tử thuyết*, Tán Hành quán công hiệu như thần.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

XỬ PHƯƠNG :

Song xỉ cát cánh thang.

Tân gia bạch hồ thang.

(Hai phương này giải thấy ở Chứng Xuân Ôn của Bình Tân cảm.)

18.— Tử tuyết đơn**Cuộc phương hòa tề**

Hoạt thạch	滑石	1 cân
Hàn thủy thạch	寒水石	1 cân
Phát tiêu	朴硝	nửa cân
Huyền sâm	玄参	nửa cân
Thạch cao	石膏	1 cân
Thanh mộc hương	青木香	2 lạng
Từ thạch	磁石	1 cân
Mang tiêu	芒硝	6 lạng
Thăng ma	升麻	6 lạng
Công đình hương	公丁香	3 tiền
Trầm hương	沉香	2 lạng
Chích thảo	炙草	2 lạng
Thần sa	辰砂	1 lạng 2 tiền
Xạ hương	麝香	8 tiền
Tê giác	犀角	2 lạng
Linh dương giác	羚羊角	2 lạng

Cách chế : Trước hết đem vị : *Hoạt thạch, hàn thủy-thạch, từ thạch, tê giác, linh giác, nấu lấy nước thật đậm, bỏ xác.* Rồi đem vị : *Mộc hương, trầm hương, thăng ma, đình hương, cam-thảo, huyền sâm* trộn đều với nước thuốc trước nấu lấy nước thật đậm, bỏ xác. Đoạn đổ bột Vị : *Phát tiêu, mang tiêu* vào, lửa riu-riu nấu cho sôi đều, dùng nhánh cây liễu quấy chẳng ngừng tay, chờ nước thuốc đặc lại. thì gia : Vị *xạ hương, thần sa* vào hòa đều, để nguội. Mỗi lần dùng một hai tiền, uống với nước ấm nóng.

19. — Chỉ bửu đơn

Gia giảm Cuộc Phương

Tê dắc	犀角	1 lạng
Đại mạo	玳瑁	1 lạng
Ngưu hoàng	牛黄	5 tiền
Chân sa	硃砂	1 lạng
Hồ phách	琥珀	1 lạng
Xạ hương	麝香	5 tiền

Cách chế: Dùng 1 lạng *an tức hương* nấu tan, hoà với bột thuốc trên làm hoàn, tất cả là một trăm hoàn, dùng sáp làm bao. Mỗi lần uống một hoàn; bệnh rất nặng, mỗi lần uống ba hoàn, uống với nước chia.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cao cầm thanh đàm thang

(giải thấy Chứng Xuân Ôn của bệnh Tâm Cầm)

(Bỏ thanh cao gia nhân trần long đàm thảo)

Linh dương câu đẳng thang

(đã thấy Chứng Xuân Ôn của bệnh Phục Tà)

20.— Sài hồ đạt nguyên âm

Gia giảm phương Ôn Dịch Luận

Sao sài hồ	炒 柴 胡	1 tiền rưỡi
Xuyên hậ phát	川 厚 朴	8 phân
Sanh cam thảo	生 甘 草	8 phân
Ngọc kiết cánh	玉 桔 梗	1 tiền rưỡi
Bội lan cánh	貝 蘭 梗	2 tiền
Sao chỉ xác	炒 枳 壳	1 tiền rưỡi
Tiểu thanh bì	小 青 皮	1 tiền rưỡi
Tửu hoàng cầm	酒 黃 芩	1 tiền rưỡi
Ồi thảo quả	煨 草 果	1 tiền rưỡi
Nam Tân lang	南 極 榔	2 tiền

21.— Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang

Gia giảm phương của Ông Trọng Cảnh

Sao hoàng liên	炒 黃 連	8 phân
Phi hoạt thạch	飛 活 石	3 tiền
Tiểu chỉ thiết	小 枳 實	1 tiền rưỡi
Tửu hoàng cầm	酒 黃 芩	1 tiền rưỡi
Đạm trúc dệp	淡 竹 葉	2 tiền
Chế bán hạ	製 半 夏	2 tiền
Sanh cương trấp	生 薑 汁	2 giọt
Phương thông thảo	方 通 草	3 tiền
Thạch xương bồ	石 菖 蒲	3 tiền
Đẳng tâm	燈 心	5 phân

Cách chế: Dùng vị Đông Qua Tử 2 lạng sao chín nấu lấy nước sắc thuốc.

PHONG ÔN

22.— Xương bồ ngọc kim thang

Cải đình phương kinh nghiệm của Ông Hà

Tiên trạch xương bồ	鮮石菖蒲	3 tiền
Quyền tâm trúc điệp	捲心竹葉	3 tiền
Nuyên ngọc kim	川玉金	2 tiền
Tế mộc thông	細木通	1 liễn rượu
Sao sơn chi	炒山柰	3 tiền
Thanh liên kiều	青連翹	3 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	2 tiền
Sanh cương trấp	生薑汁	3 giọt
Đạm trúc lịch	淡竹瀝	5 tiền
Tử kim phiến	紫金片	5 phân

Dùng 2 liễn Đãng Tâm nấu lấy nước để sắc các vị thuốc trên.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

23.— Hành quân tán

phân lượng đổi mới

Ngưu hoàng	牛黃	1 tiền
Xạ hương	麝香	1 tiền
Hùng hoàng	雄黃	3 tiền
Hỏa tiêu	火硝	3 tiền
Băng sa	硼砂	1 tiền
Băng phiến	冰片	1 tiền
Trân châu	珍珠	12 tiền
Kim phi	金飛	20 tờ

Các món thuốc trên hợp chung, nghiền thật nhỏ, trộn đều, mỗi lần dùng 2. 3 phân, uống với nước chín.

CHƯƠNG THỨ BA

BỆNH ÔN

(có chỗ xưng là Bệnh Nhiệt)

Thầy thuốc xưa nói: Những bệnh sau tiết Lập Hạ, trước tiết Hạ Chí, gọi là: *Bệnh ôn*. Những bệnh sau tiết Hạ Chí, trước tiết Thu Phân, gọi là: *Bệnh thử*. (Lập Hạ dĩ hậu, Hạ Chí dĩ tiền, hoạn giả vi Ôn Bệnh. Hạ Chí dĩ hậu, Thu Phân dĩ tiền, hoạn giả vi Thử Bệnh. — 立夏以後，夏至以前，患者為溫病，夏至以後，秋分以前，患者為暑病).

Sách Nội Kinh biên: Trước tiết Hạ Chí ấy là Bệnh Ôn, sau tiết Hạ Chí ấy là Bệnh Thử phải vậy. (tiền Hạ Chí giả vi Bệnh Ôn, hậu Hạ Chí giả vi Bệnh Thử thị giả — 先夏至者為病溫，後夏至者為病暑是也). Đại phạm Bệnh Ôn, Bệnh Thử, không có bệnh nào lúc sơ phát mà chẳng ôn lạnh. Cho nên Sách Nội Kinh cho là: Các Bệnh Nhiệt, đều thuộc về loại Bệnh Thương Hàn. (Nhiệt Bệnh giai thuộc Thương Hàn chi loại — 熱病皆屬傷寒之類).

Sách Nạn Kinh nói: Bệnh Thương Hàn có năm. (Thương hàn hữu ngũ — 傷寒有五). Cho là Bệnh thương Hàn bao quát cả Bệnh Thử và Bệnh Nhiệt, vì lúc sơ khởi bệnh nào cũng đều có cảm giác ôn lạnh. Hoặc do cảm hàn mà phát bệnh, hoặc do Thương Thử mà phát bệnh, hoặc Bệnh Ôn

có kiêu hàn, hoặc Bính Ôn có kiêu Thử, lúc lâm sàng khám bính cần phải phân biệt rành mạch.

Bính ôn kiêu hàn

NGUYÊN NHÂN : Nguyên nhân gây ra Bính Ôn có hai :

1) — Do khí nóng uất súc trong thân thể, bính nhân bất thình lình, lại cảm nhiễm hàn tà từ ngoài xâm nhập, biến thành Chứng *Ngoại lạnh trong nóng*.

2) — Do khí hậu thời tiết nóng nực, còi trần hứng gió, biến thành chứng nóng lạnh trái ngược lẫn nhau. (hàn nhiệt tháo-phục — 寒熱交替). Nguyên nhân thọ bính tuy khác, mà chứng hậu phát hiện, đại khái giống nhau.

BỊNH LÝ : Trước giả, đối với bính lý Chứng Xuân Ôn của Bính Tân cảm, đã từng trình trong giải thích rõ ràng. Nếu không phải do nhân tố huyết nhiệt ứ tắc ở trong thì bất quá là *Cảm mạo* sơ sài mà thôi. Nhân vì uất nhiệt ứ tắc ở trong, hàn phục ở ngoài, cho nên ngày giờ tái qua của bính chứng rất là triền miên. Bính chứng đến thời kỳ chột, có khi phải chờ được chảy máu mũi, hoặc mọc Ban Chẩn mới chột khỏi. Đối với Bính Ôn kiêu cảm hàn tà cũng thế.

CHỨNG HẬU : Trước khi bính chứng chưa phát tác một vài ngày, tất có ớn lạnh run rẩy, hơi sợ gió lạnh. Tiếp theo thì mình nóng không ra mồ hôi, nhưc dần sợ lạnh. Trải qua đôi ba ngày, lại lâm dùng thuốc Tân ôn phát hàn, thì chẳng còn ớn lạnh nữa, chỉ phát nóng, lòng phiền táo, sợ nóng, miệng khô khát, uống nước liên liên.

Thái thậm thì má ửng đỏ, môi nám đen nứt nẻ, lưỡi khô họng đau, tinh thần rối loạn, đêm ngủ nói xầm, tiểu tiện đỏ mà ngắn rit, đại tiện khô táo, dưới sườn nóng Hạ Ly, hoặc ỉa chảy, bụng đầy hơi. Nếu bị ngộ trị, thì ho ra máu, hoặc mửa ra máu, hay ỉa ra máu; tay chân rút giắt, thần thức hôn mê, ngủ vùi, các chứng. (có mồ hôi hay không, trên phép trị cần phải phân biệt).

CHẨN ĐOÁN : Tựa lưỡi trắng mà hơi vàng, là thuộc về Bệnh Đàm Nhiệt ủng át. Lưỡi đỏ không tựa, thuộc về Bệnh Nhiệt Tả Tiềm Phục. Tựa lưỡi mục thúi dày đặc, thuộc về Chứng căn bã chứa đóng trong trường vị.

Hình Mạch, tay bên trái mạch động Phù Khẩn, tay bên phải mạch động Phù Hoạt. Mạch Phù Khẩn, là tượng chứng lạnh câu thúc bên ngoài; Mạch Phù Hoạt, là tượng chứng nóng uất át ở trong. Nhân cảm thọ khí lạnh của thời lĩnh mà phát bệnh vậy.

CÁCH TRỊ : Lúc bệnh sơ phát, mình nóng không mồ hôi, dùng *Thang Song vị cát cánh*. (Bệnh nóng lắm, tiểu tiện không thông, gia : Hoạt Thạch, Hoàng Cầm.)

Không lạnh, chỉ nóng, lòng phiền táo khát nước, dùng *Thang Tân gia bạch hồ* (có mồ hôi thì dùng). Nếu không mồ hôi, lưỡi khô, họng đau, tinh thần rối loạn, nói xầm, dùng *Âm Thanh ôn giải độc*.

Đại tiện táo kết, hoặc sườn nóng Hạ Ly mà bụng đầy, dùng *Thang Bạch hồ thừa khí*.

Ho ra máu, mửa ra máu, ỉa ra máu, dùng *Thang Tế dắc địa hoàng*, gia thêm thuốc đối chứng.— Thần thức hôn mê, ngủ vùi, dùng *Đơn tử tuyền* ba phân.

BỊNH ÔN

146

XU PHƯƠNG :

Thang Song xỉ cái cánh

(Thấy ở Chứng *Xuân Ôn* của Bệnh *Tán Cầm*)

Thang Tân Gia Bạch Hồ

(Thấy ở chứng *Xuân Ôn* của bệnh *Tán Cầm*;

24.— Âm Thanh Ôn Giải Độc

(Nhức đầu gia : Cúc Hoa... 3 tiền, Cương Tâm... 3 tiền ; ít
mồ hôi gia : Ngân Hoa... 3 tiền, Thanh Cao... 3 tiền.)

downloadsachmienphi.com

Phương tân dịch của *Dư Sư Ngụ*

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Sanh thạch cao	生石膏	1 lượng
Tê đặc	犀角	1 tiền rưỡi
Sao sơn chi	炒山梔	3 tiền
Tửn hoàng cầm	酒黄芩	3 tiền
Kính xích thực	京赤芍	2 tiền
Thanh liên kiều	青连翘	3 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	3 tiền
Tiểu sanh địa	小生地	3 tiền
Xuyên hoàng liên	川黄连	1 tiền rưỡi
Ngọc kiết cánh	玉桔梗	1 tiền rưỡi
Đại tri mẫu	大知母	3 tiền
Đại huyền sâm	大玄参	3 tiền
Sanh cam thảo	生甘草	2 tiền
Tiên trúc diệp	鲜竹叶	3 tiền
Thanh Cao	青蒿	3 tiền

25.— Thang Bạch Hồ Thừa Khí

Phương kinh nghiệm của Ông Đa

Sanh thạch cao	生石膏	8 tiền
Xuyên đại hoàng	川大黃	2 tiền
Đại tri mẫu	大知母	2 tiền
Sanh cam thảo	生甘草	2 tiền
Tiên hà diệp	鮮荷葉	1 tiền
Mang tiêu	芒硝	2 tiền

26.— Tê giác địa hoàng thang

Tê giác	犀角	1 tiền
Sanh địa hoàng	生地黃	3 tiền
Kính xích thược	京赤芍	2 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	2 tiền

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đơn Tử Tuyết

(Thấy ở chứng Phong Ôn Phục Tà)

..

2. BÌNH ÔN KIỂM BÌNH THỦ

NGUYÊN NHÂN: Ngày bình thường bình nóng nảy uất kết trong người, đó là nhân tố; chờ khi cảm thọ khi độc ôn thủ của thời lĩnh mới phát tác. Sách *Nội kinh* nói: trước ngày Hạ Chí phát bệnh là: *Bệnh Ôn*. Sau ngày Hạ Chí phát bệnh là: *Bệnh Thủ*. Song không nên quá ư câu chấp ngày giờ, đại khái *Bệnh Ôn* kiêm *Bệnh Hàn*, hay kiêm

Bệnh Thử, đều phát tác trước hoặc sau Tiết Hạ Chí, xem ở khi trời lạnh hay nóng để phân biệt.

BỆNH LÝ : Bệnh này do huyết nhiệt vọng hành, thuộc về Chứng Cấp Tinh Nảo Sang Huyết. Khởi điểm xuất phát trước — nhất là chứng hậu *Nhức đầu xây xăm*, thân thể mỗi mē rung rờ, là thuộc về trung khu vận động thần kinh bị nhiệt tà ung đốt. Mắt như dính bụi, miệng khô, khát nước uống liền liền, là do nội-nhiệt sang xích ở trong, hiện trạng thể ôn bị uất át, nước tân dịch hao hụt.

Sách Thương Hàn Luận Ông Trọng Cảnh có nói : Lòng phiền táo, miệng khô khát, lưng hơi ôn lạnh, dùng Thang Bạch Hồ gia : Nhân Sâm chủ trị đó. (Tâm phiền khẩu táo khát, bối ở hàn giả, Bạch Hồ gia Nhân Sâm Thang chủ chi — 心煩口渴渴, 背惡寒者, 白虎加人參湯主之). Đó là vì nhiệt uất ung đốt ở bên trong bộ lưng tuy cảm giác ôn lạnh, song chỉ khảo sát trên trạng chứng : Tâm phiền, khẩu táo khát, có thể chứng minh đó là Chứng Ôn Nhiệt kiêm Thử, vậy.

CHỨNG HẬU : Lúc bệnh sơ phát, thì phát nóng, mình mảy mỗi mē rả rờ, bộ lưng hơi ôn lạnh, nhức đầu xây xăm da mặt dơ nhám (diện cẩu) răng khô, khát nước uống liền liền, lòng phiền táo, sợ nóng. Nếu bị ngộ trị, hoặc lầm cho uống thuốc ôn tào, tất phát Ban Chẩn. Lúc nhiều loạn hơi thở khô khè, khát nước; nằm yên tĩnh một mình thì nói nhảm, về đêm thì nói xàm, đại tiện hoặc bế tắc, hoặc ỉa chảy mà không thông thả, ngoài cả : biến chứng, với bệnh trước hơi giống.

CHẨN ĐOÁN . Tựa lưỡi hơi vàng mọc gai, nên dùng

thuốc : *Sanh tân tả nhiệt*. Lưỡi vàng mục thối dày đặc, nên dùng thuốc : *Thông đạo Đỉnh Tích*. Lưỡi đỏ bầm, hoặc đỏ tươi, nên dùng thuốc : *Thanh lương Chứng Phục Nhiệt*. Mạch động Trầm tiền mà có sức, là bằng chứng dịch xác Nhiệt là xâm nhập vào trong.

CÁCH TRỊ : Nhức đầu xây xẩm, nóng rực, mình mảy mòi mé rung rời, dùng *Thang LÂN GIA BẠCH HỒ* (bỏ Vị Tang Chi, gia : *Hoạt Thạch*).

Nhức Đầu Xây Xẩm đã khỏi, nhưng nóng thừa chưa khỏi hẳn, dùng *Thang Trúc điệp thạch cao*. Nếu bệnh nhân sức khoẻ suy nhược dùng *Thang Tân Đỉnh Thanh thử ich khí* của ông Vương Mạch Anh. Nếu thực tà ủng trệ, chầm chừc dùng *Thang Bạch hồ thừa khí*, *Thang Tê liên thừa khí* các phương.

PHỤ KÝ : Ông Vương Tử Sơn nói : Bệnh chứng đại nhiệt, trước hết làm hại cho khí huyết : Phần khí nóng nảy, phiền táo khát nước, ra nhiều mồ hôi ; Mạch di Hồng lưỡi khô, thì dùng *Thang Bạch Hồ* làm chủ. Kiểm chứng Phong, thì gia : *Tang Diệp*, *Bạc Hà* ; kiểm Chứng Hàn, thì gia : *Thông Bạch*, *Đậu Sỉ* ; kiểm Chứng Thử, thì gia : *Thanh Cao*, *Hương Nhu* ; kiểm Chứng Thấp, thì gia : *Thương Truật*, *Hậu Phát* ; Khí hư, tân dịch hao hụt, thì gia : *Tây Dương-Sâm*, *Mạch Đông* ; Huyết hư hỏa vượng, thì gia : *Sanh Địa*, *Đơn Bi* ; Đàm nhũn khí trệ, thì gia : *Bán Hạ*, *Quất Hồng* ; Lạc mạch tề đại, gân cơ rút, gia : *Linh Lạc*, *Quế Chi* ; Nóng hại bộ óc, gia : *Tê Lạc*, *Cần Đăng*, *Út Lý Nha* ; Nóng uất, đại tiện không thông, gia : *Hoang Cầm*, *Hoàng Liên*, *Phát Tiên*, tùy theo chứng mà gia giảm. Đo

là phương pháp chữa Bệnh Táo Nhiệt làm tổn thương phần khí vậy.

Còn trị về bệnh nóng đốt ở Phần Huyết, phiên táo nói xam, Mạch đi sát, lưỡi đỏ, thì lấy Thang Tề giác địa hoàng làm chủ. Kiên có Chứng Chân, gia : Liên Kiều, Ngưu Bàng Tử, Tử Thảo, Đại-Thanh ; kiên có Chứng Ban, gia : Huyền Sâm, Đại Thanh, Mao Căn, Lô Căn ; Mửa ra máu, gia : Chế Đại Hoàng, Tiểu Xuyên Liên, Trúc Nhự, Tam Thất tán bột ; ỉa ra máu, gia : Mao Căn, Hòe Hoa, Ngân Hoa Thán, Địa Du Thán ; Ứ huyết, gia : Đào Nhân, Hồng Hoa, Đơn Sâm, Ích Mẫn Thảo ; Chứng Phong Kích (風疾) gia : Linh Đắc, Câu Đẳng, Cúc Hoa, Út Lý Nhân ; Tối tâm may mặt, bất tỉnh nhân sự, (bôn huyết 昏 厥), châm chước dùng Đơn Tử tuyết, Tán Hành quân, và Đơn Chi bửu. Nhiệt Độc thanh nhơn, gia : Kim Tráp, Nhân Trung Hoàng, Tử Hoa Địa Đỉnh, Tử Kim Phiến. Đó là cách trị nóng đốt ở phần huyết vậy.

Nếu Phần Khí, Phần Huyết đều bị hỏa nhiệt ung đốt, mà thất trị, hoặc ngộ trị, thì tất gia hại đến phần chân âm (Trước giả xét câu : « gia hại đến phần chân âm : thương cập chân âm » tức là công tác phân bị dịch thể ở phò thận, bị chất bị thu rút, vách huyết quản và tinh nang phát sanh biến hóa), tinh khô, tủy nóng, xương sống đau ê, di tinh dài hạ, hoặc ho ra máu, ỉa ra máu, trong xương nóng rực (cốt chung lao), hai má ửng hồng, mạch hình đi Huyền ma dài Mạch Tế Sát ; lưỡi đỏ, ưa lưỡi thưa thớt. Đó chính là bệnh tể tục cho là : Sau khi đau ốm dài dai, trở thành bệnh chứng : âm hư lao tổn, dùng Thang Nhị Gia Long Cốt Mẩn Lệ, Bồ Gừng, Tào, Phụ Tử, gia :

Tri Mầu, Hoàng Bá, Sanh Địa, Qui Bản chữa trị. — Tiếng ho yếu ớt, gia : Mạch Đông, Dã Bá Hợp, Xuyên Bối Mầu Quít Lạc ; Hơi Suyễn hụt yết, gia : Từ Thạch, Bắc Ngũ Vị, Câu-Kỷ, Trầm Hương. Không đủ sức khạc đàm, gia : Trúc Lịch, Tượng Bối. Nấc Cục thiếu hơi, gia : Đại Giả Thạch, Trầm Hương, Điều Đâu Tử, Ngưu Tất. Hư Nhiệt, gia : Thanh Cao, Biết Giáp, Ngân Sài Hồ, Địa Cốt Bì.

Như sau khi thọ bệnh, dư nhiệt dấy dưng không dứt, tinh thần mê mết, mất ngủ. Lòng hồ hởi, mặt không khiếp, hoảng hốt không yên ; khi thì nói năng lộn xộn, lúc lại nói chuyện một mình, nhắm mắt lại, thì kinh khủng phi thường ; lúc tỉnh dậy lại kêu la. (1) Bộ Thốn Mạch động Phù Hồng, Bộ Quan, Bộ Xích Mạch đi Huyền mà đại Mạch Tế Sát, hình lưỡi cò quảng tròn lớn, đỏ nổi nà, thì dùng Thang Hoàng Liên A Giao, gia : Bán Hạ, Truật Mễ, Táo Nhân, Phục Thần làm chủ trị. Có chứng Đồ Mồ Hối Trộm (đạo hạn), gia : Phù Tiễn Mạch, Mầu Lệ ; Hồi Hạp, gia : Tây Ngưu Hoàng, Châu-Sa. Nhiều đàm nhớt, gia : Trúc Lịch, Xuyên Bối. Thiếu máu, gia : Bạch Thược. Đương Qui, Sanh Địa. Đêm ngày đều mất ngủ, gia : Dạ Giao Đẳng, Dạ Hiệp Hoa ; mất ngủ thái thậm, thì dùng Thanh Quế, Hoàng Liên, mỗi thứ 3 phân tán nhỏ làm hoàn cho uống. Tinh thần không khoáng sáng thì dùng loại Đơn Chi Bửu. Đó là đại yếu của sự chữa trị chứng đại nhiệt, truyền biến từ sơ kỳ, trung kỳ, và mạc kỳ vậy.

(1) Đây là một trạng chứng mà gia đình bệnh nhân tin là bị ma quỷ ám ảnh ; nhưng sự thực là do bệnh hoạn sử nhiên, không nên chạy chữa bằng quơ mà thêm hại.

BỆNH ÔN

171

XỬ PHƯƠNG :

Tân Gia Bạch Hồ Thang

(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh Tân Cảm)

Trúc Diệp Thạch Cao Thang

(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh Tân Cảm)

27. — Vương thị tân đính thanh thử ích khí thang

Phương của Vương Mạnh Anh

Tây dương sâm	西洋参	1 tiền rưỡi
Đại mạch đông	大麦冬	5 tiền
Tiên trúc diệp	鲜竹叶	3 tiền
Tri mẫu	知母	3 tiền
Ngạnh mễ	饴米	1 lượng
Xuyên hoàng liên	川黄连	1 tiền
Tiên hà can	鲜荷梗	1 thước
Sanh cam thảo	生甘草	1 tiền
Tây qua y	西瓜衣	4 tiền
Thạch học	石斛	1 lượng

28. — Tê liên thừa khí thang

Phương của Thông Tục Phương Hàn Luận

Tê giác tiêm	犀角尖	5 phân
Chân kim trấp	真金汁	1 lượng
Tiên sanh địa	鲜生地	3 tiền
Tiểu chí thiết	小枳实	1 tiền rưỡi
Tiểu xuyên liên	小川连	8 phân
Sanh đại hoàng	生大黄	2 tiền

29.— Bạch hồ thang

Phương của Thương hàn Luận

Sanh thạch cao	生石膏	1 cân
Tri mẫu	知母	6 lượng
Ngạh mễ	粳米	6 hiệp
Cam thảo	甘草	2 lượng

(Nên châm chước lại theo cân lượng hiện thời mà dùng)

Tê dắc địa hoàng thang

(Thấy ở bệnh Ôn kiêm Hàn)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tử tuyết đơn

(Thấy ở chứng Phong Ôn của bệnh Phục Tả)

Hành quân tán

(Thấy ở chứng Phong Ôn của bệnh Phục Tả)

Chí bửu đơn

(Thấy ở chứng Phong Ôn của bệnh Phục Tả)

30. — Tử kim đơn

(lại có một tên : Ngọc Khu Đơn)

Sơn từ cô	山慈菇	2 lượng
Thần sa	辰砂	5 tiền
Hùng hoàng	雄黄	5 tiền
Hồng nha đại kích	紅芽大戟	2 lượng
Thiên kim sương	千金霜	2 lượng
Tô hiệp hương	蘇合香	1 lượng
Băng phiến	冰片	3 tiền
Nạ hương	麝香	3 tiền

Các món trên hợp chung, tán làm bột rất nhỏ, gạo hồ in thành miếng nhỏ phơi khô, mỗi lần uống 3 phân đến 5 phân. Bình chỉ trong uống 1 tiền là cùng.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

31. — Nhị gia long cốt mẫu lệ thang

Phương của Thương Hàn Tiền phẩm

Sao bạch thược	炒白芍	4 tiền
Nôn bạch vi	嫩白薇	3 tiền
Chích Cam Thảo	炙甘草	2 tiền
Hắc phụ tử	黑附子	2 tiền
Hà long cốt	蝦龍骨	3 tiền
Hà mẫu lệ	蝦牡蠣	3 tiền
Gừng sống	生薑	3 miếng
Táo đen	大棗	3 trái

32. — Hoàng Liên A Giao Thang

Phương Thương Hàn gia vị

Sao hoàng liên	炒黃連	1 tiền
Tiền sanh địa	小生地	5 tiền
Tứ hoàng cầm	酒黃芩	1 tiền rưỡi
Trồng đỏ trứng gà	雞子黃	2 cái
Trần a giao	陳阿膠	3 tiền
Sanh bạch thực	生白芍	3 tiền



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CHƯƠNG THỨ TƯ

BỆNH THỨ ÔN

Vào lúc cuối Mùa Hạ, Tiết Tiểu Thử, Tiết Đại Thử, khi trời nóng bức. Vì lẽ sợ nóng nực, tìm nơi mát mẻ để trốn nắng (tý thử 夏季) mà bị cảm Thử, kiêm cả Thấp lẫn Hàn. Ở đây phân biệt rành rẽ thế nào là Bệnh Thử Ôn kiêm Thấp, thế nào là bệnh Thử Ôn kiêm Hàn.

1. BỆNH THỬ ÔN KIÊM THẤP

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NGUYỄN NHÂN : Sau tiết Hạ Chi, trước Tiết Lập Thu là lúc khi trời nực nội, khi đất nóng nãy. Khi hậu của trời đất nóng hầm, trùng cảm tức thời sanh bệnh, gọi là : Bệnh Thử Ôn. Có nhân ăn qua quả sống lạnh, uống nước đá, nước trong tủ lạnh, hoặc tắm nước lạnh mà gây ra bệnh này.

BỆNH LÝ : Bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính trong tháng nắng, dồi dào tính chưng phát, và sức ngưng trệ, ra rất nhiều mồ hôi mà bệnh không giải trừ. Lồng ngực bứt rứt ngán bịt, Ban Chấn mạt nhỏ lấm tẩm mọc đầy người, dây dưa khó dứt. Kiểm Chứng Thấp, thì phần cơ nhọc nặng nề nhức mỏi, lồng ngực nặng nề, bụng đầy ỉa chảy, hoặc ỉa lỏng mà không thông thả. Chủ thể của

bệnh này, là *Thấp* với *Nhiệt* sắc nấu lẫn nhau, cho nên so sánh với các bệnh chứng ở thời tiết khác không giống nhau, vì công năng tạo ôn trong thân thể không đủ. Có xu hướng kiêm Hàn, thì công năng bài tiết của phần nước bị giảm thoái. Đó là trăm triệu gây ra *Bệnh Thấp* mà Ông Khiết Cổ sở dĩ nói: trốn nắng tìm nơi mát mẻ yên tĩnh mà ở, lại mắc *Bệnh Thương Thử*, là thuộc về loại này vậy.

CHỨNG HẬU : Lúc bệnh sơ khởi, hơi ớn lạnh, mình nóng, sau giờ Ngọ thì nóng nhiều, ra mồ hôi mà bệnh không đỡ, không ra mồ hôi, nóng lại lên cao; mình mảy ngứa nề đau nhức, nhức mỏi từ sờ thịt, đầu vàng mắt đỏ, lòng phiền táo, nước miếng đặc, miệng ráo mà không khát nước, uống nước thì ối, hông ngực không thư thái, tiểu tiện rít. Tiếp theo thì lạnh nóng qua lại không ngắt, sau giờ Ngọ phát nóng, đến hừng đông hơi đỡ phần nào.

Chứng Thử Nhiệt nặng : trong người bầm hấp nóng rực, phiền táo tình thần rối loạn, nói xàm, hơi thở khô khè, mặt đỏ, hoặc phát Ban Chẩn.

Chứng Thấp Trọc nặng : Lồng ngực bí tắc, sườn đầy bụng trướng, ỉa chảy, hoặc ỉa lỏng mà mắc rặn không thông.

CHẨN ĐOÁN : Mạch đi Trầm Trệ, rít róng, tựa lưỡi bần đày, nên dùng thuốc sơ lợi. Mạch đi Trầm Huyền, tựa lưỡi trắng trơn, không khát nước, nên dùng thuốc ôn hòa. Chung quanh chót lưỡi đỏ, mạch đi Sát, nên dùng thuốc thanh hỏa cực thủ. Tựa lưỡi trắng bần, lưỡi đỏ, hoặc lưỡi vàng trơn, nên dùng thuốc thanh lợi thử thấp.

CÁCH TRỊ : Lúc sơ khởi, hơi ớn lạnh, ra mồ hôi mà bệnh không bớt. Bệnh nóng trầm trọng, lòng phiền táo, sợ nóng, dùng *Thang Gia vị ngân kiều*. Bệnh Thấp trầm trọng, lồng ngực bĩ đầy, thân thể nhức mỏi, dùng *Thang Hoắc hương chánh khí*, gia : Tang-Chi, Hương Nhu.— Nóng lắm, phiền táo, đầu xây xâm, mặt đỏ, nước miếng đặc, ủa nhợn, dùng *Thang Tảng giảm hoàng liên tả tâm*, gia : Đại Giả Thạch.— Lồng ngực, chón thủy, không thư sướng, tiểu tiện chẳng thông, nửa đêm phát nóng, dùng *Thang Đại quit bì*, bỏ vị Mộc Hương. Quế Chi, gia : Sơn Chi, Liên Kiền, Thanh Cao, Hoàng Cầm.— Nếu lồng ngực bĩ buồn, sườn đầy bụng trướng, đại tiện lỏng chảy, dùng *Thang Đại Quit Bì*.— Như là nặng trón mặc rắn không thông thả, thì nên tham chiến cách trị Chứng Xích Lý ở Sách *Truyền nhiệm bệnh học*.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

XỬ PHƯƠNG :

Thang Tảng giảm hoàng liên tả tâm
(Thấy ở Chứng Phong Ôn, Bệnh Phục Tà)

33.— Thang Gia vị ngân kiều

(Đau mình, gia : Tang Chi, Phòng Kỷ; Ợa khan, gia : Đại Giả-Thạch. Chứng Nội Nhiệt nặng lắm, gia : Hoàng Liên. Không thêm ăn uống, gia : Thân Khúc).

Ngân hoa	銀花	3 tiền
Tri mẫu	知母	2 tiền

Tiên trúc điệp	鮮竹葉	3 tiền
Hoàng cầm	黃芩	1 tiền rưỡi
Tán lục nhứt	六一散	3 tiền
Bạc hà	薄荷	1 tiền rưỡi
Sao chỉ xác	炒枳壳	1 tiền
Xuyên hậ phát	川厚朴	1 tiền rưỡi
Liên kiều xác	連翹壳	3 tiền
Xuyên ngọc kim	川玉金	1 tiền
Chân đăng tâm	珠燈心	5 phần

Không mồ hôi, gia : Hương Nhu ; Nhiều mồ hôi gia :
Bạch Thược ; Khát nước gia : Thiên Hoa Phấn.

34.— Thang Gia giảm hoặc hương chánh khí

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hoặc hương điệp	藿香葉	1 tiền rưỡi
Bạc hà điệp	薄荷葉	1 tiền rưỡi
Bội lan điệp	佩蘭葉	2 tiền
Xuyên hậ phác	川厚朴	2 tiền
Chế bán hạ	製半夏	1 tiền rưỡi
Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rưỡi
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Sao kiến khúc	炒建曲	3 tiền
Sa nhân mễ	砂仁米	1 tiền
Ích ngươn tán	益元散	3 tiền
Nôn tang chi	嫩桑枝	3 tiền
Hương nhu	香需	1 tiền

35. — Thang Gia giảm đại quít bì

Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rượu
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Trư linh	猪苓	1 tiền rượu
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rượu
Lục nhut tán	六一散	1 tiền rượu
Tân lang	槟榔	1 tiền rượu
Sao sơn chi	炒山柅	1 tiền rượu
Liên kiều	連翹	3 tiền
Thanh cao	青蒿	3 tiền
Tửu Hoàng cầm	酒黃芩	1 tiền rượu
Sao kiến khúc	炒建曲	3 tiền

downloadsachmienphi.com

36. — Nguyên phương thang đại quít bì

Quảng mộc hương	廣木香	1 tiền
Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rượu
Tân Lang	槟榔	1 tiền rượu
ích ngươn tán	益元散	3 tiền
Sanh thương truật	生薑朮	1 tiền
Trư linh	猪苓	1 tiền rượu
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rượu
Quế chi	桂枝	8 phân

2. BÌNH THỦ ƠN KIÊM HÀN

NGUYÊN NHÂN : Trong lúc khi trời nóng nực. Nhân vì tránh nóng nực, mà bị cảm thọ khi hàn lãnh kích thích.

BÌNH LÝ : Ông Trương Kiệt Cổ sở dĩ nói : Chứng Âm Thủ là chỉ cho những bệnh trốn tránh nóng nực, mà cảm thọ lấy khi hàn lãnh. — Theo chỗ siển kiến : Nếu không có sự tiềm phục của Thủ Tà, thì thuộc về bệnh chứng cảm mạo thuần túy mà thôi, không liên hệ gì với danh xưng *âm thủ*. Thủ tà tiềm phục ở trong, không khí lạnh lẽo kích thích bên ngoài, cho nên bên ngoài mới có trạng chứng bộ lưng ớn lạnh, thân hình co rút, và tay chân lạnh run của chứng Hàn, mà ở trong thì nóng nảy bứt rứt, miệng khô, đầu xây xâm của trạng chứng *nhiệt*. Cho nên mới định danh : *bệnh thủ ƠN KIÊM HÀN*.

CHỨNG HẬU : Lúc bệnh sơ khởi, như đầu ớn lạnh, thân hình co rút, phát nóng không mồ hôi. Kế tiếp có chút ít mồ hôi mà bệnh không giải. Lòng phiền táo, đầu xây xâm, miệng khô mà không thêm nước, uống nước thì ủa; lồng ngực bứt rứt, ho hen, bụng đầy.

Chứng Nóng nặng : thì *nóng* nhiều *lạnh* ít, nóng lắm thì hơi thở to, hen gấp, ăn vào thì lên cơn nóng, ăn vào thì nheo. — Chứng Thấp Nặng : thì *lạnh* nhiều *nóng* ít, nước miếng đặc, không khát nước, tứ chi như mỗi rung rờ, tay chân lạnh đông, đi tiểu tiện thì run mình rớn óc, hoặc ỉa mửa đau bụng.

CHẨN ĐOÁN : Miệng nhạt, tưa lửa trắng, hoặc tưa

lưỡi trắng trơn, là vì Chứng Hàn Đàm ủng át ở trong. Như tủa lưỡi trắng đầy như bã, chung quanh chót lưỡi đều đỏ, ấy là Bệnh Thủ Ôn ở trong, kiêm có hiện tượng cận bã của vật thực dính trệ. Mạch động Huyền Khẩn thì dùng thuốc *tuyên đạt*; Mạch động Huyền Trệ thì dùng thuốc *sơ lợi*.

CÁCH TRỊ: Lúc bệnh sơ khởi, nhưc đầu, ớn lạnh, đau mình, không mồ hôi, dùng *Thang hoặc hương chánh khí*, gia: Tần Giao, Tang Chi, Hương Nhu. Lòng phiền táo, khát nước, uống nước thì ủa, dùng *Âm thanh thử trấn ẩu*. Lòng ngực bị tắc ho hen, bụng dạ no đầy, dùng *Thang Đại quit bì*, gia thuốc: *tuyên phê hóa đàm*. Nóng nhiều lạnh ít, dùng *Thang Gia vị ngân kiều*. Lạnh nhiều nóng ít, dùng *Thang Đại quit bì*, hợp với *Tân trượng thủy* (dùng đất sét tan trong nước, lòng lấy nước trong sắc thuốc uống).

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

XỬ PHƯƠNG: _____

Thang Hoặc hương chánh khí
(Thấy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thấp)

Thang Gia vị ngân kiều
(Thấy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thấp)

37.— Âm Thanh thử trấn ẩu

Sao xuyên liên 炒川連

1 tiền rưỡi

Xuyên hậu phát 川厚朴

1 tiền rưỡi

Ích ngưon tán	益元散	3 tiền
Sanh giả thạch	生赭石	3 tiền
Sao kiến khúc	炒建曲	1 tiền rượu
Sao chỉ thiết	炒枳实	1 tiền rượu
Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rượu
Táo tâm thổ	灶心土	3 tiền
Pháp bán hạ	法半夏	1 tiền rượu

38. - Thang Đại quít bì (Gia tuyền phế hòa đàm dược)

Quảng mộc hương	廣木香	1 tiền
Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rượu
Ngọc cát cánh	玉桔梗	1 tiền rượu
Nón tiền hồ	黛前胡	1 tiền rượu
Bạch giới tử	白芥子	1 tiền rượu
Xuyên ngọc kim	川玉金	1 tiền rượu
Chiết bối mẫu	浙貝母	1 tiền rượu
Nịch phục linh	赤茯苓	3 tiền
Trư linh	猪苓	1 tiền rượu
Phúc Trạch tả	福澤瀉	1 tiền rượu
Tân lang	槟榔	1 tiền rượu
Xuyên hậu phát	川厚朴	1 tiền rượu

39. - Đại quít bì thang hợp Tương thủy tán

Sanh giả thạch	生赭石	3 tiền
Quảng mộc hương	廣木香	1 tiền rượu
Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rượu

BỆNH THỬ ÔN

182

Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Xuyên quế chi	川桂枝	1 tiền rưỡi
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rưỡi
Lục nhứt tán	六一散	3 tiền
Tân lang	楨榔	1 tiền rưỡi
Đạm can cương	淡乾薑	5 phân
Đạm phụ phiên	淡附子	8 phân
Lương cương	良莖	5 phân
Pháp bán hạ	法半夏	1 tiền rưỡi

Nước địa tương lỏng trong, sắc thuốc uống ấm.

LỜI ÁN CỦA TRƯỚC GIẢ :

Sách Kim Quĩ ở Môn Bệnh thử, chỉ biên có hai phương :

I.— Phương Bạch hồ, gia Vì nhân sâm, trị Chứng trúng át (中臍) ở Kinh Thái Dương, mình nóng, ra mồ hôi mà khát nước. Ấy là Phép Thanh Nhiệt Bồ Kí, trị Chứng Thử Nhiệt làm hại Ngươn Khí vậy.

II.— Phương Qua đề, trị Kinh Thái Dương Trúng Át, mình nóng, nhức mọi nặng nề, là Mạch động Vi Nhược. Chính là trong tháng Mùa Hạ trúng thương vật sanh lsinh, chất nước lưu hành trong phần bì phu gây ra bệnh vậy. Chỉ có cập đến Chứng thử-nhiệt làm hại ngươn khí, và chấ: thủy độc lưu hành đình trệ, hai loại bệnh mà thôi. Cắt nhắc có một gốc, không sao khái quát được toàn thể.

Đời sau, luận về Bệnh Thử, Sách Thương thử, toàn thư của ông Trương phụng Quĩ nói: Bệnh Thử, trước nhất là dùng thuốc tán lương; kế tiếp dùng thuốc cam hàn; sau

chốt dùng thuốc *cam toan liễm tán* (甘酸敛汗). Mặc dầu đã nắm được chỗ cốt yếu của phép trị Bình Thử, song chỉ chuyên chú vào bốn chứng mà nói, không hề đề cập đến kiêm chứng với hiệp chứng.

Ông Hà ấn Nham nói : Bình Thử hiệp với Bình Thấp gọi là : *Thử thấp* (暑濕). Bình Thử hiệp với Bình Uế, gọi là : *thử uế* (暑穢) tức rằng : Bình Sa Trường (痧脹). Kiêm trúng cảm gió lạnh, tên rằng : Bình Phong Thử (風暑). Bình Thương Thử mà tối mắt, ngã ra bất tỉnh, tay chân lạnh đông, tên rằng : Bình Thử-Khuyết (暑厥) (tức rằng Trung Thử). Bình Thương Thử mà ho ra máu, rằng : Bình Thử Trại (暑瘵). Chỉ ở ngoài da thì mọc *sởi nự* ghẻ nóng, trong người thì uồn gán *ỉa mửa*, thương thấy xảy ra không ít. Cho nên ông Du nói :

Bình Thương Thử phát tác ở tháng mùa Hạ rất nhiều, thật là nhận xét xác đáng. Và dùng thuốc chữa trị cần phải thận trọng, không thể xem các Bình Thử đều giống nhau như một, mà chẳng phân biệt kiêm bệnh, hiệp bệnh, mà in tri là bình Thử, thì nhứt luật chữa trị như nhau.

Đại khái chữa trị Bình Thử, thì dùng thuốc *tán lương tuyền thượng* (平凉宣上). Bình nhẹ thì dùng *bạc hà, trúc diệp, liên kiều, hà diệp* ; Nặng thì dùng *hương nhu, thanh cao, bội lan, ngân hoa*. — Thuốc *cam hàn thanh trung*, bình nhẹ thì dùng : *mao căn, lô căn, sơn chi, tỳu cầm* ; nặng thì dùng *thạch cao, tri mẫu, tây qua trấp, lục đầu y*. — Thuốc *cam toan liễm tán*, bình nhẹ thì dùng : *mai can, băng đường* ; nặng thì dùng *ngũ vị tử, sa sâm, mạch đông* các loại. Đây là đại khái cách dùng thuốc trị Bình Thử. Chỉ ở phân biệt bệnh chứng, lựa thuốc thì trị, thì nên

bắt chước theo bức tiền triết là Ông Du phân biệt như sau :

1.— *Thấp nhiệt.*— Thấp Nhiệt là loại bệnh tà keo bản (結熱), rất khó chữa cho mau mạnh. Trước hết thì dùng thuốc mùi thơm nhạt, bình nhẹ thì dùng : *hoắc hương, bội lan, xa tiền, thông thảo* ; bình nặng thì dùng loại : *thương truật, thạch cao, thảo quả, tri mẫu, đậu khấu, hoạt thạch, tỳ bà diệp* sao thơm, vỏ bí đao tươi, đó là các loại thuốc mùi thơm nhẹ, tính thanh tiết. Kế tiếp thì dùng loại thuốc, mùi đắng cay, tính thông xuống, bình nhẹ thì dùng : *Chi tử, hoàng cầm, quýt bì, bán hạ* ; bình nặng thì dùng : *Hoàng liên, hậu phật, mộc hương, xuyên luyện tử, tá lỵ Vị Lô Cẩn, Đẳng Tâm.* Và tán ngũ linh phối hợp với thạch cao, hoạt thạch, hàn thủy thạch, cũng là trọng tể của loại thuốc tán thông thanh tiết.

2.— *Thử ứ.*— Thử Ứ là loại bệnh rất phiền toái nặng nề, có khi gây cho bệnh nhân hôn loạn phiền táo, ời mửa mà tay chân lạnh, Thái thậm, thì tai điếc, tinh thần hôn mê, cấp tốc dùng loại thuốc : *phương hương tịch ứ.* Bình nhẹ thì dùng : *Thông, sí, xương bồ, tử kim phiến* ; bình nặng thì dùng : *Đơn chi bửu, Đơn tử tuyết, mà Vị Tiên thanh cao, Tiên bạc hà, Tiên bội lan, tiên ngân hoa* cũng là lương tể của loại thuốc thanh phân tịch ứ. Ngoài phép dùng Tán Thông Quan cho bảy nữ, kiêm dùng phép lựa huyết chân lễ, cũng chữa trị khỏi bệnh được mau lẹ.

3.— *Phong thử.*— Bệnh Phong Thử phần nhiều hiệp với khi Thấp trược, trước hết bình độc nốt kết ở phần cơ biểu. Cho nên trước hết cũng dùng thuốc tán lương, nhẹ

nhàng tuyên giải như: *Thống bạch, hương nhu, bạc hà, chi tử bì, đậu si, liên kiều, ngư bàng tử, tiên bội lan, tiên ngân hoa, lục đậu bì, tiên trúc diệp...* nên tùy theo chứng lựa dùng. Thân thể nhưc mỗi, thì tá lấy *hải phong đằng, tần giao, tang chi, trúc nhự, tư qua lạc, quit lạc*, một vài vị.

Kế tiếp dùng loại thuốc: *Thanh lương phương liệt*, để giải trừ nóng độc và uế trọc như: *thanh cao, nhân trần, tang diệp, cúc hoa, sơn chi, ngọc kim, lô căn, đằng tâm* các thứ. Uế Trọc nặng nề, thì loại *kim trấp, nhân trung huỳnh, đại thanh diệp, thạch xương bồ*, cũng có thể tùy chứng gia vào. Như thân thức hôn mê hồ loạn, tưa lưỡi đóng dày như bản, nhẹ thì dùng: *Đơn ngọc khu*; nặng thì dùng *Đơn chi bửu* rất là đối chứng.

4. — *Thử khuyết*. — Thử khuyết, là một loại Bệnh Trúng Thử rất cấp bách (Tây Y gọi là Bệnh Nhọt Xạ 射病) Bệnh nhân trên mặt như dính bụi (面垢), tay chân lạnh, thân thức hôn mê, bất tỉnh nhân sự, mau dùng loại thuốc *phương hương khai khiếu* (芳香開竅) như: *Tân hành quân, Đơn phi long* *đạo mạng* rất công-hiệu. Sau, khi bệnh nhơn tỉnh lại, nên chia rành kiem chừng, liệp chừng, tùy chứng cho thuốc.

5. — *Thử trái* — Chứng Thử Trái, là do khí nóng cướp đoạt, lạc mạch tổn thương rất bạo, mau dùng loại thuốc *cam lương hãm giáng* (甘涼減降), như: *Nước Dưa Hấu* (Tây Qua Trấp), *Nước tiêu trẻ em* (đồng tiện) hòa chung cho uống; hoặc dùng *Rễ Tranh tươ, Lô Cầu*, mỗi thứ 1 lượng, *đơn bì, bạch thược*, mỗi thứ 3 tiền, *Tê Dắc* 8 phân sắc uống, cũng được kết quả.

6. — *Thủ tiết.* — Thủ Tiết, là một loại bệnh chứng rất trầm trọng, do nóng độc tẩu tập ở phần bì phu, mà mọc lên những mụn nhỏ dày đặc. Chỉ dùng *Vị hà diệp*, đâm vắt lấy nước, trộn chung với bột *đại hoàng*, bột *phèn chua*, thoa phết thường thường cũng khỏi được.

7. — *Nhiệt hoặc loạn.* — Chứng Thương Thủ là mửa, tay chân vọt bẻ, khát nước, cũng là một loại bệnh chứng rất nguy cấp. Mau dùng thuốc *thanh nhiệt hóa trọc* (清熱化濁) mới có hiệu nghiệm, trước nhất dùng: Đơn Hồng Linh 1, 2 tiền nghiền nát cho uống, tiêu trừ độc Thủ Uế. Tiếp theo cho dùng thuốc *phân lợi thanh trọc* (分利清濁), lấy nước Địa Trạng long trong, hòa với Đơn ngọc khu 5, 3 phân cho uống để ổn định hỗn loạn. Đoạn cần phân ranh hiệp chứng, như: hiệp với Chứng Trùng Thực chậm tiêu, thì tùy theo loại mà dùng: *thần khúc*, *son tra*, *sao đen*, *chỉ thiết*, *thanh bì trần* phát thủ, *trần hương duyên bì*, *kê nội kim* các thứ. — Như hiệp với Chứng Khí uất, thì chọn dùng: *Vị hương phụ*, *ngọc kim*, *trần bì*, *chỉ xác*, *bạch khấu*, *mộc hương* các thứ.

8. — *Cạn hoặc loạn.* — *Cạn hoặc loạn* là Chứng Ụa Khan. Ụa Khô. Nghĩa là: Ụa không có vật, ụa không ra phân, mà bụng đen như cát, mặt mày tối tăm, bất tỉnh nhân sự (lúc gọi là Bệnh Giảo Trường Sa) Bệnh tình tuy hiểm cấp mà dễ trị. Mau dùng thuốc cho ụa mửa thông thả: Muối rang hết nở 1 muống canh, hòa vào một nửa nước sôi, một nửa nước lạnh, uống với 14, 15 *hội phi mã kim đơn*, hoặc 5, 3 phân *phi long đoạt mạng đơn*, làm cho trên mửa dưới ụa thông thả, bệnh độc trừ, chảnh khi an, thì bệnh khỏi ngay.

XỬ PHƯƠNG PHỤ LỤC:

Hành quân tán

(Thấy ở Chưng Phong Ôn, Bình Phúc Tả)

Ngọc khu tán

(Thấy ở Bình Ôn kiêm Bình Thử)

40 — Bạch hồ gia nhon sâm thang

Tri mẫu	知母	3 tiền
Sanh thạch cao	生石膏	1 lượng
Cam thảo	甘草	2 tiền
Ngạnh mễ	戟朮	5 tiền
Tây dương sâm	西洋参	1 tiền rưỡi

41.— Nhứt vật qua đề thang

Qua đề	瓜蒌	3 tiền
--------	----	--------

Sắc thang uống ấm, chộc họng cho mửa.

42.— Phi long đoạt mạng đơn

Thần sa	辰砂	3 phân
Nhon trung bạch	人中白	4 phân
Mai phiến	梅片	2 phân

BINH THỜ ƠN

184

Nha tạo	牙皂	2 phần
Tây ngun hoàng	西牛黄	1 phần
Hùng hoàng	雄黄	3 phần
Phi thanh đại	飛青黛	3 phần
Ma hoàng	麻黄	2 phần
Xạ hương	麝香	2 phần
Thiêm tô	蟾酥	1 phần
Đặng tâm khôi	燈心灰	5 phần
Minh phân	明礬	3 phần
Trân châu	珍珠	1 phần
Băng sa	硼砂	3 phần
Hỏa tiêu	火硝	3 phần

Hợp chung, tán bột thực nhỏ, mỗi lần dùng chút ít thổi vào lỗ mũi, chọc cho bệnh nhờn chảy mũi.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

43.— Hồng linh đơn

Thần sa	辰砂	1 tiền
Hỏa nha tiêu	火牙硝	1 tiền
Hùng hoàng	雄雄	1 tiền
Xạ hương	麝香	1 tiền
Băng sa	硼砂	1 tiền
Mong thạch	蒙石	1 tiền
Mai phiến	梅片	3 phần
Phi kim	飛金	5 tờ

Các món hợp chung tán nhỏ, giữ kỹ. Mỗi lần uống 1 phần với nước chín.

44. - Phi mã kim đơn

Bã đậu sương	巴豆霜	2 tiền
Ngũ linh chi	五靈脂	5 tiền
Quảng quit hồng	廣橘紅	3 tiền
Sanh đại hoàng	生大黃	5 tiền
Nhũ hương	乳香	2 tiền
Sơn từ cô	山慈姑	2 tiền
Quảng mộc hương	厚木香	3 tiền
Quảng ngọc kim	廣玉金	5 tiền
Minh hùng hoàng	明雄黃	5 tiền
Thượng thần sa	上辰砂	3 tiền
Tĩnh một được	淨沒藥	2 tiền
Bá thảo sương	百草霜	2 tiền

Các môn hợp chung tán bột thật nhỏ, dùng nước hồ hoàn bằng hạt đậu nhỏ, mỗi lần uống 10 hạt, ước chừng 2 phân, uống với nước chín, khi bụng đói. Uống đến lúc có đi đại tiện là vừa.

CHƯƠNG THỨ NĂM

CHỨNG PHỤC THỦ

Mùa Hạ khí nóng nước thanh hàn, dễ trúng thương Bình thủ, nếu gặp trường hợp kinh vi, bình tà không bộc phát liền, tiêm phục vào trong, chờ đến Tiết Thu Thâm, hàn khí bên ngoài bác động, bình độc mới xuất phát.

Phương pháp phân biệt: Bình phát trước Tiết Sương Giáng (1) là nhẹ, phát sau Tiết Sương Giáng là nặng. Tà phục ở Phần Vệ, phục ở phần Kinh, là tà ở cạn, bình nhẹ: Tà phục ở Phần Dinh, phục ở phần huyết, là tà vào sâu, bình nặng.

Sách Nội Kinh chỉ đề cập có một Bệnh Phục Hàn lấy lệ. Các Y gia đời sau cho là: những bệnh chứng theo thời tiết bốn mùa, bệnh Ôn Nhiệt nhiều, mà bệnh Thương Hàn ít, mới nghĩ: khi Hàn Tà tiêm phục ở trong, chờ đến Mùa Xuân biến làm Bệnh Ôn. Mùa Hạ biến làm Bệnh Thủ. Hàn tà tiêm phục lâu ngày, chờ thời cơ thuận lợi mới đột biến mà trở thành Bệnh Ôn, Bệnh Thủ. Lý luận bất thông, mà họ vẫn cố bảo chuốt cho thuyết mình được trơn tru.

Nhưng xét kỹ theo thực tế, bệnh chứng bốn mùa, đều có phân biệt: *Tân cảm với phục tà. Hơn nữa phục*

(1) Tiết Sương Giáng ở vào 15 ngày sau của tháng chín.

tà gây ra bệnh, đầu phải chỉ có một bệnh hàn phục mà thôi. Sân khí đều có khả năng xâm nhập vào cơ thể con người và tiềm phục. Phục. Ông Lưu Kiết Nhơn biên Sách *Phục tà*, Ông Diệp Võ Tử giải thích Chứng Phục-Tà, ý nghĩa khá rõ ràng.

I. CHỨNG PHỤC TÀ Ở PHẦN VỆ

NGUYÊN NHÂN : Tháng Mùa Hạ cảm thọ khí nắng nực, tiềm phục vào trong, qua cuối Mùa Thu lại cảm thọ thêm khí hàn của thời tiết mới, nóng cũ lạnh mới xúc phát nhau mà gây ra bệnh.

BỆNH LÝ : Lúc tiết trời nóng nực, khí thử nhiệt viêm chưng dị thường, khách lữ hành dọc đường, hoặc công tác dưới bóng mặt trời như thiếu như đốt. Những người thể lực cường tráng, vận động thích nghi, thì không đến đổi phát bệnh tức thời; nếu người thể lực yếu đuối, hoặc vận động quá sức, thì ngã bệnh tại trận, đó chính là Chứng Thương Thử, Trúng Thử, Bệnh Thử Tiềm phục ở Phần Vệ, đến cuối Mùa Thu cảm xúc khí tán lương mà phát tác, so sánh với Bệnh Thử tiềm phục ở phần Dinh thì nhẹ hơn.

CHỨNG HẬU : Lúc sơ khởi đầu nức, mình nóng, ớn lạnh, không mồ hôi, hoặc có chút ít mồ hôi mà nóng không đỡ, mình đau, tay chân như mỗi rung rờ, nó hơi bợn dạ. Nặng lắm thì phiền táo khát nước, xé chiều bệnh nặng, miệng không thêm ăn, đại tiện hoặc lỏng hoặc bí, màu như tương sẫm, nước tiểu vàng đục hoặc nóng; tiếp

CHỨNG PHỤC THỬ

193

sau thì trạng như cũ rét, nhưng lạnh nóng mô rõ, không phân biệt rõ ràng. Phiên táo lắm, thì bị pò mọc ra Bạch chẩn (tức kêu Ban Bạch), hoặc Hồng chẩn (tức kêu Ban đỏ). Trầm trọng hơn nữa, thì chỉ nóng không lạnh, nóng thuộc về đêm. Ban đêm hay nói xàm, xảy trở lẫn lộn phiên táo vô cùng, khát nước, ưa uống nước lạnh, hay ọ hoặc nấc cục, hừng sáng ra chút ít mồ hôi thì nóng tạm đỡ nhưng nóng trên lồng ngực và bộ bụng thì không đỡ; mau thì đôi ba tuần, chậm năm bảy tuần bịnh mới khỏi. Đây là thực chứng của Bịnh phục Thử, mà hình chứng phần nhiều biến thuận.

CHẨN ĐOÁN : Lúc sơ phát, phần nhiều mạch động Huyền Khàn, Trầm Trệ ; nóng lắm thì mạch động Huyền Hoạt, Tế Sát ; lưỡi dơ biến trắng dày như thoa bột, là thuộc Chứng đàm trọc đình trệ, lưỡi đỏ, tía lưỡi trắng mà trơn, là thuộc Bịnh Thấp Nhiệt kéo dài ; lưỡi ráo mà nứt rách, là thuộc phần khí hư, nhược ; lưỡi khô mà mọc chong, là thuộc nước tân dịch hao hụt.

PHÉP TRI : Lúc bịnh sơ phát, dẫn nước, mình nóng, ớn lạnh, không mồ hôi, hoặc có chút ít mồ hôi mà nóng không bớt. Dùng *Thang Gia vị ngân kiều*. Sau khi dùng một hai *Thang Ngân Kiều*, ngoại tà theo mồ hôi rịn rịn ra nóng giảm, tạm thời bịnh lui.

Nếu Phục tà thâm trọng, trải qua nửa ngày, một ngày lạnh tuy bớt, nhưng nóng lại trở nặng bất ngờ. Đó là Chứng Thử Thấp uẩn phục ở trong, tái phát biến ra ngoài. Cần phải biện biệt coi bịnh tà chuyển thuộc vào bộ phận

nào để chữa trị. Nhất là giữa *thử* và *thấp* chứng nào thâm trọng.

Chứng *Thử nặng*, thì hiện lên (phần nhiều hình chứng của Kinh Dương Minh), dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, gia liên kiều, *ngưu bàng tử*, trị theo phép *tân lương thấu phát*, định tả theo Ban chân mọc ra mà khởi.

Bệnh tả truyền vào lý, cấu kết với căn bã trong trường vị, thì dùng *Thang Chỉ thiết đạo trệ* trị theo phép *khô lân thông giáng*, tổng bình đọc ra theo đường đại tiện mà bình khối. Sau khi bình khối, nhưng dư nhiệt chưa sạch, nên tiếp theo cho uống *Thang Cao cầm thanh ẩm*.

Song thường có trường hợp, bệnh vừa đỡ một vài ngày, rồi nóng lại tái phát, tủa lưỡi vàng và đỏ. Đó là Phục tả hết lớp này lại mọc ra lớp khác, phải thường dùng thuốc hòa hoãn thông lợi đôi ba lần, mới trừ sạch được Phục Tả. Sau khi đau yếu, phần tân dịch hao hụt, dùng *Thang Mạch môn đông*, gia *Tây Dương Sâm*, *Thạch Học*, *Tiên Mao Căn* (rễ tranh tươi), *Cam Giá Trấp*.

Chứng *Thấp nặng*, thì phần nhiều hiện lên (hình chứng của Kinh Thái Âm), dùng *Thang Đại Quít Bì*, gia: *Nhân Trần*, *Thông Thảo*, trị theo phép *ôn hóa đàm thẩm*, đuổi bệnh độc *Thấp Nhiệt*, rót theo đường tiểu tiện thông ra.

Đường đại tiện hơi tanh lỏng nhão, mà đi đại không thông, đó là hiện tượng căn bã trong ruột, uẩn át theo khi *Thấp* trước của *Phục tả*. Châm chước dùng *Thang Chỉ thiết đạo trệ*. Nếu *Phục tả* tích lũy trùng điệp, hết lớp này đến lớp khác, tất phải năm lần bảy lượt, dùng phép *ôn hóa thông lợi*, tảo thanh vật túc cấu cho thật sạch sẽ.

CHỨNG PHỤC THỦ

195

Sau khi bệnh đỡ, nhưng nửa đêm còn nhớ chứng :
phát nóng bứt rứt, đó là Chứng Phục nhiệt nấp ở phần
âm chưa thật hết. Nên dùng Thang *Thanh táo dương dinh*,
gia : Đơn Bì, Biết Giáp, Thanh Cao, Hoàng Cầm, Địa Cốt
Bì, thanh thấu Chứng Phục Nhiệt ở phần âm, đẩy bệnh tả
ra phần dương mà bệnh giải. Như còn thấy chút ít
biểu chứng, thì dùng Thang *Ngũ điệp lô căn*, trị theo phép
thanh nhiệt sơ đạt, bệnh sẽ khỏi hẳn.

XỬ PHƯƠNG :

Thang Gia vị ngân kiều
(thấy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thấp)

downloadsachmienphi.com

Thang Tân gia bạch hồ
(thấy ở Bệnh Tân Cầm Xuân Ôn)

Thang Cao cầm thanh đóm
(thấy ở Bệnh Tân Cầm Xuân Ôn)

Thang Mạch môn đông
(thấy ở Bệnh Phục Tả Xuân Ôn)

Thang Đại quít bì
(thấy ở Bệnh Thủ Ôn kiêm Thấp)

45.— Thang Chỉ thiết đạo trệ

(phương này cải làm thuốc hoàn, tức Hoàn chỉ thiết đạo trệ)

Chỉ thiết	枳實	3 tiền
Lục thần khúc	六神曲	3 tiền
Tửu cầm	酒芩	1 tiền rưỡi
Phục linh	茯苓	3 tiền
Xuyên liên	川連	3 phân
Trần bì	陳皮	2 phân
Đại hoàn	大黃	1 tiền rưỡi
Liên kiều	連翹	3 tiền
Hậu phát	厚朴	1 tiền rưỡi
Sơn tra	山楂	3 tiền


downloadsachmienphi.com
46.— Thanh táo dưỡng dinh thang

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đại sanh địa	大生地	6 tiền
Tri mẫu	知母	3 tiền
Hoa phấn	花粉	3 tiền
Sanh bạch thược	生白芍	4 tiền
Toàn đương qui	全當歸	3 tiền
Sanh cam thảo	生甘草	2 tiền
Quảng bì	厚皮	2 tiền
Lê trấp	梨汁	5 tiền

47.— Gia vị ngũ diệp lô căn thang

Hoắc hương diệp	藿香葉	2 tiền
Tỳ bà diệp	枇杷葉	3 tiền

CHỪNG PHỤC THỦ

197

Sương tang diệp	霜桑葉	2 tiền
Đông Qua Tử	冬瓜子	3 tiền
Bội lan diệp	佩蘭葉	2 tiền
Nón trúc diệp	箬竹葉	3 tiền
Tiên lô căn	鮮蘆根	5 tiền
Ngân hoa	銀花	5 tiền
Luc nhứt tán	六一散	2 tiền
Tiên bà diệp	鮮荷葉	2 tiền

..



2 PHỤC TÀ Ở PHẦN DINH

NGUYỄN NHÂN: Mùa Hạ cảm Thương Khí Thử, tiêm phục ở Phần Dinh, đến mùa Thu cảm thọ khí hàn; khí Hàn xâm phạm bên ngoài, khí Thử tiêm phục bên trong, hai khí kích thích nhau mà phát bệnh.

BỆNH LÝ: Ngày mùa Hạ bốn tâu lao động, ôn độ trong thân thể bốc lên rất cao, lại tắm mình trong nước lạnh tắm rửa, hoặc ăn uống vật sanh lạnh để trấn áp, cho đỡ nóng dễ khát, khiến cho khí nóng đương đẳng bột trong thân thể, không đường bài tiết ra ngoài, đó là nguyên nhân gây ra Chứng Phục Nhiệt. Nếu trường hợp trên xảy ra trong tháng Mùa Hạ, gọi là Chứng Phục Thủ; đương lỗi gây ra Chứng Phục Thủ và Phục Nhiệt giống nhau. Thủ Tà tiêm phục ở Phần Dinh gây ra bệnh, thì gọi phục tà ở phần dinh.

Sau khi bệnh tà mới tiêm phục, thì bệnh nhân cũng

như *thầy thuốc*, đều cho là bệnh chứng nhỏ mọn mà xem thường, không lo chữa trị, đó là lý do khiến cho Chứng Phục tà triển miên. Thế nên, thường thấy nhiều bệnh không cơ trạng chứng gì nặng nề đáng kể, mà phải kéo dài ngày giờ mới chữa trị khỏi được, là đều do duyên cơ Phục Tà sử nhiên vậy.

CHỨNG HẬU: Lúc bệnh sơ phát, lạnh ít nóng nhiều, ngày nhẹ đêm nặng, nhức đầu chóng mặt, mắt đỏ môi hồng, ruột nhám răng khô, lòng bứt rứt sợ nóng, rối loạn không yên, miệng khô mà không thèm uống nước, uống nước thì ưạ khan, và họng ráo như thường, tay chân lạnh, mà ngực bụng vẫn nóng như hơ; đại tiện phần nhiều táo bón, hoặc lỏng nhão mà vẫn không thông, tròn trề nóng rát, tiểu tiện ngắn mà đỏ rít, Kịch liệt, thì tay chân rút giật, nằm mê man không nói, hoặc lúc phiền nhiễu thì cuồng ngôn loạn ngữ, lúc yên tĩnh thì nói chuyện một mình. Con trai mộng, di thất tinh, con gái xích, bạch đới hạ, đường kinh nguyệt chưa đúng kỳ lại ra. Đó là Chứng Phục Thử thuộc hư, phần nhiều nguy hiểm. (Lúc bệnh sơ khởi, lạnh ít nóng nhiều, ngày nặng đêm nhẹ, nên dùng *Thang Gia Vị ngân kiều*).

NHỮNG BIẾN CHỨNG KHÁC: Kiềm Chứng Hàn, Thử Ta uất kết ở trong, thì biến thành Chứng Giải Ngược (1), cách một ngày một cử, hoặc hai ngày một cử, hoặc lạnh ít nóng nhiều, ra mồ-hôi mà nóng vẫn không giảm. Chứng Cữ Rét hiệp với Chứng Tích-Trệ, đồng thời bệnh độc Thử Thấp bị hạ hãm, thì biến thành Chứng Xích Ly, hoặc

(1) Giải Ngược là gọi chung về bệnh Rét.

CHỨNG PHỤC THỦ

199

Ních Bạch Ly, bụng đau vặt, nặng tròn, tiêu ra đàm máu sền sệt hôi tanh.

CHẨN ĐOÁN: Lúc sơ khởi, màu lưỡi phần nhiều đỏ tươi mà không bợn, tất phải chờ bệnh độc từ phần huyết chuyển ra phần khí, thì lưỡi mới hiện bợn mỏng, hoặc bợn trắng Mạch bên hữu đi Huyền Hoạt, bên tả đi Huyền Tế, mà dãn mạch dịu-mềm. Nặng lắm thì Mạch đi Trầm Tế, dường có dường không.

CÁCH TRỊ: Lúc bệnh sơ khởi, nhức đầu chóng mặt, mắt đỏ môi hồng, mình nóng tay chân lạnh, lòng bứt rứt sợ nóng, dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, gia *Vị Tề Dắc* thanh nóng và thấu đạt. Tiếp theo dùng *Thang Đạo xích thanh tám*. Bệnh nặng lắm thì dùng *Âm Tề dắc thanh lạc*, mát máu thanh *Phân Dịch*. Như *Chứng Kinh* (1) *Chứng Khuyết* (2) cùng phát tác, dùng *Âm Tề linh tam trấp*. Như thần thức lơ mơ, mình nóng nói xàm, dùng *Đơn Tử-Tuyết*; thần thức đã chồi hồi trở lại, mà nửa đêm phát nóng, và nói xàm, lưỡi đỏ phủ lên một lớp bợn vàng bả, đó là do chứng *Đàm Nhiệt* chưa sạch, dùng *Thang Xương bồ uất kim*.

Như miệng khô họng ráo, lưỡi ửng đỏ mọc chông, hoặc nứt rách, là hiện tượng nóng lắm, nước tân dịch khô cạn, dùng *Thang Thanh táo dưỡng dinh*, bỏ *Vị trần bì*, gia *Vị Tiên thạch học*, *Tiên sanh địa*, *Cam giá trấp*, giúp cho dịch từ nhuận trở lại.

(1) Các Chứng Phong gân xương cứng đơ đều là *Bệnh Kinh* (chứ phòng cương trực giai thuộc ư *Kinh*)

(2) Khí nghịch thượng xung là *Chứng Khuyết*, nhẹ thì tay chân lạnh đồng, nặng thì bất tỉnh như hôn.

Còn sau khi bình, nước tân dịch hao hụt, khí Mạch Xung nghịch lên, hoặc nắc cục, hoặc phát khuyết, hoặc thó gấp, dùng Tiền (thang) *Giá vị tập linh*, giảng nạp tư nhuận.

XỬ PHƯƠNG :

Tân gia bạch hồ thang

(thấy ở Chứng Tân Cầm Xuân Ôn)



Chí bưu đơn

(thấy ở Chứng Phục Tả Phong Ôn)

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tử tuyết đơn

(thấy ở Chứng Phục Tả Phong Ôn)

Đạo xích thanh tâm thang

(thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

Tê đắc thanh lọc âm

(thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

48.— Tê linh tam trấp ẩm

Tê dác	犀角	1 tiền	xung phục
Liên kiều	連翹	3 tiền	
Đông bạch vi	東白薇	3 tiền	
Phấn đơn bì	粉丹皮	3 tiền	
Trúc lịch	竹瀝	2 tiền	
Linh dác	羚羊	8 phân	xung phục
Ngọc kim	玉金	1 tiền	
Thiên trúc hoàng	天竺黃	3 tiền	
Khống diên đơn	控涎丹	2 phân	
Cương trấp	薑汁	2 giọt	
Lai bạc trấp	萊菔汁	5 tiền	
Sanh ngâu trấp	生藕汁	5 tiền	

downloadsachmienphi.com

CÁCH SẮC :

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Dùng rễ tranh tươi 1 lượng. Măng Lao tươi 1 lượng,
 Tim Búc 1 lượng, nấu lấy nước để sắc thuốc. Khi thuốc
 đến đề bột Tê Dác, bột Linh Dác, nước Trúc Lịch, nước
 Lai Bạc các thứ, sau khi uống một lần, mà thần chí chưa
 định tỉnh, thì gia thêm 2 phân Đơn chỉ bửu.

Xương bồ ngọc kim thang

(thấy ở Chứng Phục Tà Phong Ôn)

49.— Gia vị tập linh tiên

Kiết lâm sâm	吉林參	3 tiền
Thiên môn đông	天門冬	3 tiền
Đại sanh địa	大生地	1 lượng
Cam kỷ tử	甘杞子	3 tiền
Ngưu tất	膝牛	3 tiền
Mạch môn đông	麦門冬	3 tiền
Thục địa	熟地	1 lượng
Tiên linh tử	仙茅	3 tiền
Sao bạch thược	炒白芍	4 tiền
Sanh mẫu lệ	生牡蠣	6 tiền
Thạch quyết minh	石決明	6 tiền

CÁCH SẮC : Trước đem vị Sanh Địa, vị Thục Địa xắt nhỏ như to, nấu lấy nước để sắc mấy món thuốc trong thang cho đậm, uống ấm.

PHỤ LỤC. Ông Hà Ấn Nham nói : trong khoảng Mùa Xuân, Mùa Hạ bệnh độc ôn nhiệt tiềm phục ở Phần Khí, vào Mùa Thu, Mùa Đông thì phát tác, gọi là : Chứng Phục Thử vẫn phát (phát muộn). Mặc dầu bệnh Phục Ôn và bệnh Phục Thử hai bệnh sai biệt nhau, mà bệnh độc tiềm phục từ trong phát ra, thì in như một, cho nên chứng hậu giống nhau, mà phép trị đại khái cũng tương đồng, nhưng :

- 1 Trước hết phải biện biệt Chứng Táo, Chứng Thấp.
2. Kế đó biện biệt Chứng Hư, Chứng Thực.
3. Biện biệt bệnh tả trốn núp ở Phần Dinh hay Phần Vệ.

CHỨNG PHỤC THỦ

203

4. Biện biệt bệnh tả truyền biến ở phần biểu hay phần lý. Biện chứng đích xác, chưa trị tự không sai lầm.

Ông Vương Mộng Âu nói: Phục tả của Bệnh Ôn, từ phần lý ra phần biểu, vì bệnh tả trước khi xâm nhập vào phần huyết, rồi sau xuất phát ra phần khí. Cho nên lúc bệnh sơ phát, máu lưỡi luôn luôn tư nhuận không dơ; nhưng xem mạch thì thấy hình mạch nhu nhuyễn, hoặc mạch động Huyền Sát, miệng chưa khát nước, mà lòng đã phiền táo, sợ nóng. Nên dùng phép *thanh dinh tuyên đạt* để chữa trị. — Đến khi bệnh tả chuyển ra phần khí, thì tưa lưỡi khởi dơ; nên dùng thuốc *tuyên đạt vệ khí* chữa trị, là đúng lúc vậy.

Chứng Phục Tả trầm trọng, lúc sơ phát thì lưỡi đỏ họng khô; thái thậm thì hiện lên dã tượng mạch đi Phục, tay chân lạnh. Cấp tốc dùng thuốc thanh lương chứng Phục Nhiệt ẩn nấp trong phần huyết. Biến chứng tiếp theo là lưỡi đóng vàng dơ bẩn, đó là điểm bất đồng giữa Chứng Phục Tả với Chứng Tấn Cẩm.

Lại có Chứng Phục Tả trầm trọng, bệnh độc không xuất phát ra ngoài một lúc. Nếu chữa trị phải phép, bệnh lui lưỡi sạch; cách một hai ngày sau, bệnh lại tái phát, lưỡi tại khô đỏ, bọt lưỡi vàng ráo. Chữa trị bệnh này; như lột vỏ chuối, ươm tơ, hết lớp bệnh này, đến lớp bệnh khác, biến chứng từ trong mọc ra, lột hoài phần mãi không cùng. Chẳng giống như Chứng Ngoại Cẩm Ôn Thủ, do phần Vệ đến phần Dinh, bệnh tả từ ngoài mà vào. — Chứng Phục Thủ ở Mùa Thu, Mùa Đông; bệnh độc khinh siểm, thì tìm phục ở Phần Khí; bệnh độc thâm trọng, thì tìm phục ở Phần Huyết. Dùng thuốc chữa trị

cầu thả, rất dễ sai lầm. Đó chính là lời nói của nhà kinh nghiệm tâm đắc.

Ông Hà lại nói: Tôi trị Bệnh Phục Thử lúc sơ khởi, bình độc ở bộ phận trên, thuộc phần khí, chăm chú dùng *Thang Ngũ vị lô căn* gia vị, thanh đạt bình độc. Nếu bình độc ở bộ trên, mà thuộc về phần huyết, thì dùng *Thang Tế đặc địa hoàng* gia vị. Như nóng lắm phiền táo, tinh thần hôn mê nói xàm, lưỡi đỏ mà không dơ, thì chăm chú dùng *Hoàn an cung ngư hoàng*, mát máu nóng, lui bệnh tà.

Bệnh độc ở bộ giữa, thuộc Phần Khí, dùng *Âm vương thị liên phát* gia vị. Bệnh độc truyền biến xuống bộ dưới, thuộc phần Khí, dùng *Âm quế linh cam* lô.

Bệnh độc ở bộ giữa, thuộc Phần Huyết, dùng *Thang Dưỡng dinh thừa khí* gia vị. Bệnh độc truyền vào bộ dưới, thuộc phần Huyết, dùng *Thang Thanh cao biết giáp* gia vị.

Chỉ như phương pháp thiện hậu, thì dùng thuốc tư nhuận tân dịch, tức thanh dư nhiệt làm chủ, những *Thang gia giảm phục mạch* của Ông Diệp, và *Âm cam lộ gia tỳ dương sâm, giá trấp*, đều nên dùng. Còn như căn bã trong ruột cấu kết với bình độc, thì dùng *Hoàn chỉ nhiệt đạo trệ*, từ từ tiêu đạo nhuận hạ. Đó là phép trị Chứng Phục Thử văn phát, bằng cách chọn lựa các phương chủ trị sở trường.

XỬ PHƯƠNG :

Ngũ diệp lô căn thang
(thấy Chứng Phục Thử ở phần vệ)

50.— Gia vị tê dác địa hoàng thang

Nguyên phương gia giảm

Tê dác tim	犀角尖	1 tiền
Tiên sanh địa	鲜生地	1 lượng
Kim ngân hoa	金银花	5 tiền
Liên kiều	连翘	5 tiền
Tiên xương bồ	鲜苣蕒	3 tiền
Quảng ngọc kim	廣玉金	2 tiền
Đại thanh diệp	大青葉	3 tiền
Đơn bì	丹皮	3 tiền
Tiên trúc diệp	鲜竹葉	3 tiền
Tiên mao căn	鲜茅根	5 tiền



downloadsachmienphi.com

51.— An cung ngư hoàng hoàn

Độc dược trong y học dân Online

Tây ngư hoàng	西牛黃	1 lượng
Quảng ngọc kim	廣玉金	1 lượng
Sơn chi tử	山梔子	1 lượng
Hoàng cầm	黃芩	1 lượng
Kim bạc	金箔	1 lượng
Tê dác	犀角	1 lượng
Xuyên liên	川連	1 lượng
Hùng hoàng	雄黃	1 lượng
Châu sa	硃砂	1 lượng
Trân châu phấn	珍珠粉	5 tiền
Băng phiến	冰片	2 tiền rưỡi
Nạ hương	麝香	2 tiền rưỡi

Phép chế: Nghiền nhỏ hòa đều, thắng một làm hoàn.
Kim Bạc làm áo, bên ngoài bọc sáp.

52.— Gia vị liên phát ảm

Nguyên phương gia giảm

Xuyên liên	川連	1 tiền
Sao sơn chi	炒山梔	3 tiền
Bán hạ	半夏	2 tiền
Tiên xương bồ	鮮薑蒲	3 tiền
Chỉ thiết	枳實	2 tiền
Xuyên phác	川朴	1 tiền
Hương đậu si	香豆豉	2 tiền
Lô căn	蘆根	5 tiền
Hoạt thạch phấn	活石粉	3 tiền
Điều cầm	條芩	2 tiền


downloadsachmienphi.com
53.— Quế linh cam lộ ảm

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Quan quế	官桂	1 tiền
Trư linh	猪苓	1 tiền rưỡi
Hoạt thạch phấn	活石粉	3 tiền
Hàn thủy thạch	寒水石	3 tiền
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rưỡi
Sanh thạch cao	生石膏	3 tiền
Thanh bì	青皮	1 tiền

54.— Gia vị dưỡng dinh thừa khí thang

Ôn Dịch loạn phương gia giảm

Sanh đại hoàng	生大黃	1 tiền rưỡi
----------------	-----	-------------

CHỨNG PHỤC THỦ

237

Nuyền hân phác	川 厚 朴	1 tiền rưỡi
Sanh địa	生 地	3 tiền
Tri mẫu	知 母	3 tiền
Chỉ thiết	枳 實	1 tiền
Toàn đương qui	全 當 歸	3 tiền
Bạch thược	白 芍	3 tiền
Mao căn	茅 根	5 tiền

55.— Gia vị thanh cao biết giáp thang

Nón thanh cao	嫩 青 蒿	2 tiền
Sanh biết giáp	生 薑 甲	5 tiền
Qui tu	歸 頭	3 tiền
Tê thảo	萆 薢	2 tiền
Tiểu sanh địa	小 生 地	3 tiền
Ngân sai hồ	銀 柴 胡	1 tiền
Tiên mao truyệt	鮮 茅 朮	1 tiền
Bạch vi	白 薇	1 tiền rưỡi
Địa cốt bì	地 骨 皮	3 tiền

56.— Thanh cao biết giáp thang nguyên phương

Nón thanh cao	嫩 青 蒿	3 tiền
Sanh biết giáp	生 薑 甲	5 tiền
Tế sanh địa	細 生 地	3 tiền
Bạch tri mẫu	白 知 母	3 tiền
Phấn đơn bì	粉 丹 皮	3 tiền

57. — Gia giảm điệp thị phục mạch thang

Chích cam thảo	炙甘草	2 tiền
A giao	阿膠	3 tiền
Tây dương sâm	西洋參	3 tiền
Ma nhĩ nhân	麻仁	2 tiền
Sinh bạch thược	生白芍	3 tiền
Sinh địa	生地	6 tiền
Mạch đông	麦冬	4 tiền

58. — Cam lộ ẩm

(Cuộc Phương)

Tỳ ba điệp	枳实	3 tiền	bỏ lông gói riêng
Thiên môn đông	天門冬	2 tiền	
Nhân trần	茵陳	2 tiền	
Mạch môn đông	麦門冬	2 tiền	
Cam thảo	甘草	8 phân	
Thục địa	熟地	5 tiền	
Chi xác	枳壳	1 tiền	rưỡi
Sinh địa	生地	3 tiền	
Thạch斛	石斛	3 tiền	
Hoàng cầm	黄芩	1 tiền	rưỡi

CHƯƠNG THỨ SÁU

BỆNH THẤP ÔN

Danh từ Bệnh Thấp Ôn, phát nguyên ở Sách *Nạn Kinh*, là một bệnh chứng trong năm Chứng Thương Hàn. Sách Nội kinh, Sách Thương Hàn Luận không thấy chỗ nào đề cập đến bệnh này. Các Y gia đời xưa luận bệnh, phần nhiều là ngôi bút của người phương Bắc, ở nơi đất đai cao ráo, gió bắc lạnh lùng. Giả sử có Bệnh Thấp, cũng chỉ là Bệnh Hàn Thấp mà thôi.

Qua Đời Kim, Đời Nguyên về sau, các y gia phương Nam ngày càng đông lên, nhận thấy Bệnh Ôn kiêm Bệnh Thấp nên mới đề cập đến. Song về phương diện luận thuật cũng như trị liệu, phần nhiều phỏng theo thành lệ của Sách Thương Hàn Luận.

Từ Đời Minh, Đời Thanh về sau, Ông Diệp Hương Nham, Ông Chương Hư Cốc, Ông Vương Mạch Anh, Ông Ngô Cúc Thông, Ông Thạch Bái Nam, Ông Du Cần Sơ, các Ông ấy, đều có công bổ sung cho học thuyết và phương pháp trị liệu bệnh Thấp Ôn, ngày càng tiến bộ.

I.— THẤP ÔN BỒN CHỨNG

NGUYÊN NHÂN: Chính lúc giao thời giữa Mùa Hạ với Mùa Thu, cảm thọ khí hậu ẩm nóng và ẩm ướt mà

saoh bình, là nguyên nhân gây ra bình Thấp Ôn; hoặc vì chứng Phục Ôn hiệp Thấp, rồi đem thêm Chứng Tân Cẩn, xúc động mà phát bình, cũng gọi là: Bình Thấp Ôn. Nhưng cần phải phân biệt Bình Thấp Ôn kiêm Hàn, hay Thấp Ôn kiêm Nhiệt.

BÌNH LÝ: Bình Thấp Ôn thường phát tác vào lúc cuối Hạ sang Thu. Thanh hành nhưt là sau Tiết Lập Thu, trước Tiết Thu Phân, rất dễ lẫn lộn với Bình Thu Tảo, và Bình Phục Thử, song chẩn đoán minh xác, thì phân biệt cũng không khó (Thế y ngộ nhận cho là Ngược Tats là sai, vì bệnh thể Chứng Thấp Ôn khá hiếm ác, kiêm có tính truyền nhiễm, tức gọi là Chứng Thấp Ôn Thời Dịch). Bình Phục Thử, khi ẩm ướt uất ngột xong hấp biến thành Bình Ôn, bởi thêm Chứng cảm mạo xúc động mà phát tác. Vào đầu Mùa Thu bệnh này rất thanh hành, ở vào đầu Mùa Hạ cũng có Chứng Thấp Ôn, nhưng dễ trị hơn, duy bệnh phát ngay Mùa Thu, thì triển miên khó khỏi. Bình Thấp nặng kiêm Hàn, gọi là: *Thấp ôn kiêm hàn*; Bình Thấp nặng hóa Nhiệt, xưa gọi là: *Thấp nhiệt*.

Đời gần đây, Ông Sơn Lôi luận về Bình Lý Thấp Ôn, cho là từ sông Trường Giang trở xuống miền Nam, đất thấp nước nhiều, mưa dầm nắng gắt, khi trời nóng nực, hơi đất ẩm oi, khi thấp trước ung xông mù mịt; con người ở trong lúc thời tiết thay đổi, luôn luôn hứng lấy khí uế trước xâm tập, khiến cho phần thanh dương của tỳ vị bị chèn ép, không được triển bố thư thả. Cho nên những kẻ mắc Bình thấp ôn, không một người nào, mà lồng ngực chẳng bị tắc, bụng chẳng lạnh bình chậm tiêu, bợn lưỡi đóng dày. Còn ở miền Tây Bắc thì đất đai cao ráo, nên không bao giờ có những bệnh chứng giống thế.

BỊNH THẤP ƠN

211

LỜI ÁN CỦA TRƯỚC GIẢ : Hiện nay sự giao thông tiện lợi, đầu chân giao tế lui tới khắp nơi, thế giới một nhà, cho nên bệnh chứng cũng tùy thời mà thay đổi. Bởi vậy, Chứng Ngược Tật, Chứng Thấp Ôn các chứng hầu, ngày xưa duy có riêng người miền Nam mắc phải ; nhưng nay thì, người miền Bắc cũng thường thấy.

CHỨNG HẬU : Lúc bệnh sơ phát, ớn lạnh không mồ hôi, đầu nhức mình nặng, tay chân mỗi trẽ, uất nóng không lui, xế chiều nhiệt độ lên cao, mồ hôi rịn rịn không nhiều, ngực bụng nặng nề, tiểu hóa chậm chạp. Tiếp theo sau, thì ra mồ hôi, mà nóng không đỡ, ngực uất bụng đầy, tiểu tiện ngắn, đỏ vàng ; đại tiện lỏng nhão không thông, nước miếng đặc lười dơ, khát nước nhưng không uống nhiều.

CHẨN ĐOÁN : Tựa lưỡi trắng trơn, hoặc vàng trơn ; Chứng Đàm trọc thâm trọng, thì lưỡi đóng dày bầy. Phần nhiều mạch đi Hoãn Trệ, nóng lắm thì mạch đi Sát, kiểm cảm mạo Chứng Phong Hàn, thì mạch đi Khẩn.

PHÉP TRỊ : Lúc Bệnh sơ khởi, dùng *Thang Hoắc hương chánh khí gia liên kiều, hoạt thạch, đông qua tử, thông thảo*. Ngực nặng bụng đầy, ỉa chảy, đại đỏ. Chứng Ôn Lạnh ở phần biểu chưa khởi, dùng *Thang Đại quất bì, gia hoắc hương diệp, bội lan diệp, xuyên phát, ẩm thông phần lý, giải tán phần biểu*.

Như bệnh ở phần lý nặng, không ớn lạnh, chầm chườm dùng *Thang Chỉ thiết đạo trệ*, thông lợi Chứng Uất nóng ở trong. Ngực bí bụng đầy, phiền táo nổi xam, ớn lạnh không khởi, dùng *Thang Tàng giảm hoàng liên tả tâm, bồ*

xương bồ, gia xuyên phát, thanh tiết sơ lợi. — Sau khi dùng thuốc Hạ (xổ), Thấp độc còn thừa cặn chưa sạch, châm chước dùng Thuag Liên kiều chi si, gia hạnh nhân, kiết cánh, thông thảo, hoạt thạch, thanh nhiệt thẩm thấp.

XỬ PHƯƠNG :

Hoắc hương chánh khí thang

(Thấy ở Chứng Thử Ôn kiêm Thấp)



Đại quất bì thang

(Thấy ở Chứng Thử Ôn kiêm Thấp)

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chỉ thiết đạo trệ thang

(Thấy nơi Chứng Phục Thử ở Phần Vệ)

Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang

(Thấy ở Chứng Phục Tả Phong Ôn)

Liên kiều chi tử thang

(Thấy ở Chứng Tân Cảm Phong Ôn)

..

2. CHỨNG THẤP ƠN KIỂM HÀN

NGUYÊN NHÂN: Chứng Phục Ôn cấu kết với Chứng Thấp, kiêm cảm thọ Hàn Tà, xúc động nhau mà phát bệnh.

BỆNH LÝ: Phương Bắc đất đai cao ráo, khí hàn lạnh lẽo, ít khi mắc Bệnh Thấp Ôn; thỉnh thoảng phát hiện, phần nhiều do Chứng Phục Ôn kiêm Thấp, gặp khi hàn lãnh bên ngoài tác động thì bệnh phát tác. Cho nên Bệnh Thấp Ôn kiêm Hàn ở phương Bắc nhiều hơn phương Nam, là quan hệ do nơi khí hậu vậy.

CHUNG HẬU: Cả người nhưc mồi, các khớp xương đau ê, en en ớn lạnh. Mặt trắng tái, hai chân lạnh, mũi nghẹt, sống lưng đau, muốn trùm mền hơi lửa; phát nóng không mồ hôi, đầu nặng sưng đau, hai mắt lờ mờ như bị che phủ, miệng đầy nặng nề, tay chân mỗi trẻ, lông ngực bị hơi, miệng lạt không khát nước, tiểu tiện không thông, đại tiện lỏng chảy. Thậm chí tinh thần mờ mịt buồn ngủ.

CHẨN ĐOÁN: Tựa lưỡi trắng trơn, bọt đóng dày. Mạch đi Trầm Táo, hoặc kiêm Mạch Hoãn Trệ, hoặc Mạch Trầm Tế, tựa Mạch Phục.

PHÉP TRỊ: Lúc bệnh sơ phát, miệng nhưc ớn lạnh, phát nóng không mồ hôi, dùng *Thương Kinh phòng đạt biểu*, bỏ kinh giới, tở diệp, gia hậu phát, thương truật, hoặc hương, bội lan, tần giao, độn sĩ, ôn hòa Chứng Thấp Nhiệt, giải trừ biểu chứng; Tiếp theo cho uống *Thương Linh truật*

nhị trần, gia hậu phát, hoạt thạch, thông thảo, ý dĩ, ẩm
trung tiêu, hóa thấp trệ.

Sau khi bị bệnh thấp trước gây khốn khổ, khi Trung
Dương không vận hóa, châm chước dùng Thang Nhân
hương, bỏ đàn hương, đinh hương, gia ý dĩ, bội lan, ích
nguyên tán, bán hạ, ẩm áp vận hóa Khi Trung Dương.
Sau hết dùng Thang Hương sa nhị trần, gia cốt nha, thần
khúc, khai vị kiện tỳ.

XỬ PHƯƠNG :



Kính phòng đạt biểu thang
(Thấy ở Chứng Tân Cảm Xuân Ôn)
downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

59.— Linh trượt nhị trần thang

Đái bì linh	帶皮苓	4 tiền
Đạm can cương	淡乾薑	1 tiền
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rưỡi
Quế chi	桂枝	1 tiền rưỡi
Sanh thương truật	生苧朮	2 tiền
Trần bì	陳皮	2 tiền
Trần khúc	神曲	3 tiền
Bán hạ	半夏	3 tiền

60.— Hương sa nhị trần thang

Mộc hương	木香	1 tiền
-----------	----	--------

BỆNH THẤP ÔN

215

Bán hạ	半夏	2 tiền
Phục linh	茯苓	3 tiền
Sanh cương	生薑	1 tiền
Sa nhân	砂仁	1 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền rưỡi
Cam thảo	甘草	2 tiền
Đại táo	大棗	2 trái

61.— Nhân hương thang

Bạch khấu nhân	白朮仁	1 tiền
Trạch tả	澤瀉	2 tiền
Hoắc hương	藿香	1 tiền rưỡi
Xuyên phát căn	川厚樸	1 tiền
Sao kiến khúc	炒麴曲	3 tiền
Sa nhân	砂仁	1 tiền
Chỉ xác	枳壳	1 tiền rưỡi
Mộc hương	木香	1 tiền
Quảng bì	廣皮	1 tiền rưỡi

..

3. CHỨNG THẤP ÔN KIÊM NHIỆT

NGUYỄN NHÂN: Chứng Phục Ôn hiệp Chứng Thấp, trong người nóng nhiều, thì hóa ra bệnh nóng, cho nên biến thành Chứng thấp ôn kiêm nhiệt.

BÌNH LÝ: Khi hậu phương Nam nóng nực ẩm thấp, dân chúng mắc bệnh Thấp Ôn rất nhiều. Nếu Bình Phục Thấp hiệp với Bình Ôn, thì trong người nóng lắm, uất ngột mà sanh nóng, hên Thầy Thuốc xưa gọi là: *thấp nhiệt*. Khi Thấp Nhiệt uất kết ứ đọng ở sanh bình, phần nhiều triều miên chậm khởi.

CHỪNG HẬU: Xế chiều ớn lạnh phát nóng, trạng như cũ rét, sáng sớm thì đỡ nóng, nhưng xế chiều vẫn nóng như thường, cả người không mồ hôi, tay có bộ đầu ra mồ hôi mà thôi. — Có khi bộ ngực và dưới nách các chỗ cũng có mồ hôi, tay chân mỗi trể, các khớp xương nhức mỏi, đầu nặng xây xẩm, sắc mặt ửng vàng trịnh như thoa mỡ, miệng hơi, ngực uất hơi phiến táo, miệng khô khát mà không uống nước nhiều, bụng đầy ỉa lỏng, đại ít mà vàng đỏ — hoặc ủa nhọt không thêm ăn, hoặc thân thể phát vàng — hoặc bị phụ mọc Bạch chần (ban bạch).

CHÂN ĐOÁN: Lưỡi đỏ bợn lưỡi trắng dày, hoặc bợn lưỡi trắng, trùn lên một lớp vàng, hoặc bợn lưỡi vàng trơn đóng dày. Mạch phần nhiều đi Trầm Huyền đại Mạch Sát, hoặc kiêm có tượng Mạch mơ hồ không rõ ràng.

PHÉP TRỊ: Lúc bệnh sơ khởi ớn lạnh ớn nóng, dùng *Thang Gia vị ngân kiều*, *gia bội lan*, *hoạt thạch*, *xuyên phát*, (riêng dùng vị *Đông Qua Tử*, vị *Thông Thảo* nấu lấy nước, sắc thuốc.) Lợi dụng mùi thanh hương đậm thâm giải trừ cả chứng ở phần biểu và lý.

Sau khi đỡ ớn lạnh, chỉ còn phát nóng, nóng lắm phiến táo, bụng đầy ỉa chảy, dùng *Thang Tăng giảm hoàng liên tá t m*, bỏ *xương bồ*, *gia xuyên phát* một chỉ, ẩm thông sơ lợi.

Nếu gặp trường hợp ngộ trị, làm cho chứng phát nóng nặng thêm, nước tân dịch trong người khô cạn, châm chước dùng Thang Nhon sâm bạch hồ. — Như nóng lắm mất máu, châm chước dùng Thang Tê giác địa hoàng — Như khi âm thấp bị nóng đốt khô cạn hóa táo, biến Chứng Kinh Khuyết tay chân rút giật, châm chước dùng Thang Thanh táo dưỡng dĩnh, hoặc Thang Linh dương câu đằng một trong hai thang.

XỬ PHƯƠNG :

Gia vị ngân kiều thang
(Thấy ở Chứng Thử Ôn kiêm Thấp)

Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang
(Thấy ở Chứng Phục Tả Phong Ôn)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nhon sâm bạch hồ thang
(Thấy ở Chứng Thử Ôn Phụ lục)

Tê giác địa hoàng thang
(Thấy ở Ôn Bình kiêm hàn)

Thanh táo dưỡng dĩnh thang
(Thấy ở Dĩnh phần phục Thử)

Linh dương câu đằng thang
(Thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

PHỤ LỤC: Những Y gia thiện trị Chứng Thấp, nên suy tôn Ông Diệp Hương Nham là người trước nhất. Ông nói: Bệnh Thấp Nhiệt trị ở Phổi; Bệnh Thấp Hàn trị ở Vị, thực là phương pháp trị Thấp rất đúng mức vậy. Một Thang hoặc hương chính khí ứng dụng cũng khá rộng: kiêm Chứng Hàn, tá lấy vị quế chi, hoặc tá Can Cương, Thương Truật; kiêm Chứng Nhiệt, tá lấy Trúc Diệp, Lô Căn, hoặc chi tử, liên kiều. Loại thuốc trừ Thấp, lấy mùi khinh thanh tâu khí làm chủ, như *Hạnh nhân, bạch khấu nhân, hoạt thạch, thông thảo*, bối mẫu qua lâu bì, các loại rất là hợp pháp.

Chứng Thấp Nhiệt gây trở ngại trên phần thanh dương, đầu nặng tai điếc, mũi chảy máu, dùng *kiết cánh, ngư bàng, ngân hoa, mã bích, xạ can, kim tráp*, lấy mùi thanh phương giải uất

Chứng Thấp Nhiệt hiệp với khí uế trọc, phân bỏ ở Phần Dinh Phần Vệ, tràn ngập Tam tiêu, đầu sưng mình nhức, tiểu tiện không thông, bọt lười trắng bầy, dùng *bạch khấu nhân, phục linh bì, đại phúc bì, trư linh, trúc diệp, ngọc kim, xuyên phát, cúc hoa, hoạt thạch*, lấy thuốc mùi lạt để thâm tiết thấp trọc.

Thấp Nhiệt trở cách phần trung tiêu, khí trệ bụng đầy, đại tiện không thông, dùng *đậu sí, chỉ thiết, xuyên liên, bán hạ, hậu phát, sa nhân, xích linh, trạch tả*, thuốc tuyên khí hóa trệ. Ngoài ra, như dùng *ngọc kim, quít hồng, khấu nhân, tưu cầm, chỉ thiết, phục linh, bán hạ*, là cách trị Chứng Thấp làm trở ngại phần khí uất trệ — Dùng *xuyên liên, khấu nhân, hậu phát, đại hoàng, sanh cương, quít bì*, là phép trị Chứng Thấp làm trở ngại, đại

tiện bí. — Dùng *quế chi*, *trư linh*, *hoạt thạch*, *trạch tả*, *thương truật*, *nhân trần*, là theo cách trị của *Thaoz Quế linh cam lộ* gia giảm, tuyên thông phần tam tiên vậy. Trên đây đều là phương pháp chữa trị Chứng Thấp Nhiệt triền biến.

Chỉ rõ cách dùng phương lựa thuốc, đại khái chọn lấy mùi đắng cay, tính ấm nóng trị Chứng Hàn thấp; mùi đắng cay, tính mát lạnh trị Chứng Thấp Nhiệt; còn mùi cam đậm thì dùng làm thuốc tá, mùi ngọt chua hẻo hờ thì không dùng. Các phép trị Chứng Thấp, không ngoài mấy điều trên đây.

XỬ PHƯƠNG :

Hoắc hương chánh khí thang
(Thấy ở Chứng Thấp Ôn kiêm Thử)
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

61 A — Quế linh cam lộ gia giảm phương

Quế chi	桂枝	1 tiền
Hoạt thạch	滑石	3 tiền
Nhân trần	茵陳	3 tiền
Xích linh	赤苓	3 tiền
Thương truật	蒼朮	1 tiền rưỡi
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rưỡi
Trư linh	猪苓	1 tiền rưỡi

CHƯƠNG THỨ BẢY

BÌNH THU TÁO

Bình danh Thu Táo, sách xưa không thấy đề cập đến. Ông Du là người phát minh trước nhất, ông Trầm Tử Nam, ông Thạch Bải Nam tiếp tục diễn dịch, ý nghĩa mới rõ. Sách này phân biệt Chứng Tân Cầm, Chứng Phục Tả, và chỗ dị đồng giữa hai Chứng Lương Táo, Ôn Táo, cùng thứ tự bệnh tả xâm nhập vào phần khí, phần huyết, nấp cận trốn sâu trong thân thể con người, chia rành thuật rõ như sau.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1. BÌNH LƯƠNG TÁO

NGUYỄN NHÂN: Bình này phát tác sau tiết Thu Phân, trước tiết Lập Đông. Thời tiết thu thâm, khí trời thanh sảng, khí hậu mát dần, con người cảm nhiễm phần nhiều sanh Bình Lương Táo, tức là Bình Thu Táo đấy. (tên tục là Bình Thu Tả, lại gọi là Bình Phong Táo), so sánh với Bình Thương Hàn ở mùa Đông thì nhẹ hơn.

BÌNH LÝ: Táo là bệnh chứng khô rit. Ông Trầm Tử Nam nói: tháng Mùa Hạ khi nóng nực ung đốt, phần cơ như con người lúc nào cũng rịn ướt mồ hôi, da thịt

mịn màng, không cảm thấy khô khan. Qua Mùa Thu thì bầu trời trong trẻo cao ráo, khí hậu thanh sảng, hơi lạnh dần dần gắt lên, đất đai khô ráo nứt nẻ. Cho nên da thịt trong thân thể con người cũng khô khan, đó là hình trạng của Chứng Lương Táo vậy.

Ông Thạch Bái Nam nói: Tiết Thu Phần về sau, tuyết lạnh sương mù, là thời thịnh lưu hành của khí táo, thể ôn trong thân thể con người cảm thọ ngoại tà, tức thời phát lạnh ôn nóng; tam Ba Dịch thọ tà thì nội bộ dạ dày đau, ngực đầy; phổi thọ tà, thì ho khan hẳn tiếng; phần huyết lạc (vì huyết quản) ở phổi thọ tà, thì ho đàm vàng máu. Kìa như chứng ngực đầy khó thở, suyễn gấp ủa khan, đều do cảm xúc bệnh độc lương táo gây ra.

CHỨNG HẬU: Lúc bệnh sơ khởi, đầu nhức mình nóng, ôn lạnh không mồ hôi, mũi nghẹt thở khó khê, bệnh trạng tương tựa Chứng Trùng Phong, Chứng Thương Hàn. Duy có họng ráo môi khô, ho khạc đàm nhớt, ngực đầy khó thở, hen gấp ủa khan, hai sườn đau buốt, bị phù khô ráo, các chứng là đặc biệt.

CHẨN ĐOÁN: Máu lưỡi trắng mỏng, khô ráo, phần nhiều mạch động Sắc mà kiềm khấn, là tượng mạch: độc táo xâm nhập, tân dịch ngưng trệ. — Xét, Chứng Táo hình mạch động Sắc là thường lệ, tuy có kiềm chứng hoặc biến chứng, khiến cho hình mạch hiện lên Phù Hồng, Huyền Sát các tượng, song dễ nặng tay, thì không có lúc nào mạch chẳng động Tê Sắc.

CÁCH TRỊ: Bệnh sơ khởi, đầu nhức mình nóng, ôn lạnh không mồ hôi, dùng Thang Hương Tố Song Xị, bỏ

vị *Hương Phụ*, vị *Thái Ô*, gia *Hạnh Nhân*, *Bá Hộ*. Sau khi biến tả đã giải, mà đàm vẫn còn nhiều, ngực vẫn còn nặng, ho khạc không thông, dùng thang *Hạnh Tố Nhị Trần Gia Vị*, đàm ho đã đỡ; nhưng đại tiện bế tắc bụng đau, thì dùng thang *Ngũ Nhân Quít Bí*.

XỬ PHƯƠNG :

62. — *Hương Tô Song Xị Thang*

(Họng khô, gia *Mạch Đông*, *Hoa Phấn*; nóng lắm, gia *Tửu Cầm*, *Ngân Hoa*; hồng đầy, gia *Chỉ Xác*, *Ngọc Kim* ho hen, gia *Bạch Tiên*, *Ngưu Tử* — Ợa khan, gia *Giả Thạch*, *Bán Hạ* — sườn đau gia *Đào Nhân Nễ*, *Một Dược*).

Chế hương phụ	製香附	1 tiền rưỡi
Thanh bì	青皮	1 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền
Phòng phong	防風	1 tiền rưỡi
Xích linh	赤苓	3 tiền
Sanh cương	生薑	2 miếng
Tử tô diệp	紫蘇葉	1 tiền rưỡi
Song bạch	葱白	1 tiền
Ngọc kim	玉金	1 tiền rưỡi
Đậu xị	豆豉	3 tiền
Thái ô dược	台烏藥	1 tiền rưỡi

63. — *Hạnh Tố Nhị Trần Thang*

Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
-----------	----	--------

BỊNH THU TÁO

223

Bán hạ	半夏	1 tiền rưỡi
Phục linh	茯苓	3 tiền
Sanh cương	生薑	1 tiền
Tô diệp	蘇葉	2 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền rưỡi
Cam thảo	甘草	1 tiền
Đại táo	大棗	2 trái

64. Ngũ Nhân Quít Bì Thang

Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
Tông tử nhân	松子仁	3 tiền
Ưu lý nhân	郁李仁	3 tiền
Quít bì	橘皮	1 tiền rưỡi
Đào nhân	桃仁	3 tiền
Bá tử nhân	柏子仁	3 tiền

..

2. BỊNH LƯƠNG TÁO

NGUYÊN NHÂN: Tiết Thu thâm về sau, khí trời trong tạnh, bất mưa lâu ngày, khô khan nóng ráo, con người cảm nhiễm, thường sanh bệnh Táo.

BỊNH LÝ: Trong tạnh không mưa lâu ngày, thì khi trời viêm chưng khô ráo, phần nước trong thân thể con người hao hụt. Đã cảm khí ôa tảo, lại bị ảnh hưởng của gió lạnh, cho nên phát bệnh.

CHỨNG HẬU : Lúc sơ khởi, đầu nhưc mình nóng, ớn lạnh không mồ hôi. Kế tiếp thì lạnh ít nóng nhiều, tuy có mồ hôi mà nóng không đỡ, ho khạc đàm lỏng, hoặc ho khan không đàm, hen suyễn thở gấp, họng đau, mũi khô, môi ráo, ngực đầy sườn đau, lòng phiền muộn, miệng khát nước các chứng.

CHẨN ĐOÁN : Bợn lưỡi trắng mỏng khô ráo, bìa lưỡi ửng hồng, — mạch tay phải đi Phù Sát, tay trái mạch đi Huyền Sát mà đại Sắc. Đó là hiện tượng Chứng Ôn Táo thiêu đốt ở trong, nước tân dịch khô cạn.

PHÉP TRỊ : Lúc sơ phát, đầu nhưc hơi ớn lạnh, mình nóng không mồ hôi, dùng *Thang Gia Giảm Uy Duyệt*, gia *Qua Lâu Bi, Tả Tĩ*. — Đàm nhiều, gia *Bối Mẫu, Trúc Lịch*. — Lồng ngực bứt rứt, gia *Chỉ Xác, Ngọc Kim* — ưa nghịch gia *Giả Thạch, Tỳ Bà Diệp* và dùng *Tả Kim Hoàn*.

Chứng ngoài đã khởi, mà trong bụng vẫn nóng bứt rứt khát nước, ho ra máu đại tiện táo bón, thì dùng *Thang Thanh Táo, Cửu Phế* của ông Du. Họng đầy sườn đau, dùng *Thang Sài Hồ Chỉ Kiết*.

XỬ PHƯƠNG :

Gia giảm uy duyệt thang

(Thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

Sài hồ chỉ kiết thang

(Thấy ở Chứng Tân Cầm Xuân Ôn)

65.— Tổ kim hoàn

Hoàng liên	黄连	6 phần
Ngô du	吴茱萸	1 phần

Hợp chung tán làm bột hòa làm hoàn, uống với nước chín.

66 — Dự thị thanh táo cứu phế thang

Tang diệp	桑叶	3 tiền
Mạch đông	麦冬	5 tiền
Nam sa sâm	南沙参	3 tiền
Hồ ma nhân	胡麻仁	5 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
Sanh thạch cao	生石膏	3 tiền
A giao	阿胶	1 tiền rưỡi
Tì ba diệp	枇杷叶	3 tiền (gói)

3.— BỆNH THU TÁO PHỤC TÀ

NGUYÊN NHÂN: Mùa Hạ cảm thương khí Thử Thấp tiềm phục ở trong, đến Tiết Thu Thâm khí bậu ngoài trời lương sản, xúc phát phục tà ở trong mà bệnh phát tác.

BÌNH LÝ Mùa Hạ, thứ tà tiềm phục trong người, đến mùa thu lại cảm táo khi, biến thành Chứng *Thu táo phục tà*, day trong ấy có *hiệp thấp* hoặc *hóa nhiệt* cần phải phân biệt :

Hiệp Thấp, thì ôn lạnh phát nóng nhức đầu, tứ chi mỏi trể, mình mảy nặng nề, khát nước mà không uống được nhiều, bụng đầy hơi. Hóa Nhiệt, thì ho đàm vướng máu, hông ngực đau buốt, bụng nóng như lửa, ỉa nước như dọi, các chứng.

CHỨNG HẬU : 1) Hiệp Thấp lúc bệnh sơ khởi, rờn rợn ôn lạnh, hết lạnh rồi nóng, mũi mới khó rạo trước như, họng đau, ho khan khó thở, ua khan, tay chân mỏi trể, mình mảy nặng nề khát nước mà không muốn uống, uống nước thì nửa trăn trở nằm không yên, hông sườn trướng đau, bụng đầy hơi, ỉa lỏng không thông, đại ít đỏ nóng. Ông Du nhận định đây là bệnh *phổi rạo tỳ ướt* (phế táo tỳ thấp). Như âm dịch tạng Thận bị tổn thương, thì tay chân nề oải không sức cử động, khắp cả châu thân nhức mỏi nặng nề, nửa đêm nóng nhiều, hừng sáng đỡ nóng, hơi ben thổ ngầu, má đỏ chân lạnh, lòng bàn chân lại nóng. Nặng lắm thì té bại, hoặc ỉa chảy mà nặng trôn, hoặc hoạt tinh đau lưng.

2) Hóa Nhiệt : Họng ngứa ho khan, ho lắm thì trong đàm vướng máu, hông ngực đau buốt, bụng nóng như cào, ỉa chảy như xối, trôn tré nóng rát. Nặng lắm thì đi tiêu khó khăn, tựa hồ kiệt lý, mà không phải kiệt lý, ruột đau như cắt, bụng cứng dần, đè nặng tay thì đau ngất. Ông Du nhận định, đây là bệnh *phổi rạo ruột nóng*. Ở trong nóng lắm, thì uống nước không biết đã khát,

người nóng hừng hực, tự ra mồ hôi, tay chân tuy lạnh, mà lòng bứt rứt sợ nóng — hoặc hơi thở nghịch lên, ra khan, dưới sườn đau nhói, dài ít đỏ rít, hoặc nhều từng giọt mà trong ống tiểu nghe đau, đại tiện phần nhiều táo bón, hoặc đau bụng mặc là thối hối, mà là không ra phân. Nhiệt ta ung dốt thần kinh thì: gân mạch co rút không thể day trở. Năng lắm thì: tay chân xui lơ chèn xui lơ trạng như Chứng Kinh Giản.

CHẨN ĐOÁN. 1) Hiệp Thấp, Chứng: bọt lưỡi dày như trét bột, bia lưỡi trắng trơn — Hình mạch: tay bên phải mạch động Phù Sắc, tay bên trái mạch động Hoãn Trệ, hoặc mạch động Tế mà dài Sắc. Như Tảo độc xâm nhập vào trong, sự phân bi ở bì chất phó thận phát sanh biến hóa, thì hình lưỡi to lớn, trùn lên một lớp bọt dày. Lấy tay đè lên thì rịn nước.

2) Hóa Nhiệt Chứng: bọt lưỡi khô ráo, mọc chổng và kèm có lằn rách — Hình mạch: đè nhẹ tay thì mạch động Phù Sắc đại mạch Tảo. Đó là trạng chứng Tảo độc với Thử Thấp vây khốn lẫn nhau, biến thành hiện tượng tấn dịch bị tỏa thương.

XỬ PHƯƠNG:

Song xị cát cánh thang
(Thấy ở Bệnh Tân Cảm Xuân Ôn)

Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang
(Thấy ở Chứng Phục Fa Phong Ôn)

67. Gia giảm tri bá địa hoàng thang

Tri Mãn	知母	1 tiền rưỡi
Sanh địa hoàng	生地黃	3 tiền
Tửu hoàng cầm	酒黃芩	1 tiền rưỡi
Bắc sa sâm	北沙參	3 tiền
Vân phục linh	雲茯苓	3 tiền
Linh từ thạch	靈磁石	3 tiền
Xuyên hoàng bá	川黃柏	1 tiền rưỡi
Sao di mễ	炒苡米	3 tiền
Nôn thanh cao	嫩青蒿	2 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	2 tiền
Quảng trần bì	廣陳皮	2 tiền
Kiến liên tử	建蓮子	3 tiền

download.sachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

68. — Gia vị tang đơn tả bạch Thang (Tán)

(gia : ngẫu tiết 4 tiền, hạn liên thảo 3 tiền, Hoàng Cầm 1 tiền rưỡi)

Bạch thược	白芍	3 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	1 tiền rưỡi
Ngưu bàng tử	牛旁子	1 tiền rưỡi
Một dược	沒藥	3 tiền
Kim quýt bình	金橘餅	2 trái
Sanh tang bì	生桑皮	3 tiền
Kiểm hạnh nhân	甜杏仁	1 tiền rưỡi
Cát cánh	桔梗	1 tiền rưỡi
Mạch đông	麦冬	4 tiền
Địa cốt bì	地骨皮	2 tiền

BỆNH THU TẢO

725

69.— Gia vị ngọc nữ tiên

Sanh thạch cao	生石膏	5 tiền
Thục địa hoàng	熟地黄	1 tiền
Sanh bạch thược	生白芍	4 tiền
Sanh thạch quyết minh	生石决明	5 tiền
Linh từ thạch	灵磁石	1 tiền
Minh tri mẫu	明知母	2 tiền
Sanh mẫu lệ	生牡蛎	2 tiền
Sanh địa hoàng	生地黃	1 tiền



Linh dương cầu đằng thang
(Thấy ở Bình Phúc Tả Xuân Ôn)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

PHỤ LỤC: Xét vị, Tiên Triết Du Căn Sơ tiên sanh. luận về cách dùng thuốc trị bệnh Thu Tảo một thiên, có khá nhiều kinh nghiệm, nên lục lại học thuyết của Ông, đồng thời tu chỉnh như sau:

Ông Du Căn Sơ nói: Bệnh chứng Thu Tảo, trước nhưt làm thương tổn tân dịch của phổi, tiếp theo gây thương tổn đến phần âm dịch.— Xưa nói Bệnh Tảo thì dùng thuốc tư nhuận, đó là định pháp chữa trị Chứng Tảo vậy.

Song trước nhưt phải phân biệt, thế nào là Bệnh Lương Tảo, thế nào là Bệnh Ôn Tảo? và thế nào là bệnh Hư Tảo, thế nào là bệnh Thực Tảo? thì dùng thuốc chữa trị mới có chỗ cầm chắc trong tay.

Bình Lương tảo dùng thuốc Ôn nhuận, lấy *Tử Uغن*, *Hạnh Nhân*, *Đậu Sĩ*, *Tiền Hồ*, *Kiết Cánh*, *Tô Diệp*, *Phòng Phong*, *Xuyên Khung*, *Quit Hồng*, các thứ khai đạt khí cơ làm chủ. — *Kiểm Chứng Phong* thì gia *Sanh Cương*, *Thông Bạch* thuốc tán nhuận giải biểu — ho hen hồng đầy, thì gia *Tử Tổ*, *Bá Hộ*, thuốc tư nhuận thông phổi — hiệp *Chứng Thấp*, gia *Khẩu Nhân*, *Hoạt Thạch*, thuốc tán hoạt đàm thẩm trừ thấp — hiệp *Chứng Thực trệ*, gia *Bạch Giới Tử*, *Chỉ Nhiệt*, *Ức Lý Nhân*, âm thông chứng đình trệ và tiền đạo — đàm nhiều gia *Qua Lâu*, *Bán Hạ*, *Cương Trấp*, *Đỉnh Lịch*, thuốc tán hoạt thông lợi, tiêu đàm-khí ở phần lý uất át, đại tiện không thông, cảm giác không thư thái mà đau bụng, gia *Sa Nhân*, *Ức Lý Nhân*, *Bá Tử Nhân*, *Tri Mỗ*, *Qua Lâu Bì* các thứ thuốc: tán hoạt giáng tiết, thông lợi đường đại tiện — sau khi bình hoàn thiếu máu, tân dịch khô cạn, gia *Đương Qui Thân*, *Nhục Thung Dung*, *Thực Địa*, *Cẩu Kỷ Tử*, các thứ thuốc cam nhuận bổ âm.

Chứng Ôn táo, dùng thuốc lương nhuận: *Tiền Tang Diệp*, *Kiểm Hạnh Nhân*, *Thông Bạch*, *Thanh Cao*, *Ngưu Bàng Liên Kiêu*, *Qua Lâu*, *Bối Mỗ*, các thứ thuốc thanh nhuận khinh tuyên làm chủ. — nóng lắm thì gia *Hoa Phấn*, *Lô Cẩn*, *Ngân Hoa*, *Cúc Hoa* thanh tiết khí nhiệt; nóng đỡ thổ khỏe tự rạ rịn rịn mồ hôi mà bệnh khó. — khác đàm không thông, hoặc ho nhiều khạc ra máu, gia *Trúc Lịch*, *Ngẫu Trấp*, *Mao Căn*, *Đông Tiền*, thuốc cam nhuận hãm giáng, trơn đàm cầm máu — nếu ho máu không cầm được, gia *A Giao*, *Tam Thất*, thuốc tư nhuận hoá trệ — đại tiện khó, hoặc bí kiết, gia *Hải Tịch*, *Bột Tề*, *Bạch Mạt*, thuốc bổ ích tân dịch, tư nhuận đại trường.

Tóm lại, phần thượng tiêu khó táo sanh ho, dùng

BÌNH THU TÁO

231

Thang Thanh Táo Cứu Phế của ông Du — Trung tiêu khô táo, thì tiên khát, dùng Thang Nhân Sâm Bạch Hồ — Hạ tiêu khô táo, thì đại tiên bí kết, dùng Thang Ngũ nhân quít bì, và phương Tế xuyên tiên của ông Cảnh Nhạc — gan táo uốn gân, dùng Thang A giao kê tử hoàng, và Thang Linh dương cầu đằng.

Chỉ như phần Âm hư biến chứng Dương Khuyết, dùng phương Gia vị tập linh tiên làm chủ — Âm hư hỏa vượng, dùng Thang Hoàng liên a giao làm chủ được. Sau khi cân dịch, thì tẩy tẩy dương sâm, sa sâm, sinh địa, mạch đông làm chủ được — Chứng Dương Khuyết, dùng Dương qui thân, thực địa, kê huyệt đằng, làm chủ được. Trên đây là thông luận đại khái cách trị Chứng Lương Táo, Chứng Ôn Táo, Chứng Thực Táo, và Chứng Hư Táo vậy.

downloadsachmienphi.com

XỬ PHƯƠNG bookykhoe.com | [Downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Dụ thị thanh táo cứu phế thang
(Thấy ở Bình Ôn Táo)

Nhân sâm bạch hồ thang
(Thấy ở Chứng Thử Ôn phụ lục)

Ngũ nhân quít bì thang
(Thấy ở Chứng Lương Táo)

70.— Tế xuyên tiền

(phương của Tân Phương Bát Trộn)

Nhục thung dong	肉菰蓉	3 tiền
Thăng ma	升麻	5 phân
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rưỡi
Chỉ xác	枳壳	1 tiền rưỡi
Ngưu tất	牛七	1 tiền rưỡi
Đương qui	當歸	3 tiền



Hoàng liên kê tử thang

(Thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Linh độc câu đồng thang

(Thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

Gia vị tập linh tiên

(Thấy ở Chứng Dinh Phần Phúc Thử)

Hoàng liên a giao thang

(Thấy ở Bình Ôn kiêm Thử)

CHƯƠNG THỨ TAM

BỆNH ĐÔNG ÔN

Điểm bất đồng giữa Bệnh Đông Ôn với Bệnh Xuân Ôn là: Bệnh Xuân Ôn thì phát ở đầu mùa xuân, lúc khí lạnh của mùa đông còn cặn lại. Bệnh Đông Ôn thì phát ở ngay mùa đông, lúc khí trời đang lạnh ẩm khó khăn.

Phép trị Bệnh Xuân Ôn, cần phải xét coi bệnh nhân có cảm thọ hàn tà hay chăng? Còn phép trị Bệnh Đông Ôn, cần thăm định xem có chứng Phục Táo chăng? Đó là đại khái cách phân biệt bệnh chứng để chữa trị vậy.

Bệnh này cần phải phân biệt, có phải là hoàn toàn do tân cảm gây ra, hay có phục tà. Hoàn toàn do tân cảm, thì bệnh nhẹ, vì bệnh độc còn ở cạn. Có phục tà thì nặng, vì bệnh độc đã vào sâu. Người phương bắc, ngày mùa đông vây quanh lò sưởi, ăn nhiều tiên tử, bình tố trong người luôn bị nóng nẩy uất kết, cho nên phát hiện bệnh chứng Đông-ôn không phải là ít.

1. ĐÔNG ÔN KIỂM HÀN

NGUYỄN NHÂN: Thời lạnh mùa Đông, trong lạnh ẩm

áp, khí hậu khô khan, ôn độ trong người rất cao, thỉnh thoảng cảm nhiễm gió lạnh bên ngoài, tức thời phát bệnh.

BÌNH LÝ: Chứng tán cảm, là vì thời lệnh tạnh ẩm khô khan, cảm xúc khí lạnh mà sanh bệnh. Lúc đầu thọ bệnh, ngoại trừ những chứng hậu do cảm mạo mà phát hiện như: *Nóng lạnh, nhức đầu, nghẹt mũi, ho hen ra*, còn có những chứng: *yết hầu sưng đau, nhức răng, hạch dưới cằm tai sưng*, là các chứng hậu chủ yếu. Nếu bên trong uất nhiệt nặng nề, phát sanh các chứng *hầu ỉ, hầu ung, bạch hầu*, thì càng nguy hiểm hơn.

CHỨNG HẬU: Lúc bệnh mới phát, thì ghê gió sợ lạnh, đầu đau mình nóng, nghẹt mũi sổ mũi, cổ họng khô ráo, hoặc đau nhức; kể đó thì không ớn lạnh, chỉ phát nóng, lòng phiền táo, miệng khát nước, ngực buồn, bụng đau, đại tiện bí, tiểu tiện đỏ; thái thậm thì cổ họng sưng đau và có vết trắng, nướu răng và hạch dưới cằm sưng đau.

CHẨN ĐOÁN: Tựa lưỡi đồng trắng mà bản là bệnh độc ở phần cơ biểu chưa giải, hạn dịch bị đình trệ; tựa lưỡi vàng trơn, là đả nhiệt ủng trệ ở trong; lưỡi vàng mà tựa lưỡi dày, là căn bã chất đông ở ruột già — mạch đi Phù hoặc Huyền Sát, hoặc bị cảm lạnh nặng nề thì kiêm mạch Khẩn.

CÁCH TRỊ: Bệnh sơ khởi ghê gió sợ lạnh, đầu nhức, mình nóng, không mồ hôi, thì dùng thang Song Xị Cát Cánh gia Phòng phong — không lạnh chỉ nóng, lòng phiền muộn, khát nước, họng đau, ho hen, ngực buồn, thì dùng thang Cát Cánh (vỏ Song Bạch, Đậu Xị cho nên nói:

thang *Cát Cánh*), gia Ngân Hoa. Hoàng Cầm. Hạnh Nhân. Xạ Can. Đơn Bì, Chỉ Xác, Ngọc Kim. Ngục buồn, hồng đậu, táo bón, nước tiểu đỏ, thì dùng *Tán Lương Cách*. Cồ hống sưng đau, có mề trắng, nướu răng và hạch dưới tay sưng đau, ỉa bón đại đỏ, thì dùng thang *Gia Giảm Thanh Phế*.

XỬ PHƯƠNG :

Song Xì Cát Cánh Thang
(thấy ở *Chứng Tân Cẩm Xuân Ôn*)

71. — Gia Giảm Lương Cách Tân

Hoàng cầm	黄芩	2 chi
Bạc hà diệp	薄荷叶	1 tiền 5
Liên kiều	连翘	3 tiền
Trúc diệp	竹叶	3 tiền
Đại hoàng	大黄	1 tiền 5
Sao sơn chi	炒山枝	1 tiền 5
Hoạt Thạch	活石	3 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền 5
Phương thông thảo	方通草	1 tiền 5
Mau tiên	芒硝	1 tiền 5

72 — Gia Giảm Thanh Phế Thang

Ngân Hoa	银花	3 tiền
Mạch Đông	麦冬	3 tiền
Sanh địa	生地	3 tiền
Đơn bì	丹皮	2 tiền

Tửu quân (Đại Hoàng tâm rượu)	酒 軍	2 tiền
Man Tiêu	芒 硝	2 tiền
Tích bối	枳 貝	3 tiền
Bạch Thược	白 芍	3 tiền
Bạc Hà	薄 荷	1 tiền rưỡi
Chỉ xác	枳 壳	1 tiền rưỡi
Tân Bì	萆 皮	3 tiền
Tứ cầm	酒 萆	2 tiền
Cam thảo	甘 草	1 tiền

Ho đau lăm thì gia *Xa Can*, *Sơn đậu căn*; ngực đầy gia *Ngọc Kim*, *Hoa Lâu*; nóng lăm gia *Hoàng Cầm*, *Sanh thạch cao*.

downloadsachmienphi.com

..

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. ĐÔNG ÔN PHỤC TÁO

NGUYỄN NHÂN: Tiết đông ôn dẫn khỏi bệnh độc phục thử và phục tảo, phát tác ra ngoài.

BÌNH LÝ: Bệnh này, cần phải phân biệt thể nào là đông ôn kiêm phục thử, và Đông Ôn kiêm Phục Tảo. Chứng hậu Đông Ôn như đã nói rõ ở đoạn trước. Còn nguyên lý tiềm phục của bệnh thử và bệnh Tảo, tùy theo tập quán thể chất của mỗi người mà biến chuyển.

Bên trong nóng này trầm trọng, dễ mắc Chứng Thương Thử, — chất tân dịch hao hụt, dễ mắc Chứng Thương Tảo, đó là lý như định vậy.

Chứng loại bệnh phục tà :

1) Cảm thọ bệnh độc nhẹ nhàng, trải qua một thời gian mới phát.— 2) Khi bệnh phát, trị không nhằm thuốc, bệnh tình lại ần phục.— 3). Trải qua chữa trị, nhưng trị không tận gốc, và về sau bệnh lại phục phát, các chứng hậu thấy rõ ở môn này.

CHỨNG HẬU : Lúc bệnh sơ khởi, đầu nhưc mình nóng, ho hen, tinh thần buồn bực, hoặc không mồ hôi sợ gió lạnh, hoặc có mồ hôi sợ nóng. Khi có chứng Phục, thì lạnh ít nóng nhiều, mồ hôi ra mà nóng không giải, ngày nhẹ đêm nặng, nhúc nhích dần xây xâm, bứt rứt sợ nóng, mắt đỏ môi hồng, da mặt khô nhám, răng khô, phiền táo, nằm ngủ không yên, miệng khô không khát nước, uống nước thì ho khan, giàng môn nóng rát, hoặc mình nóng nổi mẩn trắng, mọc ban châu. — Khi chứng Phục Táo, thì ho hen khạc đàm lỏng, ho lâu thì trong đàm có vờng máu, hoặc ho khan không có đàm, lồng ngực bứt rứt, cạnh sườn nhói đau, hơi thở khô khè mà gấp, cưỡng họng sưng đau, đại tiện táo bón, đại tiểu tiện ngắn đỏ rít.

CHẨN ĐOÁN : — Khi chứng Phục Thử màn lưỡi đỏ tươi, hoặc lưỡi khô không tưa. Nếu bệnh độc tiềm trở ra khi phần, thì tưa lưỡi trắng dày hoặc vàng trơn, phần nhiều mạch động Trầm Tế có sức, hoặc mạch động Huyền Sát có sức. — Khi chứng Phục Táo, thì tưa lưỡi mỏng trắng mà ráo, chót lưỡi và chung quanh đều đỏ, hoặc khô trắng mà dày, trắng như màu bạc màu vôi, cũng có màu lưỡi vàng trắng lẫn lộn nhau. Thái thậm

thì ngay giữa lưỡi nổi lên một quãng bằng đồng tiền, bốn phía da lưỡi như bị lột, hoặc bốn phía trắng như đầu hủ (mục thối) mà ở giữa lưỡi như bị khoét xuống. — Còn phần tân dịch bị hao hụt, thì lưỡi đen mà mọc mục; phần khí hư, thì lưỡi ráo mà nứt rách, mạch động Trầm mà đoái mạch Đoản, mạch Sắc, nếu mạch động Phù thì đái mạch Huyền Sát.

PHEP TRI: Lúc bình sơ khởi, đầu như mình nóng, ho hen khát nước, có mồ hôi, hoặc không mồ hôi, dùng thang *Gia Giảm Uy Dục*, mình nóng hạ lý, dùng thang *Các Căn Hoàng Cầm Hoàng Liên* (1) — kiểm chứng Phục Thử mình nóng ra mồ hôi, mà nóng không giải, ngày nhẹ đêm nặng, như dầu xây xẩm, đại tiện lỏng mà không khoái sàng dùng thang *Bạch Hồ Thừa Khí* gia *Thạch Cao*, *Hoàng Cầm*, *Mẫu Đan Bì*, *Tế Dục* — kiểm chứng *Phục Táo*, ho khan hoặc ho ra máu, lỏng ngực no buồn, hơi thở khô khè, dùng *Tân Tang Độn Tả Bạch Gia Vị*. — Họng đau, đại tiện táo bón hoặc nề trĩ không thông, dùng *Tân Lương Cách Gia Vị*.

(1) Theo chỗ kinh nghiệm của dịch giả, bệnh MÌNH NÓNG HẠ LÝ dùng thang NHÂN SÂM BẠI ĐỘC gia TRẦN THƯƠNG MỄ rất hay.

BÍNH ĐÔNG ÔN

259

XỬ PHƯƠNG :

Gia Giảm Uy Duy Thang

(thầy ở Bình Xuân Ôn Phục Tả)

Lương Cách Tấn

(thầy ở bình Tân Cẩm Đông Ôn)



Bạch Hồ Thừa Khí Thang

(thầy ở Bình Ôn Niêm Hán)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Gia Vị Tang Đơn Tả Bạch Thang

(thầy ở bình Thu Tảo Phục Thứ)

73.— Cát Căn Hoàng Cầm Hoàng Liên Thang

Cát căn	葛根	2 chỉ
Cầm Thảo	甘草	1 chỉ
Hoàng cầm	黄芩	1 chỉ rưỡi
Hoàng liên	黄连	1 chỉ rưỡi

CHƯƠNG THỨ CHÍN

BỆNH THƯƠNG HÀN

THUYẾT MINH: Sau Tiết Lập Đông, khi trời lạnh gắt, cảm nhiễm thành bệnh, cho nên gọi là *bệnh thương hàn*. Song ở thời lịnh mùa xuân mùa hạ cảm nhiễm khi bạc hàn của đương thời, chứng sợ lạnh nặng hơn chứng phát nóng, cũng gọi là *bệnh thương hàn*. Nhưng bệnh phát ở ngay mùa Đông thì nặng hơn phát ở các mùa khác.

NGUYỄN NHÃN: Do khí phong hàn kích thích ở phần bì phu cơ biểu mà sanh bệnh.

BỆNH LÝ: Bệnh này do khí phong hàn kích thích ở phần bì phu, khiến cho phần siêu tạng cơ nhục bị khản trương, lỗ chân lông bị đóng kín, những thành phần lão phế đáng được thay cũ đổi mới không được bài tiết, các đầu mối thần kinh ở phần cơ nhục bị, luy, cơ năng bài tiết thất chức, sinh lý bên trong thân thể bị phản thường, mới phát hiện các chứng hậu ở thời kỳ đầu của *bệnh thương* (nhức đầu đơ cổ, phát nóng sợ lạnh, không mồ hôi).

Lâu ngày mồ hôi không ra được, thì phế vật dồn chứa càng nhiều, khiến cho tế bào biến tính, bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, tạo nên bệnh táo (ồ bịnh) trầm trọng ở bên trong thân thể, hoặc căn bản ứ trệ ở trong trường

vị, đáng được dùng thuốc công hạ, mà lại không biết công hạ, vách ruột lở lẩy chảy máu — hoặc vì thể ôn nhất trệ, hạn dịch đình tích, mà không biết dùng thuốc phát hạn, lại lầm dùng thuốc công hạ, thì hạn dịch ở trong ống lâm hạ dồn vào trong mà biến chứng *kiết hung*, hơi bí bụng trường các chứng — cũng có thể biến chứng niều độc tích trệ, thì thân vu phát viêm. — nhiệt tà bế tắc thượng xung, thì não mạc phát viêm. Các trạng chứng kể trên là do phê vật không bài tiết được, trở ngại công dụng của sinh lý mà gây ra.

CHỨNG HẬU: Ghé gió sợ lạnh, đầu nhức, mình nóng, cổ đơ, lưng đau, thân thể nhức mỏi, không mồ hôi mà ben, hoặc ra mồ hôi mà nóng không giải, ho hen ua mưa, chả thêm ăn uống, cơm nước không vào miệng (y theo bệnh chứng mới phát của bệnh này, thì cựu thuyết gọi là *biểu chứng*. Đại khái do dùng thuốc sai lầm, và biến chứng truyền kinh thì không bèn vào. Thấy rõ trong phụ lục).

CHẨN ĐOÁN: Lưỡi phần nhiều không đỏ, vẫn tư nhuận, có khi lưỡi đóng mỏng màu trắng trơn — mạch động *phủ* hoạt kiêm tượng mạch *khẩn*, đó là hiện tượng của bệnh Thương Hàn lúc sơ khởi.

PHÉP TRỊ: Ghé gió sợ lạnh, phát nóng không mồ hôi, nên dùng thuốc tán ôn phát hạn: thang *Kinh phông đạt biểu* chủ trị, nhức mình gia *tần giao*, hen gia *hạnh nhân*, ua mưa gia *bán hạ* — Mồ hôi ra không thông, thì hạn dịch bị nhất trệ, khiến cho tiền tiện không thông theo, mạch động *phủ* mình phát nóng, khát nước, uống vào thì mửa, Y giả ngày xưa gọi là *Bệnh Bàng quang tích thủy*. Nhưng

sự thực là thủy âm bị đình trệ, dùng thang *Linh truật Nhi trần* gia *Quan quế*, hoặc dùng *Tán ngũ linh* theo cô phương cũng hiệu nghiệm. Kỳ dư các biến chứng chia ra từ loại, như sau :

PHỤ LỤC : Xét vì phạm vi của bệnh *Thương hàn* rất rộng, Y Giả đời xưa nêu lên hai chữ *Thương hàn*, để bao quát tất cả những bệnh chứng bốn mùa. Trước giả đặc biệt định lấy tên *Thời linh bình*, thay thế cho danh từ : *Quảng nghĩa thương hàn*. Cho nên sự sắp đặt của loại này, chuyên nói về bệnh cảm nhiễm gió lạnh gây ra. Thiên thư nhứt trong lời Tổng Luận, biện minh về chứng *Tân Cầm* của bốn mùa, đều hạn chế trong phạm vi ba *Kinh Dương*, mà từ trong ba *Kinh dương* lại có phát hiện bệnh chứng của ba *Kinh âm*. Đó là do sự biến hóa của thể chất, chứ không phải là con đường trái qua của bệnh chứng. Nhân vì chỗ cư trú, tập quán, chức nghiệp, sinh tính, biểu thị... của thể chất, đều có những điểm bất đồng, tất nhiên chỗ phát hiện của bệnh chứng phải có sai biệt. Nay y cứ theo thành lệ « sáu kinh truyền biến » của sách *Thương hàn luận* phân biệt tường thuật như sau, ngõ hầu cung ứng cho sự nghiên cứu bệnh chứng *Thương Hàn* trong muôn một.

I.— Lạnh nóng qua lại, nhức hai bên hói đầu, tai điếc, mắt hoa, ngực nặng, sườn đau, tưa lưỡi trắng trơn, tay phải mạch động *Huyền Hoạt*, tay trái mạch động *Huyền Phù Đại*. Ấy là bệnh *độ* : uất kết ở phần tấu lý của chứng bán biểu, xưa gọi là : bệnh chứng ở *Kinh Thiếu Dương*.

II.— Lạnh nóng qua lại, lạnh ít nóng nhiều, miệng đắng ngực buồn, mưa nước chua đắng, hoặc mưa ra nhớt vàng

nhảy nhua — thái thậm thì ưa khan, nắc cục, bung sườn no đầy, lưỡi đỏ tưa trắng, hoặc ngoài chót lưỡi trắng, mà trong cây lưỡi đỏ chung quanh trắng, chính giữa đỏ — tay phải mạch động Huyền Hoạt, tay trái mạch động Huyền Sát. Ấy là khí nóng xi thành của chứng bán lý, xưa gọi là bệnh chứng ở Thiếu Dương Phủ. Nên hòa giải và thanh nhiệt, dùng Thang Cao cầm thanh đả chủ trị — Sau khi uống thuốc ưa mưa tay ngừng, nhưng lạnh nóng chưa khỏi, bụng sườn vẫn đầy, ngực vẫn buồn, trở thành chứng tiêu kiết hung, nên dùng phép hòa giải khai giáng Thang Sài hồ kham hung chủ trị. — Sau khi uống thuốc, hong ngực no buồn tuy uể, nhưng lạnh nóng vẫn phát tác, đau bụng no hơi, đại tiện táo, tiểu tiện đỏ. Ấy là bệnh độc ở phần bán biểu, bầy còn tạm kết ở trong, cấu kết với căn bã trong trường vị, nên hòa giải kiêm thông tiện, dùng Thang Đại sài hồ bỏ sanh cương, bán hạ, gia hậu phát, man tiện.

III.— Minh nóng rực, tự ra mồ hôi, không sợ lạnh, chỉ sợ nóng, bứt rứt, khát nước, tay chân quơ mùa, không chịu mặc áo, tiểu tiện rít đỏ, nổi mụn lấm tẩm đầy mình. — Quá lắm thì nói xam, chót lưỡi đỏ, tưa lưỡi khô, hoặc màu lưỡi khô ráo mà vàng, bên phải mạch động Phù Hồng đại Sắc, bên trái mạch động Huyền Đại có sức. Đó là do nhiệt độc ứng át, xưa gọi là bệnh chứng ở Kinh Dương Minh, nên dùng thuốc tán lương giải nhiệt : Thang Bạch Hồ gia thuốc thần ban. — Ban đêm tuy thần, nhưng mình nóng không lui, khát nước, ra nhiều mồ hôi, thì dùng Thang Bạch Hồ gia Đơn Bi, Bạch thực, Hoa Phấn, Hoàng Cầm.

IV.— Chỉ cho thấy, bệnh độc đã truyền vào lý, cấu

kết với cặn bã ở trường vị, trở thành chứng lý thực đáng công hạ, xưa gọi là chứng ở phủ Dương Minh. Nhưng kỳ trung còn kiêm có biểu chứng, xưa gọi là: *Thái dương, dương minh* — kiêm có lạnh nóng qua lại, xưa gọi là *thiếu dương, dương minh*. — Đơn độc có một chứng nóng truyền vào trong, biến thành chứng bụng đầy, đại tiện bí kết, xưa gọi là chứng *chánh dương, dương minh*. Trong chỗ kiêm chứng có *thái âm, dương minh* — *thiếu âm, dương minh* — *Khuyết âm, dương minh* — chia ra từ khoản tự thuật như sau:

1.— THÁI DƯƠNG DƯƠNG MINH

Bệnh ở Kinh Thái Dương, mồ hôi ra chưa suốt, bệnh độc ở phần bên chưa sạch, người còn sợ gió, tay chân lạnh mình nóng, đầy hơi đau bụng, đại tiện không thông, tựa lưới đồng dày mà vàng, tay bên phải mạch Trầm Trệ, tay bên trái mạch Phù Hoãn. Đây là chứng hàn kết từ Kinh Thái Dương chuyển sang Kinh *dương minh*, nên dùng phép công lý kiêm giải biểu, dùng *Thang Hậu phát thất vật*. (Trong *Sách Thương hàn luận* lầm dùng *Thang «Tỷ ước»*, tức là truyền ngoại)

2.— CHÁNH DƯƠNG DƯƠNG MINH

Bệnh này có *nhẹ, nặng, gấp* ba chứng:

Nhẹ ấy là: do bệnh ở Kinh Thái Dương, sau khi dùng *Phép Hàn, Phép Thở*, bệnh độc vẫn không giải rục rục phát nóng, lòng phiền táo, bụng trướng đầy, đại tiện không thông, tựa lưới vàng sậm — tay phải mạch

động Hoạt Đại. Đó là nhiệt tà đã kết, phủ vị không hòa, nên dùng *Thương Điều Vị Thừa Khí*.

Bệnh nặng: Bệnh ở Kinh Dương Minh, xé chiều phát nóng, ra mồ hôi đầm dề, chất tân dịch hư thoát ra ngoài, trong phủ vị khô ráo, tiểu tiện như thường, đại tiện cứng táo. Đại tiện táo thì nói xàm, bụng no đầy, đại tiện không thông, tưa lưỡi vàng cháy, tay phải mạch động *Sát* mà thực, đó là nóng kết ở trường vị, nên dùng thang *Từ Thừa Khí*.

Bệnh gấp: Bệnh ở Kinh Dương Minh, không đi đại tiện năm sáu ngày, dĩ chỉ mười mấy ngày, giờ thân, giờ dậu phát *Triều Nhiệt*, không ôn lạnh, chỉ sợ nóng, mình đầy nặng nề, hơi thở ngắn, bụng dưới cứng đau, lấy tay đè lên thì đau gắt (bất nại á), bụng đầy mà hen, thường gò hơi đánh rầm, tay chân rịn rịn ra mồ hôi — táo động thì đầu lắc tay run, nói xàm phát cuồng — yên tĩnh thì nói chuyện một mình như thấy ma quỷ, mắt nhắm mở giương — kích liệt thì tối tăm mắt mũi, bất tỉnh nhân sự, trờng mắt lơ dờ — thái thậm thì hai mắt trực thị, tưa lưỡi vàng nám mọc gai, hoặc đen nám như máu *Trầm Hương* mà khô rách — từ giữa lưỡi trở vô mọc chông mà có lấm tẩm đen. — Tay phải mạch động *Trầm Huyền Sát Thực*, tay trái mạch động *Huyền Sát* có sức, hoặc trầm trệ như trặng mạch *Phục* (xưa gọi là mạch *Trầm tri*) Duy có một bộ mạch *Hoạt Sát* có sức, *Hồng Đại* động dâng đầu ngón tay, mới là bằng cứ xác đáng là: chứng nội nhiệt với cận hãn trong trường vị cấu kết nhau, nên dùng thang *Đại Thừa Khí* — kiểm eo chứng màng óc sưng, tinh thần hồ hồ phiền táo, nên châm chước

dùng *Đơn Tử Tuyết* năm bảy phân để thanh khai thấu đạt. — Lại nữa, xét thấy bệnh chứng đáng công hạ, mà mạch động *Huyền* thì sống, mạch động *Sắt* thì chết. (đây là chỉ cho mạch động *Hư Sắc*, chứ không phải mạch Động Trệ Sắc. Mạch *Hư Sắt* xưa gọi là mạch *Kiết*, chính là bệnh *Thương Hàn* mạch *Kiết Đại*, tìm hồi hộp, nên dùng thang *Chích Cam Thảo*. — Mạch Trệ Sắc xưa gọi là mạch *Trì*, Kinh *Dương Minh* bệnh, mạch động *Trì*, nên dùng thang *Đại Thừa Khí*)

3 — THIẾU DƯƠNG DƯƠNG MINH

Nóng kết ở trong, trên ngực nóng như đốt, lạnh nóng giống như cũ rét, nóng nhiều lạnh ít, bứt rứt não nùng, mặt đỏ bừng, miệng khát nước, đại tiện bí kết, đau bụng đầy hơi, lưỡi đỏ bợn vàng, mạch tay phải *Huyền Đại* dài *Sắt*, mạch tay trái *Huyền Sắt* mà cứng rắn. Đó là hiện tượng biến tà chưa sạch, nóng nẩy ở trong cấu kết với căn bản, nhẹ thì hòa giả công hạ, dùng thang *Đại Sài hồ*. — nặng thì công lý hòa giải, dùng thang *Sài hồ* thành cách gia *Mạn Tiêu* 3 chỉ.

4 — THAI ÂM DƯƠNG MINH — Bệnh chứng có hai :

A. — Phổi, Dạ Dầy hiệp bệnh, bệnh nhân tố bẩm có đàm hỏa, lại thêm ngoại cảm thương hàn, bệnh đặc truyền vào kinh dương, thì bệnh mới với bệnh cũ cùng một lúc phát tác: ho hen thở gấp, khạc đàm vàng đặc, hoặc trắng mà dẻo, lồng ngực nặng nề đau tức, tinh thần hôn loạn nói xam, đau bụng đầy hơi, ỉa bợn dài gắt, tưa lưỡi vàng đục, lấy tay sờ nhám nhúa — tay phải mạch động *Sắt* mà *Thực*;

thái thậm thì hai bộ thốn mạch động Hồng Hoạt mà đáí mạch Thúc. Đó là đàm hỏa ở phổi với nhiệt độc ở dạ dày cấu kết nhau biến thành bệnh chứng đáng công hạ, dùng thang *Hãm hung thừa khí thông lợi đại-tiện*, giáng khí tiêu đàm.

Nếu hã họng thở rút vai, hơi thở cấp bách trong cổ khô khè, ngực rặng bụng no, da bụng thảng bằng, 1ê nặng tay thì đau không chịu thấu (bắt nại án) Đó chứng đàm nhiệt bế tắc ở trong, nên dùng tiền *Gia vi lương cách*.

Lại nữa, bệnh nhân tố bầm bệnh đàm âm, bất thình lình cảm nhiễm bệnh Thương Hàn, trước tiên không dùng thuốc giải biểu, hoặc phát hạp không thông thấu, lại làm dùng thuốc công hạ, biến chứng dưới lòng (âm oa) cùng đầy, từ phía trên dạ dày dẫn xuống bụng dưới cũng đau, lấy lay đề thì đau lắm (bắt nại án). (hạn dịch do theo ống lâm ba nội tiết, ngưng trệ ở trong cân đại lâm ba), giờ thân giờ dần phát triển nhiệt, cả người không mồ hôi, chỉ có trên đầu ra mồ hôi chút ít, không đại tiện, khát nước mà không uống được nhiều, lưỡi khô tưa lưỡi trắng, mạch động Trầm Huyền mà đáí mạch Khẩn. Đó là thủy độc hiệp với nhiệt độc, hồ tương cấu kết gây nên chứng *Kiến hung*, cần phải cấp tốc hạ chứng đình ần: dùng thang *Quyên âm vạn linh*.— Lạnh nóng qua lại dùng thang *Đại sái hồ gia Cam toại*.

B.— Nếu tỷ vị hợp bệnh, con người vốn nhiều đàm nhớt, lại thêm chứng ngoại cảm thương hàn, hiệp với chứng thương thực, truyền vào kinh Dương Minh, nóng kết ở phần lý, hỏa tà xi thành ở trong, đồ như bản hủ hóa

hoàn chương gây nên nóng nảy dữ dội, tinh thần phiền táo, chẳng sợ lạnh, chỉ sợ nóng, lồng ngực đầy, chơn thủy bứt, bụng ngực sờ nóng bỏng tay, đại tiện không thông, tiểu tiện đỏ gắt — thái thậm thì đại tiểu tiện đều bị kết bưng đau, đề càng đau (cự án), tinh thần phiền loạn, nói xàm — tưa lưỡi đóng dày khô vàng, mạch động Trầm Huyền Sát Thực. Ấy là khí thấp trọc hiệp với nhiệt ta bác động nhau, nên dùng Thang *Chỉ kết đạo trệ* — nặng lắm thì dùng Thang *Tiểu thừa khí*. Nếu đáng công hạ mà không công hạ, nước tân dịch khô cạn, bụng cứng đầy hơi, phân như phân dê (xưa gọi là Chứng Tỳ Ước), nên dùng Thang *Tam nhân thừa khí* — hư nhược thì dùng Thang *Đào thị huỳnh long* — táo kết không qua lắm, thì dùng Thang *Ngũ nhân quit* bị rất ôn.

5.— THIẾU ÂM DƯƠNG MINH.

Có khinh, trọng, nguy ba chứng.

Khinh là : Bệnh ở Kinh *Dương minh*, ngoại chứng chưa giải, làm dùng thuốc công hạ, khiến cho trong dạ dày trống rỗng, nhiệt độc thừa hư thâm nhập vào trong ; trong lòng não nùng, xây trở lẫn lộn, phiền táo mất ngủ, cuộc bộ tâm oa (chơn thủy) uất buồn — thái thậm thì tâm oa uất đau, nằm ngồi không yên, phiền táo nói xàm, đói mà không muốn ăn, hay đổ mồ hôi trán, tưa lưỡi trắng trơn ửng vàng, mạch động Tế Sát hoặc Huyền Hoạt. Đó là do ở thượng tiêu khí uất không yên, nên dùng Thang *Liên kiều chỉ si*. Chứng khi uất đã cồi mở mà thường thường phần huyết hư sanh phiền táo, trong người bứt rứt buồn phiền không chịu được, ới mửa đàm

nhớt, rên rĩ nói xàm, dạ lưỡi đỏ mà mặt lưỡi đông trắng, mạch động Phù Hoạt, Huyền Sát. Đó là do huyết dịch hư nhược, nóng thừa chưa sạch, nên dùng *Tiền Ngự trấp nhất chỉ*.

Trong là Kinh Thiếu Âm bệnh, miệng khô hong ráo, dưới lòng (tâm oa) đau ngắt, bụng trường không đại tiện, lấy tay đè lên bụng thì đau ngắt (bất nại an), hoặc là nước trong, màu lưỡi đỏ thẫm, tốt lưỡi khô nứt mà đau, mạch động Huyền Tế Sát có sức. Đó là bệnh độc ở Thiếu Âm dồn về Phủ Vị, dùng *Thương Đại thừa khí*.

Nguy là Bệnh ở Kinh Thiếu Âm nóng hãm vào trong, tinh thần mờ tối, như ngủ như say, nói xàm phiến táo — thái thậm thì nằm mê không nói, giống như chứng Thi Khuyết (mình dậy cứng đờ, mắt trợn, không nói năng như người chết), sáu bảy ngày, dĩ chí mười mấy ngày không đại tiện, bụng nóng như bọ, trường đau mà không thích đè (bất nại an), tiểu tiện đỏ rít, mạch động Trầm Huyền mà đại Trệ, đè mạnh tay càng cứng rắn. Đó là nóng độ: kết cấu với cặn bã trong trường vị truyền nhiễm vào máu, thượng xung lên óc, cần phải chữa trị bằng thuốc *Thanh nhiệt hạ hoạt*, nên dùng *Thương Tế liên thừa khí*.

6 — KHUYẾT ÂM DƯƠNG MINH.

Bệnh này có nặng, nhẹ hai chứng:

Bệnh nhẹ: Cảm mạo Thương Hàn năm sáu ngày, nóng độc hãm sâu vào trong, can khí ngược lên bối lòng (tâm oa), trong lòng đau xót, ói nước đắng, màu vàng xanh, lồng

ngực bứt rứt, cao khi nghịch lên làm suyền, tay chân hơi mát lạnh, bụng đầy, ỉa bón, chung quanh lưỡi đỏ bầm, tủa lưỡi vàng đục, mạch động Huyền Hoạt mà đái Sắt. Đó là Kinh Nguyệt Âm, Kinh Dương Minh kết nóng, cần phải dùng thuốc gáng khí tán kiết, dùng phương *Lục Ma Âm Tử*, bỏ *Mộc Hương* gia *Quảng Ngọc Kim* 1 chỉ rưỡi. *Hoàng Cầm*, *Hoàng Liên* đều 1 chỉ rưỡi.

Bình nặng : bình nặng thì nóng càng sâu, lạnh càng dữ dội, riêng phần tay chân thì lạnh gắt (nhiệt thâm khuyết diệp thâm), móng tay móng chân thâm đen, bộ phận hong sườn bứt rứt nóng nẩy, hôn mê nói xàm, phiền táo tiên khát, mồ hôi ra đầm dề sợ nóng, đại tiện táo kiết, bụng quặn đau, trường đầy sợ đề lấy tay đè lên bụng càng đau gắt (cự án), nước tiểu đỏ, đái gắt mà đau, tủa lưỡi vàng sậm — thái thậm thì lưỡi mọc chông và có điểm đen, mạch động Huyền Sắt có sức. Đó là nhiệt độc với cặn bã cấu kết nhau, thương xung lên óc, nên dùng thuốc *Thanh Táo Tả Hỏa*, *Tán Kiết Tiết Nhiệt*, dùng thang *Bạch Hồ Thừa Khí* chủ trị. Nếu kiêm có chứng bụng dưới công xung đau dội lên trên, ỏi chua mửa đắng, thì dùng thang *Tuyết-Canh* tống hạ hoàn *Canh* 1'.

Trên đây luận về bệnh chứng sáu kinh với cặn bã trong phủ vị bác động nhau, trở thành những bệnh chứng đáng công hạ — *Kinh Thái Dương*, *Kinh Thiếu Dương*, *Kinh Dương Minh* hiệp bệnh, ông Trương Trọng Cảnh đã có luận chứng và trị pháp rõ ràng rồi. Còn ba kinh Âm với kinh *Dương Minh* hiệp bệnh, sách *Thương Hàn Luận* tuy không nói rõ, nhưng xét kỹ ở *Sách Thương Hàn*

Luận sự thực đã có bình chứng này, theo chỗ lâm chứng thực nghiệm thường thấy rất nhiều, nên đem bình trạng cách xem lưỡi và phép trị... nhứt nhứt giải thích rõ ràng. Cũng chẳng qua từ trong nguyên văn của ông Trương Trọng Cảnh suy rộng ra, để giúp cho việc nghiên cứu được tiện lợi phần nào. Từ đây trở xuống luận về Dương Minh tạng bệnh, với chứng phổ phát.

1.— BÌNH PHÁT HUỖNH (vàng da).

Bệnh Dương Minh phát nóng ra mồ hôi. Ấy là Chứng Nhiệt Việt, không thể phát hoàng. Chỉ dấu ra mồ hôi, mình không mồ hôi, mồ hôi ra từ cổ trở lên, tiểu tiện ít, khát nước, uống nước nhiều, bụng hơi đầy, người tất *Phát Vàng*. Màu vàng vẫn tươi sáng như màu quít chín, hoặc giống như sắc kim hoàng, miệng ối nước vàng — Thái thậm thì trong lòng buồn bực, nóng nảy uất kết đau bụng, nước tiểu vàng đục, tưa lưỡi đỏng dày mà vàng, mạch đóng Hoạt Sát mà dài Huyền Trệ. Đó là nhiệt uất ở tạng Gan và Phủ Vị, nước mật truyền vào máu gây nên bệnh. Nên dùng thang Nhân Trần Cao tống hạ Hoàn Phán Lưu — Thái thậm thì dùng thang Chi Tử Đại Hoàng gia vị Nhân Trần Cao. Duy hình thể khô táo như khói xông là bệnh chết vậy.

2.— CHỨNG SÚT HUYẾT.

Bệnh nhân trong người sẽ có chứng *sút huyết*, ở huyết bệnh độc truyền vào kinh Dương Minh, kích bác với khi nóng ở dạ dày, nổi xam mờ sẩn. Nặng thì phiền táo phát cuồng thái thậm thì thần thức hôn mê, bụng dạ

nhồi đan, mình mẩy nặng nề không thể xoay trở, đại tiện màu đen mà sáng, tiểu tiện thông thả, màu lưỡi đen, cũng có khi màu lưỡi không thay đổi, mạch động Trầm Kiết hoặc Huyền Thực, đó là do ở trong phần lý có chứng ứ nhiệt. Nhẹ thì dùng thuốc lương huyết hóa huyết, dùng *Thang Tê dắc địa hoàng*, gia *Hồng Hoa*, *Đào Nhân*, *Ngọc Kim*, *Qui Vĩ*, *Mao Trùng*. Nặng thì dùng thuốc phá huyết trực ứ, dùng *Thang Gia giảm đào nhân thừa khí*.

3.— BỊNH ĐĂNG HẠ KHÔNG HẠ.

Kinh Dương Minh bình, đáng dùng thuốc hạ mà không công hạ, tả thực chánh hư, có bốn loại chứng hậu như sau.

a.— Phần khí hư thái thậm, bình độc tràn ngập, hơi thở ngắn, tay chân lạnh, mười mấy ngày không đại tiện, bụng gò hơi đánh rầm, không thư thái — nói chuyện một mình, mặc áo mền giường, lưỡi đỏ nhạt, tủa lưỡi phía trước mỏng non, phía sau trắng xám, mạch động mềm mại, dây có một bộ mạch động Huyền cứng rắn. Đó chính là lý do Ông Trương Trọng Cảnh sở dĩ nói Mạch động Vi Sắc là bệnh phần lý hư, rất là khó trị. Nên dùng *Thang Thanh táo dưỡng dinh*, bỏ vị *thiên hoa phấn*, *lê trấp*, gia *đẳng sâm*, *hoàng kỳ*.

b.— Phần âm huyết khuỷu tồn thái thậm, mà bình độc tràn ngập, miệng ráo lưỡi khô, lẫn lộn không ngủ, mười ngoài ngày không đại tiện, chuyển hơi đánh rầm, tân dịch khô ráo, mặc tiêu mà không tiêu được, tủa lưỡi nửa phần trước mỏng, nửa phần sau như bản. Đó

là do tân dịch hao hụt đại tiện bí kết, nên dùng Thang Thanh Táo Dưỡng Đĩnh, gia Út Lý Nhân, hoặc dùng *Tế xuyên liên* của Ông Trương giới Tàn cũng tốt.

c.— Phần khí phần huyết đều suy. Khí huyết suy mà bệnh độc tràn ngập, là vì bệnh đáng công nạ mà không công ha, hỏa tà bế tắc, khí huyết hao, tân dịch cạn, gây nên mẩn áo mọ giường. Con mắt nhìn thấy không rõ ràng, nói xàm mờ mịt, trên mười ngày không đại tiện, tưa lưỡi khô vàng mọc chông, gốc lưỡi đóng dày — tay phải mạch động *huyền hoạt*, tay trái mạch động *tế sát*. Đó là phần khí phần huyết đều hư, bệnh độc chèn ép. Miễn cưỡng dùng Thang Đào thị huyết long.

d.— Tinh thần suy nhược. Tinh thần suy nhược mà bệnh độc tràn ngập bệnh đáng công hạ mà không dùng thuốc công hạ, nhiệt tà chưa trừ, lúc yên tỉnh thì miệng nói xàm không ngừng — lúc táo động thì kinh sợ không yên, tâm thần hỗn loạn, nói cười ngất ngheo, thần chi không yên, đại tiện không thông, nước tiểu đỏ mà ít — tưa lưỡi vàng khô rít mọ gai, mạch động *Tế Sát* mà dài trệ. Đó là tà khí thực chấn khí hư, thần chi thất thủ, cho nên tinh thần hay mờ tối, dùng thang *Chích Cam Thảo* gia Long Cốt, Mẫu Lê tống hạ Hoàn Diệu Hương.

Trên đây luận về Kinh Thái Dương, Kinh Thiếu Dương, Kinh Dương Minh, bệnh chứng ở ba kinh dương, là bốn chứng của bệnh Thương Hàn.

Từ đây trở xuống luận về bệnh chứng của ba kinh âm, tức là kiêm chứng của bệnh Thương Hàn. Và lại

bệnh Thương Hàn vốn không khả năng truyền vào ba kinh Âm, sở dĩ có chứng hậu của ba kinh âm, là do thể chất con người bị biến hoá; kiêm bộ tiêu hoá suy nhược của Tỳ Vị, mà xưa gọi là bệnh ở Kinh Thái Âm. Kiêm tâm tạng suy nhược, và tạng Thận phân bí địch biến tính bệnh, xưa gọi là Thiếu Âm. Kiêm bệnh cách mạc viêm, và bệnh trường tích viêm xưa gọi là Khuyết Âm. Đó là kiêm chứng của bệnh Thương Hàn vậy.

V.—Phát nóng ra mồ hôi, ưa gió sợ lạnh, hấp thít nhưc mồi, thân thể nề oải, đầu cổ nặng nề, lồng ngực buồn bực, ăn cơm muốn ới, uống nước muốn nghẹn miệng nhạt lười do, tưa lưỡi trắng, mạch động Phù mà đái mạch Hoãn. Ấy là do vì trường bệnh mà tiêu hoá bất lương, đồng thời kiêm chứng cảm mạo phong hàn. Xưa gọi là bệnh chứng ở Kinh Thái Âm. Nên dùng thuốc hoà trung tuyên đạt: thang Quế Chi hiệp với Thang Nhị Trần, bổ Vị Cam Thảo, vị Đại Táo; gia vị Ngõ Du, vị Kiến Khúc. Nếu biến tà chưa giải, công dụng tiêu hóa của trường vị chưa khôi phục, thì dùng thang Hương Sa Nhị Trần, hoặc thang Bạch Truật Hòa Trung gia giảm chữa trị.

VI.—Bụng dạ bị bít, đầy hơi đau bụng, ăn cơm thì muốn ới, uống nước thì muốn nghẹn, tiểu tiện khó khăn, miệng nhạt, dạ dày không hoạt động, đại tiện lỏng chảy; thái thậm thì biến chứng hạ lý, ăn uống không tiêu hoá, tay chân lạnh tự ra mồ hôi, tinh thần mệt nhọc, hơi thở thiếu thốn, tưa lưỡi trắng trơn, hoặc miệng nhạt lưỡi bần, hoặc mạch động Trầm Huyền không sức. Ấy là công năng tiêu hoá của trường vị bị suy giảm, sức hấp

thu của ống nhũ mi không đủ sức, xưa gọi là bệnh ở tạng Thái Âm. Nếu dùng thuốc ấm áp *tỳ dương*, dùng thang *Hương sa lý trung*. Lạnh lắm thì nên gia Phụ Tử, ủa nữa thì dùng thang *Hương Sa Nhị Trần* hiệp với thang *Ngô Du*, ủa chảy thì dùng thang *Gia giảm vị linh* cho uống trước.

VII. — Ởa gió sợ lạnh, đau mình phát nóng, tay chân lạnh đồng, móng tay trắng chột, trôm mền nằm co, mà không ngủ được, mạch động *Vi tế* mà *Hoãn trệ* — hàn tà thâm trọng thì mạch động *Khẩn*, tura lưỡi trắng nhạt. Ấy là dương khí không sung túc, tạng Tâm suy nhược, là vì có ngoại cảm phong hàn, xưa gọi là bệnh chứng ở kinh Thiếu Âm. Nên dùng thuốc trợ dương phát tán: dùng thang *Sâm phụ tái tạo*. — Nếu mạch động không *Vi tế* Nhuyễn Nhược, chỉ động *Hoãn trệ* không sức, thì dùng thang *Quế Chi gia Phụ tử*. — Nếu mạch động *Trầm Khẩn*, tay chân lạnh mình nóng, thì dùng thang *Mã hoàng phụ tử tể tán*.

Xét vì Chứng Thương Hàn ở Thiên Thiếu Âm. Bệnh chứng phong hàn cảm mạo thường thấy sau khi uống thuốc ôn tán mà không ra mồ hôi, tay chân ấm áp trở lại, bệnh nhân biến chứng ỉa chảy, mạch không động *Khẩn* mà lại động *Vi Nhược*. Ấy là chứng hàn thủy không theo mồ hôi bài tiết ra ngoài, lại theo đường dưới tiết xuống. Tạm thời bệnh nhân tuy phiền táo ỉa chảy, nhưng đợi trong một mai một chiều, bệnh sẽ tự khỏi. Vì đó là sức phản bí dịch của thận tủy chất không sung túc, thể ôn không đủ sức cổ động hạn tuyền, cho nên hạn dịch nội tiết mà biến chứng ỉa chảy.

VIII. — Do tủy chất của phó thận, hoặc phản bí dịch

của bì chất phát sanh biến hóa, tạng Tâm bị ảnh hưởng mà suy nhược theo. Xưa gọi là tạng chứng của kinh Thiếu Âm. Song bên trong có Hàn chứng với Nhiệt chứng, phân biệt giải thích như sau :

1. — HÀN CHỨNG.

Trên mủa dưới lã, sợ lạnh nằm co mà buồn ngủ, thân thể nhuc mỏi nặng nề, hoặc nóng chút ít, miệng lưỡi hòa, tay chân lạnh, tiểu tiện trong trắng, tưa lưỡi trắng trơn, mạch động Trầm nhược. Nặng lắm thì mạch động Trầm vi phát lạnh. Chính là trạng chứng chân dương chẳng sung túc, thể ôn xuống thấp, công dụng của tỳ vị mất chức. Trước dùng thang *Phụ tử lý trung gia Nhục quế, Phục linh*. Sau khi uống thuốc ngưng lã khỏi mủa, tay chân ấm áp, mà trong người vẫn bứt rứt rồi bỏ áo mền. Ấy là hiện tượng dương khí sung túc, thể ôn trở lại, bình chứng sắp được giải trừ vậy.

Nếu chứng lã chảy tuy khỏi, mà mồ hôi ra đầm dề, gân thịt giật động mắt mờ lòng hồi hộp, người run run muốn té nhào xuống đất. Ấy là thể ôn bị hao hốt phần còn sót lại cũng muốn tan biến luôn, nên dùng thuốc hồi dương nhép ấm : dùng thang *Chấn vũ*.

Nếu chứng hạ lý đã ngưng, chóng mặt xây xẩm, mặt đỏ như say rượu, mủa đần ben suyền, tối tăm mờ mịt, hai chân lạnh như đồng. Ấy là thể ôn suy nhược, kiệt quệ dồn tụ ở óc, nên dùng thuốc trấn nạp phù dương : dùng thang *Tân gia quế phụ bát vị địa hoàng*.

2 — NHIỆT CHỨNG.

Trong lòng bứt rứt nằm ngủ không yên, da thịt khô

ráo, thần khí suy nhược, họng khô, tiểu tiện ít, lưỡi đỏ, chót lưỡi hồng, mạch động *Tế sát*. Ấy là âm huyết suy hư, nóng nảy ung đốt ở bên trong vậy. Nên dùng thuốc từ Âm giáng hỏa: dùng thang *Hoàng liên a giao*.

Nếu kiêm chứng Hạ Ly họng đau, lồng ngực bít hơi phiền muộn. Ấy là chứng âm hư nội nhiệt, nên dùng thuốc dục âm thanh nhiệt: dùng thuốc từ Âm giáng hỏa trên đây hiệp với thang *Trư phu*, hoặc dùng thang *Đường âm thanh phế*.

Nếu kiêm chứng tình thần bồn loạn, nói xàm, đại lao đồ nóng. Ấy là mau nóng thượng xung lên óc, nên dùng thuốc thanh nhiệt lợi thủy: dùng thang *Thanh tâm đạo xích*.

IX.— Lạnh nóng giống chứng ngược, nóng nhiều lạnh ít, nhưc đầu đau bụng, tai diếc mắt đỏ. Bệnh nhẹ thì chỉ có đầu ngón tay lạnh, bệnh nặng tai tay chân hồi lạnh hồi nóng, ngực nặng sườn đau, lưỡi đỏ vàng mà trơn, mạch động *Hoạt sát*. Ấy là bệnh bộ ngực không thư thái, mà kiêm cảm thọ ngoại tà, xưa gọi là chứng ở Kinh Khuyết Âm, nên dùng thuốc thanh cảm tán nhiệt dùng thang *Thanh can đạt lất*. Hoặc dùng theo phương xưa *Tán Tử Nghịch gia Hoàng Cầm, Tang Diệp, Tang chi*.

X.— Miệng đắng, tiêu khát, hơi lên chổi tâm, trong tâm nóng xối, đói mà không muốn ăn, ăn thì nửa giờ; hoặc hạ ly nặng tròn, đại tiện mà trong người không thông thả, hoặc tiểu ra mủ máu, hoặc tiểu tiện ra nẫu, lưỡi đỏ bầm, mạch động huyền *sát*.

Xét thấy trạng chứng trên đây, là do duyên có cách mạc viêm, và vách ruột phát viêm, xưa gọi là chứng ở

tạng Khuyết Âm. Nên dùng thuốc thanh tả can hỏa : dùng thang *Long đàm tả can*, bỏ Sài hồ ; gia Bạch Đầu Ông, Hồ Hoàng Liên.

Nếu nóng độc đổ : khô tân dịch, gân mạch co rút, tay chân giã động, giống như chứng kinh phong — đầu xây xâm mặt mờ, lồng ngực cạnh sườn trướng đau, tay chân tuy lạnh mà người lại bứt rứt không yên, ỉa chảy mà không thông tả, tiểu tiện đỏ rít đau rất, lưỡi nám đen mọc gai, mạch động Huyền mà cứng rắn. Ấy là nóng lắm thương tổn phần tân dịch, thần kinh co gập, nên dùng thuốc *Thanh nhiệt trần kinh* : dùng thang *Linh đác câu đằng* chủ trị.

Nếu mửa giun mà hôn loạn lạnh run, thì gọi là chứng vu khuyết. Chứng vu khuyết thì năm ngón tay không yên, đau bụng bứt rứt, đầu lắc lư, tay run rẩy, sắc mặt hồi trắng hồi đỏ, miệng chảy nước bọt lưỡi đỏ mà có điểm vàng trắng lấm lấm hoặc lưỡi có vân như ruột cao mà có điểm ẩn ẩn, mạch động hồi thừa hồi nhát. Ấy là nóng sôi trong huyết quản, chứng hầu giun sản gây nên rối loạn rất nguy, mau mau cho nóng thang *Liên mai an vu*, tống hạ hoàn Diệu Hương.

XỬ PHƯƠNG :

Kinh phòng đạt biểu thang

(thấy ở chứng Tân Cẩm Xuân Ôn)

Linh truật nhị trần tiền

(thấy ở hôn chứng Thấp Ôn)

BINH HUNG HAN

59

Sài hồ chỉ kết thang

(thấy ở chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

Cao cầm thanh đảm thang

(thấy ở chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

74. — Ngũ linh tán

(phương của Thương Hàn Luận)

Trư tích	猪 苓	1 tiền rượu
Trạch tả	泽 泻	1 tiền rượu
Bạch truật	白 术	1 tiền rượu
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền

75. — Sài hồ hãm hưng thang

(Thương Hàn Luận Phương phúc tề gia-giảm)

Sài hồ	柴 胡	1 tiền
Tiền hoàng liên	小 黄 连	8 phân
Hoàng cầm	黄 芩	1 tiền rượu
Chỉ thiết	枳 实	1 tiền rượu
Cát cánh	桔 梗	1 tiền rượu
Toàn quất lân	全 括 藜	3 tiền
Bán hạ	半 下	2 tiền
Sanh cương	生 薑	2 miếng

76.— Đại sài hồ thang
(phương của Thương Hàn Luận)

Sài hồ	柴 胡	1 tiền rưỡi
Chỉ thiết	枳 實	1 tiền rưỡi
Xích thực	赤 芍	1 tiền rưỡi
Sanh cương	生 薑	3 miếng
Hoàng cầm	黃 芩	2 tiền
Đại hoàng	大 黃	1 tiền rưỡi
Bán hạ	半 夏	3 tiền
Đại táo	大 棗	2 trái


Tân gia bạch hồ thang
(thấy ở chứng Tân Cầm Xuân Ôn)
downloadsachmienphi.com
Download Sách Miễn Phí Sách Online
Bạch hồ thang
(thấy ở bệnh Ôn kiêm Thử)

77.— Hậu phác thất vật thang
(phương của Kim Quỹ)

Hậu phác	厚 朴	1 tiền rưỡi
Đại hoàng	大 黃	1 tiền rưỡi
Chỉ thiết	枳 實	1 tiền rưỡi
Đại táo	大 棗	2 trái
Cam thảo	甘 草	8 phân
Quế chi	桂 枝	1 tiền rưỡi
Sanh cương	生 薑	2 miếng

78. — Điều vị thừa khí thang

Đại hoàng	大 黄	2 chỉ
Mạn tiêu	芒 硝	2 chỉ
Cam thảo	甘 草	2 chỉ

79. — Tiểu thừa khí thang

Đại hoàng	大 黄	4 chỉ
Chỉ thiết	枳 实	2 chỉ
Hậu phác	厚 朴	2 chỉ

80. — Đại thừa khí thang

Huyền minh phấn	玄 明 粉	4 chỉ
Sanh đại hoàng	生 大 黄	4 chỉ
Chỉ thiết	枳 实	2 chỉ
Hậu phác	厚 朴	2 chỉ

Sài cầm thanh cách thang

(thấy ở bệnh Phục Tà Xuân Ôn)

Chỉ thiết đạo trệ thang

(thấy ở chứng Phục Thử ở phần vệ)

81. — Hãm hung thừa khí thang

Quất lân nhân	枳 实 仁	5 tiền
Tiểu chỉ thiết	小 枳 实	1 tiền ruỡi
Sanh đại hoàng	生 大 黄	2 tiền
Mạn tiêu	芒 硝	1 tiền ruỡi
Cương bán hạ	僵 半 夏	2 tiền
Tiểu xuyên liên	小 川 连	1 tiền

82. — Gia vị liên cách tiền

Man tiên	芒 硝	1 chỉ rượu
Chỉ thiết	枳 實	2 chỉ
Đinh lịch	丁 方	2 chỉ
Cam toại	甘 遂	8 phân
Sao sơn chi	炒 山 梔	1 tiền rượu
Đại hoàng	大 黃	2 tiền
Liên kiều	連 翹	4 tiền
Hoàng cầm	黃 芩	1 tiền rượu
Bạch giới tử	白 芥 子	8 phân
Bạc hà	薄荷	1 chỉ rượu
Trúc lịch	竹 瀝	5 chỉ
Cương trấp	薑 汁	1 tiền

83. — Quyên âm vận linh thang

Ngon hoa (sao rượu)	芒 花	5 phân
Cam toại (lùi)	甘 遂	8 phân
Quảng bì	廣 皮	2 tiền
Đại táo	大 棗	10 trái
Đại kích (sao rượu)	大 戟	1 tiền
Chế bán hạ	製 半 下	2 tiền
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Sinh cương	生 薑	3 miếng

84.— Tam nhân thừa khí thang

Hỏa ma nhân	火麻仁	2 tiền
Sanh đại hoàng	生大黄	1 tiền rưỡi
Mộc hương	木香	1 tiền
Tri mẫu	知母	2 tiền
Đại phúc bì	大腹皮	3 tiền
Úc ý nhân	郁李仁	2 tiền
Quang bạch nhân	光杏仁	2 tiền
Chỉ thiết	枳实	1 tiền
Man tiêu	芒硝	1 tiền

85.— Đào thị hoàng long thang

Sanh đại hoàng	生大黄	1 tiền rưỡi
Chỉ thiết	枳实	8 phân
Nhân sâm	人参	1 tiền rưỡi
Chích thảo	炙草	1 tiền
Huyền minh phấn	玄明粉	3 tiền
Qui thân	歸身	2 chỉ
Đại táo	大枣	2 trái
Xuyên phác	川朴	6 phân

Ngũ nhân quất bì thang

(thấy ở chứng Ôn Táo)

Liên kiều chi tử thang

(thấy ở chứng Tán Cẩm Phong Ôn)

86.— Ngũ trấp nhứt chi tiền

Tiên sanh địa trấp	鮮生地汁	5 tiền
Tiên mao căn trấp	鮮茅根汁	3 tiền
Tiên sanh ngâu trấp	鮮生藕汁	3 tiền
Tiên đạm trúc diệp	鮮淡竹葉	3 tiền
Tiên sanh cương trấp	鮮生薑汁	1 tiền
Tử tồ nhánh nhỏ	鮮拐旁枝	5 tiền

Cách sắc : Trước sắc vị Tử Tồ lấy nước ấm bỏ xác, hòa vào năm thứ nước, sắc lại cho sôi chia hai lần uống ấm.

Tê liên thừa khí thang

(thấy ở bệnh Ôn kiêm Thử)

Bạch hử thừa khí thang

(thấy ở bệnh Ôn kiêm Hàn)

87.— Lục ma ẩm tử

Trầm hương	沉香	2 chỉ
Bình lang	檳榔	1 chỉ
Chỉ thiệt	枳實	1 chỉ
Mộc hương	木香	1 chỉ
Thái ô đước	台烏藥	1 chỉ
Đại hoàng	大黃	1 tiền

Cách dùng : đều dùng thuốc nguyên củ mài lấy nước, nước các vị hòa đều nhau, nấu sôi một hai dạo uống ấm.

88.— Tuyệt canh thang

Phiêu đạm trần hải tích	漂淡陳海蜆	4 tiền
Đại bội tề	大蓰薺	6 cái

88a.— Canh y hoàng phương

Châu sa	珠砂	5 tiền
Lô hội	雷丸	5 tiền

Hai món nghiền chung làm bột, rượu hồ làm hoàn, mỗi lần uống 1 tiền.

downloadsachmienphi.com

89.— Nhân trần cao thang

Nhân trần cao	茵陳蒿	5 tiền
Sơn chi tử	山梔子	3 tiền
Xuyên đại hoàng	川大黃	1 tiền rưỡi

90.— Phàn lưu hoàng

Lục phàn	綠礬	1 tiền
Lưu hoàng	硫黃	1 lượng
Đại mạch miến	大麥蘖	3 lượng
Hắc táo nhục	黑棗肉	2 lượng

Cách chế và uống: đun nát hòa đều làm hoàn, mỗi lần uống từ 2 phân đến 5 phân.

91.— Gia vị chi tử đại hoàng thang

Sơn chi	山 枝	3 củ
Đại hoàng	大 黄	1 tiền rưỡi
Nhân trần	茵 陳	1 lượng
Đậu xị	豆 豉	3 tiền

Tề giác địa hoàng thang

(thấy ở bệnh Ôn kiêm Hàn)

Thanh táo dưỡng dinh thang

(thấy ở chứng Phục Thải phần Vệ)

Trương thị tử xuyên tiền

(thấy ở phụ phương chứng Thu Táo)

92.— Đào nhân thừa khí thang

Đào nhân	桃 仁	3 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền rưỡi
Đại hoàng	大 黄	1 tiền rưỡi
Man tiên	芒 硝	1 tiền
Cam thảo	甘 草	1 tiền

93.— Chích cam thảo thang

Chích thảo	炙 草	3 tiền
Sanh cương	生 薑	2 tiền
Ma nhân	麻 仁	3 tiền
Đẳng sâm	黨 参	5 tiền
Sanh địa hoàng	生 地 黄	4 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền rưỡi
Mạch đông	麦 冬	3 tiền
A giao	阿 膠	3 tiền
Đại táo	大 棗	2 trái

94. — Diệu hương hoàn

Thần sa	辰砂	3 phần
Bồ đề sương	巴豆霜	3 phần
Băng phiến	冰片	3 phần
Ngưu hoàng	牛黄	3 phần
Xạ hương	麝香	3 phần
Kim bạc	金箔	5 tờ nhỏ

Cách chế : Cộng chung, nghiền lâu bột rất nhỏ, dùng 1 chỉ sếp và 3 muỗng mật ong nấu làm hoàn, mỗi lần chia làm 30 hoàn, mỗi lần uống 5, 3 hoàn. Uống một lần thấy đại tiện thông thì ngưng, chậm chậm uống tiếp.

downloadsachmienphi.com

95. — Quế chi hiệp nhị trần thang

Quế chi	桂枝	3 tiền
Thược dược (sao)	芍药	3 tiền
Bán hạ	半夏	3 tiền
Trần bì	陈皮	3 tiền
Phục linh	茯苓	3 tiền
Cần thảo	甘草	1 tiền
Sanh cương	生薑	3 miếng
Đại táo	大枣	2 trái

Hương sa nhị trần thang

(thấy ở hỗn chứng Thấp Ôn)

96 — Bạch truyệt hòa trung thang

Sao bạch truyệt	炒 白 朮	1 tiền rưỡi
Quảng trần bì	廣 陳 皮	1 tiền rưỡi
Vân phục linh	雲 茯 苓	3 tiền
Sa nhân (sao)	砂 仁	1 tiền
Tiên lục thần khúc	焦 六 神 曲	3 tiền
Chích thảo	炙 草	3 tiền
Phật thủ hoa	佛 手 花	5 tiền
Trần thương mễ (lá Bạc Hà gói)	陳 倉 米	3 tiền

97. — Hương sa lý trung thang

Mộc hương	木 香	1 tiền rưỡi
Đẳng sâm	黨 參	3 tiền
Can cương	乾 薑	1 tiền rưỡi
Sa nhân	砂 仁	1 tiền
Bạch truyệt	白 朮	1 tiền rưỡi
Chích thảo	炙 草	1 tiền

98. — Hương sa nhị trần hợp ngũ du thang

Mộc hương	木 香	1 tiền rưỡi
Bán hạ	半 下	2 tiền
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Cam thảo	甘 草	1 tiền
Sanh cương	生 薑	2 chỉ
Sa nhân	砂 仁	1 tiền rưỡi
Trần bì	陳 皮	2 tiền
Ngô du	吳 萸	5 phân
Đẳng sâm	黨 參	3 sâm
Đại táo	大 棗	2 trái

99. — Gia giảm vị linh thang

Thương truật	蒼 朮	3 tiền
Xuyên phác	川 朴	1 tiền
Sao dĩ mễ	炒 苡 米	4 tiền
Trư linh	猪 苓	1 tiền rưỡi
Quế chi	桂 枝	1 tiền rưỡi
Trần bì	陳 皮	1 tiền rưỡi
Xích linh	赤 芍	5 tiền
Sao bán hạ	炒 半 夏	3 tiền
Trạch tả	澤 瀉	1 tiền rưỡi
Hoạt thạch	活 石	2 tiền

100. — Sâm phụ tái tạo thang

Đẳng sâm	黨 參	5 tiền
Phụ tử	附 子	2 tiền
Khương hoạt	姜 活	1 tiền rưỡi
Tế tân	細 辛	5 phân
Sanh cương	生 薑	3 tiền
Hoàng kỳ	黃 芪	3 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền rưỡi
Phòng phong	防 風	1 tiền rưỡi
Chích thảo	炙 草	1 tiền rưỡi
Đại táo	大 棗	2 trái

101. — Quế chi gia phụ tử thang

Quế chi	桂 枝	2 chỉ
Sanh cương	生 薑	2 chỉ
Phụ tử	附 子	2 chỉ
Cam thảo	甘 草	1 chỉ
Đại táo	大 棗	2 trái

102. — Ma hoàng phụ tử tế tân thang

Ma hoàng	麻 黄	1 tiền
Phụ tử	附 子	2 tiền
Tế tân	細 辛	8 phân

103. — Phụ tử lý trung thang

Phụ tử	附 子	1 tiền rưỡi
Cam thảo	甘 草	8 phân
Đẳng sâm	黨 參	3 tiền
Bạch truật (sao)	白 朮	2 tiền
Cần quế	乾 薑	1 tiền

104. — Chân vũ thang

Phụ tử	附 子	3 chỉ
Bạch thược	白 芍	2 chỉ
Sinh cương	生 薑	3 miếng
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Bạch truật	白 朮	2 tiền

105. — Tân gia quả phụ bát vị địa hoàng thang

Phụ tử	附 子	1 tiền rưỡi
Đại thực địa	大 熟 地	6 tiền
Mẫu lệ	牡 蠣	6 tiền
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Thanh quế	清 桂	1 tiền
Hoài sơn dược	懷 山 藥	3 tiền
Bạch thược	白 芍	4 tiền
Từ thạch	磁 石	3 tiền

Cách sắc : Trước sắc vị Thục Địa Từ đôi ba đạo bỏ xắt, để các thuốc vào nấu lấy nước đậm uống ấm.

BÌNH THƯƠNG HÂN

71

Hoàng liên a giao thang

(thấy ở bình Ôn kiêm Tử)

Đạo xích thanh tâm thang

(thấy ở bình Xuân Ôn phục tà)

106 -- Trư phu thang

Trư phu	猪 苓	2 lượng
Bạch mặt	白 朮	1 lượng
Hoa phấn	花 粉	5 tiền

107. -- Thanh can đạt uất thang

Sơn chi	山 梔	3 tiền
Bạch thược	白 芍	3 tiền
Quy vĩ	歸 尾	1 tiền rưỡi
Sài hồ	柴 胡	1 tiền
Kim qui diệp	金 橘 葉	3 tiền
Đơn bì	丹 皮	2 tiền
Bạch cúc	白 菊	1 tiền rưỡi
Chích thảo	炙 草	8 phân
Quit bạch	橘 白	1 tiền
Bạc hà diệp	泊 荷 葉	1 tiền

108. -- Tứ nghịch tán

Sài hồ	柴 胡	1 tiền rưỡi
Chi xác	枳 壳	1 tiền rưỡi
Bạch thược	白 芍	1 tiền rưỡi
Cam thảo	甘 草	8 phân

109.— Long đởm tả can thang

Long đởm thảo	龍胆草	1 tiền
Tiểu sanh địa	小生地	5 tiền
Sanh cam thảo	生甘草	1 tiền rưỡi
Xuyên sài hồ	川柴胡	5 phân
Xa tiền tử	車前子	1 tiền rưỡi
Sao điều cầm	炒條芩	1 tiền rưỡi
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rưỡi
Sao sơn chi	炒山梔	3 tiền
Mộc thông	木通	1 tiền rưỡi
Đương qui	當歸	1 tiền rưỡi
Xuyên hoàng Bá	川黃柏	1 tiền
Tân lang	楨榔	2 tiền
Xuyên tiên	川椒	10 hột

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

110.— Liên mai an vưu thang

HỒ hoàng liên	胡黃連	1 tiền
Lôi hoàn	雷丸	3 tiền
Ô mai nhục	烏梅肉	1 tiền

Phương thang diễn ca

Nếu để mỗi phương thang bởi rời từ vị thuốc một, thì kẻ sơ học không dễ gì nhớ được. Trong khi gặp bệnh, mà không nhớ rõ phương thang, thì e dùng pho không kịp thời, và sử dụng thuốc men không dỏi chừng. Nên dịch giả không ngại công lao, đem các phương thang ở trước, ghép lại thành vận văn theo lối thi ca, cho êm tai vui miệng, dễ học dễ nhớ; đồng thời biên lại cho rõ ràng một lần nữa: công dụng chủ trị của mỗi phương thuốc, trên mỗi bài thi.

Vì viết theo lối Thi ca, thì buộc phải có vần, và hạn chế số chữ trong mỗi câu, nên tên của mỗi vị thuốc, phần nhiều không thể nói hết được, mà chỉ nói có phần nửa. Ví như: Vị Bạch Phục Linh, Vị Bạch Truật, hoặc Xích Phục Linh, hay Thương Truật, thì trong lời thi ca không thể gom hết được, mà chỉ nói gọn lại là: «Linh Truật». Kẻ đọc muốn rõ thêm đó là Bạch Linh hay Xích Linh, Thương Truật hay Bạch Truật, và số cân lượng, thì nên chú ý khó cần cứ theo số thứ tự xem lại nguyên phương, rồi tự mình chú ý ghi chữ thêm vào cho khỏi sơ sót. Các vị thuốc khác cũng đều nương theo thể ấy.

Đông Y Sĩ

NGUYỄN-HỒNG-DI

Giao Sư Đông-Y

Viện Đại Học Minh-Đức

TĂNG BIÊN ĐÔNG Y THỜI LỊNH BỊNH HỌC XỬ PHƯƠNG CA QUÁT MỤC THỦ

Chương I. — XUÂN ÔN CHƯƠNG

Luận trị Bệnh Xuân Ôn

(xua Xuân cảm thương ôn bệnh)

1. — THANG KINH PHÒNG ĐẠT BIỂU

Chủ trị : Bệnh Xuân ôn vừa chớm phát, đầu nhức mình nóng, lạnh ít nóng nhiều, và ho hen. *Kiểm trị* : Chứng Thấp ôn, Chứng Thương hàn. Trị các chứng này, thì nên dùng : thuốc mùi cay, tính ấm và phát hện. (gia giảm phương kinh nghiệm của Ông Du Gia Ngôn).

Tô, Hạnh, Kinh, Phòng chất nhẹ nhàng,

Quế bì, Thần khúc, hợp thành thang.

Xích linh, Bạch chỉ, Hành, gừng sống,

Nóng lạnh đều dần khỏi lệ lạng.

2. — GIA VỊ SONG SÍ THANG

Chủ trị : Bệnh Xuân ôn mới phát, lạnh ít nóng nhiều, bứt rứt, khát nước, cạnh sườn đau nhói — *Kiểm trị* : Chứng Phong Ôn sơ cảm, hoặc bị phọc tà ẩn nấp trong

người từ lâu, ớn lạnh lẫn phát nóng. Và Chứng Thấp ôn, Chứng Thu táo, Chứng Đông Ôn. Nên dùng thuốc tán lương phát tán.

Phong hàn cảm mạo nóng lên nhiều.

Song, Sĩ, Sơn chi, Cam, Kiết, Kiều.

Trần, Bạc, Xích Linh, Ngân, Trúc điệp,

Sơ phong giải biểu, dùng theo chẩn.

3.— MA HẠNH THẠCH CAM THANG

Chủ trị : Chứng Xuân ôn, lòng phiền muộn, khát nước, ho suyễn, ớn lạnh không ra mồ hôi. (Phương Thương Hàn Luận).

Nóng mà ớn lạnh, chẳng mồ hôi,

Khát nước, ho hen, khó nuốt, môi

Cam thảo, Ma hoàng, Cao, Hạnh tử.

Thuốc hay bịnh bớt, liệu vừa thôi.

4.— SÀI HỒ CHỈ KIẾT PHANG

Chủ trị : Bịnh Xuân Ôn, Chứng ớn lạnh đã khỏi, nhưng trong người còn nóng nảy phiền táo. Sườn đau lạnh nóng như cữ rét. *Kiểm trị* : Chứng Thu Táo, lạnh nóng qua lại (hết lạnh đến nóng, hết nóng đến lạnh, lạnh nóng luân phiên phát tác, gọi là lạnh nóng qua lại.) Ngược nóng sườn đau. Bịnh độc của Chứng Thương-hàn nất kết ở phần : bán lý. (Du Thị nghiệm phương)

Sài hồ, Chỉ, Kiết, Bán, Trần, Hoàng,

Tên gọi : Sài Hồ Chỉ Kiết Thang.

*Gừng sống đôi ba, Hành một tép,
Lại qua lạnh nóng, được bình an.*

5 — CAO CẨM THANH ĐẪM THANG

Chủ trị : Đồng với Thang Sài hồ cam kiết, nhưng bệnh chứng thì trầm trọng hơn. Cần phải phân biệt coi bệnh hơn có chảy máu cam (tỷ mục) và Ban chân cùng chẳng, để gia giảm chữa trị. Chỉ như chứng Phục tà Xuân ôn, và nhọt mắt đỏ, và chứng Phục tà Phong ôn, mà lầm dùng thuốc phát hàn, biến chứng phát vàng (hoàng đảo), hoặc chứng Phục thử, nóng thừa ở phần Vệ ; Chứng Thương hàn trong người nóng lắm, thuộc về bệnh chứng ở Phủ Thiếu Dương, cũng đều chủ trị. (Dư Thái kinh nghiệm phương).

Caο Cẩm Thang nôi, dùng Caο, Cẩm,

Chỉ, Bán, Linh, Trần, Trúc-như làm.

Ngọc-bích ba tiền đồng gói nấu,

Phát vàng nóng độc bệnh tà thâm.

Ban chân không ra được thì gia : Táy Hà Liễu, Anh Đào Hạch

6. — TÂN GIA BẠCH HỒ THANG

Chủ trị : Chứng Xuân ôn phát nóng dữ dội, mồ hôi ra đầm dề, bết rít, khát nước nóng nước không ngừng. Và trị chứng Phong ôn sơ cảm. Bệnh Ôn kiêm bệnh Thương-hàn, Thương-thử và Phục-thử. Chỉ trị chứng Phục tà Xuân ôn, bệnh Phong ôn nấp ở phần khí, và Ban chân sắp mọc ra, phát nóng như thiêu, ra mồ hôi. (Phương của Sách Thương hàn gia vị).

*Cam thảo, Thạch cao, tiên Trúc-diệp,
Bạc-hà, Tri-mẫu, Huyền-sâm hiệp.
Sơn-chi, Đẳng-thảo, bốn thanh lương.
Nóng, khát, mồ hôi lâu chẳng kịp.*

7.— SÀI CẨM THANH CÁCH THANG

Chủ trị: Chờng Xuân ôn phục tà ở trong phần khí, sau khi dùng thuốc tân lương phát hàn, bệnh bấy còn en en nóng như cũ rét, hoặc phát nóng như hơi, lòng bát rút, trong họng khô khát, uống nhiều nước, miệng đắng sườn đau, đại tiện táo, tiểu tiện đỏ. Nếu gia thêm 3 chỉ Phác-Tiểu, để chữa trị: Kinh Thiếu Dương, Kinh Dương Minh hiệp bệnh rất hay. (Phương của Ông Đào, Ông Dụ gia giảm).

Sài, Cam, Cam, Kiêu, Bạc, Chi, Kiêu.

Chỉ-xác, Đại-hoàng Trúc-diệp-Tiểu (hoặc gia vào)

Đã phát hàn rồi, còn lạnh nóng

Lòng phiền khô khát, nước hao nhiều.

8 — MẠCH MÓN BÔNG THANG

Phương thuốc rất trọng yếu cho sự điều dưỡng Chờng Xuân ôn phục tà, sau khi bệnh sắp mạnh. Nếu gia Tây Dương-Sâm, Thạch Học, Rễ tranh tươi, nước mía lau vào phương này, để điều lý sau khi mắc bệnh Tráng nắng (Thương Thử), nước tân dịch trong người bị khô cạn rất hay. (Phương Kim. Quí).

Vị khô, phổi nóng rất nhu cần,
 Mạch, Bán, Sâm, Cam, Táo, Mễ, trần.
 Lưỡi ráo, mồm khô, tân dịch cạn.
 Điều hòa lương bồ hiệu như thần.

9. — GIA GIẢ QUI DUY THANG

Chủ trị: Bệnh Xuân ôn, bệnh độc vào máu. Lúc sơ khởi hơi sợ gió lạnh: như mình, không mồ hôi, lưỡi đỏ, mạch đi Sát. Và kiểm trị: mình mẩy khô khan nóng nẩy, không ra mồ hôi. Cũng trị Chứng Đông ôn, kiểm có phúc tả, nóng mình như dầu. Thuốc tư âm phát hàn. (Phương Kim Qui).

Cam-Cúc, Qui duy, Thảo, Kiết, song,
 Bạch-Vi, Bàng, Bạc, Si, Sâm đồng.
 Khô khan mình nóng, en en lạnh.
 Gan mát lo gì huyết chẳng xong.

10. — TÊ DÁC THANH LẠC ÂM

Chủ trị: Chứng Xuân ôn, bệnh độc trồn vào phần máu, uồng Thang Qui Duy cho bệnh độc thông ra phần bên. Thì tiếp theo mình mẩy phát nóng, sờ muốn phồng tay, bắt rút không ngủ được. Và kiểm trị: Chứng Phục Thử, bệnh độc núp ở phần Dịch. Nên dùng thuốc mát máu, mát phần Dịch. (Phương của Ông Du Căn Sơ).

Tê Dác, Đơn bì, Đào, Thược, Cầm,
 Liên-kiều, Trúc-lich, phối Đẳng-tâm.

Mao-căn Cương-trấp, Xương-bồ bần.

Da nóng như hơ, lưỡi đỏ bầm.

11.— ĐẠO XÍCH THANH TÂM THANG

Chủ trị : Chứng phục nhiệt trong phần máu, phát hiện thần thức mờ mịt. *Vụ trị* : Chứng Thương hàn bình độc truyền vào kinh Thiếu Âm, âm hư nội nhiệt, tinh thần hỗn loạn, hay nói xàm, tiểu tiện ít mà đỏ nóng, máu nóng xông lên etc. (Thang Đạo Xích gia giảm).

*Sanh-Địa, Phục-Thần, Đẳng-Thảo, Đơn,
Liên-Tâm, Trúc-Diệp, Mạch, Thông nhơn.*

Một chung nho nhỏ nước Đồng-tiên,

Và với ba tiền Tán ích Ngươn.

12.— NGƯU HOÀNG CAO

Chủ trị : Nhiệt độc vào máu, tinh thần hôn loạn. (Phương của Ông Lưu Hà Gian).

Ngưu-Hoàng, Mai-Phấn, Thảo, Thần-Sa,

Nghệ với Đơn-bì hợp một nhà.

Nóng ở huyết phần, thần rối loạn.

Cơ năng Tịch Ốc vẫn điều hòa.

13.— LINH ĐÁC CẦU ĐẰNG THANG

Chủ trị : Bình độc núp ở trong máu, nóng đốt thần kinh. Trạng chứng giống Chứng Kinh giản, tay chân xui lơ, gân mạch co rút. Mạch đi Huyền cứng thẳng thần. (Phương kinh-nghiệm của Ông Dụ Gia Ngôn).

Dương-Dác, Câu-Đẳng, với Phục-Thần,
Cúc-Hoa, Tang-Diệp, Cầm, Bối, lân.
Thược, Địa, Cam-Thảo, Đạm-Trúc-Diệp,
Nóng lên Kinh Giản, loạn tâm thần.

14.— TRÚC DIỆP THẠCH CAO THANG

Chủ trị: Sau khi bình sức khỏe suy giảm, nước tân dịch trong người khô cạn, phiền táo khát nước. Bệnh chứng khá nặng. (Phương của Thương Hàn Luận).

Trúc-Diệp, Thạch-Cao, Bán-Hạ, Cam,
Sa-Sâm, Ngạnh-mễ Mạch-Đông tham.
Sau khi bình nặng hao tân dịch,
Khát nước hư phiền, cô vương đàm.

15.— GIA GIẢM CỐ THỊ BÁT TRÁP ÂM

(Bỏ nước Bạc Hà, nước Dra Hẩu, gia nước Mạch Đông, nước Trúc Lịch).

Chủ trị: Sau khi bình, sức khỏe suy giảm, tân dịch khô cạn, nóng nảy bứt rứt, khát nước vừa phải.

Nước mía, Ngô Sen, nước Trái Lê,
Rễ Tranh, Sanh Địa, mát lòng ghê.
Mạch-Đông, Lô-tráp, và Mần-Trúc,
Bổ dịch sanh tân chẳng chỗ chê.

16 — A GIAO KÊ TỬ HOÀNG THANG

Chủ trị : Bệnh Xuân Ôn, bịnh độc vào phần huyết, nóng độc vào buồng tinh ; miệng ráo răng khô, phần táo khát nước nói xàm. Con trai, di tinh, mộng tinh ; con gái, huyết trắng huyết đỏ ra như xối. Xưa cho là : Chứng « Hạ kiệt thượng kên huyết » rất khó trị. Và kiêm trị : Chứng Thu Táo, gân khô cơ rút. (gia giảm Phương của Ông Định Phong Châu).

A-Giao, Thục Địa, Sanh Quí Bìn,
Mẫu-Lệ, Câu-Dương, Thỏ, Phục-Linh.
Bịnh độc Xuân Ôn, tinh huyết nóng,
Gái sanh Bạch đới, trai Di tinh.

downloadsachmienphi.com

Chương II. — PHONG ÔN
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

17. — LIÊN KIỀU CHI SĨ THANG

Chủ trị : Chứng Cảm mạo Phong Ôn, nhiệt độc chưa trừ sạch, lồng ngực bức rút. Và kiêm trị : Tắc khí của Chứng Thấp Ôn chưa sạch, hơi Phổi không thông. Và Chứng Thương Hàn, bịnh ở Kinh Thiếu Âm, Kinh Dương Minh : phiền táo nói xàm, bụng đói mà chẳng muốn ăn, hơi nứt ở Phủ Thượng tiêu. (Các phương hòa-iễ).

Liên-Kiều, Chi, Sĩ, Ngọc Kim, Tân. (d)
Quất Lạc, Chỉ, Kiết, Bạch-Khẩu-Nhân.
Nóng nứt táo phiền lòng bức rút,
Thấp tà phạm Phổi biểu nưc thẳm.

18. — TỬ TUYẾT ĐƠN

Chủ trị : Chứng phục tả Phong Ôn, phát nóng như thiêu như đốt, ra mồ hôi, mình mẩy nặng nề, ngủ ngáy mê man, trong mũi thở khô khè. **Kiểm trị :** Bình Ôn hiệp với khí Hàn, khí Thử và Chứng Phục Thử; tình thần mê loạn bất tỉnh, mình nóng nơi xam.

*Huyền Sâm, Man, Phái, Thăng Ma, Thảo,
Tứ-Thạch, Hàn-Thủy, Hoạt-Thạch, Cao.
Tê-Dác, Thần-Sa, Dương-Dác nhập.
Mộc, Đinh, Trâm. Sa hiệp đoàn nhau.*

19. — CHÍ BẢO ĐƠN

Chủ trị : Chứng Phục tả Phong Ôn, phát nóng ra mồ hôi, lưỡi đỏ. **Kiểm trị :** Bình Ôn và Thương Thử, nóng ở phần huyết, hôn mê bất tỉnh. (Cuộc Phương gia giảm).

*Tê-Dác, Đại-mạo. Sa, Ngưu-Hoàng,
Châu-Sa, Hồ-Phách, hiệp thành đoàn.
Nóng vào phần huyết, người mê sáng
Trúng thử, Thương phong khỏi lệ làng.*

20 — SÀI HỒ ĐẠT NGUYÊN ẨM

Chủ trị : Bệnh độc phong Ôn, núp trong phần khí, mồ hôi ra rịn rịn, bệnh độc theo mồ hôi bài tiết ra ngoài; phát nóng ôn lạnh như cũ rét, bợn dạ ủa mưa, ăn chẳng vó. (Ôn dịch Luận Phương gia giảm).

*Phái Thảo, Sài, Cầm, Cam, Kiết thì,
Tân-Lang, Thảo-Quả với Thanh-bì.*

Gia thêm hai chỉ *Bội-Lan-Cánh*,
Cử Rét en en, hiệu nghiệm kỳ.

21.— TĂNG GIẢM HOÀNG LIÊN TẢ TÂM THANG

Chủ trị : Chứng Phong Ôn, phục tả đã ngoại đạt, nóng độc từ trong đã thấu ra ngoài. Xác nhận không phải là Chứng Táo nhiệt của Thang Bạch Hổ, mà chính là Chứng Thấp Nhiệt. Kiểm trị : Cường Thử kiêm Chứng Thấp, đầu nặng phiền táo, ưa mưa, bí uất đầy hơi. (Trọng Cảnh Phương gia giảm).

Xương Bô, Chỉ, Bán, với Liên, Cầm,
Trúc-Lịch, Sanh Cương Đẳng Thảo Tâm.
Thông Thảo hiệp cùng Bạch Hoạt Thạch,
Táo phiền ôi uất nóng hãm bản.

22 - XƯƠNG BỒ UẤT KIM THANG

Chủ trị : Chứng Phong Ôn phục tả ở phần Đỉnh, phát nóng ra mồ hôi, bứt rứt mất ngủ. Khi Tỉnh khi mê, hay nói xàm, mạch đi Sát, lưỡi đỏ tay chân mát. Kiểm trị : Khi Thử doc núp ở phần Đỉnh, đêm nóng nói xàm. (cải đỉnh Hạ thị kinh nghiệm phương).

Trúc Diệp, Xương Bô, Xuyên-Ngọc-Cầm,
Chỉ, Đơn Thông Thảo, với Đẳng Tâm.
Liên Kiều, Tử Cầm, Trúc, Cương trấp,
Lương huyết thông Đỉnh, tả phục thâm.

23. — HÀNH QUÂN TÂN

Chủ trị : Chứng Phong ôn phục tà rất kịch liệt. Chứng hậu giống Thanh Xương Bồ Ngọc Kim, và Âm Tế Dắc Thanh Lạc, mà nguy cấp hơn. Nếu không sẵn có Tân Hành Quân, dùng Đơn Tử Tuyết cũng công hiệu.

Ngưu, Sa, Hùng Hoàng, với Nguyệt Thạch,
Hỏa Tiên, Băng Phiến, thông hàng ngạch,
Trần Châu, Pái Kim hai mươi tờ,
Trị Chứng Phong ôn vào huyết mạch.

Chương III. — ÔN BÌNH
(còn có thể gọi là: Nhiệt Bệnh)
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

24 — THANH ÔN GIẢI ĐỘC ÂM

Chủ trị : Bệnh chứng không lạnh mà vẫn nóng, bứt rứt khát nước, không ra mồ hôi, lưỡi khô họng đau, tinh thần mệt nhọc, phiền táo nói xàm. (Phương tân đánh của Ông Dư Sư Ngụ)

Cam, Kiết, Liên Kiều, Thạch : **đá** xao, (1)
Cầm, Liên Thược, Địa, Đơn, Thanh Cao.
Huyền Sâm, Trúc Diệp, Tri, Tế Dắc,
Bầu như thi gia Cương, Cúc, vào.

(1) **Đá** (石) nhỏ.

25. — BẠCH HỒ THỪA KHÍ THANG

Chủ trị : Bệnh Ôn, đường Đại Tiện táo bón, đầy hơi và kiết lý. *Kiểm trị* : Chứng Đông Ôn, kiết Chứng Phục Thử, ra mồ-hôi mà Chứng nóng không giải ; ngày nhẹ đêm nặng, nhức đầu ỉa chảy, phiền táo hôn mê. Trong bụng đau, lấy tay đè thì đau chịu không thấu. Trọng chứng ở Kinh Khuyết Âm, và Kinh Dương Minh. (Phương kinh nghiệm của Ông Du Gra Ngón).

Thạch Cao, Cam Thảo, Bạc Hà Diệp,

Tri Mẫu, Man Tiêu, và Đại Hoàng.

Khát nước đầy hơi và táo bón,

Mồ hôi nướm nướp nóng mồ mặn.

downloadsachmienphi.com

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://bookykhoea.com)

26. — TẾ DẠC ĐỊA HOÀNG THANG

Chủ trị : Bệnh Ôn, Ho ra máu, ỉa ra máu, hoặc ỉa máu. Khi Thử Ôn đốt ở phần máu, phiền táo nơi xam, hoặc Chứng Thấp Ôn mà ngộ trị, nặng nhiều hại máu. *Kiểm trị* : Chứng Thương Hàn biến ở Kinh Dương Minh phục phát. Đại tiện phân đen, nên tịet thông lợi. Nên chúu chước gia: Vị Đào Nhon, Hồng Hoa, Uất Kim, Quế Vĩ, Man Trùng. (Phương của Sách Kim Quỹ).

Tế-Dạc, Địa-Hoàng, Thương-Dược, Đơn,

Máu lên, Vị nóng hỏa tả hơn.

Ỉa đen, đại trắng tả vào máu,

Hoặc phát diện cuồng, ỉy bồn nhon.

27. — VƯƠNG THỊ TÂN ĐÌNH THANH THỦ ÍCH KHÍ THANG

Chủ trị : Bệnh Ôn kiêm Bệnh Thủ. Chứng Nhức đầu xây xẩm đã khỏi, nhưng dư nhiệt vẫn còn. Và sức khỏe suy nhược. (Phương của Ông Sĩ Mạnh Anh).

*Trúc-Diệp, Tri-Mầu, tiên Bạc-Hà,
Huỳnh-Liên, Ngânh-Mễ, Thảo Tày-Qua.
Mạch-Đông, Thạch-Học, Dương Sâm hiệp,
Dư nhiệt chưa trừ, nóng xuất xoa.*

28. — TÊ LIỀN THỪA KHÍ THANG

Chủ trị : Chứng Ôn kiêm Chứng Thủ, giống như Chứng của Thang Trúc Diệp Toanah Cao. mà thực tế ứng trị. *Kiểm Trị* : Chứng Thương Hàn, bệnh ở Kinh Thiếu Âm và Kinh Dương Minh, nhiệt độc truyền vào máu, xông thẳng lên óc.

*Chỉ-Thiết, Đại-Hoàng, Tế-Dắc-Tim, (nhon)
Xuyên Liền, Sanh Địa, với Chân Kim
Thực tế ứng trị xông lên óc,
Thông lợi đại trường mát Phổi Tim (lòng).*

29. — BẠCH HỒ THANG

Chủ trị : Chứng Ôn kiêm Chứng Thủ, phần khí tảo nóng, phiền táo khát nước, mồ hôi ra nhiều, mạch đi Hồng, lưỡi đỏ. *Kiểm trị* : Bệnh Thương Hàn nóng đốt ra mồ hôi, mà không ớn lạnh, chỉ sợ nóng, tiểu tiện ít mà

nước tiểu đỏ rít. Tay bên Phải mạch đi Hồng Huyền.
Bệnh ở Kinh Dương Minh (Phương của Thương Hàn Luận).

Tri-Mầu cạo lông. *Ngạnh-Mễ* rang.
Thạch-Cáo, *Cam-Thảo*, hiệp thành thang.
Mạch đi Hồng Sát, *Dương-Minh* Chứng.
Nóng đồ mồ hôi, ngủ chẳng an.

30. — TỬ KIM ĐƠN (Ngọc Khu Đơn)

Chủ trị: Chứng Ôn kiết, Chứng Thử, nhiệt độc thái thâm, nóng đốt phần huyết. *Kiểm trị*: Chứng Ban Chẩn hôn mê giống Chứng Hoắc Loạn Sa Trường (đau bụng ỉa mửa dữ dội). Đau thất ruột. *Kiểm trị*: Chứng Thử Ôn, Chứng Thử Uế, Chứng Phong Ôn ỉa mửa, mà tay chân lạnh, thân thực lở mồm.

Từ Cổn Đại Kịch, Thiên Kinh Sương,
Tô Hiệp, Hùng Hoàng, Châu, Phiến, Hương.
Miệng mũi hít vào hơi uế trước,
Bụng đau ỉa mửa, nóng phi thường.

31. — NHỊ GIA LONG CỐT MẦU LÊ THANG

Chủ trị: Phần khí, phần huyết bị khí ôn nhiệt xông đốt. Do ngộ trị, khí lạnh làm bại phần chân âm. Trong thang này, nên bỏ gừng. Táo, Phụ Tử, tùy theo chứng mà gia giảm chữa trị. (Phương của Thương Hàn Tiểu phẩm)

Bạch-Vi, Bạch-Thược, Chích-Cam-Thảo,
Phụ-Tử, Sinh Cương, Long, Mù, Táo.

Ôn nhiệt ung xống khi huyết phần,
Lâu ngày khi lạnh làm hại máu.

32. — HOÀNG LIÊN A GIAO THANG

Chủ trị : Sau khi bệnh, dư nhiệt không dứt, bứt rứt hồi hộp, ngủ không yên. Bộ Thốn Mạch đi Phù Hồng, Bộ Quan, Bộ Xích mạch đi Huyền, mà đôi Mạch Tế Sát.
Kiểm trị : Chứng Ôn táo, âm hư hỏa vượng ; bệnh Thương hàn âm huyết hư hao, hỏa-nhiệt ung xống ở trong, thuộc về tạng Tiểu âm. (Phương Thương Hàn gia vị) — Nên lưu ý : Dịch giả dùng thang này trị : Chứng Thương hàn tương xuất huyết, nóng hơn mê, và khát nước rất hay.

A-GIAO sao chín, thật khô khan,

Đía, Thược, Cầm, Liên, Kê-Tử-Hoàng.

Hỏa nhiệt ung xống, phần huyết cạn,

Lại hay trị : Chứng ruột Thương Hàn.

Chương IV. — CHỨNG ÔN THỦ KIỂM CHỨNG THẤP

33. — GIA GIẢM NGÂN KIỀU THANG

Chủ trị : Chứng Ôn thủ kiểm Chứng Thấp, hơi ôn lạnh mà trong mình phát nóng, ra mồ hôi mà bệnh nóng không khỏi, và lòng phiền táo. *Kiểm trị* : Chứng Thủ cấp kiểm Chứng Hàn, nóng nhiều lạnh ít, Thủ tả lúp ở phần Vệ ; đầu như mình nóng, và Chứng Thấp ôn. — (Như mình

PHƯƠNG THANG ĐIỂN CA

299

gia Tạng chi, Phòng kỷ; ưa mùa gia Đại Giả Thạch ;
trong lòng nóng gia Xuyên Hoàng Liên ; ăn uống không
biết mùi gia Thần Khúc.)

Ngân Hoa, Chi, Phát, Bạc Hà, Cầm,
Trúc, Diệp, Tri, Kiêu, với Uất Cầm.
Lục Nhứt ba tiền, đồng sắc nóng,
Tâm phiên, gia một năm Đàng Tâm.

34.— GIA GIẢM HOẶC HƯƠNG CHÁNH KHÍ THANG

Chủ trị : Chứng Thử ôn kiêm Chứng Thấp nặng nề,
nặng ngực đau mình ; Là phương thuốc trị Chứng Thấp
rất rộng. Nếu Bệnh Hàn Thấp thì ta lấy : Quế, Lành, Cương,
Truật. Bệnh Thấp Nhiệt thì ta lấy : Trúc diệp, Lô căn,
Sơn chi, Liên kiều, rất thần diệu.

Hoặc Hương Chánh Khí, Phát, Trần Bì,
Lan Diệp, Bạc Hà, Tạng dung chi.
Thần Khúc, Xích Linh, Chế Bán Hạ
Sa-nhơn, Hương Phụ, Ích-Nguyên thì.

35.— GIA GIẢM ĐẠI QUẤT BÌ THANG.

Chủ trị : Chứng Thử ôn kiêm Chứng Thấp, lồng ngực
không thư thái, đường tiểu tiện chẳng thông, nửa đêm
phát nóng :

Trư, Trạch, Trần bì, Xích Phục Linh,
Chi, Kiêu, Cầm, Khúc, Thanh Cao khinh.
Tân-Lang hợp với Lục Nhứt Tấn.
Thử Nhiệt thanh lương, Thấp nhiệt bình.

36. – ĐẠI QUÍT BÌ NGUYỄN PHƯƠNG

Chủ trị: Khi Thử, Khi Thấp lẫn lộn. lồng ngực bí
nứt bung đầy, sườn đau, ỉa chảy, tiểu tiện đỏ, ngoài da
ớn lạnh.

*Xích Linh, Trư, Trạch, Quế, Bình Lang,
Thương Truật, Trần Bì, Hương, Ích Ngươn.
Ỉa chảy đầy hơi, lồng ngực bí,
Thấp tả thử đọc thấy biub an.*



Chương IV. — **THỬ ÔN KIÊN HÀN**

downloadsachmienphi.com

37. — THANH THỬ TRẦN ẦU ẦM

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Chủ trị: Chứng Thương Thử kiêm Chứng Hà. Trong
người bứt rứt khát nước, nhưng uống nước thì ói.

*Xuyên Liên, Xuyên Phát, Bán, Trần Bì,
Giả Thạch. Táo Tâm, thổ nghịch thì.
Chỉ Thiết, Ích Ngươn, Lục Thần Khúc,
Thanh Tâm giáng hỏa, lại an tỳ.*

38. — ĐẠI QUÍT BÌ THANG

GIA TUYÊN PHỄ HÓA ĐÀM DƯỢC

Chủ trị: Bìah Thử Ôn kiêm Bìah Hàn, nặng ngực ho
hen, nóng nảy xót xáy mà đầy hơi.

*Trư, Trạch, Linh, Phát, hiệp nhứt ban,
Bối Trần, Tiền, Kiệt, Hương, Bình Lang.
Uất Kim, Bạch Giới, mười hai món,
Nóng xốt ho hen, đấm nhốt an.*

39 — ĐẠI QUÍT BÌ THANG HIỆP TƯƠNG THỦY TÂN

Chủ trị: Cường Thử kiêm Chứng Hạo, lạnh nhiều nóng ít.

*Giã-Thạch Bình Lang, Hương, Quế Chi,
Lương Cương, Linh, Trạch, Bân, Trần Bì.
Can Cương, Phụ Tử, đều cay nóng.
Lục Nhứt cam hàn phép cũng kỳ.*

40 — BẠCH HỒ GIA NHÂN SÂM THANG

Chủ trị: Kinh Thái Dương Bịnh Trùng Ất. Hơi nắng
độc làm hại phần khí, mình nóng ra mồ hôi, khát nước.
Chứng Thấp ôn kiêm nhiệt. Và kiêm trị: Chứng Ôn táo
khát nước.

*Thạch-Cao một lạng chẳng đơn sai,
Tri-mẫu ba tiền, Can-Thảo hai.
Nửa chỉ Dương-Sâm, năm Ngạnh-Mễ,
Nắng hao nguyên khí đáng khen tài.*

41. — NHỨT VẬT QUA ĐỀ TÂN

Chủ trị: Kinh Thái Dương trùng ất, tháng Mùa Hạ
ấn nóng đồ sống lạnh, chất nước ngấm vào phần cơ nhục.

biến chứng như nổi nạng nề. trong mình thì nóng, mạch đi Vi Nhược.

Qua-Đề ba chỉ, nước đun sôi,
Ấm nóng vừa chừng, uống một hơi.
Ói nhớt, ói đàm, và ói nước.
Phổi thông, ngực nhẹ, nước đi trôi.

42.— PHI LONG ĐOẠT MANG ĐƠN

Chủ trị : Chứng Can Hoắc Loạn (ưa khan có tiếng mà không có vật ; mắt đại tiện, nhưng đi không ra phân, đồng thời đau bụng như cắt ruột. Dùng muối rang hết nổ, hóa với Âm Dương Thủy (nửa nước lạnh, nửa nước sôi). Mỗi lần uống ba phân, khiến cho trên nửa dưới ỉa thông thả, bích độc ra theo ỉa nữa, mà bệnh tự nhiên khỏi.

Thần-Sa, Bằng-Sa, Hùng, Ngưu-Hoàng,
Nha-Tạo, Mai-phiến, Đẳng-Thảo, Phán,
Ma, Đại, Tiêu, Thiềm, Trân Châu, Xạ,
Nhân-trung, hòa tán sẽ bình an.

43.— HỒNG LINH ĐƠN

Chủ trị : Mùa Hạ Bệnh Trùng Thử, biến chứng Nhiệt Hoắc Loạn (ỉa nửa khát nước) rất nguy cấp.

Hùng-Hoàng, Mong-Thạch, vôi Châu sa,
Băng, Xạ, Phi Kim, phổi Mã Nha (tiền)
Băng phiến cộng chung là tám món,
Thanh trừ Thử độc, giúp an hòa.

44.— PHI MÃ KIM ĐƠN

Chủ trị: Chứng Can Hoắc Loạn, ỉa mửa chẳng thông,
Đau bụng chết giấc. Tục gọi là Chứng : *Giảo Trường Sa.*

*Nhũ, Một, Đậu sừng, Bá-Thảo-sương,
Đại, Hùng-Hoàng, Quil, Ngọc-Kim, Hương,
Thần-sa hiệp với Từ-Cô nghiệm,
Ụa mửa bụng đau rất khẩn trương.*

Chương V.— **BỆNH PHỤC THỦ**

1.— **Khí thủ độc núp ở trong phần vò**

45.— **CHỈ THIẾT ĐẠO TRỀ THANG**

Chủ trị: ~~Bệnh Phục Thủ ở Tiết Tụ Phán~~, bệnh Tảử nặng hơn Bệnh Thấp. Cận bã trong ruột ngưng kết, và Bệnh Thương Hàn truyền vào Kinh Thái Âm, kinh Dương Minh. Hai đường đại tiểu tiện bí kết, trong bụng đau. Lấy tay đè lên thì đau chịu không thấu (cự án) — Kiểm trị : Chứng Thấp khá nặng, dùng thang Đại-Phúc Bì, gia *Nhơn-Trần, Thông-Thảo*, mà đại tiện không thông thả, thì dùng thang này.

*Cầm, Liễn, Linh. Phát, Chỉ, Sơn-tra.
Kiều, Khúc, Trần Hoàng, hiệp một nhà.
Cận bã vị trường gây uất trệ.
Thủ ỉa, thấp nhiệt tẩy theo ra.*

46.— THANH TẢO DƯỠNG DINH THANG

Chủ trị: Chứng Phục Thử, bình độc núp ở phần âm huyết. Sau khi khỏi bệnh, mà vẫn còn bắt rút. Và chủ trị: Chứng Thấp Thử, nóng lấm hóa táo, tay chân rút giật, hôn mê. Như: Chứng Thương Hàn, đáng hạ mà không làm hạ. Chấn khí hư lấm mà tả thực, hơi ngắn thở gấp. Nên dùng phương này, bỏ vị Thiên Hoa-Phấn gia Sâm, Kỳ.

Tri-Mẫu, Hoa-Phấn, Địa Thược, Qui,

Sanh-Cam, Mâu-Lê, với Trần-Bì

Khí hư tả thực, nên lương bồ,

Bồ Phấn, gia thêm Sâm với Kỳ

downloadsachmienphi.com

47.— GIA VỊ NGŨ DIỆP LÔ CẦN THANG

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://downloadsachmienphi.com)

Chủ trị: Trước dùng thang Thanh Tảo Dưỡng Dinh, gia: Sai-hồ, Qui-Bản, Thanh-Cao, Hoàng-cầm, Địa-cốt-bì, để cho khí nóng thanh thấu ra ngoài, Khí nóng ở phần âm huyết, trở ra phần dương khí, mà bệnh tự khỏi. Kế cho nóng thang này, thì khỏi hẳn.

Hoắc-Hương, Tang-Diệp, dĩ Tỳ-Bà,

Trúc-diệp, Bội-lan, với Bạc-hồ,

Đông-tử, Lô-Cần, Lục-Nhật-tán,

Thanh Ôn tiêu độc Kim-Ngân-Hoa

II.— KHÍ THỬ ĐỘC NÚP Ở PHẦN DINH

48.— TÊ LỊNH TAM TRÁP ÂM

Chủ trị: Khí Thử độc núp ở phần Dinh, nhức đầu

chóng mặt, mắt đỏ môi đỏ, mình nóng mà tay chân lạnh.
Tay chân co rút, bất tỉnh như sượng.

*Tê-Dắc, Dương-Dắc, La-Bắc, Cương,
Ngô-Sen, Mân-Trúc, nước cam lương.
Kiều, Vi, Đơn, Ngọc, Khổng-Diên Tân,
Đàm hỏa nê thần, Thiên-Trúc hương.*

49.— GIA VỊ TÊ-DẮC ĐỊA HOÀNG THANG

Chủ trị: Chứng Phục Thử, bệnh ở thượng tiêu thuộc phần huyết. Nếu bệnh ở thượng tiêu mà thuộc phần khí, nên châm chước dùng Thang Ngũ Diệp Lô Căn. (Nguyễn Phương gia-giảm).

*Tê-Dắc, Địa-Hoàng, NGÂN, Trúc, Kiều,
Mao, Đơn, Kim, Diệp, Thạch-Bồ, điều.
Độc ta phục thử vào phần huyết,
Nong này hư phiền ở thượng tiêu.*

50.— AN LUNG NGUU HOÀNG HOÀN

Chủ trị: Bệnh Phục thử, lòng lăm phiền táo, tình thần hôn mê, nói xàm. Lưỡi đỏ, nhưng không dơ. (Cuộc phương gia giảm).

*Ngưu-Hoàng, Tê-Dắc, vôi Liễn, Cầm,
Kim-Bạc, Chi-Tử, Hùng, Uất-Cầm.
Mạt-Phiến, Châu-Sa, Trân-Phấn, Xạ,
Tình thần hôn lạng, thử tà xàm.*

51.— GIA VỊ TẬP LINH TIỀN

Chủ trị: Sau khi bình chứng Phục thử, phần âm huyết hao tổn, khí Mạch Xung đi ngược lên; hoặc nấc cục, hoặc lạnh ran, hoặc hơi thở gấp.

*Mạch-Đông, Ngưu-Tất, Kiết-Lâm-Sâm,
SANH, THỰC-ĐỊA-HOÀNG* chuyên bổ âm.
*Thược-Dược, Khuyết-Minh, Sanh-Mẫu-Lệ,
Linh-Tỳ, Câu-kỷ,* giả tương âm.

52.— GIA VỊ LIÊN PHÁT ÂM

Chủ trị: Bình độc phục ở trung tiêu phần khí. (Nguyên Phương gia giảm)

*Phát-Liên-Chỉ-Sty, Bán-Lô-Cần,
Hoạt-Thạch, Hoàng-Cầm, Chi-Thiệt,* tăng
Hựu-hữu Xương-Bồ, khai khiếu uất,
Trung tiêu thử độc trị đa năng.

53.— QUẾ LINH CAM LỘ ÂM

Chủ trị: Bình độc truyền vào phủ hạ tiêu phần khí (bình độc Thương thử phục ở phủ Hạ Tiêu).

*Trư, Thạch, Xích-Linh, Hoạt-Thạch, Cao,
Thanh-Bì, Thủy-Thạch, Quế-Tâm* hãm.
Độc theo tiêu tiện, thông ra sạch,
Thận thủy Bàng Quang khỏe biết bao.

54. — GIA VỊ DƯỠNG DINH THỪA KHÍ THANG

Chủ trị : Bệnh độc thương thử, nấp ở phần huyết phủ trung tiêu.

Hạ Phất, Đại-Hoàng, Thược, Địa, Qui,
Mao-Căn Chỉ-Thiết, bất tương kị.
Gia thêm Tri-Mẫu, thanh phần huyết,
Bệnh ở Trung tiêu, có khó gi.

55. — GIA VỊ THANH CAO BIẾT-GIÁP THANG

Chủ trị : Chứng Phục thử, bệnh độc vào phần huyết phủ hạ tiêu

Biết-Giáp, Thanh-Cao, Sanh-Địa, Qui,
Sái, Thương, Tè-Thảo, Bạch-Vi, nghi.
Hạ tiêu thử thấp vào âm huyết,
Xương nóng nên gia : Địa-Cốt-Bi.

56. — THANH CAO BIẾT-GIÁP THANG NGUYỄN PHƯƠNG

Chủ trị : Chứng Phục thử, tư nhuận phần âm huyết, thanh lọc nhiệt độc. Thuốc hóa bí nhuận táo.

Biết-Giáp, Thanh-Cao, Sanh-Địa-Hoàng,
Đơn-Bi, Tri-Mẫu, tịnh cam hàn.
Tư âm, nhuận ráo, và lương huyết,
Chuyên trị nhiệt tà ở Thận Gan.

57.— DIỆP THỊ GIA GIẢM PHỤC MẠCH THANG

Chủ trị : Nuôi dưỡng nước tân dịch, quét sạch dư nhiệt của Chứng Phục thử. Phương thiện hậu.

Chích Thảo, A-Giao, Sâm, Mạch-Đông,
Ma-Nhon, Thược, Địa, nhất ban đồng.
 Sau khi bịnh mạnh còn dư nóng,
 Nhuận dưỡng âm phần huyết mạch thông.

58.— CAM LỘ ẨM

Chủ trị : Nhuận dưỡng tân dịch, mát mẻ chứng nóng thừa, phương thuốc rất phù hợp với Chứng Phục thử sau khi bịnh vừa mạnh. (cước phương).

Cam Lô : nhi Đông, nhi Địa thi,
Tỳ-Bá, Cầm, Chỉ, Hạc, tương nghi.
Nhân-Trần, Cam Thảo, trừ dư nhiệt,
 Bình hậu phương hay, đáng nhớ ghi.

Chương VI — THẤP ÔN

1.— Thấp ôn bốn chứng

59.— LINH TRUẬT NHỊ TRẦN THANG

Phương này gia *Hậu Phát, Hoạt Thạch, Thông Thảo,*
Dĩ Mễ.

PHƯƠNG THANG ĐIỂN CẢ

259

Chủ trị: Chứng Thấp Nhiệt ôn lạnh. Ấm trung tiêu, hóa thấp độc vật công hiệu. Nếu Chứng Thương Hàn mồ hôi chưa ra, đường tiểu tiện không thông, khát nước, uống nước thì ôi. Dùng phương này giữ Quế, hoặc dùng Thang Ngũ Linh.

*Cương, Quế, Bán, Trần, Bạch Phục-Linh,
Trạch, Thương, Thận-Khúc, thấp hàn bình.
Đất xông hơi nước, trời chang nắng.
Nguyên lý gây nên Thấp Nhiệt sinh.*

60. HƯƠNG SA NHỊ TRẦN THANG

Chủ trị: Chứng Thấp Nhiệt kiêm Chứng Thương Hàn. Ấm Tỳ Vị, hóa đàm nhớt, ăn uống biết ngon. Chứng Thương Hàn thuộc về kinh Thái Âm, bình độc ở phần cơ biểu chưa giải. Dùng phương này, có công dụng khôi phục bình ở bộ tiêu hóa.

*Hương Sa Nhị Trần: Bán hạ, Trần,
Hương-sa, Linh, Thảo Tảo, Cương thân.
Trị nhà Thấp Nhiệt, hơi dính bì,
Giải uất tiêu đàm. Vị khí thân.*

61. — NHÂN HƯƠNG THANG

Chủ trị: Thang này bổ Đàn hương, Đỉnh hương; gia Đơn Bì, Bội Lan, Bán hạ, Ích Nguơn Tân, trị: Sau khi mắc Bệnh Thấp nhiệt, biến Chứng Tả Trữ, ngăn uất. Khí Trung dương không vận hóa.

Bạch Khẩu, Sa-nhơn Hoắc, Mộc-Hương
 Trạch, Trần, Chỉ, Phát, Lục-Thần phương.
 Cảm hàn thấp uất, tay chân lạnh.
 Ấm áp tay chân, khỏe dị thường.

Chương VII. — THU TÁO

I. — Mát chứng táo

62. — HƯƠNG TÔ SONG XỊ THANG

Thang này, bỏ Vị Hương Phụ, Ô Dược ; gia Hạnh nhơn, Bá-Bộ. Chủ trị : Khí lương táo sơ khởi ; đầu như nóng ho, ớn lạnh, không mồ hôi. Hồng khô ; gia Mạch đông, Thiên Hoa Phấn ; rống nhiều gia Hoàng Cầm ; Ngán Hoa ; Hồng đầy gia Chỉ Xác, Ngọc Kim ; Ho hen gia Ngưu Bàng Tử, Bạch Tiên, Uạ khan gia Bán Hạ, Giả-Thạch ; Sườn đau gia Đào Nhơn, Một Dược.

Hương-Phụ, Thanh, Trần, Phòng, Phục, Tô,
 Cương, Song, Đậu-Xị, Ngọc, Thai-Ô.
 Mùa Thu lương táo vừa sơ phát,
 Cảm mạo đầu đầu phát nóng ho.

63. — HẠNH TÔ NHỊ TRẦN THANG

Chủ trị : Cảm nhiễm Bình độc của Khí Lương táo chưa giải, đàm nhiều ngực nặng ho hen không thông.

PHƯƠNG THANG ĐIỂN CA

301

Linh, Bán, Thảo, Trần hiệp Hạnh, Tò,
Táo Đen, Gừng Sống liệu gia vô.
Cắm thương Thu táo, hơi đàm uất,
Phát nóng ho hen cổ nghẹn khô.

64.— NGŨ NHON QUÍT BÌ THANG

Chủ trị : Cắm mạo khí lương táo. Chung ho đàm vừa
bớt, đại tiện táo bón đau bụng. *Và kiêm trị* : Chứng Thương
hàn, bịnh độc truyền vào kinh Thái Âm, kinh Dương Minh,
đường đại tiện táo bón.

Hạnh Nhơn, Tùng, Úc, Bá, Đò Nhơn,
Mỗi thứ ba tiền rất gọn tròn.
Vỡ Quít thêm vào một chỉ rươi,
Thông trường nhựa táo có chỉ hơn.

II.— Ôn-táo

65.— TẢ KIM HOÀN

Chủ trị : Gan nóng uất nghẹt, ủa mưa chua lè Khi
Ôn sơ phát, nhưc dầu ôn lạnh, mình nóng không mồ hôi
mà ủa mưa. Nên dùng Thang Uy Dục gia Trúc Nhự, Tỳ
Bà Diếp và Hoàn này. (Phương của Ông. Chân Đơn Khê)

Mưa Thu nặng ráo khí khô khan,
Cắm khí Thu về bịnh : Uất Gan.
Ủa mưa nước chua đầu nhưc nóng,
Ngó, Liền, mau uống : TẢ KIM HOÀN,

66. — DỤ THỊ THANH TÁO CỨU PHỄ THANG

Tiết Mùa Thu nóng ráo. Chứng Ngoại Cảm đã giải, nhưng bên trong còn nóng nảy phiền khát. Nếu bệnh ở phần biểu chưa giải, thì dùng *Thang Gia Giảm Uy Dục*. Cần nên phân biệt : Chứng Khí Suyễn Đàm nhiều, hoặc lồng ngực phiền mùa hạ ngược, mà gia giảm chữa trị cách cẩn thận.

Tang, Mạch, Sâm, Thảo, Hạnh, Thạch-Cao,

Ma-Nhơn, Hà-Diệp, Cống-A-Giao.

Lá vàng rơi rớt, Lợi Thu ráo,

Phổi nám ho đàm, hoặc Phổi Lao.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

III. — Thu táo phục tà

67. — GIA GIẢM TRI BÁ ĐỊA HOÀNG THANG

Chủ trị : Mùa Thu ráo, khí phục thử hiệp với khí Thấp làm hại Tạng Thận âm ; nửa đêm mình nóng, mặt đỏ chân lạnh, nhưng lòng bàn chân lại nóng. Mạch di Tế, Sảo, Hoãn, Trệ. Nếu Mạch di Huyền Sảo, thì bệnh trở nên nóng, phải gia Thạch Cao.

Từ-Thạch, Thanh-Cao, Cầm, Địa-Hoàng,

Kiến-Liên, Tri, Bá, Sâm, Linh, Đan.

Trần-Bì, Dĩ-mễ, lương kiêm táo,

Thủ thấp phục tà nấp Thận an.

68 — GIA VỊ TANG ĐƠN TẢ BẠCH TÂN

(gia Ngẫu Tiết, Hạng Liên Thảo, Hoàng Cầm)

Chủ trị: Khí Thu táo, Khí Phục Thử hai khí hiệp nhau hóa nóng, họng ngứa khô khát, lồng ngực đau buốt, trôn tré (giang môn) nóng nhức. Và trị Chứng Đông kiết Phục táo, lồng ngực bít rút, ho suyễn khô khan, hoặc ho ra máu.

Tả Bạch: Đông, Thược, Địa, Cốt, Tang,
Hạng Nhon, Mật, Kiết, Quất, Ngưu Bàng.
Đơn-Bì mát mẻ phần âm huyết,
Miệng khát mồm khô nóng ruột gan.

downloadsachmienphi.com

69. — GIA VỊ NGỌC NỮ TIỀN

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Phương này gia vị Man tiêu, Hoạt Thạch, Mật Ong. Trị: Chứng khát nước, uống nước dữ tợn, mình nóng rực, ra mồ hôi, hơi thở nghịch lên, ủa khan, ỉa bặn đại rít.

Sanh Thục Địa-Hoàng, Tri, Thạch-Cao,
Quyết-Minh, Từ, Lê, hãm âm hao.
Man tiêu, Hoạt Thạch, và Phong Mật,
Uống nước như rồng, đã-khát mau.

70. — TẾ XUYỀN TIỀN

Chủ trị: Phủ Hạ tiêu táo, đại tiện bón, Chứng Thương hàn đáng dùng thuốc xở, mà không cho uống thuốc xở (hạ), phần âm huyết khuỷu tổn, bình độc tràn ngập, miệng

khô lười ráo. Cần được « đánh rấm », và đại tiện tư nhuận, thì dùng phương này. (Tân phương bát trận)

*Thung Dung, Thăng, Chỉ, Trạch, Ngưu, Qui,
Nhượn táo tư cần bồ huyết thi,
Đáng hạ, mà không dùng thuốc hạ,
Phần âm tích độc phần đen si.*

Chương VIII. — ĐÔNG-ÔN

I. — Đông-ôn kiêm hàn

71. — GIA VI LƯƠNG CÁCH TÂN

Chủ trị: Bệnh Đông ôn kiêm bệnh hàn. Sau khi dùng Thang Song Xị Kiệt Cảnh thuốc giải biểu, hết lạnh nhưng vẫn còn nóng. Bứt rứt khát nước; ngực nóng, bụng đau, ỉa bón, đại đỏ. Và, kiêm trị: Chứng Đông ôn kiêm Chứng phục táo, đau bụng ỉa mắc rặn, nặng môn nặng trĩu, mất thư thối.

*Cầm, Chỉ, Trúc Diệp, Đại Hoàng, Tiêu,
Cam Thảo, Bạc Hà, Thông, Thạch, Kiều.
phần biểu giải xong tả nhập lý.
Bụng đau tiện táo, nóng như thiêu.*

72. — GIA GIẢM THANH PHẾ THANG

Chủ trị: Chứng Đông ôn, yết hầu sưng đau, trong họng có điểm trắng, và lạch nổi ở dưới chân răng, sau lở tại sưng nhức, ỉa bón đại đỏ.

Mạch-Đông, Sanh-Địa, Kim-Ngân-Hoa,
Cầm, Thuộc, Tiên, Hoàng, Thảo, Bạc Hà.
Bối Mẫu, Lâu Bi, Đơn, Chỉ Xác,
Họng đau răng nhức, hỏa vị tà.

II.— Đông ôn phục tà

73.— CÁT-CẦN HOÀNG-CẦM HOÀNG-LIÊN THANG

Chủ trị : Bệnh Đông ôn kiêm Phục tà. Sau khi dùng Thang Gia giảm Uy Duyệt giải biểu, biến chứng mình nóng hạ lý. Và kiêm trị : Sau khi Bệnh Thương hàn, lầm dùng thuốc làm Hạ, bệnh độc vào Kinh Dương Minh ; Mạch đi Súc, hạ lý, ben sườn ra mồ hôi.

Cát Cẩn Thang : dùng Thảo, Cầm, Liên,
Đông ôn, ôn tà phục hạ nguyên.
Ngoại Cầm Phong hàn, gồm Hạ Lý.
Đại trường nóng nhất, phải tẩm nguyên.

Cương XI.— THƯƠNG HẠN

74.— NGŨ LINH TÂN

Chủ trị : Mồ hôi ra không thông, nước mồ hôi dính trệ, đường tiểu tiện không thông ; Mạch đi Phù, khát nước, uống nước khá nhiều, nhưng uống vào thì mửa. Thủy âm đình trệ. Xưa gọi là bệnh ở Phủ Bàng Quang chứa nước. (Phương của Thương Hàn Luận)

Ngũ Linh Tán nội dụng : *Linh. Trư,*
Bạch Truật, Quế Chi, Trạch Tả như
 Nước chẳng chung hơi sanh hạn dịch,
 Xông lên ôi mưa, nóng lừ đừ.

75. — SÀI HỒ HÂM HUNG THANG

Chủ trị : Bình Thương Hàn. Bình độc ở vào phần bán
 biểu bán lý (Thiếu dương kinh). Ợa mưa tuy đổ, mà lạnh
 nóng không dứt. Hồng sườn vẫn đau. lồng ngực bứt rứt,
 gây nên Chứng Kiệt Hung.

Cầm, Liên, Chi. Bón Quát-Lâu toàn,
Bồ Táo, gừng Sài Kiệt Cảnh, Cẩn (ương).
Trị Chứng Kiệt Hung là nhập lý.
Hồng sườn lồng ngực tức đau ran.

76. — ĐẠI SÀI HỒ THANG

Chủ trị : Bình Thương hàn, uểng thang này, sau khi
 uểng Thang Sài Hồ Hâm Hung, mà bệnh vẫn còn lạnh nóng,
 bụng đầy mà đau là bôn đại tất. Là bệnh độc đã vào
 trong. cần kết với căn bản trong trường vị thì nên dùng
 thang này, bỏ Vị *Sanh Cương Bán hạ gia Phát tiêu.* Nếu
 lạnh qua nóng lại *Sâm thương,* thì không cần phải gia giảm.

Thang Đại Sài Hồ : *Cầm, Táo, Cương,*
Đại-Hoàng, Chi, Bán. Thược, Sài, đương.
Giảm gia nên biết tùy theo bệnh,
Phải biết thời phương, phỏng cổ phương.

77. — HẬU PHÁT THẤT VẬT THANG

Chủ trị: Bệnh Thương hàn ở Kinh Thái Dương, Kinh Dương Minh, tay chân lạnh, mình nóng, đầy hơi đau bụng, đại tiện không thông, trạ lưỡi đống dày mà vàng. Mạch bên phải đi Trầm Trệ bên trái đi Phù Hoãn, là : Bệnh Hàn Kết từ Kinh Thái Dương, chuyển qua Kinh Dương Minh.

Hậu-Phát, Đại Hoàng, Chỉ Thiết, Cam,

Quế Chi, Cương, Tào, già kiêm tham.

Thái Dương, chuyển thuộc Dương Minh Kết,

Bỉ mẫn, trường kiên, nhứt phục khảm.

78. — ĐIỀU VỊ THỪA KHÍ THANG

Chủ trị: Bệnh Thương Hàn, sau khi dùng thuốc cỉ, và thuốc ra mồ hôi, bệnh độc chẳng giải, rùng rục phát nóng, lòng bứt rứt, bụng trương đầy, đại tiện chẳng thông, trạ lưỡi vàng sậm. Tay phải Mạch đi Hoạt Đại, là bệnh ở Chánh dương Dương-minh còn nhẹ.

Điều Vị Thừa Khí: Tiêu, Thảo, Hoàng,

hai tiền mỗi mọn, nhắm cân ngang.

Bụng sình, tiện táo, phừng phừng nóng,

Bệnh thuộc Dương Minh tốt lưỡi vàng,

79. — TIÊU THỪA KHÍ THANG

Chuyên trị: Chứng Thương hàn phá Triều nhiệt, mồ hôi ra đầm dề, tiểu tiện gắt, bụng to lớn, nói xàm, đại

tiện không thông, lưỡi vàng sậm. Mạch ở tay phải đi Hoạt Sát mà Thực, là: bệnh ở Chánh dương Dương Minh trầm trọng.

Thừa Khí Thang trung : *Chỉ, Phát, Hoàng,*
 Bụng sinh phát nóng, nói hoang dăng.
 Dương Minh Chánh bệnh gây Triều-nhiệt,
 Phần táo tợn ra, nóng cũng an.

80.— ĐẠI THỪA KHÍ THANG

Chủ trị : Bệnh Thương hàn năm sáu ngày, dĩ chỉ mười ngày, mà không đi đại tiện, chiều tối cơn nóng phát tác dữ tợn. Không ôn lạnh, chỉ phát nóng, dưới rốn đau, đè lên thì đau chẹn không thấu; bụng đầy mà hen, thường đánh rầm, tay chân ra mồ hôi, nói mê sảng, mắt trực thị, là: Bệnh ở Chánh dương Dương Minh rất nguy ngập.

THỪA KHÍ THANG 10: *Chỉ, Phát, Hoàng,*
 Gia thêm *Minh-Phấn,* tẩy khô khao.
 Dương Minh bệnh chứng, ngày gia trọng.
 Thừa Khí ba tháng, thấy rõ ràng.

81.— HÂM HUNG THỪA KHÍ THANG

Chủ trị : Chứng Thương hàn, ho hen hơi thở gấp, ngực ấm vàng trắng mà đặc, hông ngực đầy hơi đau nhói, nói xàm, bụng đau đầy hơi, ỉa bón dài rít, tưa lưỡi dày mà vàng. Tay bên phải mạch đi Thực. Thêm chỉ, hai bộ Thốn mạch đều đi Hồng Hoạt, mà dài mạch Thúc (súc). Bệnh chứng ở Kinh Thái âm Dương minh.

Tiêu, Hoàng, Chỉ-Thiệt, Qua Lâu Nhân,
Bán Hạ, Xuyên Liên, đàm nhiệt thân.
Đau bụng đầy hơi, đại tiểu uất,
Kết Hung, bệnh ở Âm Dương phần.

82 — GIA VỊ LƯƠNG CÁCH TIỀN

Chủ trị: Phổi, Dạ Dày hiệp bệnh: thở hắt hợng rút vai,
trong cổ nghe khô khè hơi thở rấp gắp Hông bụng buồn
phiền cứng đầy, lấy tay đè lên chỗ đau, thì đau chịu
không thấu. Đàm nhiệt ngán nghệt ở trong. Bệnh ở kinh
Thái Âm và kinh Dương minh.

Cam Toại, Liên Kiều, Chỉ Tử, Cầm,
Tiêu, Hoàng, Bạch Giới, Bạc Hà, tằm.
Trúc, Cương, Đinh Lịch, tự nhiên thấp,
Chỉ Thiệt công kiên, Phế, Vị đàm.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

83. — QUYÊN ÂM VAN LINH THANG

Chủ trị: Bệnh Thương Hàn lằm dùng thuốc hạ (ổ) Từ
chón thảy (tả-oa) thẳng xuống Rốn, cứng đau. Lấy tay
đè lên đau chịu không thấu, chiều tối thì phát nóng, đầu ra mồ
hôi, không đi đại tiện; khát nước mà uống nước không được
nhiều, tưa lưỡi khô mà trắng; Mạch đi Trầm Huyền
Khẩn là trạng chứng của Bệnh: Đinh Âm Kết Hung. Nếu
trạng chứng y như trên, mà lạnh nóng qua lại, thì dùng
Thang Đại Sài Hồ gia Vị Cam Toại.

Ngân Hoa, Toại, Kích, Bán, Linh, Trần,
Đại Táo, Sanh Cương, đàm ẩm thần.

Chơn thủy dè đau, bụng cứng rắn,
Tây thanh thủy độc ở âm phần.

84.— TAM NHƠN THỪA KHÍ THANG

Chủ trị : Bệnh nhơn tố bẩm nhiều Thấp nhiệt, ngoài Bình Thương Hãn, trong Bình Trúng Thục, hỏa tà xé thành ở trong, ngực nặng, chơn thủy bí. Thậm chí, đường đại tiện bế uất, tinh thần phiền loạn, nói xàm. [Lỗi tại : Bệnh đáng làm hạ (xổ) mà không hạ, tân dịch khó tảo, ỉa như cứt dè, bụng trương cứng đầy Tỳ, Vị hiệp bình.

Đại Hoàng, Hạnh Lý, Hỏa Ma Nhân,

Tri, Chỉ, Mộc, Man, Đại Phúc, tần.

Ngoài cảm, mà trong thì trúng thực.

Vị Tỳ thấp nhiệt rồi tinh thần.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

85.— ĐÀO THI HOÀNG LONG THANG

Chủ trị : Tỳ, Vị hiệp bình, đáng dùng thuốc xổ mà không cho xổ (bạ). Nước tân dịch trong người khó tảo, ỉa như cứt dè, chánh khí suy nhược, huyết hư tả thực.

Chỉ Thiết, Đại Hoàng, Sâm, Thảo Quí.

Hayền Minh, Đại Táo Phát, tương y.

Định nên làm hạ, mà không hạ.

Ỉa tựa phân dè, chánh khí suy.

86.— NGŨ TRÁP NHỨT CHI TIỀN

Chủ trị : Bệnh ở Kinh Thiếu Âm, và Kinh Dương Minh, huyết tư phiền táo, lòng không thư thái, thỉnh thoảng ói

đám nhồi, rên rĩ, nói chuyện quên đến quên đuối, da dưới lưỡi đỏ, tủa lưỡi trắng mà mỏng. Mạch đi Phủ Hoạt Sát, nóng thừa còn cần lại chưa hết.

Sanh Địa, Mao Căn, Ngẫu, Trúc, Cương.

Đám như vắt lấy nước như sương.

Tứ-Tổ nhách nhỏ dùng nắm chì.

Ói nhột, hen đám hiện dị thường.

87. — LỤC MA ẨM TỬ

Chủ trị : Bệnh Kinh Quyết (khuyết) Âm, nhiệt độc tẩm vào trong, nghịch khí thương xung, chói tạng Tâm, ưa nửa nước vàng, xanh mà mùi đắng. Lồng ngực phiền buồn, bụng đầy ỉa bón, hai bên cạnh lưỡi đỏ bầm, tủa lưỡi vàng đục, mạch đi Huyền Hoạt mà đại Mạch Sát, là : Bệnh Nhiệt Kiết. Nên bỏ Vị Mộc Hương, gia Vị Hoàng Cầm, Hoàng Liên.

Chỉ. Mộc, Tân, Trâm, Ô Đại Hoàng,

Mai chung lấy nước hợp thành thang.

Quyết Âm khí uất, không thư thời,

Nghịch khí công Tâm, ngực tức ran.

88. — TUYẾT CANH HỢP CANH Y HOÀN

Chủ trị : Bệnh ở Kinh Khuyết Âm, lạnh vào càng sâu, thì nóng càng sâu, tinh thần hôn mê, nói xàm. Biện Chứng Tiên Khất, đại tiện táo kết. Mồ hôi ra dầm dề, phát bụng đau không thể dè, nước tiểu đỏ, mà đi tiểu nghe rít đau, nhiệt độc xông lên óc. Nên dùng Thang Bạch Hổ. Nếu kiêm chứng : Đau từ bụng dưới công xung lên, ỏi chua, ỏi đắng, thì nhất định phải dùng phương này.

Hải Tích, Bột Tễ, nước sắc thang,
 Dùng thang tống hạ Canh Y Hoàn.
 Khuyết Âm Tiêu Khát công lên óc,
 Lô Hội, Châu Sa, hợp một thang.

89 — NHƠN TRẦN CAO THANG

Chủ trị: Bệnh ở Kinh Dương Minh, chứng phó phát :
 vàng da đại đỏ. Song đây là Chứng Dương Huỳnh vậy.
 Nếu trị Chứng Âm-tiền đường (tiểu đường), thuộc về Bệnh
 Hàn Thấp Âm hoàng đần, thì trong phương này, nên bỏ
 Vị Đại Hoàng, Vị Chi Tử, gia Vị Phụ Tử, Vị Can Cương
 là rất đối chứng.

NHƠN TRẦN CAO THANG trị: da vàng,

Chi Tử, Nhon Trần, hợp Đại hoàng.

Phân biệt Âm, Dương gia giảm dụng,

Không nên ngờ ngần, ngã ba thang.

90 — PHÂN LƯU HOÀNG

Chủ trị: Bệnh Mật lộn vào máu phát, chỉ ra mồ hôi
 đần, mà từ căn cổ trở xuống không đổ mồ hôi. Nước
 tiểu vàng sậm, màu da vàng như vỏ quít chín, ói nước
 vàng. Năng lăm thì trong lòng bứt rứt, tựa lưỡi dày mà
 vàng. Mạch đi Hoạt Sát, hoặc Huyền Trệ. Nên dùng Thang
 Nhơn Trần Cao, tống hạ hoàn thuốc này.

Ba lượng Đại Hoàng, một Lưu Hoàng,

Táo hai lượng chẩn, một tiền Phân.

Cân lường đầu đấy y như phép,
Đam nhỏ rây đều, hợp một hoàn.

91. — GIA VỊ CHI TỬ ĐẠI HOÀNG THANG

Chủ trị: Gan, Dạ Dày uất nóng, gây nên nước mắt tràn vào mắt, biến Chứng Hoàng Đản nặng nề, cần phải dùng trọng lượng Vị Nhon Trần Cao. Nếu bệnh Hoàng Đản mà hình sắc như xống khói, là Chứng CHẾT SONG dùng thuốc đúng mức cũng có khi khỏi được.

GIA VỊ CHI-TỬ ĐẠI-HOÀNG THANG,

Đầu Si, Nhon Trần, cộng tứ ban.

MẮT, MÁU lộn nhau, vàng to ngê.

Mắt không tràn bậy, tức thì an.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

92. — ĐÀO NHON THỪA KHÍ THANG

Chủ trị: Chứng Thương Hàn, bịnh độc truyền vào Kinh Dương Minh, sôi xâm nổi mả. Nặng thì phiền táo phát cuồng, thần thức hôn mê, đại tiện phân đen ngời, tiểu tiện thông thả. Hình Mạch đi Trầm Kiết, hoặc Huyền Thực.

Đào Nhon Thừa Khí, tức Điều Vị...

Đào, Quế, gia nhập huyết chúng bị.

Phiền táo phát cuồng, tiểu tiện thông.

Màu phân đen lảng, nên lưu ý.

93 — CHÍCH CAM THẢO THANG

Chủ trị : Chứng Thương Hàn, mạch đi Kiết, đi Đại, lòng hồi hộp. Và *kiêm trị* : Chứng nên dùng thuốc làm hạ mà không làm hạ. Trong lúc yên-tĩnh thì tiếng nói ồ ồ ; táo động thì hồi hộp không yên, cười nói không chừng đoi, đại tiện chẳng thông. Tựa lưỡi vàng, có gai mà khô rít, hình mạch đi Tế Sắt mà nề trệ, tinh thần suy nhược mà tà thực. Dùng thang thuốc này, nên gia Vị Long Cốt, Mẫu Lệ, tống hạ Hoàn Hương Liên.

Chích Cam Thảo Thang : Sâm, Quế, Cương,
Mạch Đông, Sanh Địa, Hỏa Ma nhon,
A-Giao, Đại Táo, hòa chung nấu,
Mạch Kiết, Đại, thì : Tâm huyết thương.

94.— ĐIỀU HƯƠNG HOÀN

Chủ trị : Bệnh nên dùng thuốc làm hạ, mà không hạ. Đại tiện không thông, tà khí thực, mà chánh khí hư, thần chí thất thủ. Uống một lần đại tiện thông, thì không nên uống nữa

Thần Sa, Băng Phiến, Ngưu Hoàng, Hương,
Kim Bạc, Bán Hạ, Bã-Đậu-Sương
Cân lượng xong xuôi, nghiền thật nhỏ,
Sáp vàng. Mật trắng, chế thành phương.

95.— QUẾ CBI HIỆP NHỊ TRẦN

Chủ trị : Phương này điều hòa Phủ Trung Tiêu, tiêu đạo khí nề trệ ở phủ Vị. Và trị ăn uống vào thì ư

nhọn, tưa lưỡi trắng, mạch đi Phù Hoãn, tiêu hóa bất lương. Kiểm trị : Bình-Thương Hàn truyền vào Kinh Thái Âm. Nên bỏ Vị Cam Thảo, Đại Táo gia Vị Ngó Du, Chỉ Xác, Thần Khúc.

Quế Trần Thang dụng : Quế, Trần, Cam,
Cương Táo, Thược. Linh Bán Hạ Tham.
Cầm mao Thương Hàn, tiêu hóa chậm,
Vị, Trường tích Tụ : thực và đàm.

96. — BẠCH TRUẬT HÒA TRUNG THANG

Chủ trị : Chứng Thương Hàn, bệnh ở Kinh Thái Âm, biểu tà đã giải, nhưng công dụng tiêu hóa của trường vị hãy chưa khôi phục. Như đàm nhiều, thì dùng Thang Hương Sa Nhị Trần để điều lý.

Hòa Trung : Phật Thủ với Linh, Trần,
Thương Mễ. Sa Nhị, Truật, Thảo, Thần.
Cầm mao biểu tà vừa giải tán,
Mà trong Tỳ Vị, chưa lên gân.

97. — HƯƠNG SA LÝ TRUNG

Chủ trị : Bụng no hơi, thỉnh thoảng lại đau, ăn uống thì ợa nhọn, đi tiểu khó, đại tiện lỏng, vật thực không tiêu hóa, tay chân lạnh tự ra mồ hôi, tưa lưỡi trắng trơn, mạch đi Trầm không sức. Công năng tiêu hóa của trường vị bị lui sụt, công năng của ống thu hấp nhũ mi không đầy đủ. Bệnh chứng của Kinh Thái Âm.

Lý Trung Thang : *Sâm, Truật, Cam, Cương,*
 Gia vị Sa Nhơn, với Mộc Hương.
 Ống hút nhũ mi không hấp dẫn,
 Nước đình ở ruột, bụng sinh chương.

98.— HƯƠNG SA NHI TRẦN HIỆP NGÔ DU THANG

Chủ trì: Bình Thương Hàn, biến chứng ưa cái thuộc về tạng Thái Âm.

Hương, Sa, Thảo, Bán, Phục Linh, Trần,
Cương, Táo, Sâm, Ngô, cũng góp phần.
 Ưa mưa dương hư, đầu nhức nặng,
 Khuyết Âm hàn thấp hiệu như thần.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://downloaasachmienphi.com)

99.— GIA GIẢM VỊ LINH THANG

Chủ trì: Bình Thương Hàn, ưa nước chảy re, bệnh chứng thuộc về Thái Âm Tạng.

Trư, Trạch, Thương, Trần, Phát, Bán, Linh,
Quế Chi Hoạt Thạch, Dĩ, kiêm tình,
 Tỷ Âm nề trệ, do hàn thấp.
 Ía mưa lười thối, bụng lại sinh.

100.— SÂM PHỤ TÀI TẠO THANG

Chủ trì: Chứng Thương Hàn sợ gió, nước mình phát nóng, tay chân lạnh, móng tay móng chân trắng nhạt, ưa mặc áo đắp mền, nằm co ngủ vùi; Mạch đi Tế, Vi, Hoàn

PHƯƠNG THANG ĐIỂN CA

347

trẻ. Lạnh lắm thì Mạch đi Khẩn, tựa lưỡi trắng nhạt, kh-
 ảm nóng không đầy đủ. Là : Chứng Thiếu Âm Ngoại Cảm
 Phong Hàn.

Sâm, Phụ, Khương, Tân, Cương, Táo, Kỳ.
 Phòng Phong, Chích Thảo, Quế Chi, thi.
 Thiếu Âm cảm mạo : Phong, Hàn, Thấp.
 Ôn lạnh en en, sức khỏe suy.

101. — QUẾ CHI GIA PHỤ TỬ THANG

Chủ trị : Bệnh Thương Hàn, chứng ở Kinh Thiếu Âm.
 mạch đi Vi, Tề, nhuyễn nhược, hoặc Hoàn Trệ không sức.

Phụ Tử gia nhập Thang Quế Chi,
 Thương Hàn Âm Chứng, mạch lai Vi,
 Quế, Cam, Thược, Phụ, Sanh Cương Táo,
 Minh đồ mổ hồ mát lạnh thì ..

102. — MA HOÀNG PHỤ TỬ TẾ TÂN THANG

Chủ trị : Bệnh Thương Hàn, chứng ở Kinh Thiếu Âm.
 Mạch đi Trầm Khẩn, tay chân lạnh, mình nóng.

MA HOÀNG PHỤ TỬ TẾ TÂN THANG,
 Ma, Phụ, Tế Tân, hiệp một ban.
 Mình nóng, tay chân sờ mát lạnh,
 Mạch đi Trầm Khẩn, nhớ đảng hoàng.

103.— PHỤ TỬ LÝ TRUNG THANG

Chủ trị : Chứng Thương Hàn, là mùa sợ lạnh, nằm co rút, hay buồn ngủ, mình mẩy nặng nề, hoặc mình hơi nóng, trong miệng hòa, tay chân lạnh, nước tiểu trong trắng, tưa lưỡi trắng trơn. Mạch đi Trầm Nhược. Thậm chí, Mạch đi Vi Tế, muốn phát Kan yết (lạnh ran). Chứng ở Kinh Thiếu-Âm, mà nguyên do Kinh Thiếu-Dương không sung túc. Lạnh lắm thì gia : *Nhục Quế, Phục Linh.*

Lý Trung Thang dụng : *Thảo, Can Cương, Bạch Truật, Nhâm Sâm, Phụ Tử dương, Mạch Tế, năm co, người sợ lạnh, Là vì Tạng Thận kém nguyên dương.*

downloadsachmienphi.com

104 — CHÂN VÕ THANG

Chủ trị : Sau khi uống Thang Phụ Tử Lý Trung, là oi tay bớt, mồ hôi lại ra đầm dề, gân động thịt giật, mắt mờ, lòng hồi hộp, chóng mặt run run muốn té ngã. Mau dùng thang này, để vẫn hồi khí Dương, thu nhiếp khí Âm, cứu chữa kịp thì.

Linh, Truật, Sanh Cương, Thược dược, sao, Ba tiền Phụ Tử hiệp cùng nhau. Mồ hôi nườm nượp, lòng hồi hộp, Chóng mặt xây xẩm muốn té nhào.

105.— TÂN GIA QUẾ PHỤ BÁT BỊ ĐỊA HOÀNG THANG

Chủ trị : Bệnh Thương hàn, chứng lạnh ở Thiếu Âm Tạng. Sau khi dùng Thang Chân Vũ, chứng là thật dứt

bắn, mà đầu mắt vẫn vằng vắt, mặt đỏ như say rượu,
đám nhớt dãi tràn lên, hơi thở khô khè, tay chân lạnh
như đồng. Mau dùng thang này, trấn nập khi phù dương
thượng xung lên oc.

Quế, Phụ, Linh, Từ, Thục, Địa Hoàng,
Thiên hồng Mẫu-Lệ, hợp Hoài-San
Khô khè khô thổ, vì đàm nhớt,
Trấn nập phù dương, thủy khí tan.

106.— TRƯ PHU THANG

Chủ trị: Tang Thiếu Âm nóng nảy, lòng phiền táo,
ngủ không yên. Cường huyệt khô, tiền tiện ngắn. Mạch
đi Tế Sát. Kiểm trị: Chứng Hạ Ly huyệt đau, no hơi
bứt rứt, âm huyết suy kém, trong người nóng nảy.

Hai lạng Da Heo, một Mặt Ong.
Năm tiền Hoa Phấn, thế là xong.
Huyệt khô mất ngủ, lòng phiền táo,
Ruột lở Gan teo. Kết Ly thông.

107.— THANH CAN ĐẠC UẤT THANG

Chủ trị: Chứng lạnh nóng giống như cũ rét, mà lạnh
nhiều hơn nóng; đầu nhức, sườn đau, tai điếc, mặt đỏ.
đầu ngón tay thì lạnh. Bụng nặng thì tay chân, hơi lạnh
hồi nóng, ngực, sườn đau tức, tưa lưỡi trơn. Mạch đi
Huyền Hoạt. Bệnh chứng ở Kinh Khuyết Âm.

Sái Hồ, Qui, Thuộc, Thảo, Chi, Hà,
Kim Quit, Quit Bạch, Đơn, Cúc Hoa.
Gan uất sườn đau, hồi lạnh nóng,
Tai ù, mắt đỏ, thấy mù lòa.

108 — TỬ NGHỊCH TÀN

Phương này gia: Hoàng Cầm, Ất Kim, Tang Chi, Tang Diệp. Cũng có thể trị được bệnh chứng ở Kinh Khuyết Âm của Thang Thạch Can Đột Uất.

Sái Hồ, Chi, Thuộc, vẫn tưng quân,
Đều một tiền ruối, Thảo, tám phân.
Ngực uểng, sườn đau, người nóng uất,
Gọn gang hiện nghiệm, giá bình dân.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

109.— LONG ĐẢM TẢ CAN THANG

Chủ trị: Chứng Tiểu Khát, miệng đắng, khi thương xung, chơn thủy (tâm-oa) nóng xót, đói mà chẳng muốn ăn, ăn thì mửa lải (giữ). Hoặc bệnh Hạ Ly, nặng trón không thư thôi, hoặc tiểu tiện ra máu, lưỡi đỏ bầm; Mạch đi Huyền Sái. Bệnh chứng của Tạng Khuyết Âm. Nên gia Vị Bạch Đầu Ông, Hoàng Liên.

Sái, Cầm, Bá, Thảo, Địa, Qui, Long,
Chi Tử, Lang, Tiêu, Tiền, Trạch, Thông.
Âm hộ sanh sang, gan uất nóng,
Lặn trong nước tiểu, máu pha hồng.

110. — LIÊN MAI AN VU THANG

Chủ trì : Chứng Vưu Khuyết (gion), nằm ngủ không yên, chón thủy dau, phiền táo, đầu lã, tay run, sắc mặt hồi đỏ hồi trắng, hay chảy nước bọt, lưỡi đỏ mà có điểm vàng, điểm trắng, hoặc lưỡi có vân như trong ruột trái cau. Mạch lúc lơ lúc nhặt (sợ Trường sợ Đoan) Ấy là bệnh chứng vưu khuyết ở Tạng Khuyết Âm vậy. Nhưng dùng thang này sảo làm nước tống hạ Hoàn Diệu Hương càng hay.

Một chỉ Hoàng Liên, một chỉ Mai,
Lưỡi Hoàng ba chỉ, đúng thang bài.
Sắc : khi đỏ trắng ; Mạch : Trường Đoan.
Chính là Tịùng Tịch, ắt không sai.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Đôi lời trân trọng giới thiệu	5
Lời nói đầu	9
Lời Tiểu Ngôn khi sách xuất bản lần thứ chín	13
Lệ Ngôn	29
<i>Lời Tựa của Tiêu Nóng Tiên Sinh</i>	—
<i>Lời Tựa của Tiết Nhứt Mai Tiên Sinh</i>	—
<i>Lời Tựa của Đặng Dật Dân Tiên Sinh</i>	—
<i>Lời Tựa của Thạch Khởi Ngu Tiên Sinh</i>	—
<i>(những lời tựa này xin miễn dịch)</i>	—
Tiên biên so sánh phân loại các Chứng Thời Linh	32
Thứ lớp truyền biến của Bệnh Thời Linh	37
Nghiên cứu những Tín Hiệu của Thời Linh Bệnh	40
Lược xem đại ý chư gia đối với Bệnh Thời Linh	57

THIÊN ĐẦU

Tổng luận bệnh Thời Linh

Chương I Nguyên nhân bệnh Thời Linh	79
Chương II. Bệnh lý của bệnh Thời Linh	85
Sự Quan hệ giữa Bệnh Thời Linh và thể Ôn	85
Sự trọng yếu của thể Ôn	86

Nguyên lai của thể Ôn	87
Công năng điều tiết thể Ôn	87
Sự phóng tán của thể Ôn	88
Nguyên lai của Bệnh Thời Linh	89
Sự ngộ nhận của Tây Y đối với khí hậu của thời lệnh	90
Sự quan hệ của sáu khí đối với các tật bệnh	91
Sáu khí là nguồn gốc của Bệnh Thời Linh và Bệnh Truyền Nhiễm	92
Phương pháp chữa trị Sáu Khí	93
Phân biệt bệnh Tân Cảm và bệnh Phục Tả	95
Giải thích Bệnh Tả Tiêm Phục	96
Phân biệt bệnh Phục tả ở phần Khí hay phần Huyết	98
Nguyên lý của chứng phát nóng ôn lạnh	100
Phân biệt bệnh : Biểu, Lý, Hàn, Nhiệt	101
Phân biệt : Phần Dinh, Phần Vệ, Phần Khí, Phần Huyết	102
Sáu Kinh là đề cương của Bệnh Thời Linh	105
Bệnh lý ở ba Kinh Dương	107
Giải thích bệnh chứng truyền biến sáu khí	109
Sự cách ngại giữa các nhà y học xưa và nay đối với sáu kinh	112
Bệnh Ôn với Tam Tiêu	114
Luận về nguyên nhân bệnh Ôn dịch do tập khí gây ra	117
Chỗ di động của Tân Cảm, Phục Tả, Thương Hàn Ôn Bệnh	118
Bệnh Ôn tả cảm thọ từ miệng mũi mà vào	119

Chương III.— Phương pháp chẩn đoán bệnh Thời	
Lịnh	122
1. Phân biệt Bệnh Tân Cầm, và Bệnh Phục Tả	122
2. Lạnh hay Nóng bệnh tả ở phần Biểu hay phần	
Lý	122
3. Thăm tra thể chất mạnh yếu	125
4. Quan sát môi, lưỡi và xem mạch	126
5. Khảo nghiệm hai đường tiện và nhau sắc	127

Chương IV.— Phương Pháp trị liệu bệnh Thời Lịnh	128
--	-----



Các lời luận về bệnh Thời Lịnh

downloadsachmienphi.com

Chương I.— Bệnh xuân ôn	131
Download Sách Hay Đọc Sách Online	
1. Chứng Xuân Ôn tân cầm	132
2. Chứng Xuân Ôn phục tả	137
Chương II.— Bệnh phong ôn	149
1. Chứng Phong Ôn tân cầm	150
2. Chứng Phong Ôn phục tả	153
Chương III.— Ôn bệnh (lại gọi là Nhiệt bệnh)	162
1. Bệnh Ôn kiêm Hàn	163
2. Bệnh Ôn kiêm Thử	166
Chương IV.— Bệnh thử ôn	175
1. Bệnh Thử Ôn kiêm Thấp	175
2. Bệnh Thử Ôn kiêm Hàn	180

Chương V. — Bệnh phục thử	191
1. Bệnh Phục Thử ở Phẫu Vệ	192
2. Bệnh Phục Thử ở Phẫu Đinh	192
Chương VI. — Bệnh thấp ôn	209
1. Bệnh Thấp Ôn bốn chứng	209
2. Bệnh Thấp Ôn kiêm Hàn	213
3. Bệnh Thấp Ôn kiêm Nhiệt	215
Chương VII. — Bệnh thu táo	220
1. Bệnh Lương Táo	220
2. Bệnh Ôn Táo	223
3. Bệnh Thu Táo phục tả	225
Chương VIII. — Bệnh đông ôn	233
1. Bệnh Đông Ôn kiêm Hàn	233
2. Bệnh Đông Ôn phục tả	236
Chương IX. — Bệnh thương hàn	240
I. Bệnh chứng thuộc về Kinh Thiếu Dương	242
II. Bệnh chứng thuộc về Phủ Thiếu Dương	242
III. Bệnh chứng thuộc về Kinh Dương Minh	243
IIII. Bệnh chứng thuộc về Phủ Dương Minh	244
1. Thái Dương Dương Minh	244
2. Chánh Dương Dương Minh	244
3. Thiếu Dương Dương Minh	246
4. Thái Âm Dương Minh	246
5. Thiếu Âm Dương Minh	248
6. Khuyết Âm Dương Minh	249

Chứng Phụ Phát

- | | |
|--|-----|
| 1) Chứng phát huỳnh (vàng da) | 251 |
| 2) Chứng Súc Huyết | 251 |
| 3) Chứng đáng dùng thuốc làm hạ (xổ) mà không hạ | 252 |

V. Bệnh ở Kinh Thái Âm	254
------------------------	-----

VI. Bệnh ở Tạng Thái Âm	255
-------------------------	-----

VII. Bệnh ở Kinh Thiếu Âm	255
---------------------------	-----

VIII. Bệnh ở Tạng Thiếu Âm	255
----------------------------	-----

IX. Bệnh ở Kinh Khuyết Âm	257
---------------------------	-----

X. Bệnh ở Tạng Khuyết Âm	257
--------------------------	-----

Phương thang diễn ca	273
----------------------	-----

Thơ định hậu của An Cẩn Văn tiên sanh

Thơ định hậu của Ôn Bích Tuyền tiên sanh

Thơ định hậu của Du Thán Sơ tiên sanh

(ba thơ này xin miễn dịch)



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

ĐÔNG Y THỜI LẠNH BỊNH HỌC
của Đông Y Sĩ NGUYỄN ĐỒNG DI
In tại nhà in riêng của nhà xuất bản